

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HA NOI SECURITIES JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: **476** /2026/CV - SHS
(V/v: Công bố thông tin Báo cáo thường
niên năm 2025
Ref: Information disclosure of the Annual
Report 2025)

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026
Hanoi, April 10, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN/
INFORMATION DISCLOSURE ON ELECTRONIC PORTAL
OF THE STATE SECURITIES COMMISSION AND STOCK EXCHANGES**

**Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Vietnam Stock Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh City Stock
Exchange**

1. Tên công ty/Organization name: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội/Saigon-Hanoi Securities JSC
2. Mã chứng khoán/Securities Code: SHS
3. Mã thành viên/Member code: 069
4. Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội/No.43 Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City.
5. Điện thoại/Telephone: 024.38.181888 Fax: 024.38.181688
6. Người thực hiện công bố thông tin/Spokesman: Nguyễn Duy Linh – Tổng Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật/ Nguyen Duy Linh – Chief Executive Officer and Legal Representative
7. Địa chỉ/Address: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội / No.43 Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City.
8. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng)/Tel: 024.38 181.888 Fax: 024.38 181.688
9. Loại thông tin công bố/Information disclosure type: Định kỳ /Periodicity
10. Nội dung của thông tin công bố/Contents of information disclosure:
- Báo cáo thường niên năm 2025/Annual Report 2025.
11. Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố/The website's address of the disclosure:
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/04/2026 tại đường dẫn/This information was published on the Company's website on April 10, 2026, at the following link:

<https://www.shs.com.vn/cong-bo-thong-tin/shs-cbtt-bao-cao-thuong-nien-nam-2025>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear full responsibility before the law.

Tài liệu kèm theo/Attached documents:

- Báo cáo thường niên 2025
- Annual Report 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HA NOI SECURITIES JSC



NGUYỄN DUY LINH
TỔNG GIÁM ĐỐC/CEO

KIẾN TẠO NỘI LỰC
VƯƠN XA THỊNH VƯỢNG



Công ty Cổ phần
Chứng khoán
Sài Gòn - Hà Nội
(SHS)

Kiến tạo
nội lực

Vươn xa
thịnh vượng

Báo cáo
thường niên
Năm 2025



Báo cáo
thường niên
Năm 2025

Mục lục

Chương I Giới thiệu chung	8 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 10 Điểm nhấn hoạt động năm 2025 12 Thông tin chung 24 Các chỉ số cơ bản	Chương IV Kế hoạch kinh doanh năm 2026	152 Nhận định tổng quan năm 2026 164 Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026
Chương II Quản trị công ty	28 Cơ cấu tổ chức 30 Nhân sự chủ chốt 38 Hội đồng Quản trị 50 Ủy ban Kiểm toán 52 Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ 64 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác 66 Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty 72 Thông tin dành cho Cổ đông	Chương V Phát triển bền vững	172 Tổng quan Phát triển bền vững 174 Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 188 Kế hoạch Phát triển bền vững năm 2026
Chương III Báo cáo hoạt động năm 2025	98 Tổng quan nền kinh tế và Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 117 Báo cáo của Hội đồng Quản trị 128 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	Chương VI Báo cáo kiểm toán năm 2025	194 Báo cáo tài chính 246 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Giới thiệu chung

CHƯƠNG

- 8 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 10 Điểm nhấn hoạt động năm 2025
- 12 Thông tin chung
- 24 Các chỉ số cơ bản

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư và Quý Khách hàng,

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh hệ thống tài chính toàn cầu bước vào giai đoạn tái cấu trúc sâu sắc, với những thay đổi về dòng vốn, chính sách và địa chính trị đang định hình lại cách tạo dựng giá trị của các định chế tài chính.

Trong nước, kinh tế Việt Nam duy trì tăng trưởng và bước vào chu kỳ phát triển mới, đi kèm yêu cầu cao hơn về chất lượng, kỷ luật vốn và năng lực quản trị rủi ro. Điều này mở ra cơ hội, đồng thời đặt ra yêu cầu chuyển đổi rõ ràng hơn đối với các định chế tài chính.

Trong bối cảnh đó, SHS đã chủ động nhìn nhận lại một cách toàn diện cấu trúc tăng trưởng, đánh giá lại những động lực cốt lõi và định vị lại vai trò của mình trong chu kỳ phát triển tiếp theo của thị trường.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, SHS ghi nhận những thành quả nhất định trong năm qua khi quy mô doanh thu, lợi nhuận và tổng tài sản duy trì đà tăng trưởng trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Hoạt động cho vay ký quỹ tiếp tục mở rộng, trong khi các mảng kinh doanh cốt lõi vẫn đóng góp tích cực vào kết quả chung của Công ty.

Tuy nhiên, khi nhìn sâu vào cấu trúc tăng trưởng, chúng tôi thẳng thắn nhìn nhận rằng một phần đáng kể kết quả kinh doanh vẫn gắn với những động lực mang tính chu kỳ của thị trường. Mô hình này tạo ra hiệu quả trong giai đoạn thuận lợi, nhưng chưa hình thành được nền tảng tăng trưởng ổn định, có khả năng dự báo, tích lũy giá trị dài hạn.

Từ nhận thức đó, SHS xác định rõ định hướng chuyển đổi: từ một công ty chứng khoán phục vụ giao dịch sang một định chế tài chính đồng hành cùng khách hàng trong quản lý và gia tăng tài sản một cách bài bản, dài hạn. Đây là cách chúng tôi hiện thực hóa sứ mệnh **"Kiến tạo tài chính thịnh vượng"** theo nghĩa bền vững hơn.

Quá trình chuyển đổi được triển khai trên các trụ cột chiến lược: phát triển khách hàng và hệ sinh thái dịch vụ; đẩy mạnh quản lý tài sản và giải pháp Wealth; nâng cao năng lực Ngân hàng Đầu tư; và tái cấu trúc hoạt động đầu tư theo hướng kỷ luật, kiểm soát rủi ro.

Chúng tôi nhận thức rõ rằng môi trường phía trước sẽ tiếp tục tồn tại nhiều yếu tố bất định. Trong bối cảnh đó, tăng trưởng không thể dựa trên kỳ vọng, mà phải dựa trên quản trị, dữ liệu và kỷ luật thực thi. SHS lựa chọn

một cách tiếp cận nhất quán: tăng trưởng đi cùng kỷ luật, mở rộng đi cùng kiểm soát, và ưu tiên xây dựng nền tảng trước khi tối ưu quy mô.

Yếu tố quyết định của mọi chiến lược vẫn là con người. SHS định hướng xây dựng một đội ngũ chuyên nghiệp, có năng lực tư vấn thực chất, kỷ luật trong thực thi và luôn đặt lợi ích khách hàng làm trung tâm. Văn hóa tổ chức không chỉ dừng lại ở những giá trị được tuyên bố, mà phải được thể hiện bằng những hành vi nhất quán và kết quả cụ thể trong từng quyết định và từng hành động.

Với cổ đông, chúng tôi cam kết theo đuổi giá trị dài hạn trên nền tảng minh bạch và kỷ luật. Với khách hàng, chúng tôi cam kết trở thành một đối tác tài chính đáng tin cậy, đồng hành trong hành trình kiến tạo tài chính thịnh vượng. Với đội ngũ, chúng tôi cam kết xây dựng một môi trường chuyên nghiệp, nơi mỗi cá nhân có thể phát triển và đóng góp vào giá trị chung của tổ chức.

Năm 2025 là thời điểm để nhìn nhận lại và chuẩn bị cho những thay đổi cần thiết. Bước sang năm 2026, SHS chính thức bước vào giai đoạn triển khai chiến lược phát triển mới với định hướng rõ ràng hơn, kỷ luật hơn và bền vững hơn.

Chúng tôi không chỉ thích ứng với một chu kỳ mới của thị trường, mà lựa chọn đồng hành cùng khách hàng để kiến tạo thịnh vượng, và từng bước định vị SHS trở thành một trong những tổ chức đóng vai trò dẫn dắt trong chu kỳ phát triển tiếp theo của thị trường tài chính.

Trân trọng,



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đỗ Quang Vinh

”

Bước sang năm 2026, SHS chính thức bước vào giai đoạn triển khai chiến lược phát triển mới với định hướng rõ ràng hơn, kỷ luật hơn và bền vững hơn.



2025

01. Bước chuyển chiến lược với định hướng "Service Branding"



Chính thức công bố định hướng "Service Branding"

Xây dựng thương hiệu dựa trên chất lượng dịch vụ



Đầu tư mạnh mẽ và bài bản vào công nghệ, nhân sự và hạ tầng

Tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển mới trên hành trình Kiến tạo Tài chính thịnh vượng

02. Kết quả kinh doanh bút phá, khẳng định vị thế trên thị trường

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2025

1.649,4 tỷ đồng

Hoàn thành **120,5%** kế hoạch năm **↑33,1%** so với năm 2024

2024 1.239,3 tỷ đồng

2025 1.649,4 tỷ đồng

TOP 2

Thành viên có thị phần giao dịch Môi giới Trái phiếu Chính phủ lớn nhất (nhóm có thị phần trên 10%)

TOP 3

Thành viên môi giới đấu thầu Trái phiếu Chính phủ tại sàn HNX

TOP 10

Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025 ngành Tài chính - Chứng khoán



Tháng 08/2025 Vốn hóa thị trường của SHS lần đầu tiên vượt mốc 1 tỷ USD

Đây là cột mốc quan trọng, khẳng định vị thế của SHS như một định chế tài chính hàng đầu với nền tảng vững chắc và dư địa tăng trưởng dài hạn



TOP 7

Công ty chứng khoán hàng đầu có lợi nhuận ròng lớn nhất năm 2025

TOP 10

Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành Tài chính

Tạp chí HR Asia Nơi làm việc tốt nhất châu Á

03. Mở rộng quy mô - Nâng tầm trải nghiệm khách hàng



Khai trương trụ sở mới tại

43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội
Vận hành theo mô hình "Văn phòng Tài chính mở", hướng tới trải nghiệm hiện đại và kết nối.

Thành lập Chi nhánh Hà Nội và Văn phòng Đại diện tại Cần Thơ

Đánh dấu bước tiến quan trọng trong chiến lược mở rộng mạng lưới và nâng cao năng lực phục vụ và tiếp cận khách hàng trên toàn quốc.



Tên giao dịch

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Sài Gòn - Hà Nội**

**Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh
chứng khoán**

Số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007 và các Giấy phép điều chỉnh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0102524651

Do Sở Tài chính TP. Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội) cấp lần đầu ngày 15/11/2007 và các lần đăng ký thay đổi

Mã cổ phiếu

SHS

Mã thành viên

069

Vốn điều lệ

8.994,62 tỷ đồng

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu

12.602 tỷ đồng

(tại ngày 31/12/2025)

Địa chỉ

Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 84-24-38 181 888

Fax: 84-24-3 8181 688

Website: <https://www.shs.com.vn>

Hotline: 1900 638 588



Tầm nhìn

Trở thành Tập đoàn Tài chính Đầu tư hàng đầu với hệ thống quản trị và sản phẩm dịch vụ tiêu chuẩn quốc tế.



Sứ mệnh

Kiến tạo tài chính thịnh vượng. SHS luôn song hành cùng khách hàng, tạo dựng giá trị bền vững, coi lợi ích tài chính và cuộc sống thịnh vượng của khách hàng là nhiệm vụ tối thượng.



Giá trị cốt lõi

Chính trực, sáng tạo, chuyên nghiệp và sự hài lòng của khách hàng.



Lịch sử hình thành và phát triển

2010

Tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng thông qua phương thức phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên và đối tác tiềm năng.

Thành lập Chi nhánh Nghệ An.

Thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ chuyên biệt tại SGDCK Hà Nội.

2009

Chuyển trụ sở chính đến Tầng 1&5, Tòa nhà Đào Duy Anh, số 9, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội.

Tăng vốn điều lệ lên 410,6 tỷ đồng thông qua phương thức phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu.

Niêm yết tại SGDCK Hà Nội với mã chứng khoán SHS từ ngày 25/06/2009.

Thành lập Chi nhánh Đà Nẵng tại số 97 Lê Lợi, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

2008

Thành viên SGDCK TP. HCM và SGDCK Hà Nội.

Thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại số 41, Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

2007

Chính thức được thành lập, vốn điều lệ 350,0 tỷ đồng. Địa chỉ trụ sở chính: số 162-164, Thái Hà, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

2011

Chuyển Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đến số 141-143 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Đóng cửa Chi nhánh Nghệ An.

Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1, Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

2012

Kiện toàn cơ cấu tổ chức quản trị, điều hành.

Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu lớn nhất tại HOSE.

2013

Chuyển Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đến Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.

2014

Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất trên cả 2 sàn HNX và HOSE.

Thành lập Phòng Giao dịch Thăng Long tại Tầng 3, tòa nhà M5, số 91, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

2015

Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất trên cả 2 sàn HNX và HOSE.

2016

Thành lập Văn phòng đại diện Đồng Nai tại số 129, Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

2017

Mở rộng Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại Tầng 1&3, Tòa nhà AS, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2018

Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Chính thức sáp nhập SHBS vào SHS và tăng vốn điều lệ lên 1.053,96 tỷ đồng bằng phương thức hoán đổi cổ phần.

2019

Chuyển Chi nhánh Đà Nẵng đến Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Tăng vốn điều lệ lên 2.072,68 tỷ đồng thông qua phương thức phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên và đối tác tiềm năng.

2020

Thành lập Văn phòng đại diện Hải Phòng tại Tầng 3, Tòa nhà DG Tower, số 15 Trần Phú, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

2021

Tăng vốn điều lệ lên 3.252,65 tỷ đồng theo phương thức phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên.

2022

Tăng vốn điều lệ lên 6.505,30 tỷ đồng theo phương thức chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 8.131,57 tỷ đồng theo phương thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Đóng cửa Văn phòng đại diện Đồng Nai.

Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.

2023

Chuyển Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đến địa chỉ mới tại: Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, số 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

Được SGDCK Việt Nam chấp thuận thành viên giao dịch trái phiếu riêng lẻ và thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh.

Được SGDCK Hà Nội chấp thuận kết nối giao dịch trực tuyến, giao dịch từ xa thị trường chứng khoán phái sinh.

Được VSDC cấp Giấy chứng nhận Thành viên giao dịch trái phiếu riêng lẻ và Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh.

2024

Công bố định vị và nhận diện thương hiệu mới, đánh dấu bước tiến chiến lược với cam kết lâu dài đồng hành cùng khách hàng trên hành trình kiến tạo tài chính thịnh vượng và bền vững.

2024 (tiếp)

Sứ mệnh được thay đổi từ "Biến cơ hội thành giá trị" thành "**Kiến tạo Tài chính thịnh vượng**", đánh dấu sự chuyển mình trong cách thức tiếp cận thị trường và văn hóa doanh nghiệp của SHS.

Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động theo thông lệ quản trị hiện đại, thay thế Ban Kiểm soát trực thuộc ĐHCĐ bằng Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT.

2025

Công bố định hướng chiến lược "**Service Branding**", đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của SHS từ mô hình công ty chứng khoán truyền thống sang doanh nghiệp dịch vụ tài chính, vận hành với triết lý lấy **Chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng làm trọng tâm**.

Tăng vốn điều lệ lên 8.994,62 tỷ đồng thông qua các hình thức: phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu cho cán bộ nhân viên, qua đó củng cố năng lực tài chính và nền tảng tăng trưởng dài hạn.

Khai trương Trụ sở chính mới tại 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội, thể hiện tầm nhìn dài hạn và cam kết đầu tư vào hạ tầng hiện đại.

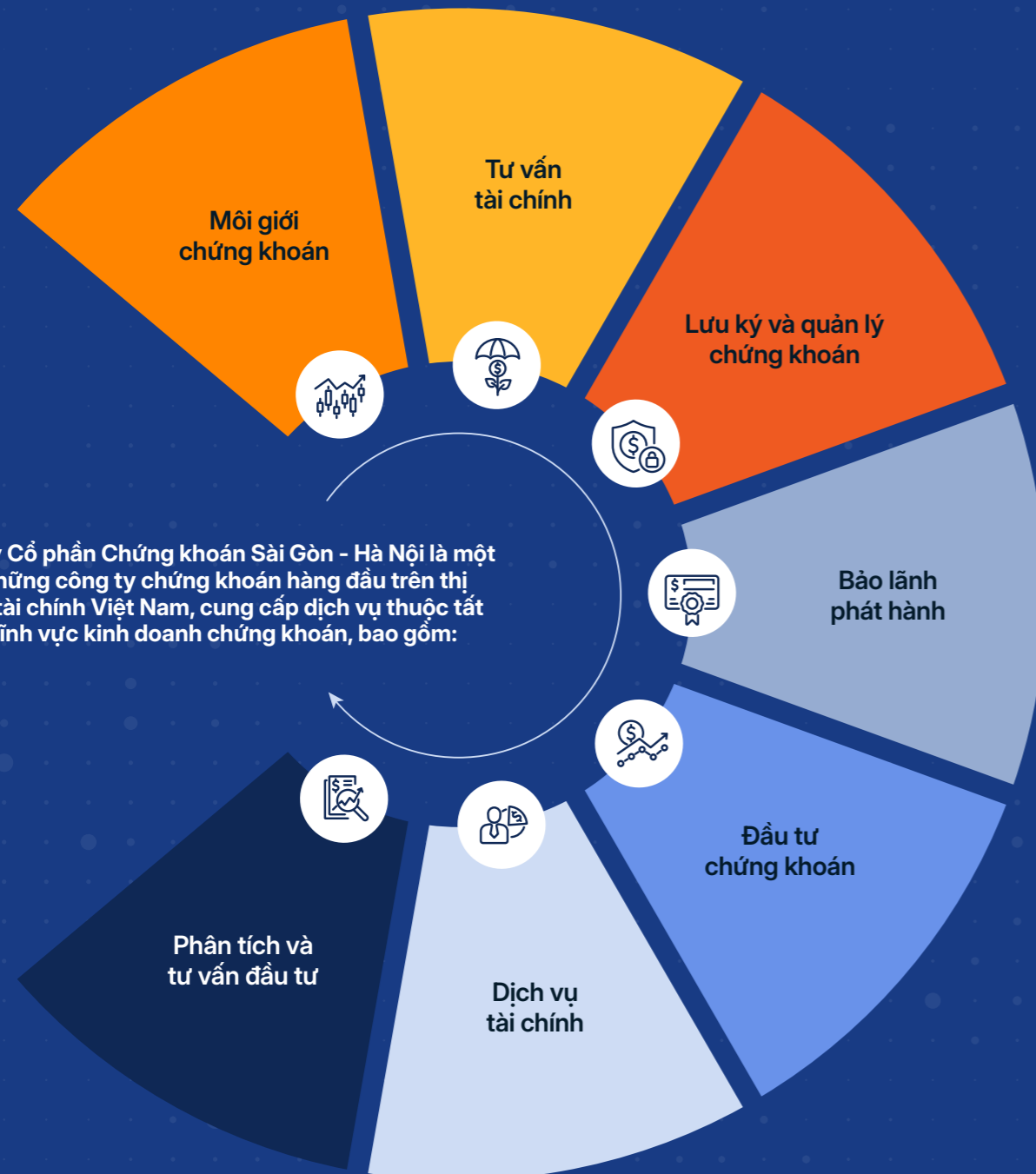
2025 (tiếp)

Thành lập Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội, góp phần mở rộng mạng lưới hoạt động và gia tăng khả năng tiếp cận khách hàng.

Thành lập Văn phòng Đại diện Cần Thơ tại Tầng 15, Tòa nhà SHB Cần Thơ, số 16-18 Đại lộ Hòa Bình, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, khẳng định chiến lược phát triển mạng lưới trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Ra mắt bộ đôi nền tảng giao dịch thế hệ mới SH Smart App & SH Smart Web, tạo dấu mốc quan trọng trong lộ trình chuyển đổi số toàn diện, nâng cao trải nghiệm giao dịch và năng lực phục vụ khách hàng.

Các lĩnh vực hoạt động



Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam, cung cấp dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, bao gồm:



Môi giới chứng khoán

- **Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết:** mở tài khoản giao dịch trực tuyến; tài khoản lưu ký chứng khoán; hỗ trợ thực hiện giao dịch chứng khoán (thỏa thuận, lô chẵn, lô lẻ đối với cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết và chưa niêm yết...); Dịch vụ giao dịch ký quỹ; Các công cụ hỗ trợ, cảnh báo: các khuyến nghị đầu tư, cảnh báo chứng khoán, cung cấp các bản tin, khuyến nghị tới khách hàng...; đấu giá dưới nhiều hình thức khác nhau (đấu giá trực tiếp tại SHS, tại doanh nghiệp; đại lý đấu giá của Sở GDCK...); cung cấp thông tin bảng giá, giá chứng khoán, lịch đấu giá và các dịch vụ khác theo nhu cầu của khách hàng và trong phạm vi hoạt động của SHS.
- **Dịch vụ đối với chứng khoán phái sinh:** mở tài khoản giao dịch; thực hiện lệnh mua bán chứng khoán; chuyển tiền chứng khoán và các dịch vụ khác.
- **Các kênh/công cụ giao dịch chứng khoán:** giao dịch trực tiếp tại sàn; giao dịch qua môi giới; giao dịch qua hệ thống tổng đài có ghi âm; giao dịch qua điện thoại, website; ứng dụng SHTrading...



Lưu ký và Quản lý chứng khoán

- **Dịch vụ lưu ký chứng khoán:** bao gồm gửi, rút chứng khoán; lưu ký và tái lưu ký chứng khoán; thực hiện quyền; chuyển khoản, tất toán chứng khoán; biểu, tặng, cho, thừa kế, chuyển quyền sở hữu chứng khoán; phong tỏa và giải tỏa chứng khoán và các dịch vụ khác.
- **Dịch vụ quản lý chứng khoán:** theo dõi và quản lý chuyển nhượng; thực hiện quyền cho cổ đông, trái chủ; báo cáo việc quản lý chứng khoán, chuyển nhượng chứng khoán và người sở hữu chứng khoán...



Đầu tư chứng khoán

- **Danh mục đầu tư đa dạng:** cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết thuộc nhiều quy mô, lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.
- **Danh mục đầu tư của SHS** bao gồm các doanh nghiệp có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và khả năng sinh lời hấp dẫn.



Phân tích và Tư vấn đầu tư

- **Sản phẩm tư vấn đầu tư:** Báo cáo phân tích vĩ mô, báo cáo nhận định thị trường, báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích doanh nghiệp, báo cáo phân tích chứng khoán, báo cáo khuyến nghị đầu tư...
- **Dịch vụ tư vấn đầu tư:** thông qua nhiều kênh khác nhau như các bản tin, báo cáo phân tích trên các phương tiện truyền thông hoặc gửi trực tiếp cho nhà đầu tư, tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư, thăm và tìm hiểu doanh nghiệp, báo giá chứng khoán...



Tư vấn tài chính & Bảo lãnh phát hành

- **Dịch vụ tư vấn tài chính:** tư vấn, đại lý phát hành cổ phiếu, trái phiếu (riêng lẻ, ra công chúng), tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tư vấn thoái vốn và bán đấu giá cổ phần, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn mua bán, sáp nhập, tư vấn khác (tổ chức ĐHĐCĐ, công bố thông tin, lập báo cáo thường niên, đăng ký công ty đại chúng, đăng ký giao dịch, quản lý cổ đông, huy động vốn...).
- **Dịch vụ tư vấn đấu giá** dưới các hình thức khác nhau như trực tiếp tổ chức đấu giá tại doanh nghiệp, tại SHS; đại lý đấu giá của Sở GDCK...
- **Dịch vụ bảo lãnh phát hành:** bảo lãnh với cam kết chắc chắn, bảo lãnh với cố gắng cao nhất... cho nhiều loại chứng khoán khác nhau như cổ phiếu, trái phiếu...



Dịch vụ tài chính

- **Các dịch vụ tài chính:** ứng trước tiền bán chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Môi giới



Ngân hàng đầu tư



Đầu tư



Nguồn vốn



Quản trị Công ty



Chiến lược chung

Phát triển đồng đều và bền vững các mảng hoạt động cốt lõi của một công ty chứng khoán đa năng, cung cấp sản phẩm và dịch vụ tốt nhất theo tiêu chuẩn hàng đầu thế giới; không ngừng nâng cấp quy trình nghiệp vụ, nền tảng công nghệ thông tin và năng lực quản trị, hướng tới xây dựng một tổ chức tài chính chuyên nghiệp, vận hành hiệu quả, lấy khách hàng làm trung tâm và chủ động thích ứng với biến động thị trường.

Song song với đó, Công ty định hướng đẩy mạnh mảng Quản lý tài sản trong trung và dài hạn, từng bước hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ đầu tư, đáp ứng nhu cầu tích lũy và gia tăng giá trị tài sản của khách hàng cá nhân và tổ chức, góp phần tạo nền tảng tăng trưởng ổn định và bền vững.



1

Môi giới



- Đạt thị phần trong Top 10 CTCK có thị phần môi giới lớn nhất trên cả hai sàn HOSE và HNX, đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới cả bề rộng về quy mô và chiều sâu về chất lượng, nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn đầu tư, giữ được sự ổn định nguồn tài chính phục vụ nhu cầu nhà đầu tư.
- Triển khai hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh theo quy định của pháp luật, gia tăng hiệu quả sử dụng vốn cho Nhà đầu tư và Cổ đông.

2

Đầu tư



- Tiếp tục duy trì danh mục đầu tư theo hướng gia tăng tỷ trọng đầu tư vào các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tốt, có nền tảng vững chắc, có thể tham gia đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững. Danh mục ngắn hạn được đầu tư theo xu hướng thị trường chung và ưu tiên công tác quản lý rủi ro.

3

Ngân hàng đầu tư



- SHS duy trì vị thế là một trong những nhà tư vấn tài chính và thu xếp vốn hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam với việc cung cấp các dịch vụ Ngân hàng đầu tư với chất lượng hàng đầu và giá trị gia tăng cao như: tư vấn phát hành, bảo lãnh phát hành, thu xếp vốn, M&A, tái cấu trúc doanh nghiệp...

4

Nguồn vốn



- Tăng quy mô nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và làm cơ sở cho việc đa dạng hóa các kênh hợp tác, kinh doanh nguồn vốn, phân tán rủi ro.

5

Quản trị Công ty



- Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo định hướng chiến lược, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị hiện đại.

Mạng lưới và địa bàn hoạt động

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84-24-38181 888
Fax: 84-24-38181 688
Email: contact@shs.com.vn
Website: <https://www.shs.com.vn>

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84-24-38181 888
Email: contact@shs.com.vn

Phòng Giao dịch Thăng Long

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giàng Vỡ, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84-24-32696 666
Email: contact-thanglong@shs.com.vn

Văn phòng đại diện Cần Thơ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà SHB Cần Thơ, Số 16-18 Đại lộ Hòa Bình, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại: 0939771883

Văn phòng đại diện Hải Phòng

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà số 32 Trần Phú, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại: 0783170939

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 84-236-3525 777
Email: contact-dn@shs.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTTC, Số 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84-28-3945 1368
Email: contact-hcm@shs.com.vn

01

Trụ sở chính

03

Chi nhánh tại 3 miền

02

Văn phòng đại diện

01

Phòng giao dịch

Địa bàn hoạt động

SHS có địa bàn hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Công ty con, công ty liên kết

SHS không có các công ty con, công ty liên kết.

Giải thưởng đạt được

Trong quá trình hình thành và phát triển, SHS đã nhận được nhiều giải thưởng và vinh danh do các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức uy tín trao tặng. Một số giải thưởng tiêu biểu SHS đã nhận được trong những năm gần đây như sau:



Giải thưởng do các cơ quan quản lý nhà nước vinh danh



Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

TOP 10
Thành viên tiêu biểu năm 2022

Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh & Báo Đầu tư

TOP 10
Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành Tài chính năm 2024

UBND Thành phố Hà Nội

- Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô năm 2024 và 2025.
- Cúp Thăng Long 2022.
- Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua "Tôn vinh doanh nhân, doanh nghiệp Thăng Long" của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hà Nội

- Bằng khen đã tích cực vận động ủng hộ Quỹ "Vì biển đảo Việt Nam" năm 2021.

Bộ & Sở Lao động Thương binh xã hội

- Giấy khen vì đã có nhiều đóng góp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2020.

Sở Công thương Thành phố Hà Nội

- Cờ thi đua dành cho đơn vị Xuất sắc trong Phong trào thi đua năm 2020, 2021.

Viện Kinh tế và Văn hóa

- Top 10 Dịch vụ Chất Lượng Vàng năm 2020 - Giải thưởng dành cho Dịch vụ Môi giới Chứng khoán.

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

- Top 10 thành viên tiêu biểu năm 2022.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Top 10 công ty niêm yết trên HNX quản trị công ty tốt nhất năm 2023-2024.
- Doanh nghiệp niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2022-2023.
- Công ty chứng khoán tiêu biểu từ năm 2015 đến năm 2020.

Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh & Báo Đầu tư

- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành Tài chính năm 2024, trao giải năm 2025.
- Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa lớn năm 2024.
- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành Tài chính năm 2022, trao giải năm 2023.

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán các năm từ năm 2018 đến năm 2020 và 2022.

Giải thưởng do các đơn vị khác vinh danh



Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam
TOP 20
thương hiệu nổi tiếng năm 2020

Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report)

TOP 3
Công ty chứng khoán uy tín và hiệu quả nhất năm 2024



Tạp chí HR Asia
Nơi làm việc tốt nhất châu Á
năm 2024 - 2025

Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên

- Bằng khen doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong công tác "Mái ấm nghĩa tình, an sinh xã hội" năm 2022 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam

- Top 20 thương hiệu nổi tiếng trao giải năm 2020.

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

- Bằng khen doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương năm 2022 và năm 2023.

Diễn đàn Cấp cao Cố vấn tài chính Việt Nam

- Đơn vị có Dịch vụ Môi giới Tài chính Tiêu biểu tại Việt Nam năm 2024.

Asia Pacific Enterprise Awards (APEA)

- Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á năm 2021.

Tạp chí HR Asia

- Nơi làm việc tốt nhất châu Á năm 2025.
- Doanh nghiệp quan tâm đãi ngộ nhân viên tốt nhất năm 2025.
- Nơi làm việc tốt nhất châu Á năm 2024.
- Doanh nghiệp quan tâm nhân viên tốt nhất năm 2024.

Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report)

- TOP 50 Công ty đại chúng uy tín và hiệu quả nhất năm 2024.
- TOP 03 Công ty chứng khoán uy tín và hiệu quả nhất năm 2024.
- Top 50 Công ty đại chúng uy tín và hiệu quả nhất năm và Số 1 nhóm ngành chứng khoán năm 2021.
- Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2021.

Cổng thông tin tài chính - chứng khoán Vietstock

- Doanh nghiệp đạt chuẩn Công bố thông tin năm 2024 và 05 năm liên tiếp - IR Award 2024.
- TOP 15 doanh nghiệp niêm yết xuất sắc nhất đạt chuẩn công bố thông tin nhóm Vốn hóa vừa - IR Award 2023.



Các chỉ số cơ bản (KPIs)

Tổng tài sản

23.031,9 tỷ đồng

↗ **64,2%** so với năm 2024

Vốn chủ sở hữu

12.602,3 tỷ đồng

↗ **12,4%** so với năm 2024

Vốn điều lệ

8.994,62 tỷ đồng

↗ **10,6%** so với năm 2024

Lợi nhuận kế toán trước thuế

1.649,4 tỷ đồng

Hoàn thành **120,5%** kế hoạch năm

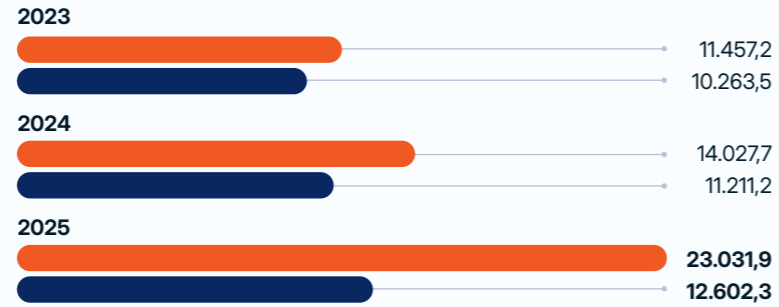
↗ **33,1%** so với năm 2024

Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)

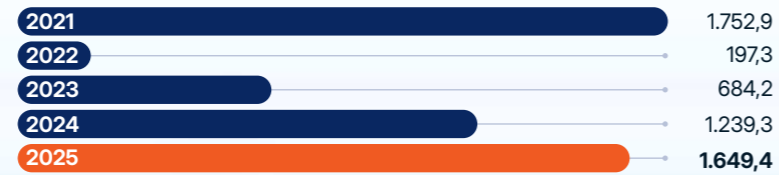
11,3%

↗ **1,8%** so với năm 2024

Tăng trưởng Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu (Đơn vị: tỷ đồng)



Lợi nhuận kế toán trước thuế (Đơn vị: tỷ đồng)



Các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính

(Đơn vị: tỷ đồng)

	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng tài sản	10.910,9	10.899,6	11.457,2	14.027,7	23.031,9
Nợ phải trả	4.855,3	1.463,7	1.193,7	2.816,5	10.429,6
Nguồn vốn chủ sở hữu	6.055,6	9.435,9	10.263,5	11.211,2	12.602,3
Vốn điều lệ	3.252,7	8.131,6	8.131,6	8.131,6	8.994,6
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cp)	325.265.027	813.156.748	813.156.748	813.156.748	899.462.220

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động

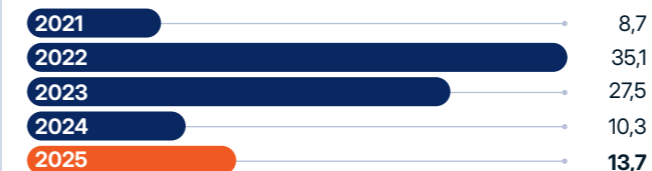
(Đơn vị: tỷ đồng)

	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng doanh thu và thu nhập khác	2.899,8	1.547,7	1.464,8	1.997,6	3.673,7
Tổng chi phí	1.146,9	1.350,3	780,6	758,3	2.024,3
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.752,9	197,3	684,2	1.135	1.649,4
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.396,3	162,2	559,3	1.015,6	1.343,2

Các chỉ tiêu đặc thù khác

	2021	2022	2023	2024	2025
Hệ số thanh toán nhanh	15,5%	76,2%	76,0%	25,0%	8,7%
Hệ số thanh toán hiện hành	257,8%	793,6%	1.016,1%	511,2%	224,1%
Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	30,1%	2,1%	5,7%	9,5%	11,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản (ROA)	15,7%	1,5%	5,0%	8,0%	7,2%
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại 31/12	386,6%	291,17%	491,96%	717,36%	451,04%
Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (BV)	18.617	11.604	12.622	13.787	14.011
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS) (VNĐ/ CP)	2.056	238	688	1.249	1.500
Hệ số giá trên lợi nhuận một cổ phiếu (P/E) (lần)	8,7	35,1	27,5	10,3	13,7
Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách (P/B) (lần)	2,7	0,7	1,5	0,9	1,5

Hệ số giá trên lợi nhuận một cổ phiếu (P/E) (lần)



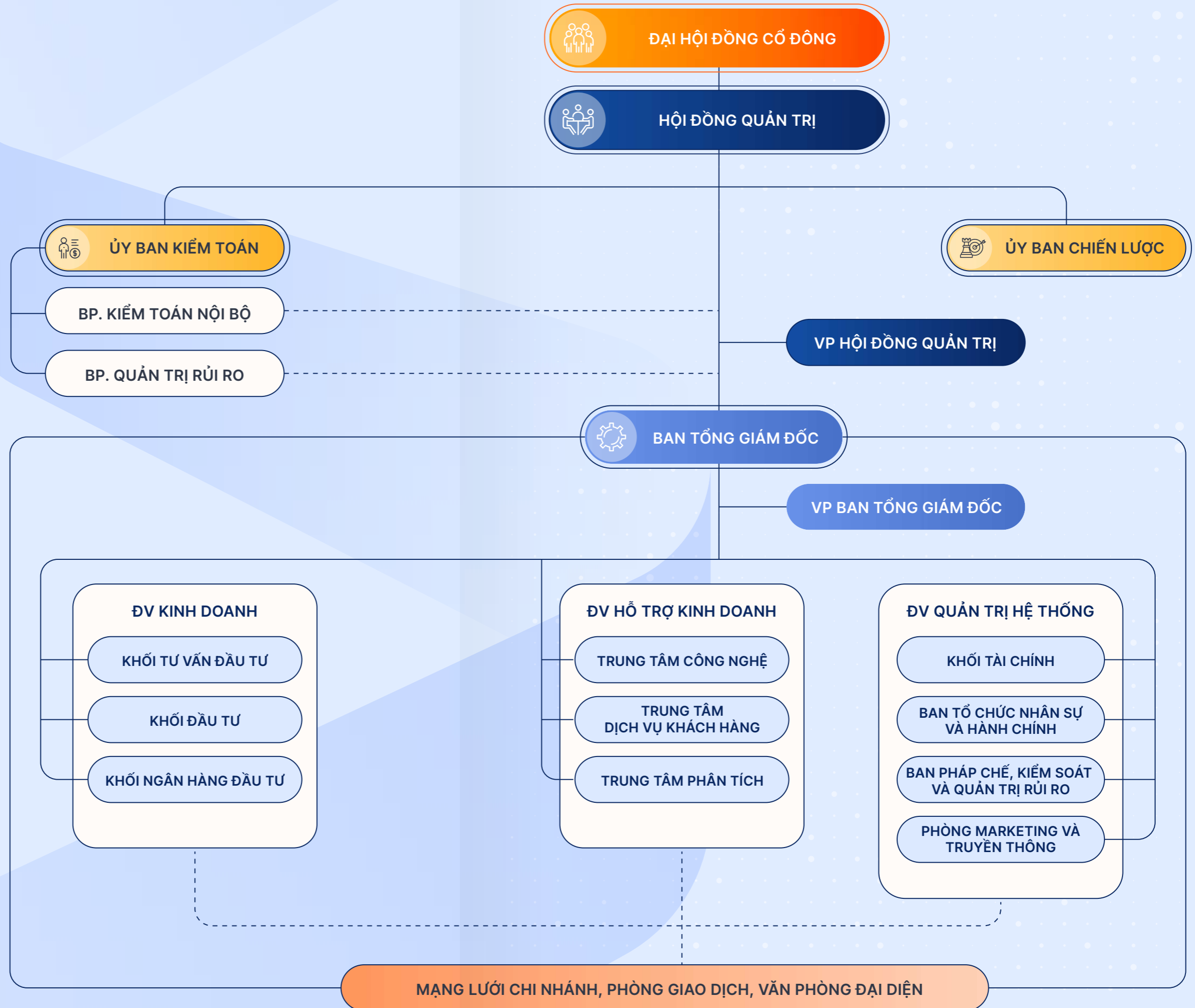
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS) (VNĐ/ CP)



Quản trị công ty

CHƯƠNG

- 28 Cơ cấu tổ chức
- 30 Nhân sự chủ chốt
- 38 Hội đồng Quản trị
- 50 Ủy ban Kiểm toán
- 52 Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ
- 64 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác
- 66 Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty
- 72 Thông tin dành cho Cổ đông



Báo cáo trực tiếp

Trao đổi thông tin



Hội đồng Quản trị

⑤

Ông Đào Ngọc Dũng

Thành viên HĐQT
(từ ngày 10/04/2025)

③

Ông Lê Đăng Khoa

Thành viên HĐQT
Thành viên Ủy ban Kiểm toán

①

Ông Đỗ Quang Vinh

Chủ tịch HĐQT
Chủ tịch Ủy ban Chiến lược

②

Bà Nguyễn Diệu Trinh

Thành viên HĐQT độc lập
Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

④

Ông Nguyễn Chí Thành

Thành viên HĐQT
(từ ngày 10/04/2025)

**Tổng Giám đốc – Trưởng Văn phòng đại diện
Hải Phòng** (đến trước ngày 14/01/2026)

①

Ông Đỗ Quang Vinh**Chủ tịch HĐQT
Chủ tịch Ủy ban Chiến lược**

Ngày bổ nhiệm:	27/04/2022 đối với chức danh Chủ tịch HĐQT 23/07/2024 đối với chức danh Chủ tịch Ủy ban Chiến lược
Ngày sinh:	23/08/1989
Học vấn:	Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính và Quản trị – University of East Anglia, Vương quốc Anh Cử nhân chuyên ngành Tiền tệ, Ngân hàng và Tài chính – Middlesex University, Vương quốc Anh
Sở hữu:	13.950.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 1,55%)
Kinh nghiệm làm việc:	Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng và đang đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý cấp cao
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch Ủy ban Chiến lược – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)
Tại công ty chưa niêm yết:	Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM (BVIM) Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế – Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T Giám đốc Điều hành – T&T Hoa Kỳ Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam (Vietravel Airlines)

②

Bà Nguyễn Diệu Trinh**Thành viên HĐQT độc lập
Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán**

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	03/01/2020 đối với chức danh Thành viên HĐQT 27/04/2022 đối với chức danh Thành viên HĐQT độc lập 06/06/2024 đối với chức danh Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ngày sinh:	30/06/1979
Học vấn:	Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng – Trung tâm Đào tạo Quản lý Pháp Việt (CFVG) Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế quốc dân Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ – UBCKNN cấp
Sở hữu:	80.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,009%)
Kinh nghiệm làm việc:	Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng và đang đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý cấp cao
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (tên cũ: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không) Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (DHN)
Tại công ty chưa niêm yết:	Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam (Vietravel Airlines)

③

Ông Lê Đăng Khoa**Thành viên HĐQT
Thành viên Ủy ban Kiểm toán**

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	22/03/2013; 26/04/2017 và 27/04/2022 đối với chức danh Thành viên HĐQT 06/06/2024 đối với chức danh Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Ngày sinh:	18/08/1974
Học vấn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc dân Cử nhân Kế toán – Học viện Ngân hàng
Sở hữu:	95.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,01%)
Kinh nghiệm làm việc:	Chuyên gia trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh, Tài chính, Chứng khoán, Ngân hàng, Bảo hiểm, Đầu tư, Bất động sản; nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý, điều hành, cố vấn tại các tổ chức kinh tế, tài chính tín dụng lớn.
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Thành viên HĐQT - Thành viên Ủy ban Kiểm toán – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội (TPH)
Tại công ty chưa niêm yết:	Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama (LilamaLand)

④

Ông Nguyễn Chí Thành**Thành viên HĐQT
(từ ngày 10/04/2025)****Tổng Giám đốc – Trưởng
Văn phòng đại diện Hải Phòng
(đến trước ngày 14/01/2026)**

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	10/04/2025 đối với chức danh Thành viên HĐQT 25/03/2024 đối với chức danh Tổng Giám đốc 18/09/2020 đối với chức danh Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng
Ngày miễn nhiệm:	14/01/2026 đối với chức danh Tổng Giám đốc và chức danh Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng
Ngày sinh:	13/11/1980
Học vấn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Tổng hợp Boston (Mỹ) Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương Hà Nội Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ – UBCKNN cấp
Sở hữu:	624.720 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,069%)
Kinh nghiệm làm việc:	Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý dự án, chứng khoán, tài chính, đầu tư, quản lý tài sản
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (PMC) (đến trước ngày 28/03/2026)
Tại công ty chưa niêm yết:	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Sở giao dịch Hàng hóa Việt Nam Quốc tế (đến trước ngày 31/03/2026)

⑤

Ông Đào Ngọc Dũng**Thành viên HĐQT
(từ ngày 10/04/2025)**

Ngày bổ nhiệm:	10/04/2025
Ngày sinh:	13/10/1983
Học vấn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Trường Quản trị Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội Cử nhân Điện tử và Kỹ thuật Máy tính – Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội
Sở hữu:	20.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,002%)
Kinh nghiệm làm việc:	Chuyên gia cao cấp, nhiều năm kinh nghiệm tại các Tập đoàn lớn trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực Công nghệ thông tin
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) Giám đốc Khối Công nghệ thông tin – Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)
Tại công ty chưa niêm yết:	Không

Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2025

Ngày 10/04/2025, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ thay đổi Thành viên HĐQT SHS kể từ ngày 10/04/2025 như sau:

- **Miễn nhiệm** Thành viên HĐQT: Ông Vũ Đức Tiến và Ông Lưu Danh Đức.
- **Bổ nhiệm** Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Chí Thành và Ông Đào Ngọc Dũng.

Thông tin về Hội đồng Quản trị

- HĐQT Công ty có 05 Thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT và 04 Thành viên HĐQT. Số lượng Thành viên HĐQT không thay đổi.
- **Chủ tịch HĐQT:** Ông Đỗ Quang Vinh.
- **Thành viên HĐQT độc lập:** Bà Nguyễn Diệu Trinh.
- **Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng (đến trước ngày 14/01/2026):** Ông Nguyễn Chí Thành.

Ủy ban Kiểm toán



①

Bà Nguyễn Diệu Trinh

Thành viên HĐQT độc lập
Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán



②

Ông Lê Đăng Khoa

Thành viên HĐQT
Thành viên Ủy ban Kiểm toán

(Xem chi tiết tại mục NHÂN SỰ CHỦ CHỐT – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ở trên)

Thay đổi thành viên Ủy ban Kiểm toán trong năm 2025:

Không có

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh



①

Ông Nguyễn Chí Thành

Thành viên HĐQT
(từ ngày 10/04/2025)

Tổng Giám đốc – Trưởng
Văn phòng đại diện Hải Phòng
(đến trước ngày 14/01/2026)



②

Ông Nguyễn Duy Linh

Tổng Giám đốc
(từ ngày 14/01/2026)



③

Bà Phạm Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



④

Bà Trần Phước Hạ Nhi

Giám đốc Chi nhánh
Đà Nẵng



⑤

Ông Phạm Thanh Vũ

Giám đốc Chi nhánh
Thành phố Hồ Chí Minh



⑥

Bà Phạm Thanh Phương

Giám đốc Chi nhánh
Hà Nội

①

Ông Nguyễn Chí Thành**Thành viên HĐQT**
(từ ngày 10/04/2025)**Tổng Giám đốc – Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng**
(đến trước ngày 14/01/2026)*(Xem chi tiết tại mục NHÂN SỰ CHỦ CHỐT – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ở trên)*

②

Ông Nguyễn Duy Linh**Tổng Giám đốc**
(từ ngày 14/01/2026)

Ngày bổ nhiệm	14/01/2026
Ngày sinh:	21/06/1982
Học vấn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Solvay Business School – Université Libre De Bruxelles
	Cử nhân Tài chính – Tin dụng – Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
	Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính – UBCKNN cấp
Sở hữu:	0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,00%)
Kinh nghiệm làm việc:	Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, đầu tư, quản lý tài sản và quản trị doanh nghiệp
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)
Tại công ty chưa niêm yết:	Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Sở giao dịch Hàng hóa Việt Nam Quốc tế (từ ngày 31/03/2026)

③

Bà Phạm Thị Thanh Hào**Kế toán trưởng**

Ngày bổ nhiệm	28/03/2024
Ngày sinh:	03/02/1974
Học vấn:	Thạc sĩ Kinh tế – Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội
	Cử nhân Kinh tế – Đại học Tài chính Kế toán
Sở hữu:	51.480 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,006%)
Kinh nghiệm làm việc:	Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính, quản trị
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)
Tại công ty chưa niêm yết:	Không

④

Bà Trần Phước Hạ Nhi**Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng**

Ngày bổ nhiệm	09/08/2011
Ngày sinh:	29/03/1982
Học vấn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Đại học Columbia Southern
	Cử nhân Kế toán – Đại học Kinh tế Đà Nẵng
	Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán – UBCKNN cấp
Sở hữu:	59.480 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,007%)
Kinh nghiệm làm việc:	Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, đầu tư, quản trị
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)
Tại công ty chưa niêm yết:	Không

⑤

Ông Phạm Thanh Vũ**Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày bổ nhiệm	10/04/2024
Ngày sinh:	25/02/1983
Học vấn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Kỹ thuật Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
	Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế & Luật Thành phố Hồ Chí Minh
	Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính – UBCKNN cấp
Sở hữu:	36.460 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,004%)
Kinh nghiệm làm việc:	Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, đầu tư, quản trị
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Giám đốc Chi nhánh TP.HCM – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)
Tại công ty chưa niêm yết:	Không

⑥

Bà Phạm Thanh Phương**Giám đốc Chi nhánh Hà Nội**

Ngày bổ nhiệm	04/12/2025
Ngày sinh:	14/04/1983
Học vấn:	Thạc sĩ Quản lý truyền thông – Đại học Tổng hợp giao thông đường sắt Moscow (MIIT) – Liên bang Nga
	Cử nhân Quản lý Kinh tế – Đại học Tổng hợp giao thông đường sắt Moscow (MIIT) – Liên bang Nga
	Chứng chỉ hành nghề Môi giới – UBCKNN cấp
Sở hữu:	0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,00%)
Kinh nghiệm làm việc:	Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, đầu tư
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)
Tại công ty chưa niêm yết:	Không

Thay đổi thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh trong năm 2025**Bổ nhiệm:**

- Bà Phạm Thị Thanh Hào được tiếp tục bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 28/03/2025;
- Bà Phạm Thanh Phương được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hà Nội từ ngày 04/12/2025.

Miễn nhiệm: Không có.

Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày miễn nhiệm	
1	Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch Ủy ban Chiến lược	2022-2027	27/04/2022	Đương nhiệm	
2	Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT độc lập Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	2022-2027	03/01/2020		
3	Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT Thành viên Ủy ban Kiểm toán	2022-2027	22/03/2013		
4	Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc - Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng (đến trước ngày 14/01/2026)	2022-2027	10/04/2025		
5	Ông Đào Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT	2022-2027	10/04/2025		
6	Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT	2022-2027	15/09/2014		10/04/2025
7	Ông Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT	2022-2027	27/04/2022		10/04/2025

(Thông tin chi tiết về các thành viên HĐQT vui lòng xem phần Nhân sự chủ chốt).

Các Ủy ban thuộc HĐQT

STT	Tên Ủy ban /Bộ phận	Thành phần	Họ và tên	Chức vụ
1	Ủy ban Chiến lược (UBCL)	Chủ tịch UBCL	Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT
		Thành viên UBCL	Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT độc lập
		Thành viên UBCL	Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT
		Thành viên UBCL	Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc - Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng (đến trước ngày 14/01/2026)
		Thành viên UBCL	Ông Đào Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT
2	Ủy ban Kiểm toán (UBKT)	Chủ tịch UBKT	Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT độc lập
		Thành viên UBKT	Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT
		• Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc UBKT		
		• Bộ phận Quản trị rủi ro trực thuộc UBKT		

Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT trong năm 2025

Ủy ban Chiến lược trực thuộc HĐQT:

Ủy ban Chiến lược đã xây dựng chiến lược kinh doanh, các kế hoạch hành động và giám sát tiến độ triển khai kế hoạch kinh doanh trong từng giai đoạn; quản trị các chương trình trọng điểm về đầu tư, góp vốn, tăng vốn, dự án công nghệ, chuyển đổi số, thay đổi trụ sở Công ty, thay đổi cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm nhân sự cấp cao. Dưới sự định hướng của Ủy ban Chiến lược và Chủ tịch HĐQT, Công ty đã triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, phát triển theo đúng định hướng chiến lược hoạt động đã đề ra.

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT:

Chi tiết tại phần Ủy ban Kiểm toán tại Báo cáo thường niên này.



Hoạt động của HĐQT năm 2025

Kết quả triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Kế hoạch kinh doanh:

HĐQT đã định hướng, chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc kịp thời để hoàn thành và vượt 21% kế hoạch lợi nhuận do ĐHĐCĐ giao.

Cổ tức và tăng vốn điều lệ:

SHS đã hoàn thành: (i) chi trả 10% cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đồng/cổ phiếu), tương ứng hơn 813 tỷ đồng; (ii) phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023 (5%); (iii) phát hành cổ phiếu để thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (5%) và (iv) phát hành thành công 5.000.000 cổ phiếu (giá 10.000 đồng/cổ phiếu) theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức hơn 89 phiên họp, bao gồm các phiên họp định kỳ theo Quý và các phiên họp chuyên đề, bất thường khi cần thiết để trao đổi, thảo luận và quyết nghị những nội dung trọng yếu của Công ty. Trên cơ sở đó, HĐQT đã ban hành 11 Nghị quyết và 93 Quyết định nhằm định hướng chiến lược, chỉ đạo điều hành và tạo cơ sở triển khai nhiệm vụ cho Ban Tổng Giám đốc cùng các đơn vị trong toàn hệ thống SHS. Các nội dung trọng tâm bao gồm:

- Chỉ đạo và giám sát công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (ngày 10/04/2025) theo hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến (hybrid), tổ chức tại Khách sạn Pan Pacific Hanoi (số 1 đường Thanh Niên, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Hà Nội) và phát trực tuyến qua cổng thông tin <http://dhcd.shs.com.vn>, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, an toàn, minh bạch và phù hợp với yêu cầu quản trị, điều hành của Công ty.

- Xây dựng, hoạch định và chỉ đạo triển khai triết lý **Service Branding** dựa trên ba trụ cột chiến lược gồm: **Công nghệ - Con người - Trải nghiệm khách hàng**, làm nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng dịch vụ.
- Phân công các thành viên HĐQT có chuyên môn sâu về kinh tế, tài chính và đầu tư tham gia Hội đồng Đầu tư, trực tiếp theo sát hoạt động tự doanh nhằm đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư quy mô lớn, kiểm soát rủi ro và kịp thời nắm bắt cơ hội thị trường.
- Thông qua sơ đồ tổ chức Công ty theo mô hình quản trị mới; quyết định cơ cấu nhân sự quản lý cấp cao, chính sách lương thưởng và các vấn đề nhân sự thuộc thẩm quyền nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, Văn phòng HĐQT và các đơn vị liên quan rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quản trị nội bộ; Điều lệ Công ty và các quy chế thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và đảm bảo tuân thủ pháp luật.
- Giám sát việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định, kế hoạch kinh doanh và đầu tư đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua; đồng thời theo dõi hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả và đúng định hướng chiến lược.
- Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo động lực tăng trưởng bền vững cho Công ty.



HĐQT đã tổ chức

89

Phiên họp năm 2025

Xây dựng và chỉ đạo triển khai triết lý

Service Branding

dựa trên ba trụ cột chiến lược Công nghệ - Con người - Trải nghiệm khách hàng

Các cuộc họp của HĐQT



Tỷ lệ tham dự họp HĐQT

100%

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 89 phiên họp chính thức, bao gồm: các phiên họp thường kỳ theo Quý và các phiên họp bất thường/theo chuyên đề khác, cho ý kiến thảo luận và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền, triệu tập tổ chức và tham gia ĐHCĐ phiên họp thường niên 2025 với vai trò Đoàn Chủ tọa:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đỗ Quang Vinh	89/89	100%	-
2	Bà Nguyễn Diệu Trinh	89/89	100%	-
3	Ông Lê Đăng Khoa	89/89	100%	-
4	Ông Nguyễn Chí Thành	70/70	100%	Là Thành viên HĐQT từ ngày 10/04/2025
5	Ông Đào Ngọc Dũng	70/70	100%	
6	Ông Vũ Đức Tiến	19/19	100%	Là Thành viên HĐQT đến ngày 10/04/2025
7	Ông Lưu Danh Đức	19/19	100%	

Các văn bản đã được HĐQT thông qua



Năm 2025
HĐQT đã thông qua

11

Nghị quyết

và

93

Quyết định

Trong năm 2025, HĐQT đã thông qua 11 Nghị quyết và 93 Quyết định như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I Nghị quyết HĐQT SHS			
1	01-2025/NQ-HĐQT	13/02/2025	Tổ chức phiên họp thường niên năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty
2	02-2025/NQ-HĐQT	12/05/2025	Tăng vốn điều lệ SHS
3	03-2025/NQ-HĐQT	29/05/2025	Sửa đổi Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi
4	04-2025/NQ-HĐQT	12/08/2025	Phát hành riêng lẻ Trái phiếu SHS lần 01 năm 2025
5	05-2025/NQ-HĐQT	07/10/2025	Phát hành riêng lẻ Trái phiếu SHS lần 02 năm 2025
6	06-2025/NQ-HĐQT	16/10/2025	Tăng vốn điều lệ SHS
7	06A/2025/NQ-HĐQT	23/10/2025	Sửa đổi Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi
8	07-2025/NQ-HĐQT	05/11/2025	Sửa đổi Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi
9	08/2025/NQ-HĐQT	01/12/2025	Sửa đổi Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu SHS lần 02 năm 2025 kèm theo Nghị quyết số 05-2025/NQ-HĐQT
10	10/2025/NQ-HĐQT	05/12/2025	Sửa đổi Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu SHS lần 02 năm 2025 kèm theo Nghị quyết số 05-2025/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT
11	11/2025/NQ-HĐQT	10/12/2025	Thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán và Hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu SHS phát hành ra công chúng năm 2025
II Quyết định HĐQT SHS			
1	01-2025/QĐ-HĐQT	13/01/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc dân (NCB)
2	02-2025/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Bổ sung chức danh công việc vào hệ thống chức danh của SHS
3	03-2025/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh cơ cấu tổ chức Công ty
4	04-2025/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Phê duyệt và ban hành Chính sách rủi ro năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
5	05-2025/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Phê duyệt và ban hành Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

6	06-2025/QĐ-HĐQT	23/01/2025	Thay đổi thời hạn mỗi lần giải ngân hạn mức vay vốn tại VPBank năm 2025
7	07-2025/QĐ-HĐQT	24/01/2025	Ban hành Quy chế hoạt động của Tiểu ban Quản trị rủi ro (Bộ phận Quản trị rủi ro trực thuộc Ủy ban Kiểm toán) Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
8	08-2025/QĐ-HĐQT	24/01/2025	Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
9	09-2025/QĐ-HĐQT	10/02/2025	Cung cấp dịch vụ tư vấn cho CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic
10	10-2025/QĐ-HĐQT	10/02/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đông Đô
11	11-2025/QĐ-HĐQT	10/02/2025	Phê duyệt kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
12	12-2025/QĐ-HĐQT	13/02/2025	Triển khai tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2025
13	13-2025/QĐ-HĐQT	14/02/2025	Bổ nhiệm Cán bộ quản lý
14	14-2025/QĐ-HĐQT	24/02/2025	Miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng Pháp chế và Quản trị rủi ro
15	15-2025/QĐ-HĐQT	17/03/2025	Điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng tại HDBank
16	16-2025/QĐ-HĐQT	20/03/2025	Phê duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp, triệu tập họp ĐHCĐ thường niên năm 2025
17	17-2025/QĐ-HĐQT	20/03/2025	Thông qua Kế hoạch Tài chính năm 2025
18	18-2025/QĐ-HĐQT	20/03/2025	Thành lập Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông tại phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025
19	19-2025/QĐ-HĐQT	24/03/2025	Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ
20	20-2025/QĐ-HĐQT	27/03/2025	Tiếp tục bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng SHS
21	21-2025/QĐ-HĐQT	31/03/2025	Danh sách ứng viên tham gia bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027
22	22-2025/QĐ-HĐQT	01/04/2025	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Vận hành kiêm Cố vấn Hội đồng Quản trị
23	23-2025/QĐ-HĐQT	03/04/2025	Thay đổi địa điểm đặt Trụ sở làm việc của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
24	23A-2025/QĐ-HĐQT	03/04/2025	Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam Quốc tế
25	24-2025/QĐ-HĐQT	04/04/2025	Bổ sung nội dung Chương trình Nghị sự và sửa đổi, bổ sung tài liệu phục vụ họp, triệu tập họp ĐHCĐ thường niên năm 2025
26	25-2025/QĐ-HĐQT	08/04/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hà Nội
27	26-2025/QĐ-HĐQT	14/04/2025	Hủy bỏ Ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu và thực hiện chi trả cổ tức năm 2024
28	27-2025/QĐ-HĐQT	22/04/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội
29	28-2025/QĐ-HĐQT	22/04/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành
30	29-2025/QĐ-HĐQT	28/04/2025	Dừng các chức danh, nhiệm vụ, công việc của ông Vũ Đức Tiến
31	30-2025/QĐ-HĐQT	05/05/2025	Kết quả của đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
32	31-2025/QĐ-HĐQT	05/06/2025	Thay đổi địa điểm làm việc của Văn phòng đại diện Hải Phòng

33	32-2025/QĐ-HĐQT	17/06/2025	SHS cung cấp cho SHB dịch vụ tư vấn liên quan đến chào bán Trái phiếu riêng lẻ SHB lần 1 năm 2025
34	33-2025/QĐ-HĐQT	20/06/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Hội sở chính
35	34-2025/QĐ-HĐQT	20/06/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei
36	35-2025/QĐ-HĐQT	20/06/2025	Phê duyệt cơ chế lương và đãi ngộ với CBNV tuyển dụng mới của SHS
37	36-2025/QĐ-HĐQT	01/07/2025	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 của SHS
38	37-2025/QĐ-HĐQT	01/07/2025	Thành lập Tổ xây dựng Quy trình quản trị rủi ro
39	38-2025/QĐ-HĐQT	14/07/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hà Nội
40	39-2025/QĐ-HĐQT	23/07/2025	Thông qua việc ký kết các hợp đồng, tài liệu giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý 3/2025
41	40-2025/QĐ-HĐQT	23/07/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh
42	41-2025/QĐ-HĐQT	30/07/2025	Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2025 của SHS
43	42-2025/QĐ-HĐQT	30/07/2025	Miễn nhiệm chức danh Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ
44	43-2025/QĐ-HĐQT	31/07/2025	Đăng ký lại mẫu các con dấu của SHS
45	44-2025/QĐ-HĐQT	31/07/2025	Hợp tác và ký kết Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với BVIM
46	45-2025/QĐ-HĐQT	31/07/2025	Thông qua giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý III/2025
47	46-2025/QĐ-HĐQT	31/07/2025	Thông qua giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý III/2025
48	47-2025/QĐ-HĐQT	31/07/2025	Thông qua chủ trương tuyển dụng vị trí Giám đốc Chi nhánh của SHS
49	48-2025/QĐ-HĐQT	04/08/2025	Cung cấp dịch vụ Tư vấn cho SHB
50	49-2025/QĐ-HĐQT	04/08/2025	Thành lập Văn phòng đại diện tại Thành phố Cần Thơ của SHS
51	50-2025/QĐ-HĐQT	04/08/2025	Thành lập Trung tâm Tư vấn Đầu tư 65
52	51-2025/QĐ-HĐQT	04/08/2025	Giao dịch giữa SHS và SHB
53	52-2025/QĐ-HĐQT	13/08/2025	SHS cung cấp cho SHB dịch vụ tư vấn liên quan đến chào bán Trái phiếu riêng lẻ SHB lần 2 năm 2025
54	53-2025/QĐ-HĐQT	15/08/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Hà Nội
55	54-2025/QĐ-HĐQT	29/08/2025	Thông qua việc phân phối cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2025 của SHS
56	55-2025/QĐ-HĐQT	29/08/2025	Chủ trương đầu tư Hệ thống Core chứng khoán tại SHS
57	56-2025/QĐ-HĐQT	16/09/2025	Thông qua chủ trương thay đổi cơ cấu tổ chức và hoạt động SHS
58	57-2025/QĐ-HĐQT	16/09/2025	Ban hành Quy định về Cơ cấu tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
59	58-2025/QĐ-HĐQT	16/09/2025	Hợp tác truyền thông với CLB Bóng đá Hà Nội
60	59-2025/QĐ-HĐQT	16/09/2025	Thông qua việc thay đổi địa điểm đặt Trụ sở chính SHS
61	60-2025/QĐ-HĐQT	16/09/2025	Thông qua việc thành lập Chi nhánh Hà Nội
62	61-2025/QĐ-HĐQT	16/09/2025	Tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

63	62-2025/QĐ-HĐQT	24/09/2025	Thông qua việc ký kết các Hợp đồng, tài liệu giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý IV/2025
64	63-2025/QĐ-HĐQT	24/09/2025	Thay đổi địa điểm Chi nhánh Đà Nẵng
65	64-2025/QĐ-HĐQT	24/09/2025	Thông qua chủ trương thực hiện giao dịch SHS thuê văn phòng của SHB
66	65-2025/QĐ-HĐQT	25/09/2025	Thông qua kết quả phân phối cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2025 của SHS
67	66-2025/QĐ-HĐQT	03/10/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH Indovina
68	67-2025/QĐ-HĐQT	07/10/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Á Châu
69	68-2025/QĐ-HĐQT	10/10/2025	Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025 của SHS
70	69/2025/QĐ-HĐQT	21/10/2025	Thông qua giao dịch giữa SHS và BVIM
71	70/2025/QĐ-HĐQT	28/10/2025	Thông qua giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý IV/2025
72	71/2025/QĐ-HĐQT	28/10/2025	Thông qua giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý IV/2025
73	72/2025/QĐ-HĐQT	28/10/2025	Thông qua chế độ phúc lợi cho CBNV
74	74/2025-QĐ-HĐQT	05/11/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Đồng Đô
75	75/2025/QĐ-HĐQT	06/11/2025	Thông qua giao dịch giữa SHS và SHB
76	76/2025/QĐ-HĐQT	12/11/2025	Đăng ký lại mẫu con dấu của Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh
77	77/2025/QĐ-HĐQT	13/11/2025	Thông qua giao dịch giữa SHS và SHB
78	78/2025/QĐ-HĐQT	17/11/2025	Thay đổi địa điểm làm việc của Văn phòng đại diện Hải Phòng
79	79/2025/QĐ-HĐQT	17/11/2025	Thông qua chủ trương tuyển dụng và bổ nhiệm Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ SHS
80	80/2025/QĐ-HĐQT	24/11/2025	Điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh
81	81/2025/QĐ-HĐQT	24/11/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong
82	82/2025/QĐ-HĐQT	24/11/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
83	83/2025/QĐ-HĐQT	01/12/2025	Vay vốn theo hạn mức thấu chi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình
84	84/2025/QĐ-HĐQT	04/12/2025	Ban hành Quy định về Chế độ báo cáo và Phương án cắt lỗ bắt buộc đối với danh mục tự doanh của SHS
85	85/2025/QĐ-HĐQT	08/12/2025	Thông qua việc ký kết các Hợp đồng, tài liệu giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý IV/2025
86	86/2025/QĐ-HĐQT	08/12/2025	Thông qua áp dụng mô hình tổ chức bộ máy Kế toán tập trung
87	87/2025/QĐ-HĐQT	10/12/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
88	88/2025/QĐ-HĐQT	10/12/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
89	89/2025/QĐ-HĐQT	15/12/2025	Đăng ký mẫu con dấu của Chi nhánh Hà Nội
90	90/2025/QĐ-HĐQT	23/12/2025	Thông qua việc ký kết các Hợp đồng, tài liệu giao dịch giữa SHS và SHB
91	91/2025/QĐ-HĐQT	23/12/2025	Thông qua việc ký kết các Hợp đồng, tài liệu giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý I/2026
92	92/2025/QĐ-HĐQT	24/12/2025	Vay vốn hạn mức tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh
93	93/2025/QĐ-HĐQT	26/12/2025	Điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong cơ cấu Hội đồng Quản trị, Công ty có 01 Thành viên HĐQT độc lập là bà Nguyễn Diệu Trinh, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, đầu tư, chứng khoán và quản lý tài sản, cùng sự am hiểu sâu sắc về hoạt động kinh doanh cốt lõi, cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị của SHS, bà Trinh đã phát huy hiệu quả vai trò độc lập trong công tác giám sát và tư vấn chiến lược. Hiện bà đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT.

Trong năm 2025, Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện tốt chức năng giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, tăng cường quản trị rủi ro và góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông thông qua các hoạt động trọng tâm sau:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT; chủ động đưa ra các ý kiến độc lập, khách quan và mang tính phân biện đối với các chính sách, quyết định quan trọng của HĐQT cũng như các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc.
- Tích cực tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu về quản trị công ty, chủ động cập nhật thông lệ ngành và Bộ Nguyên tắc quản trị công ty (CG Code) mới nhất nhằm góp phần kiện toàn hệ thống quản trị tại SHS theo các chuẩn mực tiên tiến.
- Chủ trì tổ chức và triển khai các hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, điều hành các cuộc họp liên quan đến công tác kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ.
- Tích cực phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị, giám sát và định hướng các hoạt động kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.
- Phát huy kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong các lĩnh vực chuyên ngành để tư vấn, kiến nghị và đề xuất các giải pháp phù hợp, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích giữa Công ty và cổ đông.
- Trên cương vị Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, đã yêu cầu và phối hợp chặt chẽ với Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Bộ phận Quản trị rủi ro triển khai các hoạt động kiểm tra, rà soát định kỳ và theo chuyên đề nhằm đánh giá tính hợp lý, mức độ tuân thủ, hiệu quả quản trị rủi ro và tính an toàn, bền vững trong hoạt động điều hành, kinh doanh của Công ty.
- Rà soát, cho ý kiến chuyên môn đối với các báo cáo quan trọng liên quan đến chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, công tác phòng chống rửa tiền và hoạt động kiểm toán nội bộ trước khi trình HĐQT xem xét, quyết định.



Công ty có

01

Thành viên HĐQT độc lập



Đào tạo về Quản trị công ty



STT	Đối tượng tham gia	Khóa đào tạo	Thời gian	Địa điểm
1	(1.1) Thành viên HĐQT độc lập – Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán; (1.2) Chánh Văn phòng HĐQT.	Đào tạo Quản trị công ty	Tháng 3/2025	Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo chứng khoán tại Hà Nội
2	Phó Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ – Người được ủy quyền công bố thông tin	Đào tạo về Quản trị công ty và Công bố thông tin	27/06/2025	Thành phố Đà Nẵng
3	Cán bộ nhân viên SHS	Đào tạo các môn học để nhận chứng chỉ hành nghề	Đào tạo liên tục	Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo chứng khoán – UBCKNN tại Hà Nội, TP.HCM
4	(4.1) Chánh Văn phòng HĐQT; (4.2) Phó Chánh Văn phòng HĐQT - Người phụ trách quản trị Công ty.	Chương trình nâng cao nhận thức về Thẻ điểm quản trị công ty	11/12/2025	Hà Nội





Năm 2026, trong bối cảnh thị trường tài chính - chứng khoán tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ theo xu hướng số hóa, cạnh tranh chất lượng dịch vụ và yêu cầu ngày càng cao về quản trị minh bạch, Hội đồng Quản trị xác lập nhiệm vụ trọng tâm "THE NEXT LEVEL", định hướng toàn hệ thống SHS bước sang giai đoạn phát triển mới với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng quy mô hoạt động và gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông.

Chiến lược này tập trung huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực để triển khai đồng bộ **05 trụ cột cốt lõi, gồm: Tư duy Khách hàng - Nâng cao năng lực - Đầu tư Công nghệ - Quản trị hệ thống - Phát triển bền vững**, được cụ thể hóa thông qua các chương trình hành động trọng tâm như sau:

① Tư duy Khách hàng

SHS xác định khách hàng là trung tâm của mọi chiến lược kinh doanh và hoạt động vận hành. Mọi sản phẩm, dịch vụ và giải pháp tài chính đều hướng đến mục tiêu **đồng hành cùng sự thịnh vượng lâu dài của khách hàng, xây dựng niềm tin và tạo ra giá trị thực chất trên thị trường.**



Service Branding - Nâng tầm trải nghiệm dịch vụ

Công ty tiếp tục triển khai triết lý Service Branding nhằm chuẩn hóa và nâng cấp chất lượng dịch vụ trên toàn hệ thống, bảo đảm sự nhất quán trong trải nghiệm tại mọi điểm chạm với khách hàng; qua đó khẳng định uy tín và vị thế thương hiệu trên thị trường, xây dựng hình ảnh một định chế tài chính chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả và đồng hành dài hạn cùng nhà đầu tư.



Mô hình One-Stop Shop - Giải pháp tài chính toàn diện

Công ty phát triển mô hình dịch vụ tài chính tích hợp "tất cả trong một", cung cấp cho khách hàng hệ sinh thái sản phẩm đa dạng từ môi giới, tư vấn đầu tư, quản lý tài sản đến các giải pháp tài chính cá nhân hóa. Nền tảng công nghệ tiên tiến kết hợp đội ngũ tư vấn chuyên sâu sẽ giúp tối ưu hiệu quả đầu tư và nâng cao trải nghiệm khách hàng.



Tiên phong đổi mới và cá nhân hóa sản phẩm

Công ty linh hoạt cải tiến các sản phẩm hiện hữu đồng thời nghiên cứu mở rộng sang các loại hình tài sản mới như: tài sản số, tín chỉ carbon và các sản phẩm tài chính sáng tạo khác. Các giải pháp đầu tư được thiết kế chuyên biệt theo từng phân khúc khách hàng nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường vốn hiện đại.



② Nâng cao năng lực



Phát triển nguồn nhân lực

Chú trọng tìm kiếm, thu hút nhân sự tiềm năng; nâng cao năng lực chuyên môn, năng suất lao động của các cán bộ nhân viên trong Công ty và xây dựng chương trình phát triển thể hệ lãnh đạo kế cận.

Trong năm 2026, SHS tiếp tục củng cố nền tảng phát triển thông qua việc gia tăng năng lực tài chính, hoàn thiện hệ thống quản trị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.



Nâng cao năng lực vốn

Công ty dự kiến triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ và chủ động tìm kiếm các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài nhằm mở rộng nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động cho vay ký quỹ, đầu tư tự doanh và nâng cấp hệ thống công nghệ, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.



Tối ưu hóa nguồn lực và hệ sinh thái

Công ty chú trọng quản lý và phân bổ nguồn vốn hiệu quả, đồng thời phát huy giá trị từ các mối quan hệ hợp tác chiến lược trong hệ sinh thái doanh nghiệp và các đối tác liên quan nhằm gia tăng hiệu quả kinh doanh và mở rộng cơ hội phát triển.



Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Công ty chú trọng thu hút và phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn sâu, nâng cao năng suất lao động thông qua các chương trình đào tạo chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng lộ trình phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận nhằm bảo đảm tính kế thừa và phát triển bền vững trong dài hạn.



3

Đầu tư Công nghệ

Công nghệ được xác định là động lực then chốt để SHS nâng cao năng lực vận hành và tạo khác biệt trong trải nghiệm khách hàng.



Hiện đại hóa hạ tầng và ứng dụng AI

Công ty tiếp tục triển khai nâng cấp toàn diện hệ thống giao dịch chứng khoán theo hướng đồng bộ và hiện đại, bảo đảm khả năng tương thích cao và sẵn sàng vận hành hiệu quả trên nền tảng KRX. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào các hoạt động vận hành, nhằm gia tăng tốc độ xử lý, nâng cao năng suất và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động tổng thể.



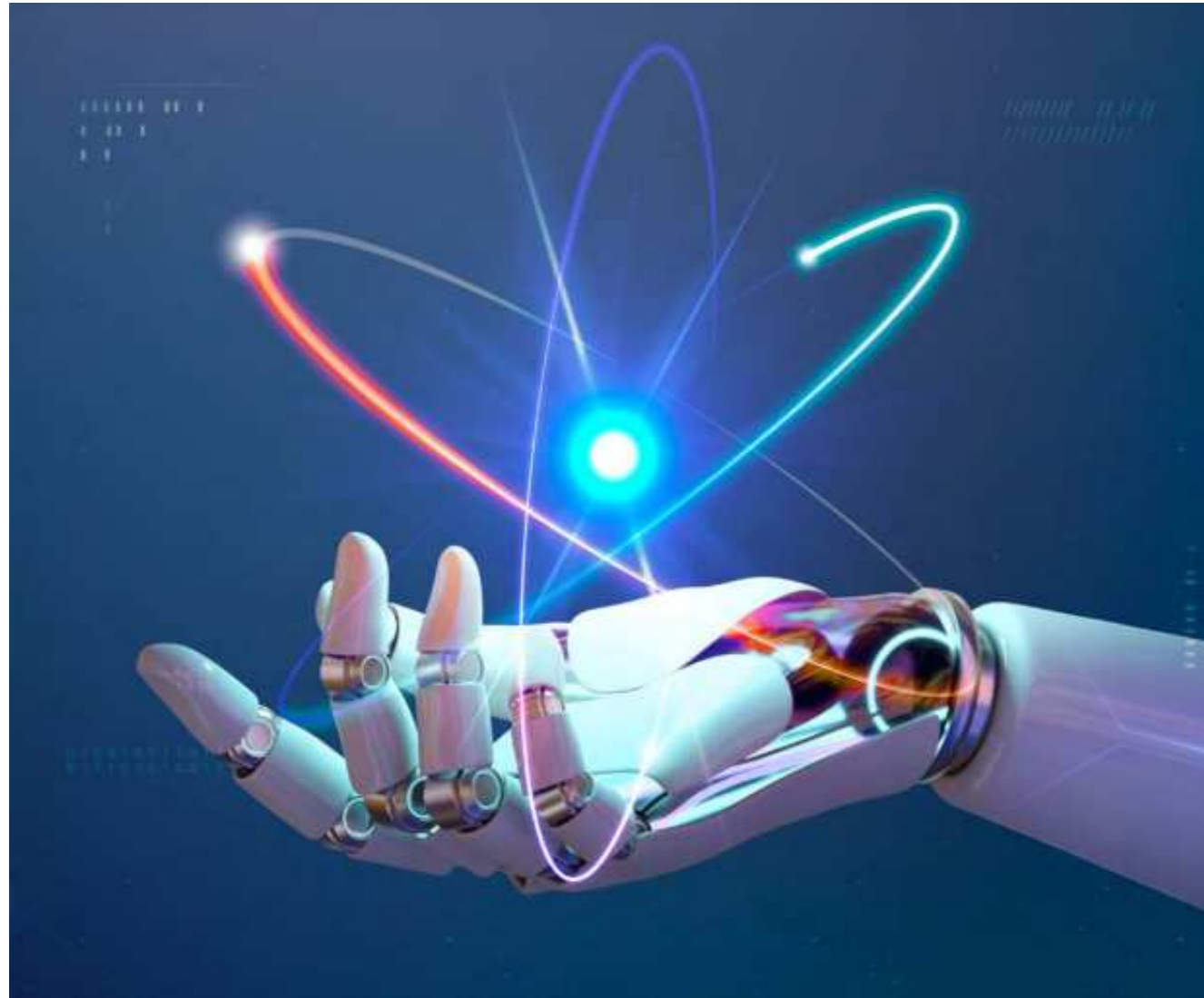
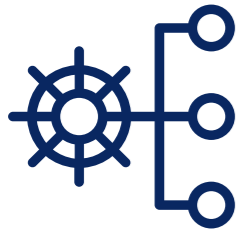
Phát triển hệ sinh thái số toàn diện

Công ty tiếp tục hoàn thiện App/Web Trading SHSmart, SH Advisor và Website thế hệ mới với nhiều tính năng nâng cao; tích hợp báo cáo phân tích, dữ liệu thị trường và công cụ hỗ trợ đầu tư đa nền tảng nhằm xây dựng môi trường đầu tư hiện đại, thuận tiện và cá nhân hóa cho nhà đầu tư.



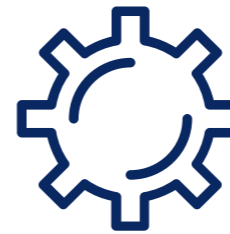
Đẩy mạnh số hóa nội bộ

Công ty triển khai hệ sinh thái số phục vụ hoạt động nội bộ, tích hợp các công cụ đào tạo, tư vấn và phân tích dữ liệu chuyên sâu trên thiết bị di động. Song song đó, Công ty tiếp tục nâng cấp hệ thống văn phòng điện tử SHS-Office và hệ thống kế toán tập trung nhằm tối ưu hiệu suất làm việc, tăng cường khả năng phối hợp và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.



4

Quản trị hệ thống



HQQT định hướng xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, hiệu quả, tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, tạo nền tảng phát triển bền vững trong dài hạn.



Tái cấu trúc tổ chức theo mô hình doanh nghiệp dịch vụ

Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức theo định hướng doanh nghiệp dịch vụ tài chính hiện đại; nâng cấp hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPI) gắn chặt với chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của khách hàng.



Áp dụng chuẩn mực quản trị tiên tiến

Công ty tích hợp các bộ tiêu chuẩn uy tín như Bộ thê điểm quản trị công ty ASEAN, Cẩm nang quản trị công ty của UBCKNN và IFC, cùng Bộ nguyên tắc quản trị công ty của OECD vào hoạt động điều hành nhằm tăng cường kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và minh bạch thông tin.



Chuẩn hóa hệ thống quản trị

Công ty tiếp tục rà soát và chuẩn hóa cơ cấu tổ chức, hệ thống chức danh, quy trình nghiệp vụ, chính sách và quy định nội bộ theo hướng đồng bộ, minh bạch và hiệu quả, từng bước tiệm cận các chuẩn mực quản trị tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

5

Phát triển bền vững



SHS kiên định theo đuổi mục tiêu tăng trưởng xanh, gắn kết hiệu quả kinh doanh với trách nhiệm môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG).



Chiến lược đầu tư xanh

Công ty ưu tiên tối ưu hóa danh mục đầu tư thông qua việc gia tăng tỷ trọng vào các doanh nghiệp có nền tảng tài chính lành mạnh, quản trị minh bạch, hoạt động trong các lĩnh vực năng lượng sạch, nhiên liệu tái tạo và các thị trường vốn xanh có tiềm năng tăng trưởng dài hạn.



Vận hành số và mô hình văn phòng xanh

Công ty tiếp tục hiện thực hóa cam kết bảo vệ môi trường thông qua hệ thống SHS-Office theo mô hình "văn phòng không giấy tờ", cho phép làm việc linh hoạt mọi lúc, mọi nơi và chia sẻ tài liệu trên nền tảng lưu trữ đám mây, góp phần tiết giảm chi phí vận hành và giảm phát thải môi trường.



Môi trường nhân văn và trách nhiệm cộng đồng

SHS xây dựng môi trường làm việc nhân văn với hệ thống chính sách đãi ngộ hấp dẫn, cạnh tranh, lấy văn hóa doanh nghiệp làm nền tảng cho tăng trưởng bền vững và phát triển dài hạn. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh các hoạt động trách nhiệm xã hội và thiện nguyện từ "Tâm", chú trọng phổ cập kiến thức tài chính - chứng khoán cho cộng đồng nhà đầu tư, góp phần thúc đẩy sự minh bạch, chuyên nghiệp và phát triển bền vững của thị trường tài chính.



Thành phần và tình hình các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán đã thực thi vai trò giám sát độc lập, đảm bảo tính minh bạch và chính trực trong mọi hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự
1	Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	06/06/2024	06	100%
2	Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	06/06/2024	06	100%

(Thông tin về các thành viên Ủy ban Kiểm toán vui lòng xem tại phần Nhân sự chủ chốt).



Ủy ban Kiểm toán đã tổ chức

06

Buổi họp năm 2025

Kết quả hoạt động của Ủy ban Kiểm toán năm 2025

- Thường xuyên giám sát hoạt động của Công ty đảm bảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT đã được triển khai phù hợp Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- Trực tiếp đôn đốc, giám sát hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ, Quản trị rủi ro trên cơ sở nhận diện sớm rủi ro và triển khai đồng bộ với chương trình kiểm toán đột xuất hoặc theo kế hoạch hoạt động đã được HĐQT phê duyệt. Có ý kiến đánh giá về tính độc lập, phù hợp của các kết quả kiểm toán cho HĐQT trong công tác ra quyết định, quản trị hoạt động của Công ty.
- Tham mưu chuyên sâu cho HĐQT trong việc ban hành và thiết lập lại các chính sách, hạn mức rủi ro phù hợp với điều kiện thị trường. Đồng thời, giám sát quá trình thực hiện thông qua các báo cáo quản trị rủi ro định kỳ từ Ban Tổng Giám đốc.
- Thẩm định định kỳ Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Kết quả ghi nhận các báo cáo phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với quy định pháp luật liên quan, không có chênh lệch giữa số liệu trước và sau kiểm toán/soát xét.
- Duy trì cơ chế giám sát thường xuyên về tính độc lập, khách quan và hiệu quả của quá trình kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập.
- Thông qua công tác kiểm tra, giám sát, không ghi nhận bất cứ sai phạm trọng yếu nào trong các giao dịch với bên liên quan; công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định.

Định hướng hoạt động năm 2026

Trên cơ sở năm (05) trụ cột định hướng phát triển của SHS, Ủy ban Kiểm toán xác định các trọng tâm hành động trong năm 2026 như sau:



Tăng cường giám sát hệ thống quản trị, đảm bảo việc chuẩn hóa hệ thống quản trị theo hướng minh bạch, hiệu quả, tiệm cận các tiêu chuẩn tiên tiến.



Đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu và chuẩn hóa năng lực của các Bộ phận chuyên môn trực thuộc, phù hợp với thông lệ thị trường trong nước và quốc tế, nhằm nâng cao chất lượng kiểm soát và hiệu quả vận hành. Tăng cường ứng dụng công nghệ trong giám sát, nhận diện và cảnh báo rủi ro, nhằm tăng cường tính kịp thời, tần suất và độ chính xác của các hoạt động kiểm tra, giám sát.



Tiếp tục vai trò tham mưu và tư vấn cho HĐQT trong việc hoàn thiện khung quản trị rủi ro, rà soát và cập nhật hệ thống quy trình nội bộ, đảm bảo phù hợp với các mô hình quản trị hiện đại và sự thay đổi của môi trường kinh doanh/pháp lý.



Tích hợp các tiêu chuẩn quản trị ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) vào các mục tiêu kiểm toán, giám sát nhằm hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững và tạo giá trị dài hạn cho Công ty.



Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ

Kiểm soát nội bộ

Hệ thống Kiểm soát nội bộ

Hệ thống Kiểm soát nội bộ SHS bao gồm: cơ cấu tổ chức, nhân sự, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty. Mục tiêu của Hệ thống kiểm soát nội bộ là:



Phòng Kiểm soát nội bộ

Phòng Kiểm soát nội bộ SHS độc lập trực thuộc Ban Tổng Giám đốc của Công ty và có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho Tổng Giám đốc. Nhiệm vụ của Phòng Kiểm soát nội bộ gồm:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty.
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.
- Bảo quản, lưu giữ và tách biệt tài sản của khách hàng.
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
- Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

Hoạt động Kiểm soát nội bộ năm 2025

Trong năm 2025, SHS tập trung kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động kinh doanh. Công ty đã thực hiện tái cơ cấu tổ chức, chuyển đổi mô hình từ các phòng nghiệp vụ sang các Khối, Ban chuyên môn, đồng thời bổ sung nhân sự cho các mảng Quản trị rủi ro, Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ và đội ngũ lãnh đạo cấp trung để hoàn thiện bộ máy quản lý.

Phòng Kiểm soát nội bộ thực hiện Kế hoạch kiểm soát năm 2025 được Tổng Giám đốc phê duyệt, tập trung vào kiểm soát thường xuyên đối với các hoạt động có rủi ro cao như: tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ; quản lý xung đột lợi ích; thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên; tuân thủ hạn mức nghiệp vụ; quản lý hợp đồng, hồ sơ, chứng từ và báo cáo.

Hệ thống Kiểm soát nội bộ được triển khai đồng bộ tại các đơn vị, cấp quản lý và hoạt động nghiệp vụ, bao gồm kiểm soát phòng ngừa và phát hiện.

Bên cạnh đó, hoạt động kiểm soát định kỳ được triển khai nhằm đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả của hệ thống quy trình, quy định; Tính tuân thủ của các đơn vị. Các tồn tại, hạn chế được báo cáo kịp thời và phối hợp khắc phục, đồng thời chủ động đánh giá tác động của các quy định pháp luật mới.

Kế hoạch Kiểm soát nội bộ năm 2026

Năm 2026, SHS sẽ tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đảm bảo tuân thủ đầy đủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Theo định hướng này, Công ty sẽ tiến hành rà soát tổng thể hệ thống quy chế, quy định và quy trình nhằm nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả vận hành.

Phòng Kiểm soát nội bộ triển khai Kế hoạch kiểm soát năm 2026 được Tổng Giám đốc phê duyệt, tập trung kiểm soát các rủi ro trọng yếu; phối hợp với Ban Dự án công nghệ thông tin và các đơn vị nghiệp vụ trong việc nâng cấp hệ thống và xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro đối với các sản phẩm, dịch vụ mới.

Quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro là một phần quan trọng trong quản trị Công ty nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của rủi ro đến hoạt động của Công ty, nhờ đó bảo vệ các lợi ích của cổ đông, khách hàng, đối tác, cán bộ, nhân viên và các bên liên quan khác của Công ty. Việc duy trì và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro là một yêu cầu cần thiết để đảm bảo cho Công ty tuân thủ pháp luật, hoạt động liên tục, an toàn, hiệu quả và bền vững.

Mô hình Quản trị rủi ro

SHS tổ chức hệ thống quản trị rủi ro theo mô hình ba (03) tuyến phòng thủ độc lập, nhằm bảo đảm sự phân định rõ ràng, nhất quán về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị trong toàn hệ thống SHS; hạn chế xung đột lợi ích và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, cụ thể:

Tuyến phòng thủ thứ nhất

①

Đơn vị phụ trách

Là các đơn vị kinh doanh và các bộ phận hỗ trợ.

Vai trò và trách nhiệm

Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy trình nội bộ; chủ động nhận diện, đo lường rủi ro và đề xuất/xây dựng các hạn mức rủi ro phát sinh trong phạm vi hoạt động của đơn vị mình.

Tuyến phòng thủ thứ hai

②

Đơn vị phụ trách

Là Phòng Quản trị rủi ro trực thuộc Tổng Giám đốc.

Vai trò và trách nhiệm

Xây dựng chính sách quản trị rủi ro và tổ chức triển khai hoạt động quản trị rủi ro trên toàn Công ty, bao gồm công tác nhận dạng, đo lường, theo dõi và quản trị rủi ro một cách thống nhất, độc lập với tuyến thứ nhất.

Tuyến phòng thủ thứ ba

③

Đơn vị phụ trách

Bộ phận Kiểm toán nội bộ của SHS trực thuộc Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị.

Vai trò và trách nhiệm

Thực hiện kiểm toán định kỳ hoặc đột xuất theo các chuyên đề nhằm đánh giá một cách tổng thể mức độ đầy đủ, hiệu quả và tính tuân thủ của hệ thống quản trị rủi ro tại SHS.

Quy trình Quản trị rủi ro

Quy trình Quản trị rủi ro của SHS được xây dựng và triển khai trên cơ sở tham chiếu các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế, bao gồm năm (05) bước thực hiện nhằm đảm bảo việc nhận diện, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý rủi ro được thực hiện một cách kịp thời, nhất quán và hiệu quả đối với các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.



① Nhận diện rủi ro

- Xác định các rủi ro, nguyên nhân gây rủi ro và ảnh hưởng của rủi ro.

② Đánh giá, đo lường rủi ro

- Xếp loại rủi ro dựa trên tính chất của loại rủi ro, mức độ rủi ro;
- Đo lường mức độ Vốn tổn thất chấp nhận (hạn mức rủi ro) cho từng loại rủi ro.

③ Theo dõi rủi ro

- Thiết lập các chốt kiểm soát để giảm thiểu ảnh hưởng hoặc khả năng xảy ra của các loại rủi ro;
- Sử dụng các công cụ sử dụng để giảm thiểu rủi ro còn lại;
- Giám sát nguy cơ rủi ro và hiệu quả của các biện pháp kiểm soát.

④ Báo cáo rủi ro

- Đảm bảo trạng thái rủi ro của Công ty được thông tin đầy đủ, kịp thời tới các bên liên quan và lên các cấp lãnh đạo.

⑤ Xử lý rủi ro

- Khi rủi ro không thể chấp nhận được, xác định và đánh giá phương án xử lý, lựa chọn phương án xử lý.





①

Rủi ro pháp lý



Nhận diện

Rủi ro pháp lý là loại rủi ro phát sinh do Công ty không tuân thủ, tuân thủ không đầy đủ, không đúng các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động; Công ty hoạt động và cung cấp sản phẩm, dịch vụ khi chưa có quy định của pháp luật; Công ty ký kết hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá thẩm quyền, thiếu sót các điều khoản quan trọng; Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến các Hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết với khách hàng, đối tác, người lao động...

Phương pháp xác định

Rủi ro pháp lý được xác định trong quá trình Phòng Pháp chế phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát các quy định pháp lý hiện hành và mới ban hành với thực tế áp dụng tại Công ty.

Biện pháp phòng ngừa, phát hiện

Công ty có Phòng Pháp chế thực hiện hoạt động tư vấn pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị khác trong Công ty; tham gia xây dựng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty; soạn thảo, soát xét các thỏa thuận, Hợp đồng, văn bản, giấy tờ của Công ty; cập nhật, phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách pháp luật cho toàn Công ty... Cán bộ, nhân viên Phòng Pháp chế thường xuyên được yêu cầu tham gia các hội thảo về pháp lý và đóng góp ý kiến đầy đủ về các dự thảo văn bản pháp luật khi được yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm pháp lý cho Ban lãnh đạo và phụ trách các phòng ban trên cơ sở tăng cường trao đổi, đào tạo, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm pháp lý với Phòng Pháp chế và các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến hoạt động pháp chế.

②

Rủi ro hoạt động



Nhận diện

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống của hệ thống công nghệ thông tin; do quy trình nghiệp vụ và thủ tục không đầy đủ, không cập nhật, không phù hợp; do lỗi của con người thực hiện không đúng hoặc cố tình làm sai; do kiểm soát tài chính và báo cáo chậm trễ, có sai sót; do thiếu vốn kinh doanh và do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài khác.

Phương pháp xác định

Rủi ro hoạt động được xác định trong quá trình Ban Pháp chế, Kiểm soát & Quản trị rủi ro phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát quy trình, quy chế nội bộ và thực tế hoạt động của Công ty; trong quá trình Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Ủy ban Kiểm toán đánh giá độc lập hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.

Biện pháp phòng ngừa, phát hiện

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và thành lập Phòng Kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, Công ty áp dụng các hoạt động để thực hiện giảm thiểu rủi ro này như: ban hành bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và giám sát việc tuân thủ bộ quy tắc này; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định nội bộ; tăng cường tự động hóa trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, hạn chế tối đa thao tác thủ công; nâng cấp các phần mềm bảo mật, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, liên tục với đối tác cung cấp phần mềm để đảm bảo tính ổn định, bảo mật của hệ thống phần mềm giao dịch; xây dựng hạn mức phê duyệt; phân công, phân nhiệm rõ ràng; tăng cường cơ chế kiểm tra chéo, giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận, cá nhân; tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy chế, quy trình, quy định nội bộ; xây dựng cơ chế dự phòng để đối phó với các rủi ro phát sinh.

③

Rủi ro thị trường



Nhận diện

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh trong các hoạt động đầu tư, gửi tiền, cho vay... của Công ty mà nguyên nhân là do giảm giá trị các khoản đầu tư của Công ty, giảm lãi suất tiền gửi và giảm giá trị tài sản đảm bảo của khách hàng đối với các khoản cho vay từ đó gây nên những ảnh hưởng bất lợi cho Công ty.

Phương pháp xác định

Rủi ro thị trường được xác định bằng cách theo dõi và phân tích thường xuyên trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Phòng Quản trị rủi ro và các Khối/Trung tâm/Phòng nghiệp vụ liên quan như Đầu tư, Dịch vụ tài chính và Nguồn vốn.

Biện pháp phòng ngừa, phát hiện như:

• **Đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ:** Trung tâm Đầu tư cổ phiếu được yêu cầu thực hiện tốt công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán, áp dụng các công cụ đánh giá rủi ro... để thực hiện vào, ra kịp thời.

- **Đối với hoạt động đầu tư giấy tờ có lãi suất cố định:** Trung tâm Nguồn vốn và Trung tâm Đầu tư sản phẩm có lãi suất cố định có trách nhiệm theo dõi sát sao biến động mặt bằng lãi suất trên thị trường để ra quyết định mua, bán nhanh chóng, kịp thời.
- **Đối với hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng:** Trung tâm Nguồn vốn có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng hằng ngày, cân đối nguồn vốn toàn Công ty một cách hợp lý, đa dạng hóa các ngân hàng và các kỳ hạn tiền gửi nhằm đảm bảo tối đa hóa lợi ích của SHS.
- **Đối với hoạt động dịch vụ tài chính:** Trung tâm Phân tích và Phòng Dịch vụ tài chính có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất cho vay của các công ty chứng khoán; phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của khách hàng; xây dựng và tuân thủ quy định về bán giải chấp chứng khoán.

4

Rủi ro tín dụng

Nhận diện

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi khách hàng, ngân hàng, đối tác không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, không kịp thời cho SHS các khoản tiền cho vay, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư công cụ nợ dưới dạng trái phiếu...

Phương pháp xác định

Rủi ro tín dụng được xác định theo từng khách hàng, đối tác và khoản nợ trong quá trình các phòng ban nghiệp vụ như Dịch vụ tài chính, Nguồn vốn... phối hợp với Ban Pháp chế, Kiểm soát & Quản trị rủi ro theo dõi, quản lý và đánh giá khách hàng, đối tác, khoản nợ.

Biện pháp phòng ngừa, phát hiện

- **Đối với hoạt động cho vay:** Công ty thực hiện phân loại khách hàng; xây dựng hạn mức cho vay, áp dụng chính sách cho vay phù hợp với độ tín nhiệm, khả năng thanh toán và tài sản ký quỹ

của khách hàng; xây dựng danh mục chứng khoán cho vay và tỷ lệ cho vay, tỷ lệ duy trì, tỷ lệ giải chấp phù hợp với quy định pháp luật và quy định Công ty; bán giải chấp, gọi bổ sung tài sản bảo đảm và thu hồi nợ kịp thời.

- **Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp:** Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tờ trình được HĐQT phê duyệt; đánh giá cẩn thận mức độ tín nhiệm, khả năng thanh toán, tài sản bảo đảm của tổ chức phát hành; xây dựng chính sách cụ thể để xử lý tài sản bảo đảm của tổ chức phát hành trong trường hợp phải đối diện với rủi ro không có khả năng thanh toán.
- **Đối với hoạt động gửi tiền:** Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức tiền gửi hàng năm được HĐQT phê duyệt; lựa chọn gửi tiền tại các tổ chức tín dụng được các tổ chức xếp hạng đánh giá có độ tín nhiệm cao; đa dạng kỳ hạn gửi và ngân hàng gửi.



5

Rủi ro thanh khoản

Nhận diện

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi kịp thời các loại tài sản thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Rủi ro này phát sinh khi Công ty không cân đối được dòng vốn đầu vào và dòng vốn đầu ra của Công ty.

Phương pháp xác định

Rủi ro thanh khoản được xác định bằng cách theo dõi và phân tích thường xuyên trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Phòng Quản trị rủi ro và các Trung tâm/Phòng nghiệp vụ liên quan như Trung tâm Nguồn vốn, Phòng Tài chính & Kế hoạch và Phòng Kế toán.

Biện pháp phòng ngừa, phát hiện

Công ty thực hiện mở rộng hình thức và quy mô vốn huy động như tăng vốn, phát hành trái phiếu doanh nghiệp; mở rộng số lượng tổ chức tín dụng cho Công ty vay vốn kinh doanh; tăng cường hợp tác với các tổ chức tín dụng để cho khách hàng vay tiền đầu tư chứng khoán nhằm giảm áp lực lên việc sử dụng vốn tự có để cho vay; cân đối hợp lý kỳ hạn các khoản đi vay và cho vay; phân bổ hợp lý nguồn vốn cho các hoạt động; tận dụng tiền gửi nhàn rỗi để tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn cũng như góp phần ổn định thanh khoản.



6

Rủi ro thương hiệu

Nhận diện

Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại về hình ảnh, thương hiệu của Công ty do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng, đối tác về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty cũng như ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty.

Phương pháp xác định

Rủi ro thương hiệu thường đi theo sau các rủi ro khác như rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động... Công ty xác định các rủi ro này bằng cách phân tích các ảnh hưởng, tác động của các rủi ro liên quan (nếu có) đến hình ảnh, thương hiệu của Công ty.



Biện pháp phòng ngừa, phát hiện

Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động; không ngừng xây dựng mối quan hệ tốt với cổ đông, khách hàng, đối tác; truyền thông nội bộ và ra bên ngoài hiệu quả thông qua việc đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông mang tính chủ động, nhất quán, duy trì tần suất xuất hiện trên các phương tiện truyền thông; đẩy mạnh thông tin chính thống bằng tiếng Anh đều đặn nhằm tăng cường thông tin cho các nhà đầu tư và đối tác quốc tế; cử cán bộ chuyên trách phụ trách công tác truyền thông, công tác báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch; chủ động lập các kế hoạch dự phòng để quản trị rủi ro thương hiệu.

7

Các rủi ro khác

Bên cạnh sáu (06) loại rủi ro trọng yếu nêu trên, một số rủi ro khác cũng được Công ty xem xét, đánh giá trong quá trình hoạt động như rủi ro của môi trường kinh doanh, rủi ro chiến lược, rủi ro cạnh tranh,... Cụ thể:

- **Đối với rủi ro của môi trường kinh doanh:** SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính nên các yếu tố của môi trường kinh doanh như chính trị, kinh tế, văn hóa... đều ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi của môi trường kinh doanh và đánh giá các tác động của nó đến mọi mặt hoạt động của Công ty mỗi khi các yếu tố của môi trường kinh doanh thay đổi.
- **Đối với rủi ro chiến lược:** SHS đánh giá việc không có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả hoặc thực hiện không đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra là rủi ro chiến lược của Công ty. Theo đó,

hàng năm và định kỳ, Công ty tập trung nguồn lực xây dựng chiến lược phù hợp, hiệu quả; thường xuyên rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.

- **Đối với rủi ro cạnh tranh:** SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính có môi trường kinh doanh thay đổi liên tục nên thường xuyên phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh. Đó là rủi ro không giữ vững vị trí và thị phần... Để kiểm soát hiệu quả rủi ro này, SHS tập trung nguồn lực tổng hợp thông tin, nhận định diễn biến tình hình chính trị, kinh tế, thị trường chứng khoán và đối thủ cạnh tranh ảnh hưởng đến hoạt động Công ty; xây dựng chiến lược kinh doanh hàng năm một cách khả thi, hiệu quả; kiên trì thực hiện chiến lược đã đề ra; ứng biến linh hoạt theo diễn biến phát triển của thị trường và đối thủ cạnh tranh...



Hoạt động Quản trị rủi ro năm 2025

Năm 2025, Công ty tăng cường công tác quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho Công ty phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững. Phòng Quản trị rủi ro đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị nghiệp vụ để nhận diện, đánh giá các rủi ro tiềm ẩn, và xây dựng các phương án xử lý phù hợp cho từng loại rủi ro. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và phần mềm trong công tác đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro.



Kế hoạch Quản trị rủi ro năm 2026

Trong năm 2026, hoạt động Quản trị rủi ro sẽ tiếp tục được cập nhật, nâng cao và hoàn thiện để phù hợp với thực tế kinh doanh của SHS cũng như các tiêu chuẩn quốc tế. Trong bối cảnh hệ thống KRX chính thức đi vào hoạt động, thị trường dự kiến xuất hiện thêm nhiều sản phẩm mới. SHS đang tích cực nghiên cứu, cải tiến và cập nhật các sản phẩm, dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Cùng với sự gia tăng về số lượng khách hàng và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng dịch vụ, Công ty đẩy mạnh phát triển các hệ thống phần mềm hỗ trợ và phần mềm giao dịch. Theo đó, SHS có thể đối mặt với nguy cơ gia tăng rủi ro hoạt động, đặc biệt là các rủi ro phát sinh từ hệ thống công nghệ thông tin, quy trình vận hành và yếu tố con người.

Năm 2026 được kỳ vọng ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực từ kinh tế vĩ mô trong nước, nhờ sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, cùng với những kỳ vọng về việc thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục thu hút được dòng vốn ngoại. Tuy nhiên, thị trường vẫn tiềm ẩn các yếu tố rủi ro mang tính bất ngờ, khó dự báo, cũng như khả năng phát sinh các sự kiện rủi ro có thể tác động tiêu cực đến thị trường chung, từng nhóm ngành và/hoặc các doanh nghiệp cụ thể. Do đó, Công ty tiếp tục tập trung nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro hoạt động, trọng tâm là hoàn thiện các kế hoạch dự phòng ứng phó sự cố, thảm họa; đồng thời bổ

sung, hoàn thiện hệ thống chính sách và quy trình quản trị rủi ro đối với các hoạt động kinh doanh và sản phẩm, dịch vụ mới. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh đào tạo nhằm nâng cao văn hóa quản trị rủi ro cho cán bộ nhân viên, tăng cường các biện pháp phòng ngừa rủi ro từ bên ngoài, bao gồm công tác cảnh báo, tuyên truyền về các hình thức lừa đảo, cũng như thường xuyên rà soát, nâng cao mức độ an toàn của hệ thống công nghệ thông tin. Đồng thời, Công ty tăng cường công tác giám sát thị trường, thường xuyên đánh giá rủi ro thị trường, rủi ro theo ngành và/hoặc đối với từng doanh nghiệp cụ thể, cũng như mức độ tập trung dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ, nhằm kịp thời điều chỉnh các biện pháp quản trị phù hợp. Đối với các hoạt động đầu tư sản phẩm có lãi suất cố định, Phòng Quản trị rủi ro tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị kinh doanh nhằm kịp thời đưa ra các ý kiến đánh giá, cảnh báo và biện pháp phòng ngừa rủi ro.

Công tác quản trị rủi ro thanh khoản luôn được Công ty chú trọng nhằm bảo đảm đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu cho vay giao dịch ký quỹ, qua đó hạn chế rủi ro thanh khoản và tối ưu việc phân bổ nguồn lực tài chính cho các hoạt động kinh doanh khác. Việc chủ động quản trị rủi ro hiệu quả là nền tảng quan trọng giúp Công ty vận hành an toàn, ổn định và bền vững trong giai đoạn tới.

Kiểm toán nội bộ

Mô hình Kiểm toán nội bộ

Bộ phận Kiểm toán nội bộ của SHS trực thuộc Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị và có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho Hội đồng Quản trị. Bộ phận Kiểm toán nội bộ được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, và chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kiểm toán nội bộ.

và quản trị rủi ro của Công ty, thực hiện chức năng cung cấp các đảm bảo và tư vấn độc lập, khách quan nhằm hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ là tuyến phòng thủ thứ ba trong hệ thống kiểm soát nội bộ

Mục tiêu hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ bao gồm:



04

Mục tiêu hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ

- Đánh giá độc lập về mức độ tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng Quản trị và các quy định, quy trình nội bộ;
- Đánh giá tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và cơ chế quản trị doanh nghiệp;
- Đánh giá độ tin cậy và tính minh bạch của thông tin tài chính, thông tin quản trị và các báo cáo trọng yếu;
- Đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường kỷ luật tuân thủ trong toàn Công ty.



Quy trình Kiểm toán nội bộ

Quy trình Kiểm toán nội bộ tại SHS được xây dựng và vận hành phù hợp với quy định pháp luật, các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về kiểm toán nội bộ, đảm bảo tính hệ thống, nhất quán và chuyên nghiệp. Quy trình kiểm toán nội bộ bao gồm các bước chính sau:

- 1 Đánh giá rủi ro và xác định các lĩnh vực, nội dung kiểm toán trọng yếu.
- 2 Lập Kế hoạch kiểm toán nội bộ và trình HĐQT phê duyệt.
- 3 Lập Kế hoạch từng chương trình kiểm toán và thông báo tới các đơn vị liên quan.
- 4 Thực hiện kiểm toán, thu thập và đánh giá các bằng chứng kiểm toán đầy đủ, thích hợp.
- 5 Lập và phát hành báo cáo kiểm toán với các kết luận, đánh giá và kiến nghị.
- 6 Theo dõi và giám sát việc thực hiện các kiến nghị, biện pháp khắc phục sau kiểm toán.



Hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2025

Trong năm 2025, Bộ phận Kiểm toán nội bộ đã triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro, phù hợp với kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và các điều chỉnh trong năm theo yêu cầu quản trị và giám sát.

Các hoạt động kiểm toán tập trung vào các lĩnh vực, quy trình và đơn vị có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động kinh doanh, an toàn tài chính và uy tín của SHS; qua đó đưa ra các đánh giá độc lập, khách quan và kiến nghị mang tính xây dựng nhằm hỗ trợ các đơn vị trong việc hoàn thiện quy trình và nâng cao hiệu quả quản trị. Phạm vi kiểm toán trong năm bao gồm:

- Các hoạt động kinh doanh cốt lõi: môi giới, đầu tư, dịch vụ tài chính, huy động vốn vay và gửi tiền.
- Các chức năng quản trị, hỗ trợ quan trọng: quản trị rủi ro, phòng chống rửa tiền.
- Thẩm định Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

- Các nội dung kiểm toán theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị/Ủy ban Kiểm toán, bao gồm hoạt động công bố thông tin và hệ thống báo cáo phục vụ Hội đồng Quản trị.

Bên cạnh đó, Kiểm toán nội bộ tiếp tục thực hiện theo dõi, giám sát việc thực hiện các kiến nghị kiểm toán đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Ngoài ra, Kiểm toán nội bộ thực hiện hiệu quả chức năng tư vấn độc lập theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị nghiệp vụ trong quá trình xây dựng, rà soát và hoàn thiện các chính sách, quy trình quản trị trọng yếu của Công ty. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng thiết kế của các cơ chế kiểm soát, tăng cường khả năng phòng ngừa rủi ro ngay từ giai đoạn xây dựng và hoàn thiện chính sách.

Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2026

Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2026 được xây dựng trên cơ sở đánh giá rủi ro tổng thể toàn Công ty, kết quả hoạt động kiểm toán năm 2025, định hướng phát triển và yêu cầu quản trị của Hội đồng Quản trị, đồng thời bảo đảm phù hợp với nguồn lực của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:



Hoạt động kiểm toán nghiệp vụ

Phạm vi kiểm toán bao phủ các nghiệp vụ và đơn vị trong toàn hệ thống SHS, tập trung vào các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao và ảnh hưởng trọng yếu: công tác phòng, chống rửa tiền; thẩm định Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; các hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính, mua sắm, quản lý nguồn nhân lực, hỗ trợ giao dịch và lưu ký, cùng các chức năng quản trị và hỗ trợ quan trọng khác.



Hoạt động tư vấn

Bộ phận Kiểm toán nội bộ sẽ tăng cường vai trò tư vấn độc lập thông qua việc tham gia góp ý đối với các sáng kiến quản trị, việc rà soát và hoàn thiện chính sách, quy trình nghiệp vụ theo yêu cầu của các bên liên quan và đảm bảo tính độc lập.



Hoạt động giám sát liên tục và kiểm toán đột xuất

Bộ phận Kiểm toán nội bộ triển khai hoạt động giám sát liên tục thông qua việc thu thập thông tin, dữ liệu và lập báo cáo giám sát từ xa đối với hoạt động của Công ty; đồng thời thực hiện kiểm toán đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng Quản trị/Ủy ban Kiểm toán hoặc khi phát sinh dấu hiệu rủi ro, vi phạm trọng yếu.



Hoạt động quản lý kiểm toán

Song song với việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các kiến nghị kiểm toán đã được phê duyệt, công tác quản lý kiểm toán được tăng cường thông qua việc định kỳ rà soát, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán trong năm trên cơ sở đánh giá rủi ro và các thay đổi trọng yếu trong hoạt động của Công ty, cũng như triển khai chương trình đảm bảo và cải tiến chất lượng nhằm không ngừng nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của hoạt động Kiểm toán nội bộ.

Trong thời gian tới, Bộ phận Kiểm toán nội bộ SHS tiếp tục hoàn thiện mô hình hoạt động, nâng cao năng lực chuyên môn, phương pháp luận và tính chuyên nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ. Thông qua việc kết hợp hiệu quả giữa chức năng đảm bảo và tư vấn, Bộ phận Kiểm toán nội bộ cam kết đồng hành cùng Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, tăng cường quản lý rủi ro và đóng góp tích cực vào sự phát triển an toàn, minh bạch và bền vững của SHS.

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích



Lương, thưởng, thù lao

Nguyên tắc chi trả



Đối với Thành viên Hội đồng Quản trị

Nguyên tắc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT của Công ty như sau:

- Điều lệ và các văn bản nội bộ Công ty quy định nguyên tắc việc trích, lập quỹ ngân sách, thù lao, thưởng, phụ cấp của HĐQT và cách thức chi trả cho các thành viên HĐQT.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025 của Công ty đã thông qua Tờ trình số 07-2025/TTr-ĐHĐCĐ ngày 20/03/2025 của HĐQT về việc ngân sách, tổng mức thù lao, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác cho HĐQT năm tài chính 2025.

Mức phân bổ cụ thể cho từng thành viên HĐQT sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty.



Đối với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Việc chi trả tiền lương cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế tiền lương và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, HĐQT sẽ quyết định các khoản tiền thưởng, phụ cấp khác cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng căn cứ theo các tiêu chí như: vị trí đảm nhiệm, kiêm nhiệm, năng lực cá nhân, đóng góp thực tế, kết quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty.



Đối với Cán bộ quản lý của Công ty

Các cán bộ quản lý do HĐQT bổ nhiệm được chi trả lương theo Quy chế tiền lương của Công ty và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc sẽ quyết định các khoản tiền thưởng cho cán bộ quản lý căn cứ vào nhiều tiêu chí như đối với Thành viên Ban Tổng Giám đốc.

Lương, thưởng và thù lao đã thực hiện trong năm 2025

Chi Quỹ thù lao của Hội đồng Quản trị: 9.310.044.932 VND

Chi tiết chi trả như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
1	Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch Ủy ban Chiến lược	✓
2	Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT độc lập Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	✓
3	Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT Thành viên Ủy ban Kiểm toán	✓
4	Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT (từ ngày 10/04/2025) Tổng Giám đốc - Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng (đến trước ngày 14/01/2026)	✓
5	Ông Đào Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT (từ ngày 10/04/2025)	✓
6	Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT (đến trước ngày 10/04/2025)	✓
7	Ông Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT (đến trước ngày 10/04/2025)	✓

Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng: 14.402.423.505 VND

Chi tiết chi trả như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thưởng
1	Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT (từ ngày 10/04/2025) Tổng Giám đốc - Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng (đến trước ngày 14/01/2026)	✓	✓
2	Bà Phạm Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	✓	✓

Lương, thưởng của Cán bộ quản lý: 53.665.285.872 VND

Bên cạnh nhận thù lao, lương, thưởng, các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Công ty còn được hưởng các khoản lợi ích khác trong năm 2025 như sau:

- Chế độ ăn ca;
- Chế độ nghỉ phép;
- Chế độ bảo hiểm bắt buộc (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp);
- Chế độ bảo hiểm tự nguyện (bảo hiểm sức khỏe hàng năm);
- Chế độ khám sức khỏe định kỳ;
- Chế độ xăng xe, điện thoại, công tác phí.

Các khoản lợi ích khác

Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty

Cơ sở pháp lý về Quản trị công ty

Văn bản pháp luật

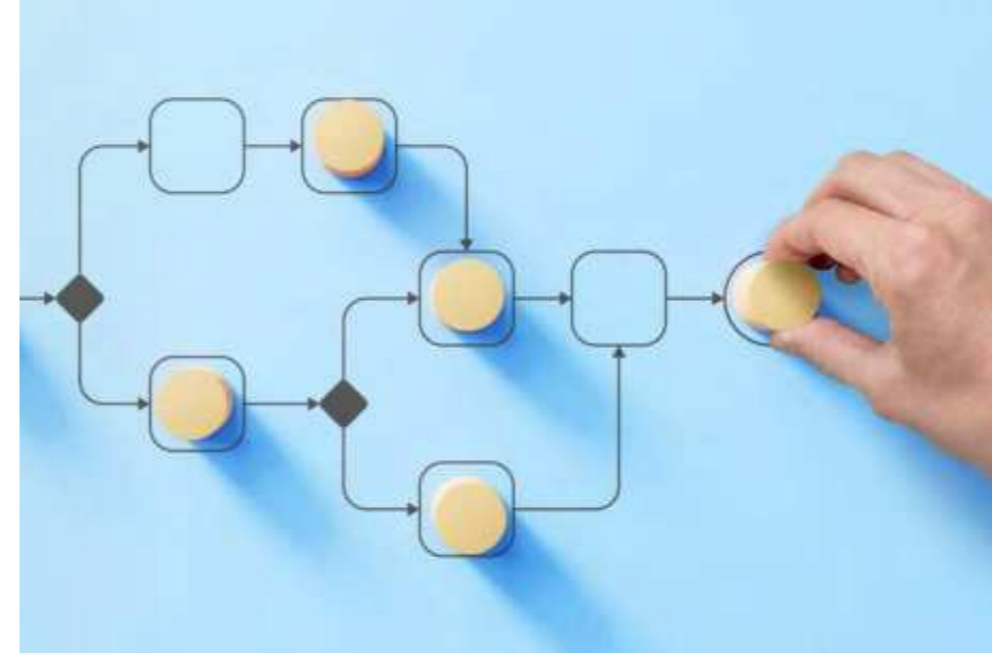
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và của UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Văn bản nội bộ của SHS

- Điều lệ hiện hành, hiệu lực ngày 05/11/2025;
- Quy chế Quản trị nội bộ về Quản trị công ty có hiệu lực kể từ ngày 10/04/2025;
- Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị có hiệu lực kể từ ngày 10/04/2025;
- Các Nghị quyết, Quyết định, quy chế, quy trình và quy định nội bộ khác có liên quan.

Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty năm 2025

- Ngày 03/12/2025, SHS được vinh danh trong **Top 10 Báo cáo Thường niên tốt nhất - Nhóm ngành Tài chính tại Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết (VLCA) lần thứ 18, năm 2025**. Đây là lần thứ 6 SHS được xướng tên ở hạng mục này, tiếp tục khẳng định nỗ lực bền bỉ của công ty trong việc nâng chuẩn quản trị, chuẩn hóa hệ thống thông tin và



nỗ lực này không chỉ nâng cao chất lượng công bố thông tin, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho đà tăng trưởng dài hạn, giúp SHS tiệm cận ngày càng sát hơn với các thông lệ quản trị quốc tế.

- Công ty tiếp tục đặc biệt chú trọng công tác quản trị đối với việc điều hành, quản trị rủi ro, công bố thông tin, đảm bảo mục tiêu kiểm soát và kiểm toán nội bộ hiệu quả với việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, vì quyền lợi của Cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.
- Duy trì và phát huy vai trò của cơ cấu bộ máy được xây dựng hoàn chỉnh và có nền tảng, theo thông lệ quốc tế, bao gồm: ĐHCĐ, HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc, các Đơn vị, chi nhánh có liên quan. Hệ thống Trung tâm, Ban, Phòng được phân tách thành trực tiếp và vận hành, tại Trụ sở chính, các Chi nhánh và Văn phòng đại diện.
- Công ty tuân thủ có chọn lọc các thông lệ quốc tế tốt nhất về Quản trị công ty, các chuẩn mực lập báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững theo hướng dẫn của các tổ chức quốc tế và UBCKNN trên cơ sở phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty để trên lộ trình phát triển thành một định chế tài chính có tiềm lực, uy tín và chuyên nghiệp, đối tác của Khách hàng và Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

củng cố tính minh bạch nhằm đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của cổ đông và thị trường.

- Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty tại SHS đáp ứng trên phần lớn các tiêu chí trong **Bộ Tiêu chí đánh giá giải Quản trị công ty tại Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm Yết (Vietnam Listed Company Awards – VLCA)** theo 5 nội dung chính: Quyền của Cổ đông được đảm bảo, Đối xử công bằng giữa các Cổ đông, Công bố thông tin và minh bạch, Phát triển bền vững và gắn với các bên hữu quan; Trách nhiệm của HĐQT được đảm bảo và tuân thủ pháp luật.
- SHS đã áp dụng các tiêu chí trong **Bộ Thẻ điểm Quản trị công ty ASEAN (ACGS); Cẩm nang Quản trị công ty của UBCKNN và IFC, Bộ Các Nguyên tắc Quản trị công ty của OECD** vào hoạt động Quản trị công ty, tùy chỉnh theo tình hình thực tế hoạt động của SHS và thông lệ tại Việt Nam, kiện toàn hệ thống Quản trị công ty, hiện nay đang đáp ứng phần lớn các tiêu chí nêu trên.
- Trong những năm qua, SHS kiên định xây dựng nền tảng quản trị hiện đại: chuẩn hóa quy trình báo cáo, ứng dụng công nghệ dữ liệu thời gian thực và tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ. Những



- Các văn bản thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ Công ty đã được điều chỉnh và ban hành, làm hành lang pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty, áp dụng các thay đổi, điều chỉnh theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và phù hợp thực tế hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Tên văn bản	Căn cứ	Thời điểm áp dụng	Ghi chú
1	Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty	• Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025.	10/04/2025	Đang hiệu lực
2	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị			
3	Quy chế Tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử			
4	Điều lệ Công ty	• Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025; • Nghị quyết HĐQT số 07-2025/NQ-HĐQT về việc sửa đổi và áp dụng Điều lệ sửa đổi.	05/11/2025	Đang hiệu lực

- Trong năm 2025, Công ty đã sửa đổi Điều lệ bốn (04) lần và nội dung sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành Luật.

STT	Lần sửa đổi	Văn bản thông qua	Tóm tắt nội dung sửa đổi
1	01	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025	Sửa đổi một số Điều, khoản cho phù hợp quy định pháp luật và hoạt động của Công ty, ban hành Điều lệ mới thay thế
2	02	Nghị quyết HĐQT số 03-2025/NQ-HĐQT ngày 29/05/2025	Sửa đổi, bổ sung nội dung Vốn điều lệ mới là 8.944.622.200.000 đồng, ban hành Điều lệ mới thay thế
3	03	Nghị quyết HĐQT số 06A-2025/NQ-HĐQT ngày 23/10/2025	Sửa đổi nội dung địa chỉ Trụ sở chính của Công ty (số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội), ban hành Điều lệ mới thay thế
4	04	Nghị quyết HĐQT số 07-2025/NQ-HĐQT ngày 05/11/2025	Sửa đổi, bổ sung nội dung Vốn điều lệ mới là 8.994.622.200.000 đồng, ban hành Điều lệ mới thay thế



- Các nội dung khác về Quản trị công ty đã thực hiện và tuân thủ:

STT	Tiêu chí đánh giá	Năm 2025	
		Câu trả lời	Cung cấp thông tin bổ sung (nếu có)
1	Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%)	0	
2	Mô hình công ty (1 hoặc 2) • 1: Theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 • 2: Theo Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020	2	
3	Số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty	1	Tổng Giám đốc
4	Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2020 (Có/Không)?	Có	
5	Công ty có Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Có	
6	Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/Bất thường	10/04/2025	Thường niên
7	Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo	20/03/2025; cập nhật: 31/03/2025 và 04/04/2025	
8	Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông	11/04/2025	
9	Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành công ở lần thứ mấy (1/2/3)	1	
10	Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không)	Không	
11	Số lần bị Sở giao dịch chứng khoán nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông	0	
12	Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông	0	
13	Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị	5	
14	Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	1	Bà Nguyễn Diệu Trinh
15	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm Tổng Giám đốc/Giám đốc (Có/Không)	Không	
16	Số lượng cuộc họp Hội đồng Quản trị	89	
17	Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (Có/Không)	Công ty có Ủy ban trực thuộc HĐQT và các bộ phận trực thuộc Ủy ban, không có Tiểu ban.	
18	Tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Ủy ban Kiểm toán và Ủy ban Chiến lược trực thuộc HĐQT; Bộ phận Quản trị rủi ro và Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ủy ban Kiểm toán. 	
19	Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự (Có/Không)	Có	Bà Nguyễn Diệu Trinh
20	Công ty có bổ nhiệm người phụ trách Quản trị công ty	Có	Bà Doãn Thị Như Quỳnh
21	Công ty có Ủy ban kiểm toán không (Có/Không)	Có	
22	Ủy ban kiểm toán trực thuộc bộ phận HĐQT?	Có	
23	Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán	2	
24	Số lượng cuộc họp Ủy ban kiểm toán	6	
25	Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không)	Có	
26	Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Có/Không)	Có	Công ty đã hoàn thành phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023 và thanh toán cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt

Hoạt động của Người phụ trách Quản trị nội bộ Công ty



Người phụ trách Quản trị nội bộ Công ty thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, các văn bản pháp luật có liên quan khác, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Người nội bộ và các cá nhân có liên quan thường xuyên được phổ biến và tiếp cận với các thay đổi trong hệ thống văn bản pháp luật chứng khoán, doanh nghiệp và quản trị.

Người phụ trách Quản trị nội bộ đã nhận Chứng chỉ hành nghề Phân tích Tài chính do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào tháng 12/2025, đã tham gia các khóa đào tạo, truyền thông của Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Chứng khoán, Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD), UBCKNN và các Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

- Hỗ trợ HĐQT tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và thực hiện quyền của cổ đông, các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông theo quy định pháp luật.
- Hỗ trợ HĐQT, Ủy ban Kiểm toán tổ chức các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo đúng quy định pháp luật.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc cho ý kiến về các văn bản lấy ý

kiến HĐQT để đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Hỗ trợ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc lập các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT phù hợp với luật pháp và các quy định nội bộ Công ty.
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ủy ban kiểm toán, cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu/chỉ đạo phù hợp.
- Theo dõi và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty, cổ đông lớn, người nội bộ và các bên liên quan của các đối tượng trên; về các giao dịch của Công ty với người có liên quan cũng như các giao dịch cần phải được thông qua bởi ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Dự thảo và/hoặc cho ý kiến về tính hợp quy, sự chuẩn xác về thông tin, hình thức của các văn bản, văn kiện thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ, HĐQT, Ủy ban Kiểm toán và Văn phòng HĐQT ban hành, bao gồm: Điều lệ, Quy chế, Quy trình, các Báo cáo về cổ đông, cổ phần, cổ phiếu, Báo cáo quản trị định kỳ, các nội dung về ĐHĐCĐ, người nội bộ trong các Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững...
- Tuân thủ các quy định pháp luật về báo cáo và công bố thông tin; bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kế hoạch thực hiện các quy định về Quản trị Công ty năm 2026

- Tuân thủ pháp luật, các nguyên tắc áp dụng pháp luật về Quản trị công ty và công bố, minh bạch thông tin với tư cách là công ty chứng khoán thành viên đồng thời là doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Rà soát nội dung và kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung, và ban hành Điều lệ, Quy chế thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ phê chuẩn... phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và thực tế hoạt động của SHS.
- Duy trì và nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng, phần mềm phục vụ cho hoạt động quản lý cổ đông, cổ phần, cổ phiếu, tổ chức sự kiện cấp ĐHĐCĐ Công ty chuyên nghiệp, đúng pháp luật và thuận tiện cho cổ đông, đảm bảo quyền và nghĩa vụ công bằng đối với mọi cổ đông.
- Triển khai và thực hiện các nội dung phải được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định pháp luật, xây dựng, tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ và trình ĐHĐCĐ phê duyệt và dựa vào đó Công ty có căn cứ triển khai hoạt động trong năm.
- Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được thực hiện, Công ty sẽ tổng hợp và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, sẽ tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ và trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.
- Triển khai các cuộc họp ĐHĐCĐ tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, công bố thông tin, đảm bảo Cổ đông được tham dự họp hoặc ủy quyền cho người đại diện dự họp theo quy định pháp luật.
- HĐQT, người triệu tập họp ĐHĐCĐ nếu có yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ được tạo điều kiện phối hợp sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để các cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả của Chương trình ĐHĐCĐ trực tuyến, áp dụng công nghệ thông

tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật.

- Thông báo, hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát việc tuân thủ quy định về quản trị của các thành viên HĐQT, Ủy ban Kiểm toán, đảm bảo các thành viên được bổ nhiệm đủ tư cách thành viên HĐQT/Ủy ban Kiểm toán, thành viên HĐQT độc lập theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Luôn đảm bảo cơ cấu HĐQT của Công ty có thành viên HĐQT độc lập, tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành.
- Đảm bảo các thành viên HĐQT/Ủy ban Kiểm toán được tạo điều kiện và hỗ trợ để thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty; thực hiện nhiệm vụ giám sát, báo cáo ĐHĐCĐ của mình và nghĩa vụ công bố thông tin với cơ quan quản lý nhà nước, được đào tạo, tập huấn về Quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho công việc.
- Đảm bảo các thành viên HĐQT, các Ủy ban HĐQT được thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình được quy định trong các văn bản pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.
- Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty, thực hiện trách nhiệm với cộng đồng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.
- Thông báo, hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát việc báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty, về Quản trị Công ty, về thu nhập của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các giao dịch của Công ty và Cổ đông lớn, Người nội bộ thuộc quy định về công bố thông tin, xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo pháp luật.



Thông tin dành cho cổ đông

Thông tin cổ phiếu SHS

Mã cổ phiếu
SHS

Sàn niêm yết
HNX

Thông tin cổ phiếu SHS trong năm 2025

Giá thấp nhất
11.200 VND/cp

Giá cao nhất
29.200 VND/cp

Tổng khối lượng giao dịch năm 2025
5.483.340.443 (cp)

Tổng giá trị giao dịch năm 2025
108.272 tỷ VND

EPS
1.500 VND/cp

P/B
1,5 (lần)

P/E
13,7 (lần)

Thông tin khác

Cùng với kết quả kinh doanh ấn tượng, tháng 8/2025

Vốn hóa thị trường của SHS lần đầu tiên vượt mốc

1 tỷ USD

đưa công ty vào **Top 60 doanh nghiệp có vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Top 6 công ty chứng khoán vốn hóa lớn nhất thị trường.**

Đây là cột mốc quan trọng, thể hiện niềm tin của nhà đầu tư và khẳng định vị thế của SHS như một định chế tài chính hàng đầu với nền tảng vững chắc và dư địa tăng trưởng dài hạn.

Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025:

- + Ngày đăng ký cuối cùng để lập Danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025: 06/03/2025
- + Ngày tổ chức: 10/04/2025

Thông tin cổ phiếu SHS tại ngày 31/12/2025

Số lượng cổ phiếu phát hành
899.462.220 (cp)

Số lượng cổ phiếu phổ thông
899.462.220 (cp)

Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng
894.462.220 (cp)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
899.462.220 (cp)

Số lượng cổ phiếu quỹ
0 (cp)

Số lượng cổ phiếu niêm yết
899.462.220 (cp)

Thay đổi vốn điều lệ trong năm 2025
863.054.720.000 VND

Giao dịch cổ phiếu quỹ
Không

Giá thị trường
20.600 VND/cp

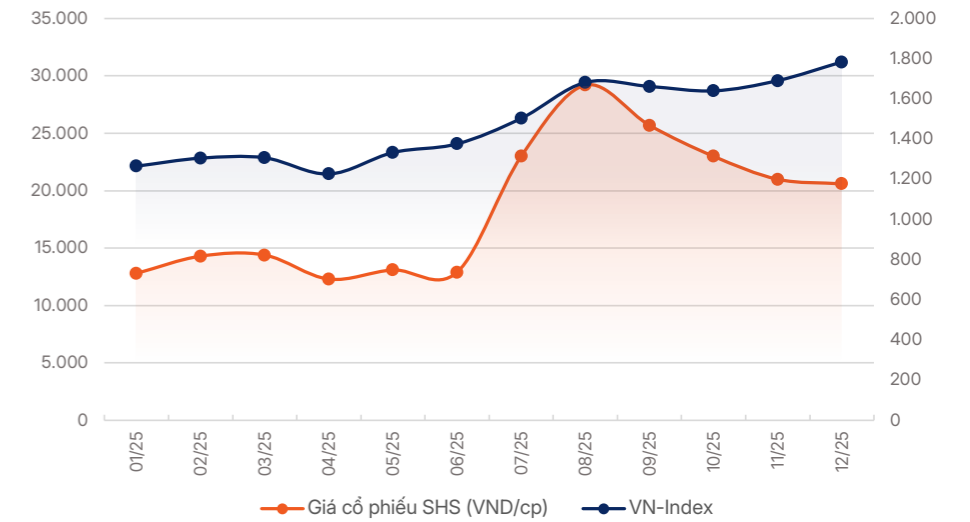
Giá trị vốn hóa thị trường
18.529 tỷ VND

Giá trị sổ sách (Book Value)
14.011 VND/cp



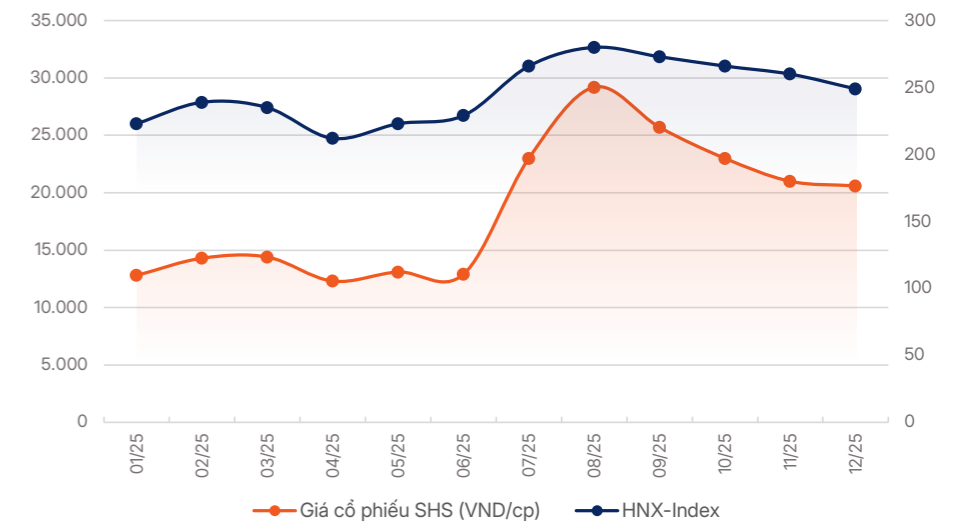
Biến động giá đóng cửa cổ phiếu SHS so với VN-Index

từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025
Nguồn: SHS



Biến động giá đóng cửa cổ phiếu SHS so với HNX-Index

từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025
Nguồn: SHS

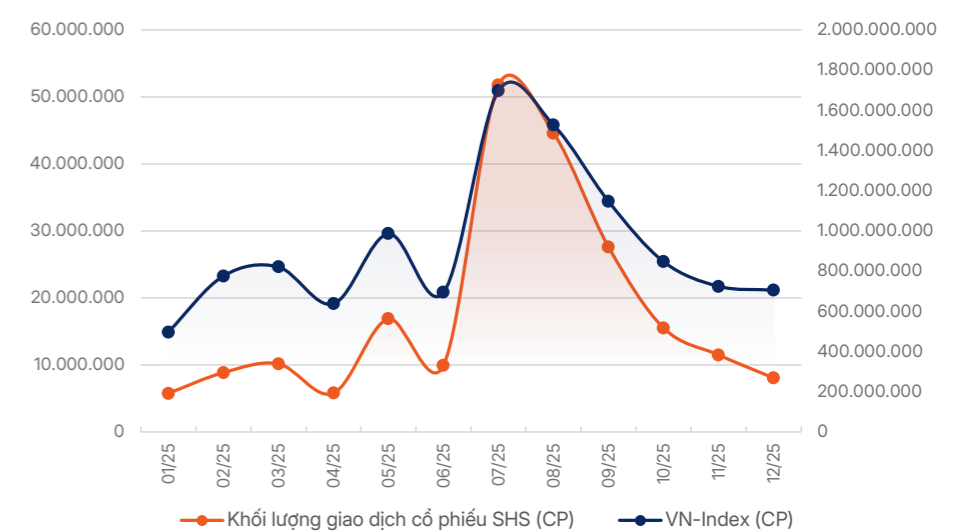


Biến động cổ phiếu SHS năm 2025

	VN-Index	HNX-Index	SHS (VND/cp)
Chỉ số/Giá cổ phiếu đầu năm	1.270	228	12.800
Chỉ số/Giá cổ phiếu cuối năm	1.784	249	20.600
Chỉ số/Giá cổ phiếu thấp nhất	1.094	193	11.200
Chỉ số/Giá cổ phiếu cao nhất	1.784	286	29.200
Biến động chỉ số/Giá cuối năm so với đầu năm	40,47%	9,21%	60,94%
Biến động chỉ số/Giá thấp nhất so với cao nhất	-38,68%	-32,52%	-61,64%
	VN-Index	HNX-Index	SHS
Khối lượng giao dịch đầu năm (cp/piên)	384.739.802	36.090.075	3.701.067
Khối lượng giao dịch cuối năm (cp/piên)	705.401.931	59.248.779	8.045.590
Khối lượng giao dịch thấp nhất (cp/piên)	304.781.475	32.964.554	2.334.740
Khối lượng giao dịch cao nhất (cp/piên)	2.809.126.432	319.232.719	91.871.302
Biến động khối lượng giao dịch cuối năm so với đầu năm	83,35%	64,17%	117,39%
Biến động khối lượng giao dịch thấp nhất so với cao nhất	-89,15%	-89,67%	-97,46%

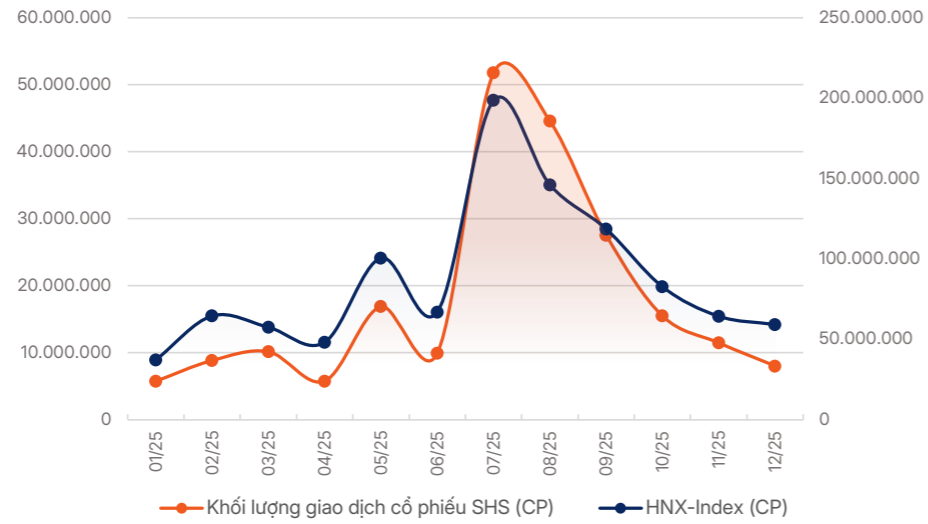
Biến động khối lượng giao dịch cổ phiếu SHS so với khối lượng giao dịch tại sàn HSX

từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025
Nguồn: SHS



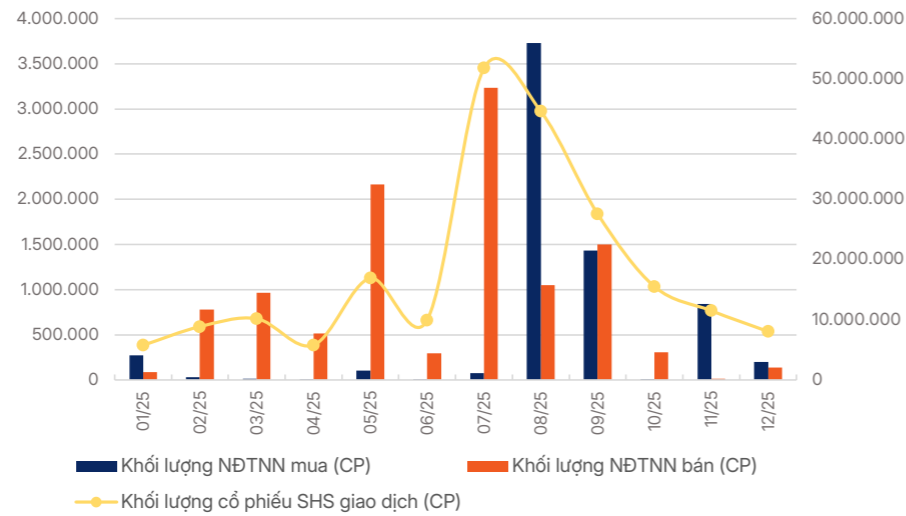
Biến động khối lượng giao dịch cổ phiếu SHS so với khối lượng giao dịch tại sàn HNX

từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025
Nguồn: SHS



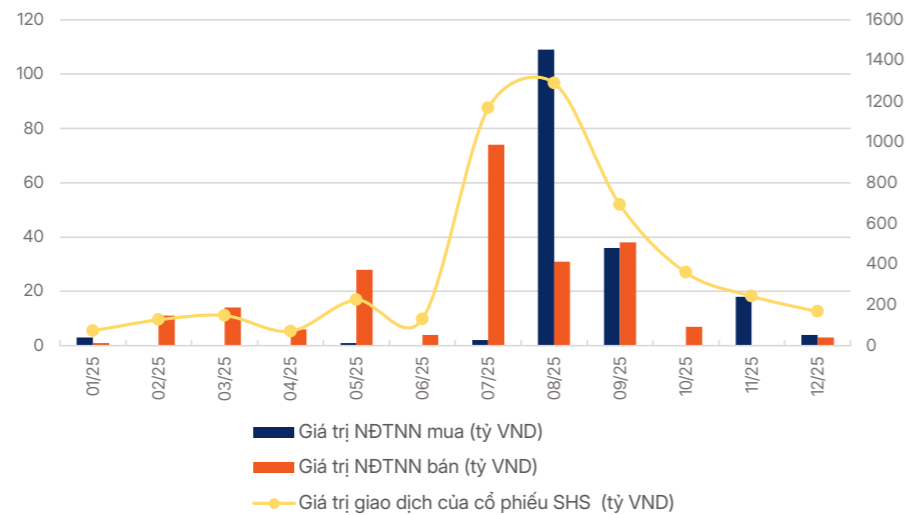
Biến động khối lượng giao dịch của cổ phiếu SHS và khối lượng giao dịch của NĐTNN đối với cổ phiếu SHS

từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025
Nguồn: SHS



Biến động giá trị giao dịch của cổ phiếu SHS và giá trị giao dịch của NĐTNN đối với cổ phiếu SHS

từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025
Nguồn: SHS



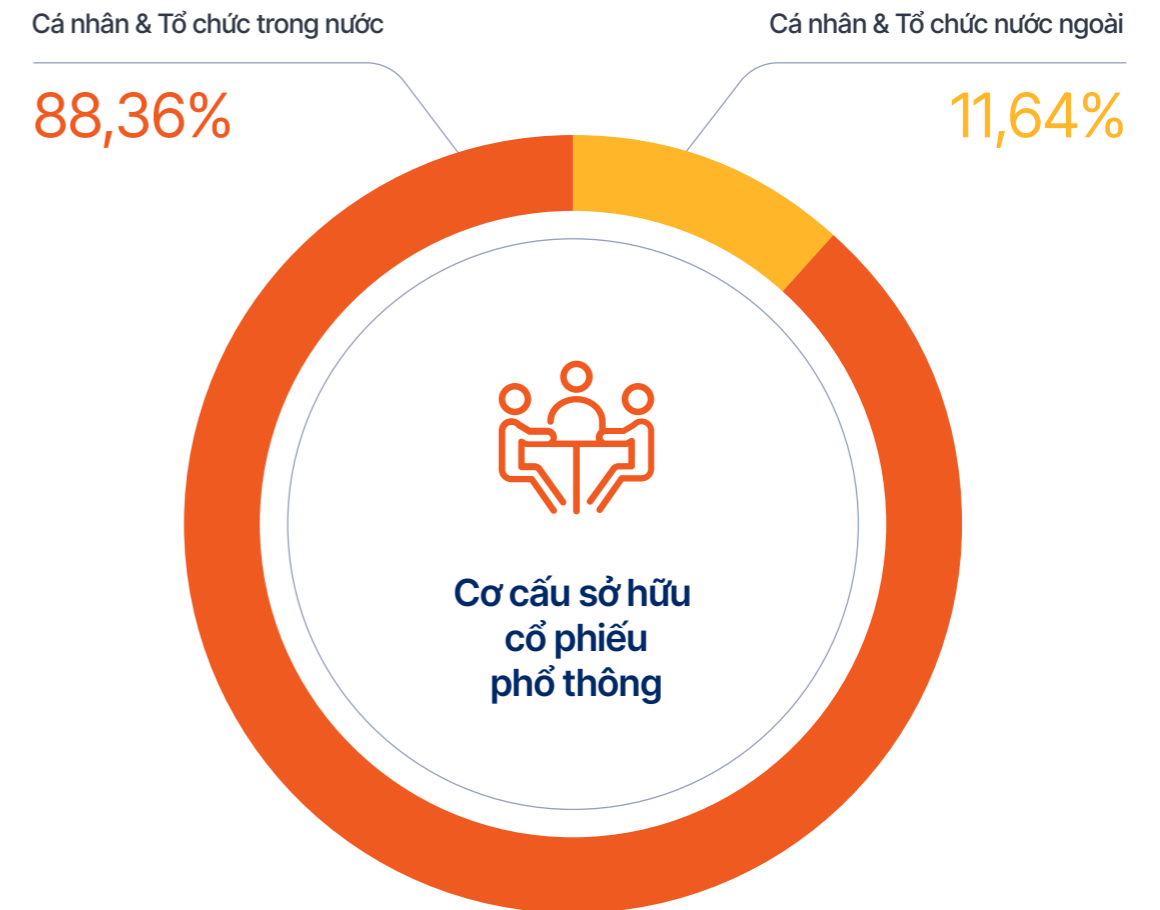
Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của SHS

tại ngày 08/10/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	54.567	794.770.728	88,36%
	a. Cá nhân trong nước	54.492	685.287.762	76,19%
	b. Tổ chức trong nước	75	109.482.966	12,17%
2	Nước ngoài	223	104.691.492	11,64%
	a. Cá nhân nước ngoài	173	3.715.174	0,41%
	b. Tổ chức nước ngoài	50	100.976.318	11,23%
3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0%
	Tổng cộng	54.790	899.462.220	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của SHS tại ngày 08/10/2025 do VSDC cung cấp



Giao dịch cổ phiếu SHS của cổ đông lớn

Danh sách cổ đông lớn của SHS tại ngày 31/12/2025

STT	Tên tổ chức	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn	50.056.306	5,565



Giao dịch cổ phiếu SHS của cổ đông lớn trong năm 2025

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại SHS/Quan hệ với người nội bộ SHS	Số lượng cổ phiếu SHS sở hữu đầu kỳ		Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Số lượng cổ phiếu SHS sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)			Số cổ phiếu	Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)	
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn, Cổ đông sáng lập của SHS	45.505.734	5,596	2.275.286	2.275.286	50.056.306	5,565	<ul style="list-style-type: none"> Nhận cổ phiếu được SHS phát hành thêm để trả cổ tức năm 2023 và để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Hợp đồng, giao dịch với cổ đông lớn

Trong năm 2025, SHS không ký Hợp đồng, giao dịch với Cổ đông lớn (Xin vui lòng xem Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán).

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu SHS

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại SHS/Quan hệ với người nội bộ SHS	Số lượng cổ phiếu SHS sở hữu đầu kỳ		Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2025	Số lượng cổ phiếu SHS sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)				Số cổ phiếu	Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)	
Giao dịch cổ phiếu SHS trong năm 2025 của người nội bộ và người có liên quan										
1	Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT SHS - Chủ tịch Ủy ban Chiến lược (Người nội bộ SHS)	12.500.000	1,537	625.000	625.000	200.000	13.950.000	1,551	<ul style="list-style-type: none"> Nhận cổ phiếu được SHS phát hành thêm để trả cổ tức năm 2023 và để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; Ngày 22/09/2025: mua 200.000 cổ phiếu ESOP 2025.
2	Đỗ Quang Hiến	Người có liên quan của Người nội bộ (Bố đẻ của Chủ tịch HĐQT Đỗ Quang Vinh)	4.424.484	0,544	221.224	221.224	0	4.866.932	0,541	<ul style="list-style-type: none"> Nhận cổ phiếu được SHS phát hành thêm để trả cổ tức năm 2023 và để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
3	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT - Thành viên Ủy ban Kiểm toán (Người nội bộ SHS)	0	0	0	0	95.000	95.000	0,011	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 22/09/2025: Mua 70.000 cổ phiếu ESOP 2025; Ngày 02/10/2025: Mua 25.000 cổ phiếu ESOP 2025.
4	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (Người nội bộ SHS)	0	0	0	0	80.000	80.000	0,009	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 22/09/2025: Mua 60.000 cổ phiếu ESOP 2025; Ngày 02/10/2025: Mua 20.000 cổ phiếu ESOP 2025.
5	Đào Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT (Người nội bộ SHS)	0	0	0	0	20.000	20.000	0,002	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 22/09/2025: Mua cổ phiếu ESOP 2025.
6	Trần Thị Nguyệt	Người có liên quan của Người nội bộ (Vợ của Thành viên HĐQT Đào Ngọc Dũng)	3.000	0,0004	150	150	0	3.300	0,0004	<ul style="list-style-type: none"> Nhận cổ phiếu được SHS phát hành thêm để trả cổ tức năm 2023 và để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
7	Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc - Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng (đến trước ngày 14/01/2026) (Người nội bộ SHS)	0	0	0	0	624.720	624.720	0,069	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 22/09/2025: Mua cổ phiếu ESOP 2025.
8	Phạm Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng (Người nội bộ SHS)	0	0	0	0	51.480	51.480	0,006	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 23/09/2025: Mua cổ phiếu ESOP 2025.
9	Nguyễn Thị Trinh Lê	Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ (Người nội bộ SHS)	0	0	0	0	4.740	4.740	0,001	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 23/09/2025: Mua cổ phiếu ESOP 2025.
10	Trần Linh Chi	Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ (Người nội bộ SHS)	0	0	0	0	4.740	4.740	0,001	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 23/09/2025: Mua cổ phiếu ESOP 2025.
11	Doãn Thị Như Quỳnh	Phó Chánh Văn phòng HĐQT; Người phụ trách quản trị Công ty (Người nội bộ SHS)	0	0	0	0	23.250	23.250	0,003	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 23/09/2025: Mua cổ phiếu ESOP 2025.
Giao dịch cổ phiếu SHS trong năm 2025 của cá nhân đã là người nội bộ và người có liên quan										
1	Vũ Đức Trung	Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ (Người nội bộ SHS)	2.664.100	0,328	133.205	133.205	0	2.930.510	0,326	<ul style="list-style-type: none"> Nhận cổ phiếu được SHS phát hành thêm để trả cổ tức năm 2023 và để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
2	Trần Thị Vân	Phó trưởng phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro, Người được ủy quyền công bố thông tin (Người nội bộ SHS)	20.050	0,002	1.002	1.002	26.630	26.684	0,003	<ul style="list-style-type: none"> Nhận 2.004 cổ phiếu được SHS phát hành thêm để trả cổ tức năm 2023 và để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; Ngày 22/07/2025: Bán 22.000 cổ phiếu (đã công bố thông tin theo quy định); Ngày 22/09/2025: Mua 26.630 cổ phiếu ESOP 2025.

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người/tổ chức có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Tháng 4 - 5 - 6 năm 2025	• QĐ HĐQT SHS số 24-2019/QĐ-HĐQT ngày 26/07/2019	Giao dịch chứng chỉ tiền gửi SHB (SHB phát hành cho SHS): • Tổng giá trị chứng chỉ tiền gửi được giao dịch: 17.000.000.000.000 VND.
2			Tháng 2 năm 2025		Giao dịch Trái phiếu SHB phát hành ra công chúng: • Tổng giá trị Trái phiếu được giao dịch: 448.500.000.000 VND.
3			Tháng 4 - 5 - 6 năm 2025		SHS cung cấp dịch vụ tư vấn về Chứng chỉ tiền gửi cho SHB: • Tổng giá trị giao dịch: 17.000.000.000.000 VND. • Tổng phí dịch vụ thu được: 15.454.545.455 VND.
4			Năm 2025		Số dư chủ yếu với SHB đến ngày 31/12/2025: Đầu tư Trái phiếu: • Đầu kỳ: 913.632.764.846 VND. • Cuối kỳ: 262.377.852.844 VND.
5			Tháng 1-4-6 năm 2025		Giao dịch giấy tờ có giá (SHB và SHS mua bán thứ cấp): • Tổng giá trị được giao dịch: 3.212.979.054.795 VND. • Giấy tờ có giá SHB đáo hạn tự động: 756.787.671.347 VND.
6	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Năm 2025	• QĐ HĐQT SHS số 30-2024/QĐ-HĐQT ngày 05/06/2024	Phí dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu SHB ra công chúng: • Tổng giá trị giao dịch: 1.740.000.000 đồng (không gồm thuế).
7	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Trong năm 2025	• QĐ HĐQT SHS số 10-2025/QĐ-HĐQT ngày 10/02/2025 • QĐ HĐQT SHS số 46-2025/QĐ-HĐQT ngày 31/07/2025 • QĐ HĐQT SHS số 70/2025/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2025 • QĐ HĐQT SHS số 74/2025/QĐ-HĐQT ngày 05/11/2025	Vay vốn theo hạn mức tín dụng tại SHB Đông Đô. • Tổng hạn mức: 1.800.000.000.000 VND. • Tổng nhận tiền vay: 2.323.000.000.000 VND. • Tổng trả nợ gốc và lãi vay: 1.844.597.780.713 VND.
8	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Trong 6 tháng cuối năm 2025	• QĐ HĐQT SHS số 70/2025/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2025 • QĐ HĐQT SHS số 83/2025/QĐ-HĐQT ngày 01/12/2025	Vay vốn theo hạn mức thấu chi tại SHB Ba Đình: • Tổng giá trị giao dịch đã thực hiện: 0 VND do chưa phát sinh giao dịch trong năm 2025.
9	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Trong năm 2025	• QĐ HĐQT SHS số 32-2025/QĐ-HĐQT ngày 17/06/2025	SHS cung cấp cho SHB dịch vụ tư vấn liên quan đến chào bán Trái phiếu riêng lẻ SHB lần 1 năm 2025: • Tổng giá trị Hợp đồng dự kiến: từ 350.000.000 VND đến 650.000.000 VND (chưa gồm thuế giá trị gia tăng) (giá trị thực tế tùy vào số đợt Trái phiếu SHB phát hành thành công). • Tổng giá trị giao dịch đã thực hiện: 550.000.000 VND (chưa gồm thuế giá trị gia tăng).
10	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Quý III/2025	• QĐ HĐQT SHS số 39-2025/QĐ-HĐQT ngày 23/07/2025	SHS và SHB ký kết các Hợp đồng, tài liệu giao dịch trong Quý III/2025 (các hợp đồng mua bán trái phiếu Chính phủ và phụ lục hợp đồng, văn bản khác có liên quan để thực hiện hợp đồng mua bán trái phiếu Chính phủ; các hợp đồng mua bán giấy tờ có giá; phiếu đặt mua trái phiếu SHBC7Y202402): 1. Hợp đồng mua bán trái phiếu Chính phủ và phụ lục: • Tổng mệnh giá Trái phiếu tối đa: 20.000.000.000.000 VND. • Tổng giá trị giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ thực hiện: 19.900.000.000.000 VND. 2. Hợp đồng mua bán giấy tờ có giá: • Tổng giá trị giao dịch: tối đa 2.000.000.000.000 VND. • Tổng giá trị giao dịch mua bán giấy tờ có giá: 613.280.894.000 VND. 3. Phiếu đặt mua trái phiếu SHBC7Y202402: • Tổng giá trị đặt mua tối đa: 1.000.000.000.000 VND. • Tổng giá trị giao dịch mua trái phiếu SHB chào bán ra công chúng thực hiện: 430.313.000.000 VND. • Lãi trái phiếu: 23.718.841.022 VND.
11	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Trong năm 2025	• QĐ HĐQT SHS số 45-2025/QĐ-HĐQT ngày 31/07/2025; • QĐ HĐQT SHS số 71/2025/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2025.	4 giao dịch ký HĐ tiền gửi và tất toán HĐ tiền gửi với SHB: • Tổng giá trị giao dịch: 200.373.698.630 VND. 1. SHS ký hợp đồng gửi tiền tại SHB: 50.000.000.000 VND. 2. Tất toán hợp đồng tiền gửi tại SHB 50.186.849.315 VND. 3. SHS ký hợp đồng gửi tiền tại SHB: 50.000.000.000 VND. 4. Tất toán hợp đồng tiền gửi tại SHB: 50.186.849.315 VND. Số dư Tiền vay ngân hàng với SHB tại ngày 31/12/2025: • Đầu kỳ: 400.000.000.000 VND. • Cuối kỳ: 900.000.000.000 VND.
12	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)		• QĐ HĐQT SHS số 48-2025/QĐ-HĐQT ngày 04/08/2025	SHS cung cấp dịch vụ và ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược chuyên sâu về quan hệ nhà đầu tư (IR) với SHB: • Tổng giá trị Hợp đồng dự kiến: 19.848.600.000 VND. • Tổng giá trị giao dịch: 0 đồng, do chưa ký Hợp đồng, chưa phát sinh giao dịch.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
13	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)		• QĐ HĐQT SHS số 51-2025/QĐ-HĐQT ngày 04/08/2025	SHS ký kết Hợp đồng cho thuê văn phòng (Tòa nhà SHB Cần Thơ) với SHB, giá thuê 35.640.000 VND/tháng: • Tổng giá trị hợp đồng: 427.680.000 VND/năm (đã gồm VAT). • Tổng giá trị giao dịch đã thực hiện: 130.526.710 VND.
14	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Năm 2025	• QĐ HĐQT SHS số 52-2025/QĐ-HĐQT ngày 12/08/2025	SHS cung cấp cho SHB dịch vụ tư vấn liên quan đến chào bán Trái phiếu riêng lẻ SHB lần 2 năm 2025: • Tổng giá trị giao dịch đã thực hiện: 550.000.000 VND.
15	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)		• QĐ HĐQT SHS số 64-2025/QĐ-HĐQT ngày 24/09/2025	SHS và SHB ký kết các Hợp đồng văn bản thỏa thuận khác liên quan tới việc SHS thuê văn phòng của SHB trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam: • Nội dung và tổng giá trị giao dịch: 114.626.688 VND.
16	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Quý IV/2025	• QĐ HĐQT SHS số 62-2025/QĐ-HĐQT ngày 24/09/2025	SHS và SHB ký kết các Hợp đồng, tài liệu giao dịch trong Quý IV/2025 (các hợp đồng mua bán trái phiếu Chính phủ và phụ lục hợp đồng, văn bản khác có liên quan để thực hiện hợp đồng mua bán trái phiếu Chính phủ; các hợp đồng mua bán giấy tờ có giá): 1. Hợp đồng mua bán trái phiếu Chính phủ và phụ lục hợp đồng: • Tổng mệnh giá Trái phiếu tối đa: 20.000.000.000.000 VND. • Tổng giá trị giao dịch thực hiện: 20.000.000.000.000 VND. 2. Hợp đồng mua bán giấy tờ có giá: • Tổng giá trị giao dịch tối đa: 2.000.000.000.000 VND. • Tổng giá trị giao dịch thực hiện: 2.000.000.000.000 VND. 3. SHB mua lại trái phiếu SHB12301 trước hạn: 1.416.977.241.834 VND.
17	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)		• QĐ HĐQT SHS số 75/2025/QĐ-HĐQT ngày 06/11/2025	Phương án SHS cung cấp cho SHB dịch vụ tư vấn liên quan đến phát hành, chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ: • Tổng giá trị giao dịch: 0 VND, do chưa ký Hợp đồng trong năm 2025.
18	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)		• QĐ HĐQT SHS số 77/2025/QĐ-HĐQT ngày 13/11/2025	SHS ký kết Hợp đồng thu hộ với SHB: • Tổng giá trị giao dịch đã thực hiện: 0 VND do chưa phát sinh giao dịch trong năm 2025.
19	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Tháng 12/2025	• QĐ HĐQT SHS số 85/2025/QĐ-HĐQT ngày 08/12/2025	SHS và SHB ký kết các hợp đồng, tài liệu giao dịch trong Quý IV/2025 (các Hợp đồng mua bán Trái phiếu Chính phủ và Phụ lục Hợp đồng, văn bản khác có liên quan để thực hiện Hợp đồng mua bán trái phiếu Chính phủ). • Tổng mệnh giá Trái phiếu tối đa: 20.000.000.000.000 VND. • Tổng giá trị giao dịch: 20.000.000.000.000 VND.
20	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Tháng 12/2025	• QĐ HĐQT SHS số 90/2025/QĐ-HĐQT ngày 23/12/2025	SHS và SHB ký kết các Hợp đồng, tài liệu giao dịch, thực hiện từ ngày 23/12/2025 đến hết ngày 31/03/2026 (các hợp đồng mua bán trái phiếu Chính phủ và phụ lục hợp đồng, văn bản khác có liên quan để thực hiện hợp đồng mua bán trái phiếu Chính phủ): • Tổng mệnh giá trái phiếu tối đa: 60.000.000.000.000 VND. • Tổng giá trị giao dịch: 1.980.000.000.000 VND.
21	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Năm 2025		Số dư chủ yếu với SHB: (1) Tiền gửi ngân hàng: • Đầu kỳ: 479.673.224.490 VND. • Cuối kỳ: 567.780.120.977 VND. (2) Chi phí lãi vay: • Đầu kỳ: 1.406.996.186 VND. • Cuối kỳ: 3.469.808.218 VND. (3) Đầu tư cổ phiếu: • Đầu kỳ: 275.238.748.169 VND. • Cuối kỳ: 275.238.748.169 VND.
22	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Năm 2025		Nghiệp vụ lưu ký và môi giới chứng khoán: 11.807.848.675 VND.
23	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (*)	Năm 2025		Cổ tức, lợi nhuận được chia: 29.739.567.000 VND
24	Ông Đỗ Vinh Quang	Người có liên quan của người nội bộ SHS (Em ruột của Chủ tịch HĐQT SHS Đỗ Quang Vinh)	Năm 2025	• QĐ HĐQT SHS số 64-2024/QĐ-HĐQT ngày 12/12/2024	SHS ký kết Hợp đồng cho thuê văn phòng (Tòa nhà số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP.Hà Nội) với ông Đỗ Vinh Quang: 1,5 tỷ VND/tháng: • Tổng giá trị giao dịch: 24,5 tỷ VND/năm (gồm thuế).
25	CTCP Quản lý Quỹ BVIM (BVIM)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (Ông Đỗ Quang Vinh là Chủ tịch HĐQT của SHS và BVIM)	23/09/2025	• QĐ HĐQT SHS số 44-2025/QĐ-HĐQT ngày 31/07/2025	SHS và BVIM hợp tác quản lý danh mục đầu tư. • Tổng giá trị giao dịch SHS đã ủy thác cho BVIM: 40.000.000.000 VND. • Tổng phí quản lý hồ sơ cho giao dịch chứng khoán BVIM thu hộ trả cho ngân hàng lưu ký: 6.825.450 VND. • Tổng phí giao dịch chứng khoán theo kết quả giao dịch BVIM thu hộ trả cho công ty chứng khoán đặt lệnh: 64.855.500 VND. • Tổng phí chuyển tiền BVIM thu hộ trả cho ngân hàng lưu ký: 4.680.022 VND. • Tổng phí quản lý danh mục đầu tư trả cho BVIM: 45.369.863 VND. • Lãi tiền gửi: 8.025.432 VND. • Giá trị danh mục ủy thác đầu tư: 39.773.000.000 VND. • Số dư tiền trên tài khoản ủy thác: 243.294.597 VND.
26	CTCP Quản lý Quỹ BVIM (BVIM)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (Ông Đỗ Quang Vinh là Chủ tịch HĐQT của SHS và BVIM)	Trong năm 2025	• QĐ HĐQT SHS số 69-2025/QĐ-HĐQT ngày 21/10/2025	Dịch vụ cung cấp báo cáo về Ngành hàng không: • Giá trị giao dịch dự kiến: 935.000.000 VND. • Giá trị hợp đồng đã thực hiện: 935.000.000 VND (chưa gồm thuế giá trị gia tăng).
27	CTCP Dược Phẩm Dược Liệu (PMC)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc – Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng SHS Nguyễn Chí Thành là Phó Chủ tịch HĐQT PMC (đến trước ngày 28/03/2026)) (**)	Trong năm 2025	• QĐ HĐQT SHS số 09-2025/QĐ-HĐQT ngày 10/02/2025	Cung cấp dịch vụ tư vấn cho PMC: • Tổng giá trị giao dịch dự kiến khoảng 100.000.000 VND. • Giá trị giao dịch đã thực hiện là 73.040.000 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
28	Công ty Bảo hiểm BSH Hà Nội - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSH)	Người có liên quan của người nội bộ SHS (ông Vũ Đức Trung - Phó Tổng Giám đốc - Người được ủy quyền công bố thông tin BSH là Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ SHS) (trước tháng 8/2025)	Tháng 7/2025		SHS ký kết hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt với Công ty Bảo hiểm BSH Hà Nội: • Tổng giá trị giao dịch: 35.200.000 VND/năm (gồm thuế giá trị gia tăng).
29	CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Người có liên quan của SHS	Năm 2015 - 2016		1. Phải thu của Khách hàng (Phí tư vấn theo Hợp đồng số 29/2015/HĐTVTC/SHS.HS.TV ngày 27/05/2015; và số 37/2016/HĐTVTC/SHS.HS.TV ngày 30/08/2016): 38.000.000 VND. 2. Số dư với PVC-TH: Đầu tư cổ phiếu: • Đầu kỳ: 2.170.000.000 VND; • Cuối kỳ: 2.170.000.000 VND.
30	Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT SHS - Chủ tịch Ủy ban Chiến lược (Người nội bộ SHS)	25/08/2025	• Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025 • QĐ HĐQT số 26-2025/QĐ-HĐQT ngày 14/04/2025	Cổ tức SHS trước thuế: 12.500.000.000 VND.
31	Ông Đỗ Quang Hiến	Người có liên quan của Người nội bộ (Bố đẻ của Chủ tịch HĐQT Đỗ Quang Vinh)	25/08/2025		Cổ tức SHS trước thuế: 4.424.484.000 VND.
32	Ông Vũ Đức Trung	Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ (Người nội bộ SHS)	25/08/2025		Cổ tức SHS trước thuế: 2.664.100.000 VND.
33	Bà Trần Thị Vân	Phó trưởng phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro, Người được ủy quyền công bố thông tin (Người nội bộ SHS)	25/08/2025		Cổ tức SHS trước thuế: 20.050.000 VND.
34	Bà Trần Thị Nguyệt	Người có liên quan của Người nội bộ (Vợ của Thành viên HĐQT Đào Ngọc Dũng)	25/08/2025		Cổ tức SHS trước thuế: 3.000.000 VND
35	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông lớn, Cổ đông sáng lập của SHS	25/08/2025		Cổ tức SHS trước thuế: 45.505.734.000 VND.
36	Thủ lao, thu nhập, chi phí... cho Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Người quản lý, Người nội bộ	Trong năm 2025	• Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025 • Quyết định số 02/2025/QĐ-CTHĐQT ngày 10/04/2025 của Chủ tịch HĐQT • QĐ HĐQT số 06-2024/QĐ-HĐQT ngày 02/02/2024 • QĐ HĐQT số 13-2024/QĐ-HĐQT ngày 28/03/2024 • QĐ HĐQT số 20-2025/QĐ-HĐQT ngày 27/03/2025.	• Ông Đỗ Quang Vinh (Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch Ủy ban chiến lược): 4.777.777.774 VND. • Ông Nguyễn Chí Thành (Thành viên HĐQT (từ ngày 10/04/2025) kiêm Tổng Giám đốc - Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng (đến trước ngày 14/01/2026)): 12.387.009.847 VND. • Ông Vũ Đức Tiến (Thành viên HĐQT đến ngày 10/04/2025): 129.040.404 VND. • Ông Lê Đăng Khoa (Thành viên HĐQT - Thành viên Ủy ban Kiểm toán): 836.111.113 VND. • Bà Nguyễn Diệu Trinh (Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán): 2.269.444.451 VND. • Ông Đào Ngọc Dũng (Thành viên HĐQT từ ngày 10/04/2025): 573.619.362 VND. Bà Phạm Thị Thanh Hào (Kế toán trưởng): 2.739.465.486 VND.

Ghi chú:
 (*) Chủ tịch HĐQT SHS Đỗ Quang Vinh là Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc SHB và Thành viên HĐQT SHS Lê Đăng Khoa là Phó Tổng Giám đốc SHB;
 (**) Ông Nguyễn Chí Thành giữ chức vụ Tổng Giám đốc - Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng SHS đến trước ngày 14/01/2026.

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát

Không có

Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác

- **Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):** như bảng "Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người/tổ chức có liên quan của người nội bộ" phía trên.
- **Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành:** Không có.
- **Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác:** Không có.

Quan hệ cổ đông

Trách nhiệm triển khai công tác quan hệ cổ đông, quản lý thông tin và dữ liệu của cổ đông thực hiện quyền, quản lý, cổ phần, cổ phiếu SHS thuộc Văn phòng HĐQT.



Thông tin liên hệ:

Văn phòng HĐQT, CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Địa chỉ: Tầng 6, Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Hà Nội

Email: investor@shs.com.vn
Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888

Hoạt động quan hệ cổ đông năm 2025

Hoạt động quan hệ cổ đông tập trung vào việc quản lý thông tin dữ liệu và hồ sơ cổ đông; hỗ trợ cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, nhận cổ tức, nhận Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần; hỗ trợ cổ đông tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến trao, tặng, thừa kế cổ phần SHS. Bên cạnh đó, trong năm 2025 Công ty đã:

- Tiếp nhận các kiến nghị, đề xuất và đã kịp thời phản hồi, giải đáp các vướng mắc của cổ đông thông qua nhiều kênh liên lạc: Báo cáo và thông báo chính thức theo quy định; các nền tảng công nghệ trực tuyến.

- Thông qua hình thức họp ĐHĐCĐ kết hợp trực tiếp và trực tuyến (hybrid), đảm bảo tất cả các cổ đông từ nhiều địa điểm được tiếp cận đầy đủ và kịp thời nội dung, tài liệu cũng như thực hiện các quyền tham dự, có ý kiến, biểu quyết, bầu cử tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Mở rộng và thiết lập thêm các kênh tương tác bao gồm: website, trang mạng xã hội, hòm thư, hotline, thông tin liên hệ của các bộ phận truyền thông, điều hành, công bố thông tin và quan hệ cổ đông để thường xuyên tiếp nhận và phản hồi ý kiến của cổ đông.



Kế hoạch hoạt động Quan hệ cổ đông năm 2026

Hoạt động quan hệ cổ đông/nhà đầu tư được xác định là hoạt động quản lý có tính chiến lược, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các trụ cột cốt lõi của SHS gồm: tài chính, nguồn lực, truyền thông và pháp chế. Thông qua việc thúc đẩy các kênh tương tác hai chiều hiệu quả với cộng đồng tài chính, Công ty hướng tới tăng cường tính minh bạch, chuẩn hóa hình ảnh thương hiệu một cách nhất quán, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích của Cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.



Năm 2026, hoạt động quan hệ cổ đông tập trung vào các định hướng trọng tâm sau:

- **Hoàn thiện hệ sinh thái tương tác đa kênh:** Duy trì và liên tục nâng cấp các kênh kết nối như: website, nền tảng mạng xã hội, hotline, email và đầu mối liên hệ của các bộ phận truyền thông, điều hành, công bố thông tin và quan hệ cổ đông nhằm tiếp nhận, phản hồi kịp thời các quan tâm của cổ đông, nhà đầu tư, đặc biệt đối với các vấn đề về ESG, qua đó thúc đẩy sự kết nối chủ động quan tâm và thực chất giữa SHS và các bên liên quan.
- **Nâng cao năng lực đội ngũ quan hệ cổ đông:** Xây dựng, kiện toàn tổ chức và tăng cường đào tạo chuyên sâu cho cán bộ phụ trách nhằm đáp ứng tốt yêu cầu hỗ trợ cổ đông, nhà đầu tư thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- **Phát triển nền tảng thông tin minh bạch, song ngữ:** Tiếp tục xây dựng và nâng cấp chuyên mục Quan hệ cổ đông trực tuyến, bảo đảm việc công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, phục vụ hiệu quả cộng đồng nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- **Ứng dụng công nghệ và AI trong hoạt động IR:** Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao chất lượng tiếp nhận, xử lý và phản hồi thông tin, góp phần tối ưu hóa trải nghiệm cổ đông trên toàn bộ các kênh kết nối.
- **Đẩy mạnh hoạt động kết nối nhà đầu tư:** Chủ động tổ chức các chương trình gặp gỡ, hội thảo và sự kiện dành cho cổ đông, nhà đầu tư và đối tác nhằm cung cấp thông tin cập nhật về hoạt động kinh doanh, chiến lược phát triển cũng như giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.
- **Thực hiện hiệu quả chính sách cổ đông:** Lập và triển khai kế hoạch chi trả cổ tức, phát hành cổ phiếu, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông.
- **Nâng cao chất lượng ĐHĐCĐ trực tuyến:** Tiếp tục hoàn thiện mô hình ĐHĐCĐ hybrid thông qua việc ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, cho phép cổ đông tham dự, trao đổi ý kiến và biểu quyết điện tử thuận tiện, minh bạch theo quy định pháp luật.
- **Bảo đảm quyền tham gia của cổ đông:** Tổ chức chương trình nghị sự khoa học, bố trí địa điểm và thời gian hợp lý, tạo điều kiện tối đa để cổ đông trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết từng nội dung tại ĐHĐCĐ.
- **Gia tăng nhận diện thương hiệu:** Tăng cường truyền thông, giới thiệu bộ nhận diện thương hiệu mới của SHS tới cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư nhằm củng cố hình ảnh chuyên nghiệp và đồng bộ trên thị trường.
- **Hiện đại hóa hạ tầng quản lý cổ đông:** Thiết lập và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, công nghệ phục vụ quản lý cổ đông, cổ phần, cổ phiếu, đảm bảo kết nối ổn định, an toàn và bảo mật với các cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý, các Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Người thực hiện công bố thông tin

SHS hiểu rằng công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn giúp nâng cao uy tín, hình ảnh và thương hiệu của Công ty trên thị trường. Vì vậy, bên cạnh việc nắm bắt và cập nhật liên tục, kịp thời các thay đổi liên quan đến công bố thông tin, SHS luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về công bố thông tin.

Người thực hiện công bố thông tin của Công ty là Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin. Trong năm 2025, những cá nhân dưới đây của Công ty đã thực hiện công bố thông tin:



Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật (đến trước ngày 14/01/2026)

Ông Nguyễn Chí Thành

Người được ủy quyền công bố thông tin:



Bà Nguyễn Thủy Hạnh Mai: Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 10/02/2025

- **Học vấn:** Thạc sỹ Kế toán, CPA Việt Nam, Chứng chỉ hành nghề chứng khoán Phân tích - UBCKNN cấp
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, chứng khoán
- **Chức vụ tại SHS:** Trưởng phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro (đến trước ngày 24/02/2025)
- **Điện thoại liên hệ:** 024.38.181.888 (Máy lẻ: 318)
- **Email:** mai.nth@shs.com.vn



Bà Trần Thị Vân: Từ ngày 11/02/2025 đến ngày 09/12/2025

- **Học vấn:** Cử nhân
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán
- **Chức vụ tại SHS:** Phó trưởng phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro
- **Điện thoại liên hệ:** 024.38.181.888 (Máy lẻ: 104)
- **Email:** van.tt@shs.com.vn



Bà Bùi Thị Hồng Hạnh: Từ ngày 10/12/2025 đến nay

- **Học vấn:** Cử nhân
- **Kinh nghiệm làm việc:** Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán
- **Chức vụ tại SHS:** Giám đốc Khối Tài chính
- **Điện thoại liên hệ:** 024.38.181.888
- **Email:** hanh.bth@shs.com.vn

Công bố thông tin năm 2025

Toàn bộ các công bố thông tin định kỳ và bất thường của Công ty trong năm 2025 đã được đăng tải trên website Công ty tại mục **“Quan hệ cổ đông”** cũng như qua hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Các nghĩa vụ công bố thông tin SHS đã thực hiện trong năm 2025: công ty đại chúng, công ty niêm yết, công ty chứng khoán, tổ chức phát hành chứng khoán riêng lẻ, cổ đông lớn, tổ chức có liên quan...



Tháng	Loại báo cáo	Ngày công bố
1/2025	Định kỳ	
	Báo cáo tài chính Quý IV/2024	20/01/2025
	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025	24/01/2025
	Bất thường	
	Công bố quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBCKNN	24/01/2025
2/2025	Định kỳ	
	Không có	
	Bất thường	
	Quyết định của HĐQT về việc vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đông Đô	11/02/2025
	Quyết định của HĐQT về việc cung cấp dịch vụ tư vấn cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (PMC)	11/02/2025
	Công bố Nghị quyết của HĐQT về việc tổ chức phiên họp thường niên 2025	14/02/2025
	Đính chính báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2024	28/02/2025
	Đính chính báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2022	28/02/2025
	Đính chính báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023	28/02/2025
	Quyết định về việc tuyển dụng cán bộ Kiểm toán nội bộ	28/02/2025
3/2025	Định kỳ	
	Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán	06/03/2025
	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024 đã được kiểm toán	06/03/2025
	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp	19/03/2025

Tháng	Loại báo cáo	Ngày công bố
	Báo cáo thường niên năm 2024	20/03/2025
	Bất thường	
	Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng	19/03/2025
	UBCKNN đã nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	19/03/2025
	UBCKNN đã nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	19/03/2025
	Đính chính Quyết định 19-2025/QĐ-HĐQT của HĐQT về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	23/03/2025
	Thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	24/03/2025
	Toàn văn bản cáo bạch phát hành cổ phiếu SHS 2025	24/03/2025
	Thông báo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	24/03/2025
	Thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	24/03/2025
	SHS tiếp tục bổ nhiệm bà Phạm Thị Thanh Hà giữ chức vụ Kế toán trưởng	27/03/2025
	Cập nhật, bổ sung tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	31/03/2025
	Thông báo đăng ký giao dịch cổ phiếu SHS của người nội bộ	31/03/2025
4/2025		
	Định kỳ	
	Sửa đổi, bổ sung tài liệu hợp ĐHCĐ thường niên năm 2025	04/04/2025
	Báo cáo tài chính Quý I/2025	18/04/2025
	Bất thường	
	Đơn từ chức của ông Vũ Đức Tiến – Thành viên Hội đồng Quản trị	02/04/2025
	Quyết định của HĐQT thông qua phương án thay đổi địa điểm đặt Trụ sở làm việc của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	03/04/2025
	Nghị quyết, Biên bản họp và các tài liệu kèm theo của ĐHCĐ thường niên năm 2025	11/04/2025
	Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị	11/04/2025
	Bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị	11/04/2025
	Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và áp dụng Điều lệ	11/04/2025
	Công bố thông tin về việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2024	14/04/2025
	Thông báo Dừng đợt Chào bán cổ phiếu ra công chúng	14/04/2025
	Công bố thông tin về việc hủy bỏ Ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	14/04/2025
	SHS đã nhận được văn bản của UBCKNN về việc dừng đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của SHS	24/04/2025
5/2025		
	Định kỳ	
	Không có	
	Bất thường	
	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	06/05/2025
	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	06/05/2025
	Thông báo kết quả giao dịch cổ phiếu SHS của Người nội bộ	06/05/2025
	Quyết định của HĐQT về việc Kết quả của đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	06/05/2025
	SHS thông báo về việc thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	06/05/2025
	Nghị quyết của HĐQT về việc tăng vốn điều lệ	12/05/2025
	SHS đã được nhận văn bản của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	12/05/2025
	SHS đã được nhận văn bản của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023	12/05/2025
	SHS đã nhận được văn bản của VSĐC về việc chứng nhận điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký – mã chứng khoán SHS	21/05/2025
	Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán của SHS	29/05/2025
	Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của SHS	29/05/2025
	Nghị quyết của HĐQT về việc sửa đổi Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi	30/05/2025

Tháng	Loại báo cáo	Ngày công bố
6/2025		
	Định kỳ	
	Không có	
	Bất thường	
	Thông báo của HNX về Ngày giao dịch đối với cổ phiếu niêm yết bổ sung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	06/06/2025
	Quyết định của HĐQT về việc thay đổi địa điểm làm việc của Văn phòng đại diện Hải Phòng	06/06/2025
	Quyết định của HĐQT về việc SHS cung cấp cho SHB dịch vụ tư vấn liên quan đến chào bán Trái phiếu riêng lẻ SHB lần 1 năm 2025	17/06/2025
	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh Phòng Giao dịch Thăng Long	19/06/2025
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 của SHS	25/06/2025
7/2025		
	Định kỳ	
	Báo cáo tài chính Quý II/2025	18/07/2025
	Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2025	30/07/2025
	Bất thường	
	SHS ký Hợp đồng kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính 2025	07/07/2025
	Công bố thông tin đăng ký giao dịch cổ phiếu SHS của Người nội bộ	14/07/2025
	Công bố thông tin Thư từ nhiệm của ông Vũ Đức Trung	23/07/2025
	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu SHS của Người nội bộ - Người được ủy quyền công bố thông tin Trần Thị Vân	24/07/2025
	Quyết định của HĐQT về việc thông qua việc ký kết các Hợp đồng, tài liệu giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý III/2025	24/07/2025
	Quyết định về việc tuyển dụng cán bộ Kiểm toán nội bộ	29/07/2025
	Quyết định của HĐQT về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2025 của SHS	31/07/2025
	Quyết định của HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ đối với ông Vũ Đức Trung	31/07/2025
8/2025		
	Định kỳ	
	Báo cáo tài chính bán niên 2025 được soát xét	14/08/2025
	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên 2025 được soát xét	14/08/2025
	Bất thường	
	Quyết định của HĐQT về việc đăng ký lại mẫu các con dấu của SHS	01/08/2025
	Quyết định số 46 của HĐQT về việc thông qua giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý III/2025	01/08/2025
	Quyết định số 45 của HĐQT về việc thông qua giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý III/2025	01/08/2025
	Quyết định của HĐQT về việc hợp tác và ký kết hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ BVIM	01/08/2025
	Quyết định của HĐQT về việc thành lập Văn phòng đại diện tại Thành phố Cần Thơ của SHS	05/08/2025
	Quyết định của HĐQT về việc Giao dịch giữa SHS và SHB	05/08/2025
	Quyết định của HĐQT về việc cung cấp Dịch vụ Tư vấn cho SHB	05/08/2025
	Nghị Quyết HĐQT về việc phát hành riêng lẻ trái phiếu SHS lần 1 năm 2025	12/08/2025
	Quyết định số 52 của Hội đồng Quản trị về việc SHS cung cấp cho SHB dịch vụ tư vấn liên quan đến chào bán Trái phiếu riêng lẻ SHB lần 2 năm 2025	14/08/2025
	Đính chính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11	20/08/2025
	SHS nhận được văn bản của UBCKNN về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình cho người lao động của SHS	27/08/2025
	Quyết định của HĐQT về việc Thông qua việc phân phối cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2025 của SHS	29/08/2025
	Thông báo Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động trong Công ty	29/08/2025
9/2025		
	Định kỳ	

Tháng	Loại báo cáo	Ngày công bố
	Không có	
	Bất thường	
	Thông báo giao dịch quyền mua cổ phiếu ESOP 2025 của Người nội bộ Công ty	10/09/2025
	Công bố thông tin về việc thành lập Chi nhánh Hà Nội	16/09/2025
	Công bố thông tin về việc thay đổi địa điểm đặt Trụ sở chính	16/09/2025
	SHS Báo cáo kết quả thực hiện giao dịch cổ phiếu SHB	18/09/2025
	Báo cáo kết quả giao dịch quyền mua cổ phiếu ESOP 2025 của Người nội bộ SHS	24/09/2025
	Quyết định 63-2025/QĐ-HĐQT về việc Thay đổi địa điểm Chi nhánh Đà Nẵng	25/09/2025
	Quyết định 62-42025/QĐ-HĐQT về việc Ký kết các Hợp đồng, tài liệu giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý IV/2025	25/09/2025
	Quyết định 64-2025/QĐ-HĐQT về việc Thông qua chủ trương thực hiện giao dịch SHS thuê văn phòng của SHB	25/09/2025
	Thông báo thay đổi mẫu con dấu mới	25/09/2025
	Thông qua kết quả phân phối cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2025 của SHS	26/09/2025
10/2025		
	Định kỳ	
	Báo cáo tài chính Quý III/2025	15/10/2025
	Bất thường	
	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động	03/10/2025
	Thông báo về việc thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	03/10/2025
	SHS phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 02 năm 2025	07/10/2025
	SHS nhận được văn bản của UBCKNN về việc nhận được tài liệu Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	09/10/2025
	Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ SHS mã SHS12502	10/10/2025
	Báo cáo tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động	13/10/2025
	Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	16/10/2025
	Nghị quyết số 06-2025/NQ-HĐQT về việc tăng vốn điều lệ	17/10/2025
	Quyết định của HĐQT về việc Thông qua giao dịch giữa SHS với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ BVIM	22/10/2025
	Báo cáo biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu	23/10/2025
	Nghị quyết số 06A/2025/NQ-HĐQT về việc sửa đổi Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi	24/10/2025
	Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán của SHS	28/10/2025
	Quyết định số 70/2025/QĐ-HĐQT về việc thông qua giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý IV/2025	29/10/2025
	Quyết định số 71/2025/QĐ-HĐQT về việc thông qua giao dịch tiền gửi với SHB	29/10/2025
	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh chính thức hoạt động tại địa chỉ mới	30/10/2025
	Quyết định về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	30/10/2025
11/2025		
	Định kỳ	
	Không có	
	Bất thường	
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 12	03/11/2025
	SHS ra mắt Website doanh nghiệp mới	03/11/2025
	Quyết định 74/2025/QĐ-HĐQT về việc vay vốn theo hạn mức tín dụng tại SHB Đông Đô	05/11/2025
	Nghị quyết 07/2025/NQ-HĐQT về việc sửa đổi Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi	05/11/2025
	Quyết định 75/2025/QĐ-HĐQT về việc thông qua giao dịch giữa SHS và SHB	06/11/2025
	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi lần thứ 11	10/11/2025
	Thông báo thay đổi mẫu con dấu mới của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	13/11/2025
	Quyết định 76/2025/QĐ-HĐQT về việc đăng ký lại mẫu con dấu của chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	13/11/2025
	Quyết định 77/2025/QĐ-HĐQT về việc thông qua việc ký kết Hợp đồng thu hộ giữa SHS và SHB	14/11/2025
	Quyết định 78/2025/QĐ-HĐQT về việc thay đổi địa điểm làm việc của Văn phòng đại diện Hải Phòng	18/11/2025

Tháng	Loại báo cáo	Ngày công bố
	Đính chính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi lần thứ 11	24/11/2025
12/2025		
	Định kỳ	
	Không có	
	Bất thường	
	Quyết định số 83/2025/QĐ-HĐQT về việc vay vốn theo hạn mức thấu chi tại SHB	02/12/2025
	Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT về việc sửa đổi Phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu SHS lần 02 năm 2025	02/12/2025
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 13	05/12/2025
	Quyết định của UBCKNN về việc chấp thuận thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội	05/12/2025
	Công bố thông tin Người được ủy quyền công bố thông tin – Bùi Thị Hồng Hạnh	09/12/2025
	Thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin	09/12/2025
	Quyết định số 85/2025/QĐ-HĐQT về việc Thông qua việc ký kết các Hợp đồng, tài liệu giao dịch giữa SHS và SHB trong Quý IV/2025	09/12/2025
	Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐQT về việc chào bán Trái phiếu SHS ra công chúng năm 2025	11/12/2025
	Chi nhánh Hà Nội của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội chính thức đi vào hoạt động	15/12/2025
	Quyết định số 89/2025/QĐ-HĐQT của HĐQT về việc đăng ký mẫu con dấu của Chi nhánh Hà Nội	16/12/2025
	Báo cáo về vốn điều lệ đã góp	22/12/2025
	Quyết định số 91/2025/QĐ-HĐQT của HĐQT về việc thông qua giao dịch giữa SHS và SHB trong quý I/2026	24/12/2025
	Quyết định số 90/2025/QĐ-HĐQT của HĐQT về việc thông qua việc ký kết các Hợp đồng, tài liệu giao dịch giữa SHS và SHB	24/12/2025
	Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu của Chi nhánh Hà Nội	25/12/2025
	Quyết định của HNX về việc chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu của SHS	29/12/2025

Kế hoạch công bố thông tin năm 2026



Báo cáo hoạt động năm 2025

- 98 Tổng quan nền kinh tế và Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025
- 117 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 128 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

CHƯƠNG

Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025



Kinh tế Việt Nam 2025

Năm 2025 được xem là một dấu mốc đột phá của kinh tế Việt Nam khi nền kinh tế không chỉ duy trì đà tăng trưởng tích cực mà còn thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt trước bối cảnh thương mại toàn cầu nhiều biến động và những tác động kéo dài từ căng thẳng địa chính trị. Kinh tế vĩ mô tiếp tục được giữ vững ổn định, lạm phát được kiểm soát hiệu quả, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Đáng chú ý, nhiều chỉ tiêu quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Một số điểm nhấn nổi bật của kinh tế Việt Nam năm 2025 có thể được khái quát như sau:



Cải cách thể chế

Bộ Chính trị đã ban hành

05

NGHỊ QUYẾT TRỤ CỘT CHO MỘT VIỆT NAM HÙNG CƯỜNG

Từ tháng 12/2024 đến nay, Bộ Chính trị đã ban hành 05 Nghị quyết có ý nghĩa chiến lược, bao quát hầu hết các lĩnh vực then chốt của quốc gia.

Chuỗi Nghị quyết này không chỉ định hình tầm nhìn dài hạn mà còn tạo khuôn khổ hành động cho giai đoạn phát triển mới của đất nước.

- **Nghị quyết số 57-NQ/TW** (ngày 22/12/2024) đặt trọng tâm vào đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- **Nghị quyết số 59-NQ/TW** (ngày 24/1/2025) định hướng hội nhập quốc tế trong bối cảnh mới;
- **Nghị quyết số 66-NQ/TW** (ngày 30/04/2025) thúc đẩy đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;
- **Nghị quyết số 68-NQ/TW** (ngày 4/5/2025) xác lập vai trò động lực của kinh tế tư nhân;
- **Nghị quyết số 79-NQ/TW** (ngày 6/1/2026) tái khẳng định vị trí chủ đạo của kinh tế nhà nước trong cấu trúc nền kinh tế.

Điểm chung nổi bật của các Nghị quyết không chỉ nằm ở mục tiêu lớn và tầm nhìn dài hạn, mà còn ở yêu cầu chuyển mạnh từ tư duy “ban hành chủ trương” sang “quản trị thực thi”. Vấn đề mang tính quyết định hiện nay là biến quyết tâm chính trị thành hành động cụ thể, kết quả đo đếm được, để Nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống và trở thành động lực thúc đẩy phát triển đất nước.



Các Nghị quyết 57, 59, 66, 68 và 79 định hướng mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và khu vực tư nhân, trong khi kinh tế Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, hướng tới mục tiêu Việt Nam trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045.



GDP

Năm 2025, GDP của Việt Nam tăng

8,02%

so với năm 2024

Quy mô nền kinh tế vượt lên vị trí

#32

thế giới

Năm 2025, GDP của Việt Nam tăng 8,02% so với năm 2024, qua đó đưa quy mô nền kinh tế vượt lên vị trí thứ 32 thế giới. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định, Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao và được xem là một trong những điểm sáng nổi bật của khu vực châu Á.

Động lực chính của tăng trưởng đến từ khu vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng 8,95%, là mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2019–2025. Sự phục hồi mạnh mẽ của sản xuất công nghiệp, đặc biệt là các ngành chế biến, chế tạo và xây dựng hạ tầng, đã đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, mặc dù chịu tác động bất lợi từ bão, mưa lũ, song nhờ triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả, khắc phục hậu quả thiên tai nên hoạt động sản xuất nông nghiệp cơ bản vẫn được duy trì ổn định, tiếp tục giữ vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế trong bối cảnh rủi ro thiên tai gia tăng.

Trong khi đó, khu vực dịch vụ tăng trưởng 8,62%, được thúc đẩy bởi sự hồi phục mạnh mẽ của du lịch và tiêu dùng nội địa. Việc tổ chức các sự kiện văn hóa – du lịch quy mô lớn cùng với những cải thiện trong chính sách thu hút khách quốc tế và nâng cao chất lượng dịch vụ đã tạo thêm động lực cho khu vực này bứt phá.



Thương mại quốc tế

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa

↑18,3%

so với năm 2024

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2025 đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,3% so với năm 2024. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD (+17,0% YoY), con số cao nhất từ trước tới nay với 36 mặt hàng có kim ngạch trên 1 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu đạt 455,01 tỷ USD (+19,4% YoY). Việt Nam xuất siêu 20,03 tỷ USD, đánh dấu năm thứ 10 liên tiếp duy trì thặng dư thương mại.

Dù vậy, đằng sau bức tranh rực rỡ của xuất khẩu là thách thức về chất lượng nội tại. Nếu tách riêng cán cân, khối doanh nghiệp FDI xuất siêu khoảng 46,5 tỷ USD, trong khi khu vực trong nước lại nhập siêu tới 26 tỷ USD. Điều này cho thấy doanh nghiệp nội địa còn phụ thuộc lớn vào khu vực FDI, giá trị gia tăng trong nước thấp. Đây là bài toán dài hạn về nâng cao năng lực lực và tỷ lệ nội địa hóa trong các ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.



FDI

FDI duy trì tăng trưởng tích cực

↑9,0%

so với năm 2024

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam duy trì tăng trưởng tích cực trong năm 2025 với tổng vốn đăng ký đạt 38,4 tỷ USD và vốn thực hiện đạt 27,6 tỷ USD. Trong đó, vốn FDI thực hiện tăng trưởng 9,0% so với năm 2024, đánh dấu mức giải ngân cao nhất trong 05 năm trở lại đây. Đây là kết quả tích cực trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, những biến động khó lường về địa chính trị, sự gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại và quá trình tái cấu trúc sâu rộng các chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đáng chú ý, dòng vốn FDI vào Việt Nam chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp chế tạo các sản phẩm có giá trị (chiếm 82,8% tổng vốn giải ngân). Những con số nói trên khẳng định vị thế chi phối và vai trò trung tâm của ngành chế biến, chế tạo trong thu hút đầu tư và củng cố vị thế của Việt Nam như một mắt xích sản xuất quan trọng trong chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.



Đầu tư công

Giải ngân vốn đầu tư công

858.621,8 tỷ đồng
mức cao nhất trong giai đoạn
2021 – 2025

Là mũi nhọn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 ước đạt 858.621,8 tỷ đồng, mức cao nhất trong giai đoạn 2021 – 2025. Kết quả này hoàn thành 94,8% kế hoạch, cao hơn 3,5% so với cùng kỳ năm 2024. Nguồn vốn được tập trung giải ngân cho các dự án hạ tầng trọng điểm như: đường cao tốc, cầu, cảng biển và các khu công nghiệp lớn, qua đó thúc đẩy hoạt động sản xuất, xây dựng và lan tỏa sang nhiều ngành liên quan.



Chính sách tiền tệ

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống

19%

Chính sách tiền tệ và tài khóa được phối hợp hài hòa, tạo nền tảng hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế năm 2025. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) duy trì lập trường nổi lòng thận trọng, giữ mặt bằng lãi suất cho vay năm 2025 duy trì ở mức thấp, qua đó thúc đẩy tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đạt khoảng 19%, là mức cao nhất trong nhiều năm gần đây. Dòng vốn tín dụng dồi dào với chi phí thấp đã giúp

Đầu tư công tiếp tục giữ vai trò trụ cột trong điều tiết vĩ mô và kích thích tổng cầu, tạo động lực cho tăng trưởng. Tuy nhiên, tốc độ giải ngân vẫn còn chậm ở một số dự án, làm hạn chế hiệu ứng lan tỏa đối với khu vực xây dựng – vật liệu và chưa phát huy hết tiềm năng tạo động lực tăng trưởng.

doanh nghiệp và người dân dễ tiếp cận vốn hơn, kích thích đầu tư và tiêu dùng. Đồng thời, NHNN điều hành linh hoạt quản lý tỷ giá và thanh khoản để ứng phó với biến động bên ngoài. Dù chịu áp lực từ chính sách của Fed và biến động của đồng USD, thị trường ngoại tệ trong nước vẫn cơ bản ổn định, tỷ giá USD/VND dao động trong biên độ kiểm soát.



Lạm phát

Lạm phát cơ bản

↗3,3%

Lạm phát năm 2025 được kiểm soát nằm trong mục tiêu Quốc hội đề ra với CPI tăng 3,3% và lạm phát cơ bản tăng 3,2%. Mức tăng chủ yếu đến từ các nhóm nhà ở, điện nước, vật liệu xây dựng, hàng ăn và dịch vụ ăn uống. Trong khi đó, một số mặt hàng do Nhà nước quản lý như điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, y tế cùng nhóm lương thực, thực phẩm có tác động

làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Nhìn chung, mặt bằng giá cả hàng hóa và dịch vụ trong năm tương đối ổn định, không xuất hiện biến động bất thường, góp phần củng cố nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô.

Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô năm 2025

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng GDP (%)	2,58	8,02	5,05	7,09	8,02
Tăng CPI bình quân (%)	1,83	3,15	3,25	3,63	3,31
Tăng trưởng tín dụng (%)	13,5	14,5	13,7	15,1	19,0
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	23.145	23.612	23.866	24.335	25.121
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	105	84	100	80	80
Thâm hụt/thặng dư ngân sách so với GDP (%)	(-3,8)	2,3	(-4,42)	(-3,4)	1,9

(Nguồn: SHS tổng hợp)



Thị trường Chứng khoán



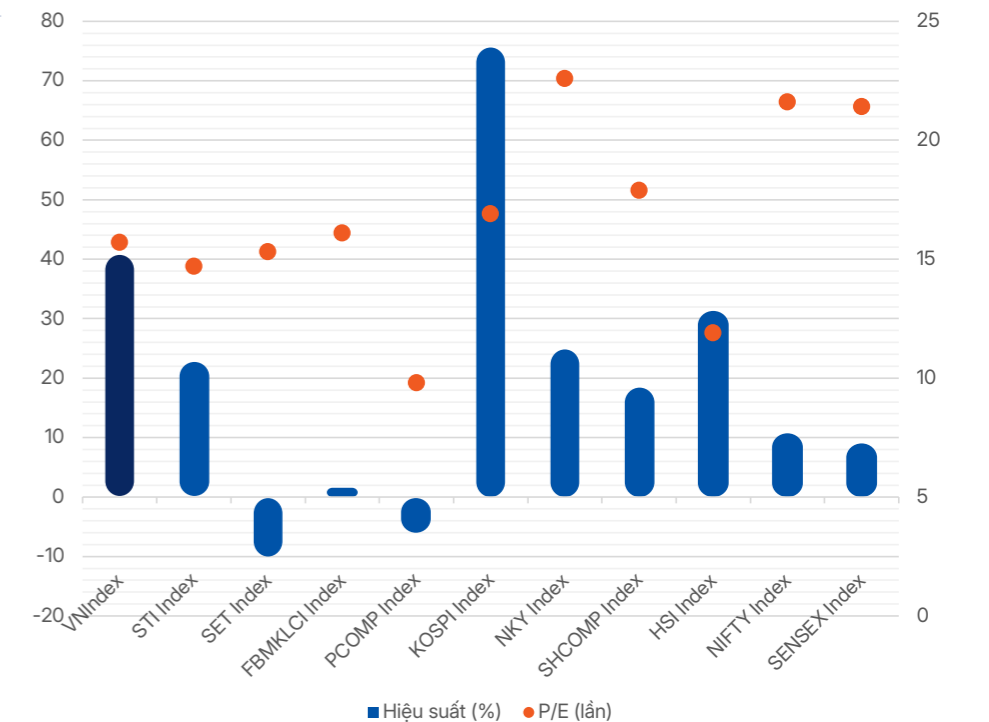
VNIndex bứt phá ấn tượng trong năm 2025, khép lại tại mức đỉnh lịch sử 1.784,5 điểm sau giai đoạn dài đi ngang, tích lũy. VNIndex năm 2025 có tốc độ tăng trưởng cao nhờ sự dẫn dắt của các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như: ngân hàng, chứng khoán bất động sản..., phản ánh sự cải thiện rõ nét về kỳ vọng tăng trưởng và thanh khoản thị trường.

Năm 2025 cũng ghi nhận nhiều bước tiến quan trọng về mặt thể chế và hạ tầng như: nâng hạng thành công từ thị trường Cận biên lên Mới nổi thứ cấp, đưa hệ thống KRX vào vận hành và hoàn thiện pháp lý nhằm tạo thuận lợi cho giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài... So với các thị trường trong khu vực như Thái Lan (-10%), Philippines (-6%), Malaysia (+1,7%), VNIndex ghi nhận hiệu suất vượt trội, chỉ xếp sau chỉ số KOSPI Index – Hàn Quốc (+75,6%).



VNIndex bứt phá ấn tượng, đạt 1.784,5 điểm
(31/12/2025)

Hiệu suất ↗40,9%
so với cuối 2024



(Nguồn: Bloomberg, SHS Research)



Thanh khoản toàn thị trường năm 2025 bình quân

28.890 tỷ đồng/phiên
 ↑ **37%** so với 2024

Năm 2025 chứng kiến sự trở lại mạnh mẽ của

Làn sóng IPO

- **VNIndex ghi nhận mức tăng 517,7 điểm tương đương 40,9% so với cuối 2024.** Mức điểm tại phiên đóng cửa của năm 2025 đạt 1.784,5 điểm, thấp hơn mức đỉnh 1.805,9 điểm ngày 25/12/2025 nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn có một năm tăng điểm mạnh mẽ ở chỉ số với biên độ 40,9%. Mức tăng năm 2025 chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, có tính dẫn dắt thay vì lan tỏa trên diện rộng. Cụ thể, nhóm VN30 tăng +51% trong khi nhóm Midcap và Smallcap chỉ có mức tăng lần lượt +16,7% và +1,7%. Năm 2025, nhóm cổ phiếu Vingroup (VIC, VHM, VRE, VPL) đóng góp +354 điểm trong tổng mức tăng +518 điểm của VNIndex.
- **Thanh khoản toàn thị trường năm 2025 bình quân đạt 28.890 tỷ đồng/phiên, tăng 37% so với năm 2024,** cao nhất trong vòng 4 năm vừa qua và chỉ đứng sau mức thanh khoản kỷ lục năm 2021 (31.153 tỷ đồng/phiên). Thanh khoản năm 2025 có mức cao đột biến trong giai đoạn tháng 07 – 10/2025 với mức bình quân đạt 42.256 tỷ đồng trước khi suy giảm về dưới mức bình quân cả năm vào 02 tháng cuối năm. Thanh khoản gia tăng nhờ dòng tiền trong nước (với đóng góp đáng kể từ nguồn cho vay margin) – cân bằng lực bán ròng kỷ lục

của khối ngoại. Tuy nhiên, mức độ mở rộng quy mô mang tính tập trung, chưa phản ánh sự cải thiện đồng đều trên toàn thị trường.

- **Năm 2025, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng kỷ lục khoảng 135.329 tỷ đồng (gần 5,2 tỷ USD), đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp.** Trong đó, giá trị bán ròng qua khớp lệnh 113,5 nghìn tỷ đồng và qua thỏa thuận 21,8 nghìn tỷ đồng, vượt quy mô của năm 2024. Áp lực bán gia tăng mạnh trong tháng 8 và tháng 9 khi áp lực tỷ giá căng thẳng. Đề bán ròng dần thu hẹp trở lại sau các đợt cắt giảm lãi suất của FED và đảo chiều sang mua ròng vào tháng cuối năm. Tính chung cả năm, các nhịp mua ròng chỉ xuất hiện mang tính chọn lọc và ngắn hạn, ngay cả trong bối cảnh kỳ vọng nâng hạng thị trường chính thức đang đến gần. Diễn biến này cho thấy dòng vốn ngoại vẫn duy trì trạng thái thận trọng, đặc biệt đối với kênh đầu tư gián tiếp, trong bối cảnh rủi ro tỷ giá và biến động toàn cầu còn hiện hữu.
- **Năm 2025 chứng kiến sự trở lại mạnh mẽ của làn sóng IPO sau giai đoạn trầm lắng kéo dài từ năm 2018.** Thị trường chứng khoán sơ cấp giai đoạn cuối năm 2025 sôi động trở lại với nhiều thương vụ niêm yết đáng chú ý, nổi bật



Thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2025 tăng trưởng mạnh mẽ với tổng giá trị phát hành trong nước đạt

589.334 tỷ đồng
 ↑ **32,9%** so với 2024

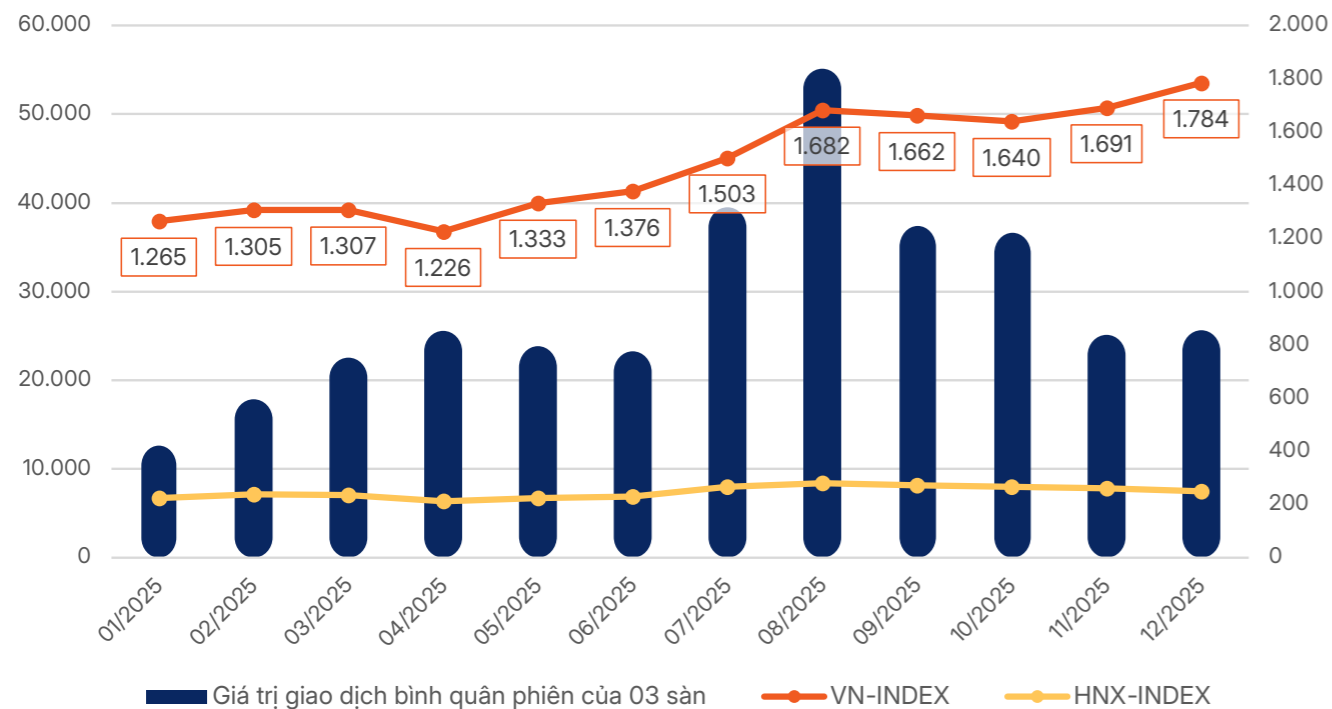
là bộ ba công ty chứng khoán: Techcom Securities (TCX), VPBank Securities (VPX) và VPS (VCK). Tổng giá trị đã thực hiện của các hoạt động IPO, tăng vốn và đấu giá thành công đạt trên 148.000 tỷ đồng, gấp đôi mức bình quân giai đoạn 2022 – 2024. Khác với các chu kỳ trước, làn sóng IPO năm 2025 diễn ra trong bối cảnh nhu cầu vốn cho hạ tầng, chuyển đổi năng lượng và phát triển khu vực tư nhân ngày càng lớn, trong khi mô hình tăng trưởng dựa vào tín dụng ngân hàng dần bộc lộ giới hạn. Điều này thúc đẩy vai trò của thị trường vốn và kênh huy động vốn chủ sở hữu. Dòng lực này được kỳ vọng sẽ tiếp tục kéo dài sang giai đoạn 2026 – 2027 với nhiều thương vụ nổi bật, hàng hóa chất lượng cao, hứa hẹn sẽ được đưa ra thị trường.

- **Thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2025 tăng trưởng mạnh mẽ** với tổng giá trị phát hành trong nước đạt 589.334 tỷ đồng, tăng 32,9% so với năm 2024. Trong đó, Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có khối lượng phát hành đạt khoảng 534.980 tỷ đồng, chiếm 90,8% tổng khối lượng phát hành. Hoạt động phát hành vẫn tập trung chủ yếu ở hai nhóm ngành trụ cột là tổ chức tín dụng (66,4%) và bất động sản (23,4%). Bên cạnh sự mở rộng quy mô, cơ cấu

thị trường cũng dần đa dạng hơn với sự tham gia của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản. Đặc biệt, ở thị trường quốc tế, các ngân hàng thương mại đẩy mạnh phát hành trái phiếu xanh, đưa tổng giá trị phát hành ra nước ngoài lên 875 triệu USD, gấp 5,8 lần năm trước, phù hợp với định hướng phát triển bền vững. Thị trường này được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai để hỗ trợ mục tiêu phát triển kinh tế xanh và bền vững của Chính phủ. Tuy nhiên, cơ cấu phát hành hiện vẫn tập trung chủ yếu ở nhóm ngân hàng và bất động sản, cho thấy dư địa để thị trường tiếp tục đa dạng hóa còn khá lớn. Trong bối cảnh thị trường bất động sản nhạy cảm với biến động tín dụng và lãi suất, việc từng bước nâng cao chất lượng phát hành, tăng cường minh bạch thông tin và mở rộng sự tham gia của các ngành nghề khác sẽ góp phần củng cố nền tảng phát triển ổn định và bền vững hơn cho thị trường trái phiếu trong thời gian tới.

Diễn biến Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2025

(Nguồn: SSC, SHS Research)





Số lượng tài khoản

11,8 triệu tài khoản
↗ **26,9%** so với 2024

VN-Index

↗40,9%
so với 2024

HNX-Index

↗9,4%
so với 2024

Vốn hóa thị trường (triệu tỷ đồng)

↗49,9%
so với 2024

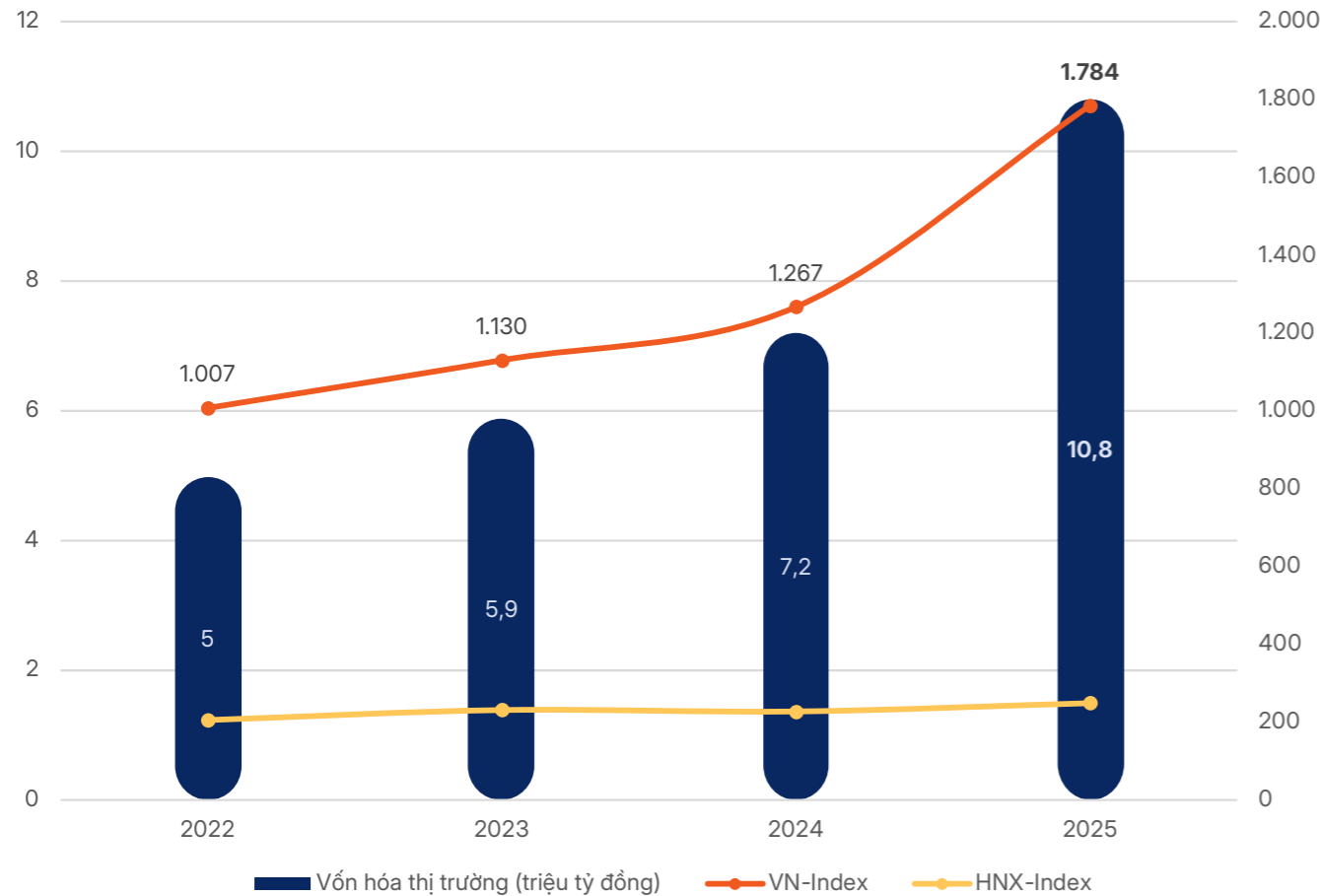
- Về mặt chính sách, năm 2025 ghi nhận việc ban hành và sửa đổi nhiều văn bản pháp luật quan trọng trên các lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán. Nổi bật có Luật Doanh nghiệp (sửa đổi 2025); Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi 2025); Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp; Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư 25/2025/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 17/2024/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản

thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Đồng thời, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cũng ban hành nhiều quy định mới nhằm hoàn thiện hạ tầng pháp lý cho hệ thống KRX, mở rộng cơ hội cho dòng vốn nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam... Việc đồng bộ hóa khuôn khổ pháp lý đã góp phần nâng cao tính minh bạch, chuẩn hóa hoạt động thị trường và tạo nền tảng quan trọng để Việt Nam hoàn thành mục tiêu nâng hạng thị trường trong năm 2025.

Các số liệu thống kê Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2025

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	+/- 2025 so với 2024 (%)
VN-Index	1.007,09	1.129,93	1.266,78	1.784,49	40,9%
HNX-Index	205,31	231,04	227,43	248,77	9,4%
Upcom-Index	71,65	87,04	95,06	120,97	27,3%
Vốn hóa thị trường (triệu tỷ đồng)	5,3	5,9	7,2	10,8	49,9%
Vốn hóa/GDP	61%	56,4%	69,3%	77,8%	12,3%
Số lượng tài khoản (triệu tài khoản)	6,8	7,3	9,3	11,8	26,9%

(Nguồn: SHS Research)



Báo cáo hoạt động năm 2025

Hoạt động của các Công ty chứng khoán



80

Công ty chứng khoán
báo cáo kết quả kinh doanh có lãi

Năm 2025, ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ về lợi nhuận của các công ty chứng khoán, phản ánh sự sôi động trở lại của thị trường vốn. Có 80 công ty chứng khoán đã báo cáo kết quả kinh doanh có lãi, với tổng doanh thu đạt trên 116.461,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 39.802 tỷ đồng, tăng lần lượt 50,6% và 67,5% so với năm 2024. Tuy nhiên, lợi nhuận tiếp tục tập trung cao vào nhóm dẫn đầu. 12 công ty chứng khoán hàng đầu ghi nhận lợi nhuận

trên 1.000 tỷ đồng, chiếm 79% lợi nhuận của toàn ngành. Trong đó, Top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận cao nhất gồm các công ty: TCX, VIX, SSI, VCK, VPX, VND, SHS, VCI, HCM và MBS. Diễn biến này cho thấy xu hướng phân hóa ngày càng rõ nét trong ngành, khi lợi thế về quy mô vốn, thị phần môi giới và năng lực tự doanh tiếp tục tạo ra khoảng cách giữa các nhóm doanh nghiệp.



Cho vay ký quỹ tại các công ty chứng khoán

412.585 tỷ đồng

Về cơ cấu lợi nhuận, hoạt động tự doanh và cho vay ký quỹ là hai trụ cột đóng góp lớn nhất vào lợi nhuận toàn ngành. Tính đến ngày 31/12/2025, dư nợ cho vay ký quỹ tại các công ty chứng khoán xác lập kỷ lục với giá trị đạt gần 412.585 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (TCX) dẫn đầu về quy mô cho vay với dư nợ đạt 43.860 tỷ đồng, chiếm hơn 10% tổng dư nợ toàn ngành, tương đương quy mô tín dụng của một ngân

hàng cỡ nhỏ. Tuy nhiên, tại một số công ty chứng khoán, tỷ lệ Dư nợ cho vay ký quỹ/Vốn chủ sở hữu đã tiến rất gần ngưỡng trần 200% theo quy định. Dư địa mở rộng hoạt động này đang ngày càng phụ thuộc chặt chẽ vào quy mô vốn chủ sở hữu. Điều này tạo áp lực tăng vốn nhằm mở rộng hạn mức cho vay, đầu tư công nghệ và củng cố năng lực cạnh tranh khi thị trường bước vào chu kỳ tăng trưởng mới.



Các công ty chứng khoán lớn cho thấy sự khác biệt

rõ nét trong chiến lược phân bổ danh mục

Trong hoạt động tự doanh, các công ty chứng khoán lớn cho thấy sự khác biệt rõ nét trong chiến lược phân bổ danh mục. SSI duy trì cách tiếp cận thận trọng khi khoảng 50% danh mục được đầu tư vào các công cụ thị trường tiền tệ, qua đó giảm thiểu biến động và bảo toàn vốn. Trong khi đó, TCX và VPX tập trung đáng kể vào trái phiếu doanh nghiệp, hướng tới nguồn thu ổn định từ lãi suất. Ở chiều ngược lại, một số công ty như VIX phân

bổ tỷ trọng lớn vào hoạt động đầu tư cổ phiếu, tận dụng đà tăng của thị trường để ghi nhận mức lợi nhuận vượt trội so với mặt bằng chung. Sự khác biệt trong cấu trúc danh mục cho thấy mức độ chấp nhận rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận không đồng nhất giữa các công ty chứng khoán, đồng thời khiến kết quả tự doanh phụ thuộc lớn vào diễn biến thị trường và chiến lược đầu tư của từng công ty.



Khoảng cách thị phần giữa các công ty đang dần thu hẹp

Trong hoạt động môi giới chứng khoán, các công ty chứng khoán tiếp tục cạnh tranh gay gắt về phí và thị phần. Nhóm 10 công ty chứng khoán dẫn đầu tiếp tục nắm giữ hơn 68% thị phần môi giới trên HOSE. Top 03 công ty chứng khoán dẫn đầu thị phần môi giới không có sự thay đổi so với năm 2024, gồm VPS, SSI và TCX. Tuy nhiên, khoảng cách thị phần giữa các công ty đang dần thu hẹp khi cuộc đua giảm phí giao dịch đã hạ nhiệt và các công ty chứng

khốn ở phía sau đẩy mạnh nâng cấp nền tảng công nghệ, cải thiện chất lượng dịch vụ, ra mắt các sản phẩm mới, nâng cao trải nghiệm khách hàng. Dù vậy, đóng góp của hoạt động môi giới vào tổng lợi nhuận vẫn ở mức khiêm tốn. Trong bối cảnh cạnh tranh cao, môi giới ngày càng đóng vai trò là kênh mở rộng tệp khách hàng và tạo nền tảng cho các hoạt động có biên lợi nhuận cao hơn, đặc biệt là cho vay ký quỹ.



Năm 2025 đánh dấu giai đoạn phục hồi rõ nét của hoạt động ngân hàng đầu tư tại Việt Nam

Hoạt động ngân hàng đầu tư (IB) tiếp tục là sân chơi mang tính chuyên biệt, đòi hỏi năng lực tư vấn, cấu trúc giao dịch và mạng lưới quan hệ sâu rộng, chỉ tập trung ở một số ít công ty chứng khoán có lợi thế về vốn, thương hiệu và hệ sinh thái khách hàng. Năm 2025 đánh dấu giai đoạn phục hồi rõ nét của hoạt động ngân hàng đầu tư tại Việt Nam, song hành với sự sôi động trở lại của các hoạt động M&A, IPO, niêm yết mới và chuyển sản. Nhu cầu tái cấu trúc doanh nghiệp, huy động vốn trung dài hạn và tối ưu cấu trúc sở hữu trong bối cảnh thị trường vốn phát triển mạnh đã tạo dư địa lớn cho hoạt động tư vấn.

Đáng chú ý, hai công ty có kết quả IB nổi bật nhất đều thuộc các hệ sinh thái tài chính - ngân hàng lớn, cho thấy vai trò quan trọng của nguồn khách hàng nội bộ và khả năng khai thác chuỗi giá trị khép kín. Trong đó, VPX ghi nhận mức tăng trưởng đột biến ở mảng IB, tạo dấu ấn đáng kể trong năm 2025, thông qua việc tham gia tư vấn nhiều thương vụ quy mô lớn, qua đó củng cố vị thế trong phân khúc dịch vụ tài chính cao cấp.

Sự thay đổi khung pháp lý

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
Luật	Ban hành năm 2025				
	76/2025/QH15	17/06/2025	Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025	01/07/2025	
	68/2025/QH15	14/06/2025	Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp	01/08/2025	Luật số 69/2014/QH13
	96/2025/QH15	27/06/2025	Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025	15/10/2025	
	67/2025/QH15	14/06/2025	Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01/10/2025	Luật số 14/2008/QH12 và các Luật sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh
Luật	Hiệu lực từ năm 2025				
	56/2024/QH15	29/11/2024	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính	01/01/2025, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2,3,4 và 5 Điều 10 của Luật được quy định riêng về thời điểm có hiệu lực thi hành.	
Nghị định	Ban hành năm 2025				
	69/2025/NĐ-CP	18/03/2025	Sửa đổi Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, trong đó sửa đổi quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài	19/05/2025	
	168/2025/NĐ-CP	30/06/2025	Hướng dẫn Luật Doanh nghiệp về đăng ký doanh nghiệp	01/07/2025	
	245/2025/NĐ-CP	11/09/2025	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	11/09/2025	
	306/2025/NĐ-CP	25/11/2025	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán	01/09/2026	
	69/2025/NĐ-CP	18/03/2025	Sửa đổi Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, trong đó sửa đổi quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài	19/05/2025	
	20/2025/NĐ-CP	10/02/2025	Sửa đổi, bổ sung Nghị định 132 về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết	27/03/2025	
	70/2025/NĐ-CP	20/03/2025	Sửa đổi Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ	01/06/2025	
	174/2025/NĐ-CP	30/06/2025	Chính sách giảm 2% thuế giá trị gia tăng từ 01/7/2025 đến hết 31/12/2026 theo Nghị quyết 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội	01/07/2025	
Nghị quyết	Ban hành năm 2025				
	05/2025/NQ-CP	09/09/2025	Triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam do Chính phủ ban hành	09/09/2025	
Thông tư	Ban hành năm 2025				
	18/2025/TT-BTC	26/4/2025	Sửa đổi Thông tư 119/2020/TT-BTC quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi theo Thông tư 68/2024/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	05/05/2025	
	14/2025/TT-BTC	04/04/2025	Sửa đổi Thông tư 119/2020/TT-BTC quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và Thông tư 58/2021/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 158/2020/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	01/06/2025	
	19/2025/TT-BTC	05/05/2025	Quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán.	05/05/2025	

Sự thay đổi khung pháp lý

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
Thông tư	20/2025/TT-BTC	05/05/2025	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	20/6/2025	
	68/2025/TT-BTC	01/07/2025	Hướng dẫn Nghị định 168/2025/NĐ-CP	01/07/2025	
	96/2025/TT-BTC	24/10/2025	Bãi bỏ Thông tư 19/2003/TT-BTC hướng dẫn điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ và quản lý cổ phiếu quỹ trong công ty cổ phần do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	15/12/2025	19/2003/TT-BTC
	27/2025/TT-NHNN	15/9/2025	Hướng dẫn Luật Phòng chống rửa tiền	01/11/2025	
	25/2025/TT-NHNN	31/08/2025	Sửa đổi Thông tư 17/2024/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán	31/08/2025	
	02/2025/TT-NHNN	29/04/2025	Quy định về phát hành chứng chỉ tiền gửi trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	16/06/2025	
	03/2025/TT-NHNN	29/04/2025	Quy định về mở và sử dụng tài khoản bằng đồng Việt Nam để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam	16/06/2025	
	83/2024/TT-BTC	26/11/2024	Hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.	10/01/2025	
	77/2025/TT-BTC	30/07/2025	Quy định chi tiết các dịch vụ kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng chứng khoán theo Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.	30/07/2025	
	99/2025/TT-BTC	27/10/2025	Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp	01/01/2026	
	102/2025/TT-BTC	29/10/2025	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 91/2020/TT-BTC quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính	15/12/2025	
	94/2025/TT-BTC	14/10/2025	Sửa đổi Thông tư 80/2021/TT-BTC hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế và sửa đổi mẫu biểu của Thông tư 40/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	14/10/2025	
	Hiệu lực từ năm 2025				
	17/2024/TT-NHNN	28/06/2024	Quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán	01/07/2025	
Quyết định					
Thủ tướng	Ban hành năm 2025				
	2014/QĐ-TTg	12/9/2025	Đề án nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	12/9/2025	
Bộ trưởng Bộ Tài chính	Ban hành năm 2025				
	3364/QĐ-BTC	03/10/2025	Hướng dẫn việc tiếp tục áp dụng hệ văn bản quy định liên quan đến quản lý vốn nhà nước	03/10/2025	
	3798/QĐ-BTC	11/11/2025	Hướng dẫn việc tiếp tục áp dụng hệ văn bản quy định liên quan đến quản lý vốn nhà nước	11/11/2025	
	3761/QĐ-BTC	06/11/2025	Kế hoạch triển khai Quyết định 2014/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	06/11/2025	

Sự thay đổi khung pháp lý

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành	Văn bản thay thế
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam	Ban hành năm 2025				
	21/QĐ-HĐTV	18/04/2025	Quy chế Niêm yết và giao dịch hợp đồng tương lai	05/05/2025	20/QĐ-HĐTV
	22/QĐ-HĐTV	18/04/2025	Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết	05/05/2025	17/QĐ-HĐTV, 30/QĐ-HĐTV
	23/QĐ-HĐTV	18/04/2025	Quy chế Đăng ký và quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết	05/05/2025	34/QĐ-HĐTV
	24/QĐ-HĐTV	18/04/2025	Quy chế thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	01/QĐ-SGDVN
25/QĐ-HĐTV	18/04/2025	Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	05/05/2025	16/QĐ-HĐTV	
Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	Ban hành năm 2025				
	27/QĐ-HĐTV	16/04/2025	Ban hành Quy chế thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	13/QĐ-HĐTV
	26/QĐ-HĐTV	16/04/2025	Ban hành Quy chế bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	12/QĐ-HĐTV
	30/QĐ-HĐTV	16/04/2025	Ban hành Quy chế hoạt động đăng ký và thực hiện chứng quyền có bảo đảm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thay thế quy chế Quy chế hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch và thực hiện chứng quyền có bảo đảm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	23/QĐ-HĐTV
	25/QĐ-HĐTV	16/04/2025	Ban hành Quy chế hoạt động thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương	05/05/2025	16/QĐ-HĐTV
	29/QĐ-HĐTV	16/04/2025	Ban hành Quy chế đăng ký mã số giao dịch chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	20/QĐ-HĐTV
	24/QĐ-HĐTV	16/04/2025	Ban hành Quy chế hướng dẫn hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	21/QĐ-HĐTV
	28/QĐ-HĐTV	16/04/2025	Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ cho thị trường chứng khoán phái sinh tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	14/QĐ-HĐTV
	37/QĐ-HĐTV	29/04/2025	Ban hành Quy chế về hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	50/QĐ-HĐTV
	42/QĐ-VSDC	29/04/2025	Ban hành Hướng dẫn tham gia kết nối Cổng giao tiếp trực tuyến cho các hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	29/4/2025	71/QĐ-VSDC, 74/QĐ-VSDC
	41/QĐ-VSDC	29/04/2025	Ban hành Hướng dẫn tham gia kết nối Cổng giao tiếp điện tử cho các hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	29/4/2025	72/QĐ-VSDC
	34/QĐ-HĐTV	29/04/2025	Ban hành Quy chế hoạt động lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	18/QĐ-HĐTV
	35/QĐ-HĐTV	29/04/2025	Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	22/QĐ-HĐTV
	38/QĐ-HĐTV	29/04/2025	Ban hành Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	20/QĐ-HĐTV
	41/QĐ-HĐTV	29/04/2025	Ban hành Quy chế hoạt động giao dịch hoán đổi, đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ, thực hiện quyền đối với chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	24/QĐ-HĐTV
	39/QĐ-HĐTV	29/04/2025	Ban hành Quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	48/QĐ-HĐTV
	36/QĐ-HĐTV	29/04/2025	Ban hành Quy chế thành viên lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	49/QĐ-HĐTV
	40/QĐ-HĐTV	29/04/2025	Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	05/05/2025	17/QĐ-HĐTV

Đánh giá tác động của môi trường kinh tế, thị trường chứng khoán và sự thay đổi của khung pháp lý đến SHS



Thuận lợi



- Năm 2025, nền kinh tế toàn cầu duy trì đà tăng trưởng trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động lớn về chính sách thuế quan, thương mại, căng thẳng địa chính trị. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng vượt kế hoạch, với các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng cơ bản đạt và vượt mục tiêu đề ra. Chính sách tài khóa theo hướng mở rộng, chính sách tiền tệ điều hành linh hoạt, cùng với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài duy trì tích cực và thặng dư cán cân thương mại cao đã tạo nền tảng thuận lợi cho thị trường chứng khoán trong nước bứt phá.
- Đáng chú ý, thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức được nâng hạng lên **"Thị trường mới nổi"**, đánh dấu một cột mốc quan trọng sau nhiều năm cải cách.

Thành quả này đến từ quá trình hiện đại hóa hạ tầng giao dịch, hoàn thiện khung pháp lý và cải thiện khả năng tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, nâng hạng không phải là đích đến cuối cùng mà là điểm khởi đầu cho một giai đoạn phát triển mới, đòi hỏi tiếp tục cải cách sâu rộng nhằm thu hút dòng vốn ngoại trong dài hạn và nâng cao chất lượng thị trường trong những năm tới.

- Hệ thống văn bản pháp quy hiện hành được ban hành kịp thời, đầy đủ nhằm nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK, đảm bảo thị trường hoạt động an toàn, minh bạch, phát triển bền vững, phù hợp với thực tiễn, tiệm cận với thông lệ quốc tế.

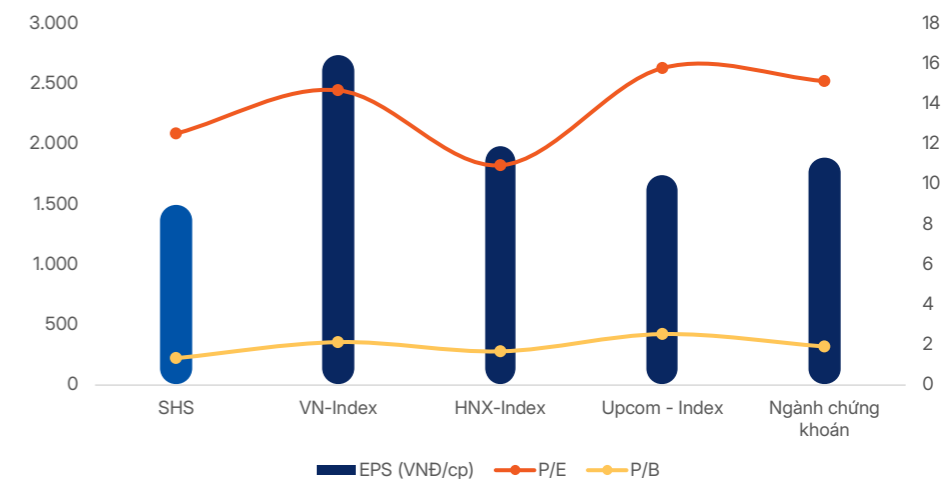
Khó khăn



- Năm 2025, khối ngoại tiếp tục bán ròng kỷ lục trên thị trường chứng khoán Việt Nam, phản ánh tâm lý thận trọng của dòng vốn quốc tế trước cả yếu tố bên ngoài lẫn những điểm nghẽn nội tại.
- Về yếu tố bên ngoài, đồng VND chịu áp lực mất giá so với USD trong bối cảnh lãi suất chính sách của Hoa Kỳ duy trì ở mức cao, khiến dòng vốn toàn cầu có xu hướng dịch chuyển khỏi các thị trường mới nổi để quay trở lại Mỹ. Biến động tỷ giá và chi phí vốn quốc tế gia tăng đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định phân bổ tài sản của nhà đầu tư nước ngoài.
- Ở góc độ trong nước, dù khung pháp lý của thị trường chứng khoán liên tục được sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn chưa thực sự đồng bộ và hoàn thiện, tạo ra một số rào cản cho các thành viên thị trường. Đặc biệt, hệ thống quy định liên quan đến cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước còn phức tạp, gây khó khăn cho doanh nghiệp và các tổ chức tư vấn trong quá trình triển khai, qua đó phần nào ảnh hưởng đến nguồn cung hàng hóa chất lượng cao cho thị trường.

Định vị SHS

So sánh SHS với Thị trường và với ngành (số liệu năm 2025)



Tiêu chí	EPS (VNĐ/cp)	P/E	P/B
SHS	1.500	13,73	1,47
VN-Index	2.746	14,67	2,14
HNX-Index	1.982	10,94	1,68
Upcom - Index	1.750	15,78	2,54
Ngành chứng khoán	1.887	15,13	1,92

(Nguồn: FiinPro, SHS Research)

Trong năm 2025, giữa bối cảnh thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh và ngành chứng khoán cạnh tranh gay gắt, cổ phiếu SHS ghi nhận kết quả kinh doanh và EPS nổi bật so với mặt bằng chung. Hiệu quả hoạt động được cải thiện rõ rệt, phản ánh sự chủ động trong chiến lược kinh doanh và khả năng tận dụng tốt chu kỳ thuận lợi của thị trường.

Với mức định giá hấp dẫn, định hướng phát triển theo chiến lược **"Service Branding"** cùng quy mô vốn chủ sở hữu thuộc Top 11 trong ngành, SHS được kỳ vọng tiếp tục củng cố vị thế, mở rộng thị phần và tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển và tăng trưởng bền vững trong tương lai.

So sánh SHS với một số công ty chứng khoán trong ngành (số liệu năm 2025)

Tổng tài sản

STT	Công ty	Giá trị (tỷ đồng)
1.	SSI	94.050
2.	TCX	80.632
3.	VPX	73.017
4.	VND	51.629
5.	VCK	48.402
6.	HCM	46.499
7.	ACBS	38.584
8.	VCI	36.006
9.	VIX	34.167
13.	SHS	23.032

Vốn chủ sở hữu

STT	Công ty	Giá trị (tỷ đồng)
1.	TCX	44.100
2.	VPX	33.831
3.	SSI	32.066
4.	VCK	28.835
5.	VIX	21.455
6.	VND	20.903
7.	VCI	18.010
8.	HCM	14.543
9.	ACBS	14.270
11.	SHS	12.602



Tổng tài sản

#13 toàn ngành

Vốn chủ sở hữu

#11 toàn ngành

Vốn điều lệ

#10 toàn ngành

EPS

#20 toàn ngành

Doanh thu

#10 toàn ngành

Lợi nhuận sau thuế

#7 toàn ngành

P/E

#27 toàn ngành

P/B

#20 toàn ngành

(Nguồn: FiinPro, SHS Research)

Vốn điều lệ

STT	Công ty	Giá trị (tỷ đồng)
1.	TCX	23.113
2.	SSI	20.779
3.	VPX	18.750
4.	VIX	15.314
5.	VND	15.223
6.	VCK	15.218
7.	LPBS	12.668
8.	ACBS	11.000
9.	HCM	10.808
10.	SHS	8.995

Doanh thu

STT	Công ty	Giá trị (tỷ đồng)
1.	SSI	12.931
2.	TCX	11.217
3.	VIX	8.279
4.	VCK	8.267
5.	VPX	7.910
6.	VND	6.640
7.	HCM	5.136
8.	VCI	4.980
9.	ACBS	4.614
10.	SHS	3.669

P/E

STT	Công ty	Giá trị (lần)
1.	VIG	599,5
2.	APG	425,8
3.	VUA	193,1
4.	EVS	77,7
5.	IVS	63,0
6.	TCI	50,6
7.	CSI	46,3
8.	TVB	42,6
9.	ORS	40,5
27.	SHS	13,7

SHS hiện đứng thứ 10 toàn ngành về vốn điều lệ. Năm 2025, SHS đã vươn lên Top 7 công ty chứng khoán có lợi nhuận sau thuế cao nhất. Tương quan giữa quy mô vốn và kết quả lợi nhuận cho thấy hiệu quả sử dụng vốn của Công ty ở mức tích cực so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành.

Đáng chú ý, dù ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận nổi bật, SHS chỉ xếp thứ 20 về P/B và 27 về P/E trong ngành, phản ánh mức định giá còn tương đối hấp dẫn. Điều này cho thấy Công ty đã khai thác hiệu quả các nguồn lực, duy trì khả năng sinh lời tốt, trong khi tỷ lệ đòn bẩy và chi phí lãi vay được kiểm soát ở mức thấp. Các chỉ tiêu tài chính được giữ vững, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong khi định giá cổ phiếu ở mức hấp dẫn so với các công ty cùng ngành.

EPS

STT	Công ty	VND/cp
1.	VIX	3.533
2.	BVS	3.114
3.	VCK	2.742
4.	CTS	2.715
5.	TCX	2.713
6.	VPX	2.298
7.	SSI	2.037
8.	BSI	2.012
9.	MBS	1.886
20.	SHS	1.500

Lợi nhuận sau thuế

STT	Công ty	Giá trị (tỷ đồng)
1.	TCX	5.683
2.	VIX	5.410
3.	SSI	4.106
4.	VCK	3.579
5.	VPX	3.569
6.	VND	2.022
7.	SHS	1.343
8.	VCI	1.342
9.	HCM	1.179
10.	MBS	1.131

P/B

STT	Công ty	Giá trị (lần)
1.	VUA	12,6
2.	HAC	4,0
3.	SBS	3,7
4.	TCX	2,9
5.	FTS	2,6
6.	SSI	2,4
7.	VCK	2,4
8.	DSE	2,4
9.	CTS	2,3
20.	SHS	1,5

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá chung

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng trong hành trình tái định vị và nâng cao năng lực cạnh tranh của SHS, khi **Công nghệ - Con người - Trải nghiệm khách hàng** được HĐQT xác định là ba trụ cột chiến lược kiến tạo giá trị dài hạn, hướng tới hiện thực hóa triết lý **Service Branding**. Mọi quy trình vận hành, sản phẩm, giải pháp công nghệ hay chính sách kinh doanh trước khi triển khai đều được xem xét trên cùng một nguyên tắc xuyên suốt: **Giá trị mang lại cho khách hàng**. Công nghệ và con người không vận hành độc lập mà cùng hội tụ để tạo nên trải nghiệm đầu tư hiệu quả, thuận tiện và khác biệt.



Công nghệ

Ở trụ cột Công nghệ, SHS ghi dấu ấn với việc ra mắt bộ đôi nền tảng giao dịch thế hệ mới SH Smart App & Web, cùng ứng dụng tư vấn đầu tư SHAdvisor, mở ra bước tiến quan trọng trong hành trình chuyển đổi số toàn diện. Cùng với đó, hệ thống văn phòng điện tử SHS-EOffice chính thức đi vào vận hành, góp phần số hóa quy trình nội bộ, giảm thiểu giấy tờ thủ công, nâng cao tốc độ xử lý công việc và tính kết nối giữa các đơn vị. Nhờ đó, mỗi cá nhân trong hệ thống có thể phối hợp nhanh hơn, chính xác hơn và phục vụ khách hàng hiệu quả hơn.





Con người

Về Con người, SHS tập trung tái cấu trúc hệ thống tổ chức và quản trị nhân sự theo mô hình doanh nghiệp dịch vụ hiện đại, trong đó chất lượng phục vụ trở thành thước đo trung tâm. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá (KPI) được điều chỉnh theo hướng gắn trực tiếp với trải nghiệm và mức độ hài lòng của khách hàng. Đội ngũ Tư vấn đầu tư được đào tạo chuyên sâu cả về chuyên môn nghiệp vụ lẫn kỹ năng, chuyển dịch vai trò từ “bán sản phẩm” sang “đối tác đầu tư”. Theo đó, SHS không chỉ cung cấp giải pháp tài chính mà còn chia sẻ kiến thức, hỗ trợ ra quyết định và đồng hành cùng khách hàng qua từng chu kỳ thị trường, nuôi dưỡng văn hóa **“Lấy khách hàng làm trung tâm”** trong toàn hệ thống.



Trải nghiệm khách hàng

Đối với trụ cột **Trải nghiệm khách hàng**, SHS hướng tới xây dựng hành trình dịch vụ liền mạch đa điểm chạm, kết nối hài hòa giữa môi trường trực tuyến và trực tiếp. Trụ sở chính được thiết kế theo mô hình văn phòng tài chính mở, hiện đại và thân thiện. Đồng thời, Công ty từng bước mở rộng và chuẩn hóa mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch tại các trung tâm kinh tế trọng điểm như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ, bảo đảm khách hàng trên toàn quốc được phục vụ với tiêu chuẩn đồng nhất, chuyên nghiệp và thuận tiện.



TOP 7

Công ty chứng khoán có lợi nhuận lớn nhất

TOP 10

Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025
Ngành Tài chính – Chứng khoán



Tạp chí HR Asia

Nơi làm việc tốt nhất châu Á

Những định hướng chiến lược trên đã góp phần tạo nên **kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2025**, trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều biến động nhưng cũng mở ra cơ hội tăng trưởng mới. SHS tiếp tục giữ vững vị thế trong nhóm công ty chứng khoán dẫn đầu với **vốn điều lệ đạt 8.994,62 tỷ đồng và tổng tài sản đạt 23.031,9 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2025**. Công ty nằm trong **Top 7 công ty chứng khoán có lợi nhuận lớn nhất**, khẳng định vai trò là nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp và đối tác tư vấn tin cậy của khách hàng. HĐQT đánh giá Công ty đã bám sát mục tiêu **“Phát triển bền vững - Lấy khách hàng làm trọng tâm”**.

SHS tăng trưởng tích cực cả ở quy mô và hiệu quả hoạt động. Trong năm 2025, doanh thu gia tăng đồng đều ở tất cả các mảng kinh doanh chủ lực, đồng thời biên lợi nhuận từng mảng đều được cải thiện so với năm 2024. Các lĩnh vực đầu tư, tư vấn đầu tư và dịch vụ tài chính tiếp tục đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu

và lợi nhuận, phản ánh hiệu quả của chiến lược chuyển dịch sang mô hình dịch vụ giá trị gia tăng.

Bên cạnh kết quả kinh doanh, SHS ghi nhận nhiều đánh giá tích cực từ các tổ chức độc lập uy tín. Công ty lần đầu tiên được **VIS Rating xếp hạng A với triển vọng Ổn định**, đồng thời tiếp tục lọt **Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất VLCA 2025 – nhóm ngành Tài chính**. SHS còn được vinh danh tại nhiều giải thưởng quốc tế và trong nước như **Best Company to Work for in Asia và Most Caring Company Award – HR Asia Awards 2025, Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025 – ngành Tài chính – Chứng khoán**, cùng **Bằng khen của UBND TP. Hà Nội tại Lễ Tôn vinh Doanh nhân – Doanh nghiệp Thăng Long**. Những ghi nhận này không chỉ phản ánh hiệu quả hoạt động mà còn khẳng định cam kết phát triển bền vững, minh bạch và lấy con người làm trung tâm của SHS trong hành trình tăng trưởng dài hạn.



Với việc tập trung định hướng triển khai triết lý **Service Branding**, một số hoạt động kinh doanh chính năm 2025 của Công ty đã đạt được thông qua kết quả như sau:



Lợi nhuận kế toán trước thuế

1.649,4 tỷ đồng

Hoàn thành **120,5%** kế hoạch năm

↑33,1% so với năm 2024

Trên cơ sở đánh giá toàn diện bối cảnh kinh tế vĩ mô, triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam cùng những phân tích sâu về năng lực nội tại và định hướng phát triển dài hạn của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh với các chỉ tiêu trọng tâm làm kim chỉ nam cho quá trình điều hành trong năm. Bám sát các mục tiêu đã đề ra, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, củng cố nền tảng tài chính và gia tăng năng lực cạnh tranh.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty như sau:

	Kế hoạch (tỷ VND)	Thực hiện (tỷ VND)	Đánh giá
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	2.261,9	3.673,7	Thực hiện 162,4% kế hoạch
2. Tổng chi phí	892,8	2.024,3	Thực hiện 226,7% kế hoạch
3. Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.369,1	1.649,4	Thực hiện 120,5% kế hoạch

Trong năm 2025, SHS ghi nhận tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 3.673,7 tỷ đồng, đạt 162,4% kế hoạch năm. Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 1.649,4 tỷ đồng, đạt 120,5% kế hoạch và tăng 33,1% so với năm 2024.

Kết quả kinh doanh của các hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều có sự tăng trưởng so với năm trước, cụ thể như sau:



Hoạt động tư vấn đầu tư

ghi nhận doanh thu

360 tỷ đồng

↑51,4% so với năm 2024

Hoạt động tư vấn đầu tư tiếp tục là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng nổi bật của SHS trong năm 2025, ghi nhận doanh thu đạt 360 tỷ đồng, tăng 51,5% so với năm 2024. Số lượng tài khoản khách hàng do Công ty quản lý tăng 8%, phản ánh hiệu quả của chiến lược mở rộng tệp khách hàng và đi đôi với nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn. SHS tập trung đầu tư phát triển mảng tư vấn đầu tư theo hướng chuyên sâu và, bền vững và lấy khách hàng làm trung tâm, đồng thời đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ nhằm gia tăng trải nghiệm và hiệu quả quản lý tài sản cho nhà đầu tư. Trong năm, SHS đã tối ưu hóa và nâng cấp mạnh mẽ bộ đội nền tảng giao dịch thể hệ mới SH Smart trên cả web và ứng dụng di động (App & Web Trading 2.0), tích hợp nhiều tính năng hỗ trợ quản lý tài sản, dòng tiền, tư vấn danh mục và kiểm soát rủi ro. trên đa thiết

bị, đáp ứng nhu cầu giao dịch linh hoạt và ngày càng chuyên nghiệp của khách hàng. Hệ thống quy trình vận hành cũng được rà soát, nâng cấp đồng bộ nhằm sẵn sàng tương thích với hệ thống KRX, góp phần nâng cao tốc độ xử lý và tính an toàn trong giao dịch. Song song với đầu tư công nghệ, Công ty tăng cường tuyển dụng, đào tạo và chuẩn hóa năng lực đội ngũ chuyên viên tư vấn đầu tư, triển khai rộng khắp chương trình SH Champions League nhằm thúc đẩy hiệu quả kinh doanh và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Nhiều sản phẩm giao dịch mới và chương trình ưu đãi hấp dẫn được cải tiến, ra mắt như: SH69, Tplus, S30, S79, Li xi đầu xuân, SHS Prosperity... được cải tiến và ra mắt, góp phần gia tăng trải nghiệm, mức độ gắn kết và đồng hành dài hạn của nhà đầu tư với SHS.



Hoạt động dịch vụ tài chính

Ghi nhận doanh thu

803,7 tỷ đồng

Thực hiện **113,5%** kế hoạch
Chiếm **21,9%** tổng doanh thu toàn Công ty

Hoạt động dịch vụ tài chính ghi nhận doanh thu đạt 803,7 tỷ đồng trong năm 2025, chiếm 21,9% tổng doanh thu toàn Công ty và hoàn thành 113,5% kế hoạch kinh doanh năm. Dưới định hướng ưu tiên quản trị rủi ro và đảm bảo an toàn vốn của Hội đồng Quản trị, SHS triển khai đồng bộ các biện pháp kiểm soát rủi ro, xây dựng chính sách lãi suất phù hợp và quản lý tài sản hiệu quả, vừa mở rộng quy mô hoạt động cho vay vừa duy trì sự ổn định tài

chính. Các sản phẩm tài chính và chính sách lãi suất được thiết kế linh hoạt theo từng phân khúc khách hàng, giúp gia tăng khả năng tiếp cận vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ. Dự nợ cho vay đạt 9.097,7 tỷ đồng, tăng mạnh 117% so với năm 2024 và đạt mức cao nhất từ trước đến nay, phản ánh nhu cầu thị trường tích cực cũng như năng lực cung ứng vốn ngày càng được cải thiện của Công ty.



Hoạt động đầu tư

Doanh thu

2.440,8 tỷ đồng

↑104% so với năm 2024
hoàn thành **203%** kế hoạch

Hoạt động đầu tư tiếp tục đóng vai trò trụ cột trong cơ cấu doanh thu khi SHS chủ động bám sát định hướng quản trị rủi ro, linh hoạt tái cơ cấu danh mục nhằm tận dụng các cơ hội thị trường và hiện thực hóa lợi nhuận tại các thời điểm phù hợp. Năm 2025, doanh thu từ hoạt động đầu tư đạt 2.440,8 tỷ đồng, tăng 104% so với năm 2024 và hoàn thành 203% kế hoạch đề ra. Danh mục đầu tư được phân bổ trọng tâm

vào các ngành có triển vọng tăng trưởng tích cực và hưởng lợi từ quá trình phục hồi kinh tế trong nước và toàn cầu như bán lẻ - tiêu dùng, công nghệ và ngân hàng... Tại thời điểm cuối năm 2025, tổng giá trị danh mục đầu tư chứng khoán đạt 12.828 tỷ đồng, tăng 46,5% so với cuối năm 2024, góp phần củng cố nền tảng lợi nhuận và năng lực tài chính của Công ty.



Hoạt động ngân hàng đầu tư

Doanh thu

39 tỷ đồng

↑14% so với năm 2024

Hoạt động ngân hàng đầu tư tiếp tục được hoàn thiện theo mô hình **"One-Stop Shop"**, cung cấp giải pháp tư vấn tài chính toàn diện xuyên suốt vòng đời doanh nghiệp, bao gồm thị trường vốn nợ (DCM), thị trường vốn cổ phần (ECM) và các dịch vụ M&A, tái cấu trúc doanh nghiệp. SHS giữ vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp, nhà đầu tư và các nguồn vốn trong và ngoài nước, qua đó góp phần nâng cao vị thế trên thị trường tài chính. Doanh thu mảng ngân hàng đầu tư năm 2025 đạt 39 tỷ

đồng, tăng 14% so với năm 2024, được hỗ trợ bởi sự phục hồi của hoạt động niêm yết, IPO và phát hành chứng khoán của doanh nghiệp. Trong năm, SHS đã triển khai thành công nhiều thương vụ tư vấn cho các khách hàng lớn như: VNPT, TKV, HanoiTourist, Agribank, VPBank, KienlongBank cùng nhiều tổ chức tín dụng và doanh nghiệp khác, tiếp tục khẳng định năng lực chuyên môn và uy tín của Công ty trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp.



Việc hoàn thiện hệ thống quản trị, đảm bảo an toàn tài chính, kiểm soát rủi ro

Hoàn thiện hệ thống quản trị và bảo đảm an toàn tài chính, kiểm soát rủi ro tiếp tục là một trong những ưu tiên trọng tâm của SHS trong năm 2025 nhằm duy trì nền tảng vận hành ổn định và phát triển bền vững. Công ty thực hiện tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các chuẩn mực quản trị hiện hành. Hệ thống quy trình, quy chế nội bộ được rà soát, cập nhật và điều chỉnh kịp thời để phù hợp với các thay đổi của khung pháp lý cũng như yêu cầu thực tiễn trong hoạt động kinh doanh. Công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự được triển khai thường xuyên, gắn chặt với nhu cầu vận hành và định hướng phát triển chuyên môn của từng đơn vị.

Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm củng cố năng lực tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, bao gồm: cơ cấu lại danh mục tài sản theo hướng an toàn và hiệu quả, chủ

động đa dạng hóa nguồn huy động vốn để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, đồng thời tối ưu hiệu quả sinh lời. Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty luôn được duy trì ở mức đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành. Trong năm 2025, SHS không phát sinh nhu cầu sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán của VSD, qua đó thể hiện nền tảng tài chính vững chắc, khả năng thanh khoản chủ động và công tác quản trị rủi ro hiệu quả của Công ty.

Công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ tiếp tục được tăng cường theo hướng chuyên nghiệp và chuẩn hóa. Khối Quản trị duy trì cơ chế giám sát chặt chẽ, để cao tính minh bạch và tuân thủ trong toàn hệ thống, đồng thời chủ động nhận diện, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro phát sinh trong mọi hoạt động, góp phần bảo vệ lợi ích của cổ đông thiểu số, khách hàng và đối tác, cũng như nâng cao uy tín và vị thế của SHS trên thị trường tài chính.

Hoạt động phát triển thương hiệu



Trong năm 2025, SHS tiếp tục đẩy mạnh phát triển thương hiệu theo định hướng hiện đại, chuyên nghiệp và bền vững, gắn liền với triết lý **Service Branding** và sứ mệnh **"Kiến tạo Tài chính Thịnh vượng"**. Bộ nhận diện thương hiệu được triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống với hình ảnh logo mới mang ý nghĩa kép **"Success"** (Thành công) và **"Sustainability"** (Bền vững), thể hiện định hướng tăng trưởng hiệu quả song hành cùng phát triển dài hạn. Hình ảnh thương hiệu SHS hiện diện

nhất quán tại trụ sở làm việc, các ấn phẩm truyền thông, bản tin chiến lược, hoạt động tư vấn đầu tư, sự kiện khách hàng và chương trình gặp gỡ nhà đầu tư. Qua đó, SHS từng bước xây dựng dấu ấn là một định chế tài chính trẻ trung, linh hoạt, sáng tạo và luôn lấy khách hàng làm trung tâm, cung cấp các giải pháp tài chính chuyên biệt, phù hợp với từng nhu cầu, đồng thời củng cố cam kết đồng hành lâu dài cùng nhà đầu tư trên hành trình gia tăng giá trị bền vững.



Hoạt động phát triển mạng lưới

Song song với việc nâng tầm thương hiệu, SHS ghi nhận bước phát triển mạnh mẽ về mạng lưới hoạt động khi mở rộng hiện diện tại các trung tâm tài chính trọng điểm trên cả nước. Trong năm 2025, Công ty chính thức khai trương Trụ sở mới tại Số 43 phố Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội; đưa Chi nhánh Hà Nội tại Số 41 phố Ngô Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội đi vào hoạt động; đồng thời ra mắt Văn phòng đại diện Cần Thơ tại Số

16-18 Đại lộ Hòa Bình, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Mô hình văn phòng tài chính mở, hiện đại cùng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, tận tâm và giàu kinh nghiệm đã góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng, gia tăng hiệu quả kinh doanh và tiếp tục khẳng định vị thế SHS là một định chế tài chính uy tín, năng động và đáng tin cậy trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ Công ty

SHS đã chi trả 10% cổ tức tiền mặt (1.000 đồng/cổ phiếu), tương ứng hơn 813 tỷ đồng, hoàn thành phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023 (5%), phát hành cổ phiếu để thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (5%).

SHS đã phát hành thành công 5.000.000 cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động (ESOP), giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Với những kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, SHS tiếp tục củng cố niềm tin của khách hàng, đối tác và cơ quan quản lý, đồng thời được nhiều tổ chức uy tín ghi nhận, vinh danh thông qua các giải thưởng và danh hiệu tiêu biểu, góp phần khẳng định uy tín và vị thế của Công ty trên thị trường tài chính - chứng khoán Việt Nam. (Vui lòng xem tại Mục Giải thưởng đạt được - Phần Thông tin chung của Công ty).



Việc thực hiện trách nhiệm đối với vấn đề môi trường, xã hội và quản trị (ESG)

Hội đồng Quản trị xác định **ESG là định hướng xuyên suốt cho sự phát triển dài hạn của SHS**, gắn trách nhiệm xã hội và môi trường với hiệu quả kinh doanh bền vững. Trong năm 2025, bên cạnh việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao phó, Công ty tiếp tục triển khai nhiều hoạt động thiết thực nhằm giảm thiểu tác động môi trường, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

1 Bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

SHS thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số và triển khai toàn diện mô hình "Văn phòng không giấy tờ" (Paperless Office) thông qua hệ thống văn phòng điện tử - SHS EOffice. Toàn bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, hồ sơ nội bộ và hồ sơ khách hàng được số hóa, tích hợp và chia sẻ trên nền tảng lưu trữ đám mây, góp phần giảm đáng kể việc sử dụng giấy, mực in và chi phí lưu trữ truyền thống, đồng thời hạn chế dấu chân carbon trong hoạt động vận hành. Hệ thống SHS EOffice hướng tới chuẩn hóa quy trình hành chính nội bộ, đồng bộ hóa dữ liệu, rút ngắn thời gian xử

lý công việc, tăng khả năng phối hợp giữa các đơn vị và cho phép truy cập, tra cứu linh hoạt mọi lúc, mọi nơi, qua đó nâng cao hiệu suất làm việc và chất lượng quản trị.

Song song với đó, Công ty duy trì thường xuyên các biện pháp sử dụng tiết kiệm điện năng, nước và văn phòng phẩm; khuyến khích tái sử dụng vật tư hợp lý, phân loại rác thải ngay từ nguồn và xử lý rác thải văn phòng theo quy trình khoa học nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường tại toàn bộ hệ thống trụ sở và chi nhánh.

2 Đầu tư xanh

Bên cạnh hoạt động vận hành bền vững, SHS tích cực tham gia phát triển thị trường vốn xanh thông qua các mảng kinh doanh cốt lõi như môi giới, phân tích, đầu tư và tư vấn tài chính. Công ty ưu tiên phân bổ nguồn lực vào các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực năng lượng sạch, nhiên liệu tái tạo, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy dòng vốn hướng tới các giá trị tăng trưởng dài hạn và có trách nhiệm.

Những nỗ lực đồng bộ trong thực hành ESG đã giúp SHS được vinh danh trong Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025 Ngành Tài chính - Chứng khoán tại Giải thưởng ESG Vietnam Summit 2025, ghi nhận cam kết mạnh mẽ của Công ty trong việc cân bằng hiệu quả kinh doanh với trách nhiệm môi trường và xã hội.

3 Chính sách xã hội



Trao tặng

15

căn nhà tình nghĩa cho các hộ khó khăn tại xã Hạnh Phúc, tỉnh Lào Cai

Hỗ trợ

2 tỷ đồng

khắc phục hậu quả mưa lũ tại Thái Nguyên

Tài trợ

2 tỷ đồng

Xây mới 12 căn nhà và sửa chữa 5 căn nhà cho người dân vùng lũ tại Lạng Sơn



Nhà tài trợ

Kim cương

của cuộc thi "Bàn lĩnh Nhà đầu tư"



- Trách nhiệm với cộng đồng:** SHS luôn xác định việc đồng hành, chia sẻ và đóng góp cho các hoạt động cộng đồng, y tế và giáo dục là trách nhiệm xuyên suốt, gắn liền với quá trình phát triển bền vững và lớn mạnh của Công ty. Trong năm 2025, Công ty phối hợp cùng Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB), CTCP Tập đoàn T&T và các đơn vị trong hệ sinh thái triển khai chương trình thiện nguyện "Hương về đồng bào vùng thiên tai", trao tặng 15 căn nhà tình nghĩa cho các hộ khó khăn tại xã Hạnh Phúc, tỉnh Lào Cai với tổng giá trị 1,2 tỷ đồng; hỗ trợ 2 tỷ đồng khắc phục hậu quả mưa lũ tại Thái Nguyên; tài trợ 2 tỷ đồng xây mới 12 căn nhà và sửa chữa 5 căn nhà cho người dân vùng lũ tại Lạng Sơn; đồng thời hỗ trợ người dân tại Cao Bằng và Lạng Sơn thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Trong lĩnh vực giáo dục,** SHS tập trung lan tỏa kiến thức tài chính và đầu tư tới

thế hệ trẻ thông qua các hội thảo chuyên đề tại các trường đại học, chương trình thực tập nghề nghiệp và các hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Công ty là Nhà tài trợ Kim cương của cuộc thi "Bàn lĩnh Nhà đầu tư", góp phần xây dựng một thế hệ nhà đầu tư có nền tảng kiến thức vững vàng và tư duy tài chính bền vững.

- Trong lĩnh vực thể thao và kết nối cộng đồng,** SHS tiếp tục tài trợ và đồng hành cùng nhiều hoạt động thể thao trong nước như tài trợ Cầu lạc bộ Bóng đá Hà Nội; tham gia và tài trợ Giải chạy SSC Run - Hướng tới tương lai do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức; Giải Pickleball Ngành Chứng khoán Việt Nam 2025, Giải Pickleball VSDC Open 2025; cùng các hoạt động thể thao trong hệ sinh thái SHB và Tập đoàn T&T nhằm tăng cường giao lưu, mở rộng kết nối trong cộng đồng tài chính - đầu tư.



4

Chính sách với người lao động

SHS duy trì môi trường làm việc ổn định, minh bạch và cạnh tranh, bảo đảm đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định pháp luật, không sử dụng lao động trẻ em hoặc lao động cưỡng bức, đồng thời thúc đẩy cân bằng giới và cơ hội phát triển công bằng cho mọi cá nhân. Công ty triển khai mua bảo hiểm sức khỏe và chương trình khám sức khỏe định kỳ tại các cơ sở y tế chất lượng cao cho toàn bộ cán bộ, nhân viên. Các chính sách khen thưởng được thực hiện kịp thời nhằm ghi nhận những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời quan tâm đến đời sống gia đình người

lao động thông qua các chương trình khen thưởng con em học giỏi, tặng quà nhân dịp Tết Thiếu nhi và Trung thu. Các hoạt động đào tạo chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm đầu tư, thể thao, du lịch, teambuilding và workshop nội bộ được tổ chức thường xuyên nhằm tăng cường sức khỏe thể chất, tinh thần học hỏi và sự gắn kết trong toàn hệ thống.

Năm 2025, SHS tiếp tục được HR Asia vinh danh lần thứ hai liên tiếp với danh hiệu **"Nơi làm việc tốt nhất châu Á & Doanh nghiệp quan tâm nhân viên tốt nhất"**.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò điều hành trong năm 2025, thể hiện rõ qua hiệu quả triển khai chiến lược, năng lực quản trị và mức độ tuân thủ cao, cụ thể như sau:

Về thực thi chiến lược

Ban Tổng Giám đốc đã cụ thể hóa các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị thành những chương trình hành động chi tiết, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa các khối chức năng và nâng cao hiệu quả vận hành toàn hệ thống.

Về chuyển đổi số

Ban Tổng Giám đốc thể hiện quyết tâm mạnh mẽ khi triển khai nâng cấp hệ thống lõi (Core System), đồng thời tích hợp các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích hành vi khách hàng, góp phần cải thiện trải nghiệm người dùng và gia tăng tỷ lệ duy trì khách hàng (Retention rate) trên nền tảng số.



Về quản trị nhân sự

Công ty xây dựng môi trường làm việc năng động, thu hút nhiều chuyên gia phân tích và môi giới uy tín trên thị trường, đồng thời triển khai hiệu quả chính sách ESOP nhằm gắn kết đội ngũ nhân sự chủ chốt với mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty.

Về tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo hoạt động của Công ty vận hành an toàn, minh bạch và tuân thủ đầy đủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng các cơ quan quản lý liên quan, góp phần củng cố niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư và đối tác.

Báo cáo kết quả kinh doanh

So với kế hoạch

Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2025 của SHS đạt 3.673,7 tỷ đồng, đạt 162,4% kế hoạch năm. Tổng chi phí của Công ty trong năm là 2.024,3 tỷ đồng, tương đương 226,7% kế hoạch. Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty năm 2025 đạt 1.649,4 tỷ đồng, đạt 120,5% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên giao phó.

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2025	Chênh lệch	Thực hiện so với kế hoạch (%)
1.	Tổng doanh thu và thu nhập khác	3.673,7	2.261,9	1.410,3	162,4%
2.	Tổng chi phí	2.024,3	892,8	1.128,8	226,7%
3.	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.649,4	1.369,1	281,5	120,5%



↑162,4%

so với kế hoạch

Tổng doanh thu và thu nhập khác (Đơn vị: tỷ đồng)



↑226,7%

so với kế hoạch

Tổng chi phí (Đơn vị: tỷ đồng)



↑120,5%

so với kế hoạch

Lợi nhuận kế toán trước thuế (Đơn vị: tỷ đồng)



So với năm trước

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chi tiêu	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Thay đổi	
			Số tiền	%
I. TỔNG DOANH THU, THU NHẬP KHÁC, trong đó:	3.673,7	1.997,6	1.676,1	83,9%
1. Doanh thu hoạt động	3.668,5	1.991,3	1.677,2	84,2%
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.410,6	1.155,3	1.255,3	108,7%
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0,5	12,7	(12,2)	(96,1%)
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	778,6	497,7	280,9	56,4%
- Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29,7	26,8	2,9	100,0%
- Doanh thu môi giới chứng khoán	360,4	238,0	122,4	51,4%
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2,6	8,8	(6,2)	(70,5%)
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	25,1	10,5	14,6	139,0%
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	16,3	13,5	2,8	20,7%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	36,4	25,5	10,9	42,7%
- Doanh thu hoạt động khác	8,3	2,5	5,8	232,0%
2. Doanh thu tài chính	5,1	3,6	1,5	41,7%
3. Thu nhập khác	-	2,7	(2,7)	(100%)
II. TỔNG CHI PHÍ, trong đó:	2.024,3	758,3	1.266,0	167,0%
1. Chi phí hoạt động	1.579,0	566,0	1.013,0	179,0%
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	163,4	129,1	34,3	26,6%
3. Chi phí tài chính	281,9	63,2	218,7	346,0%
4. Chi phí khác	-	-	-	-
III. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ TNDN	1.649,4	1.239,3	410,1	33,1%
IV. CHI PHÍ THUẾ TNDN, trong đó:	306,2	223,7	82,5	36,9%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	199,8	206,1	(6,3)	(3,1%)
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	106,4	17,6	88,8	504,5%
V. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	1.343,2	1.015,6	327,6	32,3%

Về doanh thu

Tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty trong năm 2025 đạt 3.673,7 tỷ đồng, tăng 83,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2025, các hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều ghi nhận tăng trưởng ấn tượng về doanh thu. Cụ thể:



Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính

2.440,8 tỷ đồng
↑104% so với năm 2024

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

778,6 tỷ đồng
↑56,4% so với năm 2024

Doanh thu môi giới chứng khoán

360,4 tỷ đồng
↑51,4% so với năm 2024



- **Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính đạt 2.440,8 tỷ đồng, tăng 1.246,0 tỷ đồng (tương đương 104%) so với năm 2024.** Mặc dù thị trường chứng khoán năm 2025 có nhiều biến động, Công ty kiên định với chiến lược lựa chọn cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành, có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn, thanh khoản đảm bảo, tài chính lành mạnh kết hợp với chú trọng quản trị rủi ro. Nhờ đó, hoạt động đầu tư đã mang lại hiệu quả cao, đóng góp tích cực vào kết quả chung của Công ty.
- **Doanh thu môi giới chứng khoán đạt 360,4 tỷ đồng, tăng 122,4 tỷ đồng (tương đương 51,4%) so với năm 2024.** Trong bối cảnh cạnh tranh về thị phần môi giới giữa các công ty chứng khoán tiếp tục diễn ra gay gắt, Công ty đã duy trì sự ổn định của các sản phẩm và chất lượng dịch vụ cốt lõi. Đồng thời, SHS chủ động nâng cấp hạ tầng công nghệ, triển khai thêm các sản phẩm mới và đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tạo nền tảng sẵn sàng cho giai đoạn phát triển mới.
- **Các mảng hoạt động còn lại đều ghi nhận tăng trưởng tích cực so với năm 2024. Doanh thu tư vấn tài chính & đại lý phát hành chứng khoán đạt 39 tỷ đồng (tăng 52,9%), doanh thu tư vấn đầu tư đạt 25,1 tỷ đồng (tăng 139%), doanh thu lưu ký chứng khoán đạt 16,3 tỷ đồng (tăng 20,7%).** Đáng chú ý, hoạt động tư vấn tài chính có sự khởi sắc rõ nét trong năm 2025 khi SHS tận dụng tốt các cơ hội từ hoạt động phát hành và tái cấu trúc vốn. Công ty đã tham gia nhiều thương vụ tiêu biểu, nổi bật là thương vụ tư vấn chuyển sàn HOSE thành công cho Ngân hàng KienlongBank (một trong 16 thương vụ niêm yết mới trong năm 2025) và tư vấn phát hành riêng lẻ cho Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco (Taseco Land), qua đó củng cố vị thế và uy tín trên thị trường tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Về chi phí

Tổng chi phí năm 2025 của Công ty là 2.024,3 tỷ đồng, tăng 167% so với năm 2024. Cụ thể như sau:



Chi phí hoạt động kinh doanh

1.579 tỷ đồng
↑179% so với năm 2024

Chi phí quản lý doanh nghiệp

163,4 tỷ đồng
↑26,6% so với năm 2024

Chi phí tài chính

281,9 tỷ đồng
↑346% so với năm 2024



- **Chi phí hoạt động kinh doanh đạt 1.579 tỷ đồng, tăng 179% so với năm 2024.** Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: lỗ bán và đánh giá lại tài sản tài chính; dự phòng tài sản tài chính; chi phí các hoạt động tự doanh, môi giới, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán... Chi phí hoạt động kinh doanh năm 2025 tăng chủ yếu do công ty mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 163,4 tỷ đồng, tăng 26,6% so với năm trước.** Chi phí lương và các khoản trích theo lương cho nhân viên tăng là nguyên nhân thúc đẩy chi phí quản lý doanh nghiệp tăng trong năm 2025.
- **Chi phí tài chính đạt 281,9 tỷ đồng, tăng 346% so với năm 2024.** Chi phí tài chính (chủ yếu là chi phí lãi vay) tăng do Công ty trong năm 2025 đẩy mạnh huy động vốn vay và phát hành trái phiếu để đáp ứng nhu cầu của các hoạt động kinh doanh.

Về lợi nhuận kế toán trước thuế và sau thuế



Lợi nhuận kế toán trước thuế

1.649,4 tỷ đồng
↑33,1% so với năm 2024
tương đương **120,5%** kế hoạch năm

Lợi nhuận sau thuế

1.343,2 tỷ đồng

Lũy kế cả năm 2025, SHS ghi nhận lợi nhuận kế toán trước thuế là 1.649,4 tỷ đồng, tăng 33,1% so với năm 2024, tương đương 120,5% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty là 1.343,2 tỷ đồng.



Báo cáo tình hình tài chính

Tình hình tài sản

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chi tiêu	31/12/2025		31/12/2024		Thay đổi	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	%
TÀI SẢN NGẮN HẠN	22.932,7	99,6%	13.935,1	99,3%	8.997,6	64,6%
Tiền và các khoản tương đương tiền	887,6	3,9%	680,8	4,9%	206,8	30,4%
Các khoản đầu tư ngắn hạn	12.827,9	55,7%	8.757,0	62,4%	4.070,9	46,5%
Các khoản cho vay	9.097,7	39,5%	4.186,9	29,8%	4.910,8	117,3%
Các khoản phải thu	84,1	0,4%	268,5	1,9%	(184,4)	(68,7%)
Tài sản ngắn hạn khác	35,4	0,2%	41,9	0,3%	(6,5)	(15,5%)
TÀI SẢN DÀI HẠN	99,2	0,4%	92,6	0,7%	6,6	7,1%
Tài sản cố định	35,2	0,2%	29,9	0,2%	5,3	17,7%
Tài sản dài hạn khác	64,0	0,3%	62,7	0,4%	1,3	2,1%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	23.031,9	100%	14.027,7	100%	9.004,2	64,2%



Về cơ cấu tài sản

Tổng tài sản

23.031,9 tỷ đồng
↑64,2% so với đầu năm

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 23.031,9 tỷ đồng, tăng 64,2% so với thời điểm đầu năm. Tài sản ngắn hạn đạt 22.932,6 tỷ đồng, chiếm 99,6% Tổng tài sản. Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu gồm:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn đạt 12.828 tỷ đồng, chiếm 55,7% Tổng tài sản.** Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết: cổ phiếu, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp... Bên cạnh hoạt động đầu tư cổ phiếu, Công ty cũng lựa chọn đầu tư vào các tài sản có mức sinh lời ổn định và ít rủi ro hơn như trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng, các đối tác lớn và đáng tin cậy.

- Các khoản cho vay với số tiền 9.097,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 39,5% Tổng tài sản.** Các khoản cho vay bao gồm: cho vay margin, ứng trước tiền bán.
- Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chiếm 3,9% Tổng tài sản,** bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng dưới dạng tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi dưới 3 tháng, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Tài sản dài hạn: tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các chi phí trả trước dài hạn khác. Các khoản mục này có số dư 99,2 tỷ đồng, duy trì tỷ trọng dưới 1% Tổng tài sản.



Về biến động tài sản

Các khoản đầu tư ngắn hạn

12.828 tỷ đồng
↑46,5% so với đầu năm

Các khoản cho vay

9.097,7 tỷ đồng
↑117,3% so với đầu năm

Tổng tài sản năm 2025 của Công ty tăng trưởng 64,2% so với năm 2024. Động lực tăng trưởng đến từ sự mở rộng mạnh mẽ quy mô hoạt động cho vay ký quỹ và tài sản đầu tư tự doanh. Biến động của từng nhóm tài sản cụ thể như sau:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 12.828 tỷ đồng, tăng 46,5% so với đầu năm.** Danh mục đầu tư của Công ty gồm cổ phiếu và chứng chỉ quỹ (niêm yết, Up-com, chưa niêm yết) với tỷ trọng 48,9%, trái phiếu (niêm yết, chưa niêm yết) và chứng chỉ tiền gửi với tỷ trọng 51,1%. Các khoản đầu tư trong danh mục đều là cổ phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá của các

doanh nghiệp cơ bản, có tiềm năng tăng trưởng, tình hình tài chính lành mạnh, hưởng lợi từ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút dòng tiền và được quản trị tốt, minh bạch.

- Các khoản cho vay tăng 117,3%, đạt 9.097,7 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2025, chủ yếu nhờ diễn biến thị trường khởi sắc cả về thanh khoản lẫn điểm số.** Cùng với đó, SHS ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực trong hoạt động môi giới, tập trung thu hút khách hàng thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Đồng thời, Công ty tiếp tục duy trì công tác quản trị rủi ro hiệu quả, chặt chẽ, không phát sinh nợ xấu trong kỳ.

Tình hình nguồn vốn

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chi tiêu	31/12/2025		31/12/2024		Thay đổi	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	%
NỢ PHẢI TRẢ	10.429,6	45,3%	2.816,5	20,1%	7.613,1	270,3%
Nợ phải trả ngắn hạn	10.232,5	44,4%	2.725,8	19,4%	7.506,7	275,4%
Nợ phải trả dài hạn	197,1	0,9%	90,7	0,6%	106,4	117,3%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.602,3	54,7%	11.211,2	79,9%	1.391,1	12,4%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	9.387,0	40,7%	8.853,3	63,1%	533,7	6,0%
Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	3.215,3	14,0%	2.357,9	16,8%	857,4	36,4%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	23.031,9	100,0%	14.027,7	100,0%	9.004,2	64,2%



Về cơ cấu nguồn vốn

Tổng nguồn vốn

23.031,9 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

12.602,3 tỷ đồng

Chiếm **54,7%** Tổng nguồn vốn

Nợ ngắn hạn

10.232,5 tỷ đồng

Chiếm **44,4%** Tổng nguồn vốn

Tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 23.031,9 tỷ đồng. Trong đó, vốn chủ sở hữu đạt 12.602,3 tỷ đồng, chiếm 40,7% Tổng nguồn vốn. Nợ phải trả đạt 10.429,6 tỷ đồng, chiếm 45,3% Tổng nguồn vốn.

Nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2025 bao gồm:

- Nợ ngắn hạn: đạt 10.232,5 tỷ đồng, chiếm 44,4% Tổng nguồn vốn.** Các khoản vay ngân hàng chiếm 91,4% số dư Phải trả ngắn hạn. Còn lại là các khoản phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả thuế và các khoản phải trả Nhà nước, phải trả cho người lao động, quỹ khen thưởng phúc lợi, phải trả, phải nộp khác...
- Nợ dài hạn: có số dư 197,1 tỷ đồng.** Nợ dài hạn của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập hoãn lại phải trả và doanh thu chưa thực hiện.

Vốn chủ sở hữu bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: đạt 9.387,0 tỷ đồng, chiếm 40,7% Tổng nguồn vốn.**

nguồn vốn, bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

- Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối: với số tiền 3.215,3 tỷ đồng, chiếm 14% Tổng nguồn vốn,** bao gồm quỹ bổ sung vốn điều lệ, các quỹ khác và lợi nhuận chưa phân phối.

Về biến động nguồn vốn: Tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2025 tăng 64,2% so với thời điểm đầu năm. Cụ thể:

- Nợ phải trả tăng 7.613,1 tỷ đồng chủ yếu do tăng quy mô vay ngân hàng và nợ trái phiếu ngắn hạn.** Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn tăng 7.506,7 tỷ đồng và nợ phải trả dài hạn tăng 106,4 tỷ đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 1.391,1 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2024,** chủ yếu do tăng trưởng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng thêm 533,7 tỷ đồng do công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 5%, thưởng cổ phiếu ESOP cho cán bộ công nhân viên trong năm 2025.



Báo cáo các chỉ tiêu tài chính quan trọng

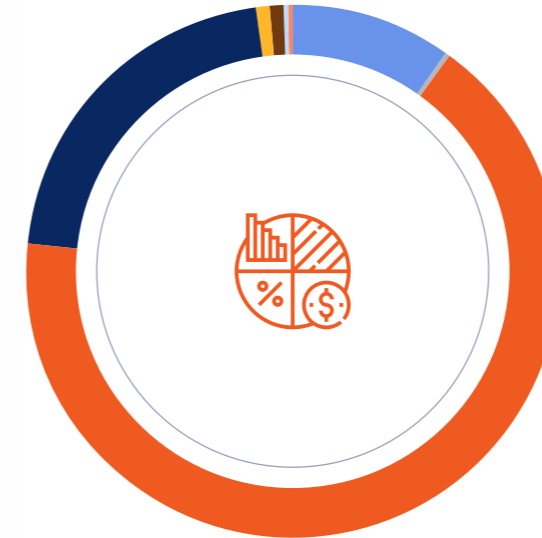


Chỉ tiêu	2025	2024	Tăng/Giảm
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán nhanh	8,7%	25,0%	(16,3%)
Hệ số thanh toán hiện hành	224,1%	511,2%	(287,1%)
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	45,3%	20,1%	25,2%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	82,8%	25,1%	57,7%
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay các khoản phải thu (lần)	20,84	0,43	2.040,7%
Vòng quay vốn lưu động (lần)	0,31	0,19	11,7%
Vòng quay tổng tài sản (lần)	0,20	0,16	3,8%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Tỷ lệ Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	57,0%	71,6%	(14,6%)
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	44,9%	62,0%	(17,1%)
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	36,6%	50,8%	(14,2%)
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	11,3%	9,5%	1,8%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	7,2%	8,0%	(0,8%)
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS) (đồng/cp)	1.500	1.135	365
CHỈ TIÊU VỀ AN TOÀN VỐN			
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại ngày 31/12	451,04%	717,36%	(266,3%)

- Các hệ số thanh toán của SHS thời điểm cuối năm 2025 có xu hướng giảm so với năm 2024, chủ yếu do Công ty gia tăng vay ngân hàng và phát hành trái phiếu ngắn hạn nhằm phục vụ nhu cầu vốn cho các hoạt động kinh doanh. Dù vậy, SHS vẫn duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn và được kiểm soát tốt.
- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn như hệ số Nợ/Tổng tài sản, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2025 tăng lên do SHS chủ động gia tăng vay và nợ ngắn hạn để phục vụ hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, hệ số nợ vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung toàn ngành, đồng thời lợi nhuận tăng trưởng tích cực cho thấy Công ty đang sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.
- Các chỉ tiêu phản ánh năng lực hoạt động và khả năng sinh lời năm 2025 của Công ty như: ROE, vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động... đều có sự cải thiện so với năm 2024, cho thấy hiệu quả vận hành và khả năng tạo lợi nhuận của SHS đang được nâng cao.
- Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2025 đạt 451,04%, giảm 266% so với cùng kỳ năm trước, bảo đảm an toàn theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Báo cáo về các mặt hoạt động của Công ty

Cơ cấu Doanh thu năm 2025 của Công ty



(Đơn vị: tỷ đồng)

Hoạt động	Doanh thu	Tỷ lệ
Môi giới	360,4	9,8%
Lưu ký chứng khoán	16,3	0,4%
Đầu tư	2.440,8	66,5%
Cho vay	778,6	21,2%
Tư vấn đầu tư chứng khoán	25,1	0,7%
Tư vấn tài chính	36,4	1,0%
Bảo lãnh, đại lý phát hành	2,6	0,1%
Doanh thu hoạt động khác	8,3	0,2%
Tổng cộng	3.668,5	100%

Thông tin chi tiết về các mảng hoạt động của Công ty như sau:

Môi giới và lưu ký



Kết quả hoạt động năm 2025

Doanh thu hoạt động môi giới và lưu ký
376,7 tỷ đồng
↑49,8% so với năm 2024

(Đơn vị: tỷ đồng)

Hoạt động	Năm 2024	Năm 2025		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% TH 2025 so với TH 2024	% TH 2025 so với KH 2025
Môi giới	238,0	360,4	290,8	51,4%	123,9%
Lưu ký	13,5	16,3	13,2	20,7%	122,9%
Tổng cộng	251,5	376,7	304,0	49,8%	123,9%

Doanh thu hoạt động môi giới và lưu ký năm 2025 đạt 376,7 tỷ đồng, tăng 49,8% so với năm 2024 (đạt 123,9% kế hoạch và chiếm 10,3% Tổng doanh thu của SHS). Thị trường chứng khoán năm 2025 ghi nhận mức tăng của chỉ số và thanh khoản, tuy nhiên hiệu quả đầu tư nhìn chung chưa cao do đà tăng chủ yếu tập trung vào một số nhóm cổ phiếu riêng lẻ, trong khi phần lớn cổ phiếu còn lại phân hóa mạnh, thậm chí giảm giá như VCB, FPT, DGC... Bên cạnh đó, nhà đầu tư nước ngoài duy trì xu hướng bán ròng với giá trị kỷ lục 135.329 tỷ đồng (tăng 48% so với 2024), chịu tác động từ biến động tỷ giá và sự dịch chuyển của dòng vốn quốc tế trên toàn cầu. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, các công ty chứng khoán tiếp tục đẩy mạnh chiến lược cạnh tranh về giá thông qua miễn, giảm phí giao dịch, lãi suất vay ưu đãi và chính sách hoa hồng môi giới. Những yếu tố này đã tạo áp lực đáng kể, khiến hoạt động môi giới của SHS chưa đạt được mục tiêu đề ra.



Số lượng tài khoản quản lý tăng nhe

Số lượng tài khoản mở mới trong năm 2025 tại SHS là 5.998 tài khoản. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số lượng tài khoản chứng khoán mở tại SHS đạt 79.318 tài khoản.

	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Số lượng tài khoản mở mới	4.466	8.759	5.770	6.623	2.855	5.998
Số lượng tài khoản tại ngày 31/12	49.920	58.485	63.987	70.668	73.478	79.318



Nâng cao trải nghiệm khách hàng

Với định hướng **"Service Branding"**, trong năm 2025 SHS đã hoàn thành dự án nâng cấp toàn diện hệ thống giao dịch, trọng tâm là phát triển nền tảng Web Trading 2.0 và ra mắt ứng dụng SH Smart, thay thế cho ứng dụng SH Trading trước đây. Các nền tảng mới được thiết kế theo hướng hiện đại, thân thiện với người dùng, đồng thời bảo đảm dữ liệu được đồng bộ xuyên suốt, giúp nhà đầu tư theo dõi và quản lý tài khoản hiệu quả hơn.

Bên cạnh cải tiến về giao diện và trải nghiệm, SHS còn bổ sung nhiều tính năng và công cụ hỗ trợ đầu tư, bao phủ toàn bộ hành trình khách hàng từ mở tài khoản, giao dịch đến quản lý danh mục và tài sản. Những nâng cấp này góp phần nâng cao tính tiện lợi, tốc độ và độ ổn định của hệ thống, qua đó mang lại trải nghiệm liền mạch và tối ưu hơn cho nhà đầu tư.



Ra mắt các sản phẩm mới



Với mục tiêu đa dạng hóa giải pháp đầu tư, nâng cao hiệu quả cho khách hàng và gia tăng năng lực cạnh tranh, trong năm 2025 SHS đã ra mắt và hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm tài chính phù hợp với nhiều phân khúc khách hàng. Bên cạnh việc nâng cấp các gói sản phẩm hiện hữu như SH69 và Tplus, Công ty triển khai thêm sản phẩm S30 dành cho khách hàng đầu tư ngắn hạn và S79 hướng tới khách hàng mới hoặc khách hàng quay trở lại thị trường, với các điều kiện giao dịch linh hoạt và ưu đãi hơn.

Song song, SHS liên tục bổ sung các tính năng mới trên nền tảng giao dịch, giúp khách hàng chủ động quản lý trạng thái tài khoản, tối ưu thời điểm sử dụng vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư. Các chính sách ưu đãi khai thác tệp khách hàng trong cùng hệ sinh thái cũng được triển khai đồng bộ. Nhằm tăng cường gắn kết và gia tăng nhận diện thương hiệu, Công ty đã tổ chức các chương trình tri ân và sản phẩm

chăm sóc khách hàng như **Lì xì đầu xuân** và **SHS Prosperity**. Đáng chú ý, SHS là một trong số ít các đại lý chính thức tham gia phân phối hai thương vụ IPO lớn trong năm 2025 của Chứng khoán VPBank và Chứng khoán VPS.

Bên cạnh phát triển sản phẩm, SHS tiếp tục đầu tư mạnh cho nguồn nhân lực môi giới. Công ty đẩy mạnh tuyển dụng đội ngũ tư vấn đầu tư chất lượng cao, đồng thời tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ năng tư vấn và bán hàng. Chương trình thi đua SH Champions League được triển khai nhằm tạo động lực và nâng cao hiệu suất kinh doanh. Ngoài ra, hệ thống SHAdvisor trên nền tảng App/Web đã chính thức go-live, hỗ trợ đội ngũ tư vấn trong công tác quản trị khách hàng, tư vấn và chăm sóc khách hàng một cách nhanh chóng, hiệu quả và nhất quán.

SHS

NÂNG CẤP ƯU ĐÃI GÓI SH69

0% đã hời, 6.9% càng lời

Hạn mức vay ưu đãi **2 tỷ đồng** / Khách hàng

Gia hạn chương trình tới **30/06/2025**

Mở rộng **Khách hàng nhận ưu đãi**

Đầu tư ngay

SH69

Dịch vụ tài chính



Kết quả hoạt động năm 2025

Doanh thu dịch vụ tài chính

803,7 tỷ đồng

21,9% tổng doanh thu toàn công ty

(Đơn vị: tỷ đồng)

Doanh thu	Năm 2024	Năm 2025		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% TH 2025 so với TH 2024	% TH 2025 so với KH 2025
Cho vay	497,7	778,6	686,0	56,4%	113,5%
Tư vấn đầu tư	10,5	25,1	22,4	140,0%	112,1%
Tổng cộng	508,2	803,7	708,4	58,2%	113,5%



Hoạt động dịch vụ tài chính đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2025. Doanh thu Dịch vụ tài chính ghi nhận 803,7 tỷ đồng, chiếm 21,9% tổng doanh thu toàn công ty, hoàn thành 113,5% kế hoạch năm.

Nhằm đáp ứng các yêu cầu mới về hệ thống khi triển khai vận hành KRX, đồng thời phục vụ quá trình mở rộng quy mô khách hàng và gia tăng nhu cầu sử dụng các sản phẩm tài chính, SHS đã chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như: hoàn thiện quy trình, chuẩn hóa nghiệp

vụ, nâng cấp hạ tầng công nghệ và nâng cao chất lượng dịch vụ. Theo đó, các quy trình nghiệp vụ trọng yếu được rà soát, cập nhật và điều chỉnh kịp thời, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định nội bộ của Công ty cũng như yêu cầu của cơ quan quản lý, đồng thời phù hợp với thực tiễn vận hành và tốc độ phát triển của SHS. Song song với đó, công tác kiểm soát dư nợ các dịch vụ tài chính được tăng cường xuyên suốt trước, trong và sau giao dịch của khách hàng, qua đó chủ động nhận diện, phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động.



Quy mô cho vay cuối năm 2025 tăng mạnh so với năm 2024

Số dư các khoản cho vay của Công ty

9.097,7 tỷ đồng

↑117,3% so với đầu năm

Tại thời điểm 31/12/2025, số dư Phải thu các dịch vụ tài chính của Công ty 9.490,2 tỷ đồng, tăng 4.877 tỷ đồng tương đương 105,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong

đó, phải thu cho vay ký quỹ đạt 8.825 tỷ đồng và ứng trước tiền bán chứng khoán đạt 272,3 tỷ đồng, lần lượt tăng 116,4% và 152,5% so với cùng kỳ năm trước.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Các khoản phải thu	31/12/2025	31/12/2024	Thay đổi	
			Số tiền	%
Giao dịch ký quỹ	8.825,4	4.079,1	4.746,3	116,4%
Ứng trước tiền bán chứng khoán	272,3	107,8	164,5	152,5%
Hợp tác kinh doanh chứng khoán	382,3	417,8	(35,5)	(8,5%)
Hoạt động giao dịch chứng khoán khác	10,2	8,4	1,8	20,2%
Tổng cộng	9.490,2	4.613,1	4.877,1	105,7%



Kết quả hoạt động năm 2025

Hoạt động đầu tư năm 2025 chiếm

66,5%

Tổng doanh thu của Công ty Hoàn thành **203%** kế hoạch năm

Hoạt động đầu tư năm 2025 tăng trưởng đột phá so với năm 2024 và là mảng đóng góp chủ lực, chiếm 66,4% Tổng doanh thu của Công ty. Doanh thu từ hoạt động đầu tư đạt 2.440,8 tỷ đồng, tăng 104,2% so với năm 2024 và hoàn thành 203,2% kế hoạch năm. Trong năm, Công ty tập trung giải ngân vốn đầu tư vào các cổ phiếu cơ

bản, có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, và nền tảng tài chính lành mạnh, đồng thời chủ động hiện thực hóa lợi nhuận đối với các khoản đầu tư đã đạt mức sinh lời kỳ vọng, qua đó tối ưu hiệu quả danh mục và quản trị rủi ro. Cụ thể như sau:

(Đơn vị: tỷ đồng)

Doanh thu	Năm 2024	Năm 2025		Thay đổi (%)	
		Thực hiện	Kế hoạch	% TH 2025 so với TH 2024	% TH 2025 so với KH 2025
Đầu tư	1.194,7	2.440,8	1.200,2	104,2%	203,2%

Tại thời điểm 31/12/2025, SHS nắm giữ nhiều khoản đầu tư có hiệu quả như:

- Cổ phiếu: TCB, HHV,...
- Trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp lớn, có uy tín trên thị trường: BIDV, HDBank...



Quy mô đầu tư được mở rộng, cơ cấu đầu tư có sự thay đổi

Tại thời điểm 31/12/2025, danh mục đầu tư của Công ty có giá trị 11.107,8 tỷ đồng, tăng 31,9% so với thời điểm cuối năm 2024.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2025	Tại 31/12/2025	Thay đổi (%)	
			Số tiền	%
GIÁ MUA	8.419,8	11.107,8	2.688,0	31,9%
Tài sản FVTPL	7.944,6	10.384,6	2.440,0	30,7%
Cổ phiếu niêm yết	2.994,5	3.176,6	192,1	6,4%
Cổ phiếu giao dịch Upcom	533,5	312,1	(221,4)	(41,5%)
Chứng khoán ủy thác đầu tư	-	39,8	39,8	100%
Cổ phiếu chưa niêm yết	474,2	1.139,0	664,8	140,2%
Trái phiếu niêm yết	2.077,5	1.866,1	(211,4)	(10,2%)
Trái phiếu chưa niêm yết	650,0	3.152,3	2.502,3	385%
Chứng chỉ quỹ	10,0	40,0	30,0	300,0%
Công cụ thị trường tiền tệ	1.214,9	658,7	(556,2)	(45,8%)
Tài sản AFS	475,2	723,2	248,0	52,2%
Cổ phiếu niêm yết	475,2	723,2	248,0	52,2%

Tại thời điểm 31/12/2025

Danh mục đầu tư của Công ty có giá trị

11.107,8 tỷ đồng

theo giá mua

↑ 31,9% so với thời điểm cuối năm 2024

Trong đó

Cổ phiếu niêm yết

3.176,6 tỷ đồng

chiếm **28,5%** tỷ lệ đầu tư

Trái phiếu niêm yết

1.866,1 tỷ đồng

chiếm **16,8%** tỷ lệ đầu tư

Nhằm bảo đảm an toàn hoạt động hoạt động đầu tư, Công ty triển khai chiến lược phân bổ danh mục phù hợp dựa trên hai trụ cột chính:

①

Phân tích cơ bản, đánh giá giá trị nội tại của doanh nghiệp

②

Diễn biến của thị trường chứng khoán gắn với bối cảnh kinh tế vĩ mô.



Đối với các nhóm ngành có mức tăng trưởng tốt trong ngắn hạn nhưng tỷ lệ đòn bẩy cao, tiềm ẩn rủi ro, Công ty duy trì quan điểm thận trọng, thực hiện đầu tư ngắn hạn với tỷ trọng hợp lý nhằm tận dụng cơ hội từ chính sách và xu hướng dòng tiền.

Trong trung và dài hạn, Công ty ưu tiên phân bổ tỷ trọng đầu tư lớn vào các ngành có nền tảng tăng trưởng tốt, bền vững, hưởng lợi từ quá trình phục hồi kinh tế trong nước và toàn cầu như: bán lẻ - tiêu dùng, công nghệ, ngân hàng...

Công tác tuân thủ trong hoạt động đầu tư được xuyên suốt từ hoạt động phân tích đầu tư, hoạt động giao dịch đến quản trị danh mục thông qua việc phân ngành và cập nhật liên tục theo tiêu chuẩn của các quỹ đầu tư nước ngoài; đồng thời xây dựng hệ thống thông tin thị trường (market intelligence) toàn diện và chuẩn hóa quản trị rủi ro bằng các nghị quyết, quy định rõ ràng. Bên cạnh đó, công ty cũng đã tiến hành thử nghiệm thành công phương pháp đầu tư định lượng trong hoạt động đầu tư và dự kiến đẩy mạnh triển khai trong năm 2026.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2025
GIÁ MUA	8.419,8	15.808,6	13.120,6	11.107,8
Tài sản FVTPL	7.944,6	15.560,6	13.120,6	10.384,6
Cổ phiếu niêm yết	2.984,5	5.351,2	5.159,1	3.176,6
Cổ phiếu giao dịch Upcom	533,5	178,8	400,2	312,1
Cổ phiếu chưa niêm yết	474,2	674,8	10,0	1.139,0
Chứng khoán ủy thác đầu tư	-	39,8	-	39,8
Trái phiếu niêm yết	2.077,5	5.032,8	5.235,2	1.866,1
Trái phiếu chưa niêm yết	650,0	3.152,3	650,0	3.152,3
Chứng chỉ quỹ	10,0	30,0	-	40,0
Công cụ thị trường tiền tệ	1.214,9	1.109,9	1.666,1	658,7
Tài sản AFS	475,2	248,0	-	723,2
Cổ phiếu niêm yết	475,2	248,0	-	723,2
CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ	337,2	1.844,6	461,7	1.720,1
Tài sản FVTPL	199,8	1.130,1	422,8	907,1
Tài sản AFS	137,4	714,5	38,9	813,0
Tổng cộng	8.757,0	17.653,2	13.582,3	12.827,9

Tại ngày 31/12/2025, cổ phiếu niêm yết chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu đầu tư của Công ty, với tỷ trọng 35,1%, tiếp theo là trái phiếu chưa niêm yết, đạt 28,4%.



	Quy mô đầu tư tại ngày 31/12/2025 (tỷ VND)	Tỷ lệ đầu tư
● Cổ phiếu niêm yết	3.899,8	35,1%
● Cổ phiếu giao dịch Upcom	312,1	2,8%
● Cổ phiếu chưa niêm yết	1.139,0	10,3%
● Chứng khoán ủy thác đầu tư	39,8	0,4%
● Chứng chỉ quỹ	40,0	0,4%
● Trái phiếu niêm yết	1.866,1	16,8%
● Trái phiếu chưa niêm yết	3.152,3	28,4%
● Công cụ thị trường tiền tệ	658,7	5,9%
Tổng cộng	11.107,8	100%

Tính chung cả năm 2025, Công ty chủ yếu tập trung đầu tư cổ phiếu và trái phiếu niêm yết. Tỷ trọng đầu tư năm 2025 của Công ty vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết, chiếm lần lượt 35,4% và 31,8%. Đầu tư vào chứng chỉ quỹ, ủy thác đầu tư chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ.



	Quy mô đầu tư trong năm 2025 (tỷ VND)	Tỷ lệ đầu tư
● Cổ phiếu niêm yết	5.599,2	35,4%
● Cổ phiếu giao dịch Upcom	178,8	1,1%
● Cổ phiếu chưa niêm yết	674,8	4,3%
● Chứng khoán ủy thác đầu tư	39,8	0,3%
● Chứng chỉ quỹ	30,0	0,2%
● Trái phiếu niêm yết	5.023,8	19,9%
● Trái phiếu chưa niêm yết	3.152,3	20,0%
● Công cụ thị trường tiền tệ	1.109,9	7,0%
Tổng cộng	15.808,6	100%

Tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành



Kết quả hoạt động năm 2025

Hoàn thiện mô hình

One-Stop Shop

Tổng mệnh giá tư vấn phát hành thành công

65.525 tỷ đồng
↑11,3% so với năm 2024

Hoạt động tư vấn ECM ghi nhận doanh thu

↑48%
 so với năm 2024

Hoạt động tư vấn M&A và Tái cấu trúc ghi nhận giá trị các thương vụ tư vấn đạt

1 tỷ USD

(Đơn vị: tỷ đồng)

Doanh thu	Năm 2024	Năm 2025		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% TH 2025 so với TH 2024	% TH 2025 so với KH 2025
Tư vấn tài chính, bảo lãnh và đại lý phát hành	1.194,7	39,0	42,9	114,0%	91,0%

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng của Khối Ngân hàng Đầu tư trong việc hoàn thiện mô hình "One-Stop Shop", cung cấp giải pháp tư vấn tài chính toàn diện cho toàn bộ vòng đời doanh nghiệp, bao gồm Tư vấn Thị trường vốn nợ (DCM), Thị trường vốn cổ phần (ECM) và M&A/Tái cấu trúc. Khối Ngân hàng Đầu tư tiếp tục khẳng định vai trò là đầu mối kết nối Doanh nghiệp - Nhà đầu tư - Nguồn vốn trong và ngoài nước, đóng góp tích cực vào chiến lược phát triển dài hạn và nâng cao vị thế của SHS trên thị trường vốn.

Hoạt động tư vấn ECM ghi nhận doanh thu tăng 47% so với năm 2024. Trong năm 2025, SHS đã tư vấn niêm yết thành công cho KienlongBank (KLB), ngân hàng duy nhất tại UPCoM đạt được tiến độ niêm yết trong năm 2025 theo Quyết định 2070 của Chính phủ; đồng thời thực hiện tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho TAL và tư vấn thoái vốn cho các tập đoàn và doanh nghiệp lớn như VNPT, TKV, Hanoitourist...

Hoạt động tư vấn M&A và Tái cấu trúc ghi nhận giá trị các thương vụ tư vấn đạt 1 tỷ USD. Với mạng lưới hơn 200 nhà đầu tư và đối tác trong nước và quốc tế, phủ trên 20 quốc gia và 15 lĩnh vực ngành nghề, SHS đã tăng cường sự hiện diện trên thị trường quốc tế thông qua việc đồng tư vấn với các định chế tài chính nước ngoài; đồng thời phát triển nhóm khách hàng lớn và triển khai các thương vụ thoái vốn quy mô lớn, tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng bền vững trong các năm tiếp theo.

Hoạt động tư vấn DCM ghi nhận kết quả tích cực với tổng mệnh giá tư vấn phát hành thành công là 65.525 tỷ VND, tăng 11,3% so với năm 2024. Thị phần tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng tăng lên 19,7% toàn thị trường (so với 17,6% năm 2024), trong khi thị phần phát hành trái phiếu riêng lẻ đạt 10%. Trong năm 2025, SHS đã triển khai thành công nhiều thương vụ quy mô lớn cho Agribank, VPBank và các tổ chức tín dụng hàng đầu, qua đó khẳng định năng lực tư vấn và vị thế trên thị trường trái phiếu.





Kết quả hoạt động năm 2025

Nguồn vốn huy động bình quân của Công ty đạt khoảng

4.800 tỷ đồng

Chủ yếu đến từ phát hành trái phiếu và vay tín dụng ngân hàng

Hoạt động cân đối nguồn vốn

- Đảm bảo thanh khoản cho tất cả các hoạt động kinh doanh trong năm 2025.
- Đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty và cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng.

Hoạt động huy động nguồn vốn

Trong năm 2025, nguồn vốn huy động bình quân của Công ty đạt khoảng 4.800 tỷ đồng, chủ yếu đến từ phát hành trái phiếu và vay tín dụng ngân hàng. Trong đó, phần lớn là các khoản vay tín chấp không có tài sản đảm bảo tại các ngân hàng.

Tại thời điểm cuối năm 2025, dư nợ vay ngắn hạn đạt 8.220 tỷ đồng, tăng 6.079 tỷ đồng, tương ứng tăng 3,8 lần so với đầu năm; trong đó dư nợ trái phiếu đạt 1.130 tỷ đồng. Việc gia tăng quy mô vay vốn phân

Hoạt động sử dụng nguồn vốn

Nguồn vốn của Công ty trong năm 2025 được sử dụng chủ yếu cho hoạt động đầu tư (chiếm 53% tổng nguồn vốn sử dụng), hoạt động dịch vụ tài chính và các hoạt động khác.

ánh nhu cầu vốn phục vụ hoạt động kinh doanh gia tăng mạnh trong bối cảnh thị trường thuận lợi.

Bên cạnh việc duy trì quan hệ tín dụng ổn định với các đối tác truyền thống như SHB, VPBank, TPBank, Indovina, CTBC..., trong năm 2025 SHS đã mở rộng và nâng hạn mức vay thành công tại nhiều ngân hàng lớn như Vietcombank, Techcombank, LPBank..., qua đó đa dạng hóa nguồn vốn, nâng cao tính linh hoạt tài chính và năng lực đáp ứng nhu cầu vốn trung & ngắn hạn.



Kết quả hoạt động năm 2025

Hoàn thành phát triển dự án

Website SHS

phiên bản mới

Nâng cấp toàn diện tính năng cho

- **App Trading**
- **Web Trading 1.0, 2.0 (SH Smart)**
- **SH Advisor**

Năm 2025, Trung tâm Công nghệ SHS đã hoàn thành nhiều dự án trọng điểm, đồng thời **đảm bảo vận hành hệ thống ổn định, an toàn, đáp ứng hiệu quả nhu cầu hoạt động kinh doanh và phục vụ khách hàng**. Các kết quả nổi bật gồm:

Về phát triển hệ thống:

- Nghiệm thu và triển khai hệ thống giao dịch được điều chỉnh đồng bộ, sẵn sàng vận hành theo hệ thống giao dịch KRX mới của HNX/HOSE/VSD.
- Hoàn thành triển khai phase 1 hệ thống quản trị phê duyệt tập trung và phân hệ quản lý văn bản.
- Phối hợp chặt chẽ với bộ phận PTSP phát triển các hệ thống hỗ trợ sản phẩm kinh doanh đặc thù theo định hướng chiến lược như: Sản phẩm Margin TPLUS, S30, S69, S79...
- Hoàn thành phát triển dự án Website SHS phiên bản mới, đồng thời nâng cấp toàn diện tính năng cho App Trading và Web Trading 1.0, 2.0 (SH Smart), hệ thống SH Advisor, cải thiện đáng kể trải nghiệm người dùng và năng lực hỗ trợ hoạt động môi giới – tư vấn.
- Triển khai và hoàn thiện nhiều dự án công nghệ khác phục vụ mở rộng quy mô khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao năng lực vận hành.

Về vận hành:

- Duy trì hệ thống core chứng khoán cơ sở vận hành ổn định, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thay đổi và nâng cấp phần mềm theo lộ trình của 2 Sở giao dịch chứng khoán HSX, HNX và VSD.
- Xây dựng, rà soát và cập nhật các quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố CNTT, bảo đảm phù hợp với mô hình hệ thống KRX và chức năng/nhiệm vụ của cơ cấu tổ chức.
- Hoàn thành việc dịch chuyển Trung tâm dữ liệu của SHS sang Trung tâm dữ liệu CMC, nâng cao năng lực vận hành, mức độ an toàn hệ thống và khả năng mở rộng trong giai đoạn phát triển tiếp theo.



Kết quả hoạt động năm 2025

Triển khai chiến lược **“Service Branding”**, hoạt động Phân tích của SHS trong năm 2025 đã được tái cấu trúc toàn diện từ nội dung, tư duy tiếp cận, hình ảnh, format trình bày đến cách truyền tải thông tin, tạo ra sự khác biệt rõ nét so với mô hình phân tích truyền thống trên thị trường. Nhờ đó, các báo cáo phân tích của SHS không chỉ được khách hàng cá nhân đón nhận tích cực mà còn được đánh giá cao bởi các nhà đầu tư tổ chức, quỹ đầu tư và các định chế tài chính lớn.

Điểm nhấn nổi bật là **Báo cáo Quản lý tài sản** của SHS - là sản phẩm tiên phong do một công ty chứng khoán phát hành, đã tạo dấu ấn mạnh mẽ trên thị trường, nhận được phản hồi tích cực và góp phần nâng cao vị thế thương hiệu phân tích của SHS. Bên cạnh đó, **Báo cáo Vĩ mô và Báo cáo Chiến lược** tiếp tục phát huy vai trò định hướng, cung cấp góc nhìn chuyên sâu về các chủ đề trọng tâm như: báo cáo về thị trường vàng, bất động sản và xu hướng vận động của các nhóm ngành, hỗ trợ nhà đầu tư nhận diện cơ hội kịp thời. Trong năm, SHS cũng ra mắt **Báo cáo Tiền tệ và Trái phiếu**, đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa danh mục đầu tư của khách hàng.

Song song với các ấn phẩm định kỳ hàng ngày và hàng tuần, số lượng **Báo cáo Ngành và Doanh nghiệp** được gia tăng

đáng kể, với hình thức trình bày hiện đại, trực quan, dễ tiếp cận, trở thành một điểm nhận diện quan trọng của hệ thống phân tích SHS.

Ngoài ra, Trung tâm Phân tích còn đóng vai trò hỗ trợ xuyên suốt cho các đơn vị trong Công ty thông qua các hoạt động: thuyết trình cơ hội đầu tư, đánh giá giao dịch ký quỹ và tự doanh, cung cấp dịch vụ IR cho doanh nghiệp (**Equity Story, IR Report, IR Talk**), đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh và thương hiệu SHS thông qua các bài viết chuyên sâu và talkshow trên các phương tiện truyền thông.



Kết quả hoạt động năm 2025

Năm 2025, SHS tiếp tục triển khai các hoạt động marketing & truyền thông theo định hướng dịch vụ, công nghệ và phát triển bền vững, nhằm gia tăng giá trị thương hiệu và nâng cao trải nghiệm của cổ đông, khách hàng trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.

SHS thực hiện tái định vị và đồng bộ thương hiệu theo nhận diện mới, triển khai nhất quán trên hệ thống điểm chạm và truyền thông sự kiện khai trương Hội sở mới. Các hoạt động này góp phần củng cố hình ảnh SHS theo hướng **Chuyên nghiệp - Hiện đại - Lấy khách hàng làm trung tâm**.

Trong năm, SHS từng bước ứng dụng công nghệ số và các giải pháp dựa trên AI trong hoạt động marketing và truyền thông, đặc biệt trong phân phối nội dung, cá nhân hóa thông tin và nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng. Việc đẩy mạnh truyền thông Báo cáo phân tích trên các nền tảng số góp phần nâng cao trải nghiệm tiếp cận thông tin và khẳng định uy tín chuyên môn của SHS trên thị trường.

Song song với hoạt động kinh doanh, SHS tích cực đồng hành cùng cộng đồng thông qua các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR) và hoạt động tài trợ các chương trình thể thao, tài trợ giáo dục, lan tỏa hình ảnh doanh nghiệp gắn kết với xã hội, để cao tinh thần bền bỉ, kỷ luật và phát triển lâu dài.



Kết quả hoạt động năm 2025

Trong những năm qua, hoạt động pháp chế đã đóng góp tích cực vào việc hỗ trợ tất cả các hoạt động chính của Công ty như: môi giới, dịch vụ tài chính, tư vấn tài chính, đầu tư... Đứng trước những yêu cầu của hoạt động kinh doanh và sự thay đổi của các quy định pháp luật, Bộ phận Pháp chế đã duy trì thường xuyên hoạt động phối hợp với các phòng ban, nghiệp vụ để tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật. Một số kết quả điển hình của hoạt động pháp chế trong năm 2025 như sau:

- Tư vấn pháp lý về nhân sự, cơ cấu Công ty và hỗ trợ thực hiện Hồ sơ liên quan tới việc xin thay đổi địa chỉ trụ sở chính, cấp mới/điều chỉnh Giấy phép thành lập, hoạt động của các Đơn vị và của Công ty.
- Soạn thảo và hỗ trợ soạn thảo các văn bản, hồ sơ, giấy tờ của Công ty theo yêu

cầu của Ban TGD và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty.

- Rà soát, soát xét và cho ý kiến pháp lý về các văn bản, hồ sơ, giấy tờ của Công ty.
- Rà soát và phối hợp với các phòng ban, chi nhánh chuẩn hóa các quy trình, quy chế nội bộ, các mẫu biểu của toàn Công ty.
- Cập nhật, phổ biến các quy định pháp luật trong toàn Công ty và xây dựng các bản tin pháp luật.
- Tham gia các hội thảo pháp lý do cơ quan Nhà nước chủ trì, đóng góp/gửi văn bản đóng góp ý kiến.
- Xây dựng quan hệ hợp tác với các tổ chức có chức năng hỗ trợ công tác pháp chế.
- Các hoạt động khác.



Xử lý các khoản Nợ phải thu khó đòi



Kết quả hoạt động năm 2025

Tổng giá trị phải thu khó đòi của Công tại ngày 31/12/2025 là 638,7 tỷ đồng. Trong năm, Công ty trích lập bổ sung 58,9 tỷ đồng, đồng thời hoàn nhập dự phòng 1,5 tỷ đồng. Tổng số dư dự phòng phải thu khó đòi của Công ty đến thời điểm cuối năm 2025 đạt 564,4 tỷ đồng. Tỷ lệ số dư dự phòng/Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2025 là 88,4%. Tỷ lệ số trích lập dự phòng trong năm/Giá trị phải thu khó đòi là 9,2%.

Năm	Giá trị phải thu khó đòi	Số dư dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dư dự phòng cuối năm	Tỷ lệ số dư dự phòng/ Giá trị phải thu khó đòi	Tỷ lệ số trích lập dự phòng trong năm/ Giá trị phải thu khó đòi
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[3]+[4]-[5]	[7]=[6]/[2]	[8]=[4]/[2]
2025	638,7	507,0	58,9	1,5	564,4	88,4%	9,2%
2024	617,8	530,0	42,2	65,2	507,0	82,1%	6,8%
2023	621,1	509,2	42,3	21,5	530,0	85,3%	6,8%
2022	605,5	464,4	45,3	0,5	509,2	95,4%	7,5%
2021	551,7	466,1	48,1	49,8	464,4	84,2%	8,7%
2020	553,9	442,1	35,0	11,0	466,1	84,1%	6,3%

Công tác xử lý nợ phải thu khó đòi trong năm 2025 tiếp tục tập trung vào việc hoàn thiện hồ sơ, theo dõi nợ, phối hợp với các phòng ban, chi nhánh, cá nhân liên quan đơn đốc khách hàng trả nợ.



Báo cáo về tình hình đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư

Các khoản đầu tư lớn

Đầu tư tài chính	Xem Mục Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc → Báo cáo các mặt hoạt động của Công ty → Đầu tư.
Đầu tư dự án	Công ty không có khoản đầu tư dự án lớn nào trong năm 2025.
Công ty con, công ty liên kết	Công ty không có bất kỳ công ty con, công ty liên kết nào.

Những tiến bộ trong năm

Hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2025

Năm 2025, mặc dù thị trường chứng khoán có nhiều biến động, SHS đạt lợi nhuận trước thuế 1.649,4 tỷ đồng, tăng 33,1% so với năm 2024, hoàn thành 120,5% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao. Tất cả các mảng kinh doanh của SHS đều ghi nhận tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận so với năm 2024. SHS lọt **Top 7** công ty chứng khoán có lợi nhuận ròng lớn nhất năm 2025.

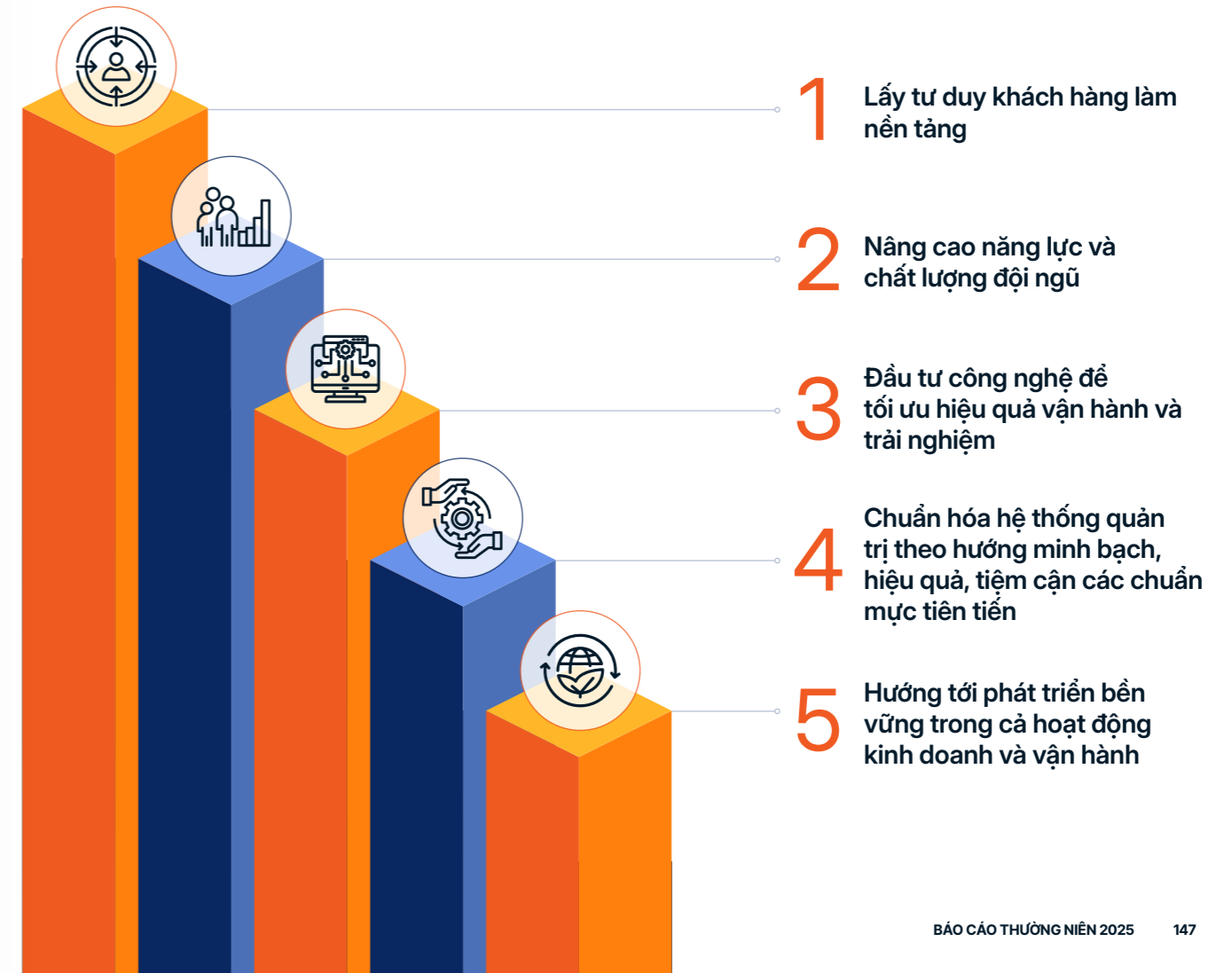
Bước chuyển chiến lược với định hướng "Service Branding"

Năm 2025 được SHS xác định là năm bản lề trong chiến lược phát triển trung và dài hạn, đánh dấu bước chuyển quan trọng từ mô hình tăng trưởng dựa trên quy mô sang mô hình tăng trưởng bền vững lấy dịch vụ, trải nghiệm và giá trị dài hạn của khách hàng làm trọng tâm, theo định hướng "Service Branding". Trong tiến trình chuyển đổi này, công nghệ và con người được xác định là động lực cốt lõi thúc đẩy thay đổi.

Việc ra mắt bộ đôi nền tảng giao dịch thể hệ mới SH Smart trên App và Web là dấu mốc quan trọng trong hành trình chuyển đổi số của SHS. Các nền tảng mới cho phép cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, đồng bộ dữ liệu đa thiết bị, đồng thời tăng cường các lớp bảo mật, cảnh báo rủi ro và giám sát giao dịch theo thời gian thực, qua đó nâng cao mức độ an toàn, chủ động và tiện lợi cho nhà đầu tư.

Song song với nâng cấp nền tảng công nghệ, trải nghiệm khách hàng được hoàn thiện theo hướng liền mạch đa điểm chạm, kết nối hiệu quả giữa môi trường trực tuyến và tương tác trực tiếp. Tháng 10/2025, SHS chính thức khai trương Trụ sở chính mới tại 43 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Hà Nội, được thiết kế theo mô hình văn phòng tài chính mở, hiện đại và thân thiện. Đồng thời, Công ty từng bước mở rộng và chuẩn hóa hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch tại các trung tâm tài chính lớn, nhằm bảo đảm trải nghiệm dịch vụ thống nhất, chuyên nghiệp trên toàn hệ thống.

Khác với cách tiếp cận truyền thống, "Service Branding" được SHS xác định là chiến lược xuyên suốt, triển khai đồng bộ trên năm trụ cột:



Những nỗ lực đã được ghi nhận

Năm 2025, SHS ghi nhận sự đánh giá tích cực từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước. Ngay trong lần đầu tiên được xếp hạng tín nhiệm, SHS đã đạt mức A - Triển vọng Ổn định từ VIS Rating, khẳng định nền tảng tài chính và năng lực quản trị rủi ro của Công ty.

Bên cạnh đó, SHS được vinh danh tại nhiều giải thưởng uy tín, tiêu biểu như:

- **Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất** nhóm ngành Tài chính;
- **Nơi làm việc tốt nhất châu Á 2025** và **Doanh nghiệp quan tâm đời sống nhân viên tốt nhất** năm thứ hai liên tiếp (HR Asia Awards);

- **Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội**, góp phần phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô;
- Cùng nhiều danh hiệu, bằng khen khác.

Các giải thưởng và ghi nhận trên không chỉ là niềm vinh dự đối với SHS mà còn phản ánh sự ghi nhận của Cơ quan quản lý, tổ chức chuyên môn và truyền thông đối với kết quả hoạt động, cũng như năng lực chỉ đạo, điều hành của Ban Lãnh đạo trong thời gian qua.



Duy trì và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp

Các hoạt động quản trị, điều hành doanh nghiệp của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tiếp tục đi vào chiều sâu, trên cơ sở có sự định hướng xuyên suốt nhằm nắm bắt tốt các cơ hội của thị trường, tuân thủ các quy định của pháp luật và các thông lệ quản trị hiện đại. Các hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro được thực hiện định kỳ nhằm bảo vệ những thành quả đạt được của hoạt động kinh doanh.

Hoạt động quan hệ cổ đông, báo cáo và công bố thông tin ngày càng được chuẩn hóa góp phần nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Công ty. Bám sát các mục tiêu phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI, SHS ngày càng chú trọng, quan tâm tới lợi

ích của các bên liên quan mà trọng tâm là các hoạt động đóng góp cho cộng đồng. Năm 2025, SHS tiếp tục có nhiều hoạt động đóng góp cho cộng đồng (*Vui lòng xem Mục Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025*).

Với định hướng xuyên suốt trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam và là thương hiệu uy tín trên thị trường chứng khoán châu Á, SHS coi trọng việc minh bạch thông tin cũng như tiếp tục đầu tư bài bản cho ấn phẩm Báo cáo thường niên với mong muốn truyền tải đi các thông tin đầy đủ nhất về Công ty cũng như thông điệp về sự phát triển bền vững trên cơ sở gắn kết hài hòa với lợi ích của các bên liên quan.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý



Triển khai hệ thống Văn phòng điện tử SHS EOffice

Trong năm 2025, SHS triển khai hệ thống văn phòng điện tử SHS EOffice, góp phần số hóa quy trình nội bộ, tối ưu hiệu suất làm việc và nâng cao khả năng phối hợp trong toàn hệ thống.

Ở trụ cột Con người, Công ty thực hiện tái cấu trúc tổ chức và hệ thống quản trị nhân sự theo định hướng doanh nghiệp dịch vụ, gắn các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả với chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của khách hàng. Đồng thời, SHS chú trọng đào tạo đội ngũ tư vấn theo hướng đồng hành đầu tư dài hạn cùng khách hàng.

Hoạt động đào tạo được triển khai đa dạng, bao gồm đào tạo nội bộ về quy trình, nghiệp vụ, kỹ năng phân tích đầu tư cơ bản và nâng cao; cũng như đào tạo bên ngoài thông qua các chương trình chuyên môn hành nghề chứng khoán tại Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Chứng khoán (SRTC). Song song với đó, Công ty tăng cường tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, bổ sung cho các vị trí quản lý cấp trung nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.



Kế hoạch kinh doanh năm 2026

- 152 Nhận định tổng quan năm 2026
- 164 Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026

CHƯƠNG

IV



Triển vọng về tăng trưởng kinh tế và lạm phát

Bước sang năm 2026, kinh tế toàn cầu đã qua giai đoạn biến động mạnh với nhiều cú sốc liên tiếp, song vẫn chưa đạt trạng thái ổn định vững chắc. Tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo chậm lại, đạt khoảng 2,8-2,9%, thấp hơn mức ~3,2% của năm 2025, phản ánh tác động trễ của chu kỳ thắt chặt tiền tệ trước đó. Trong khi đó, lạm phát tiếp tục xu hướng hạ nhiệt nhưng vẫn cao hơn mục tiêu 2% tại nhiều nền kinh tế phát triển. Cụ thể, lạm phát lõi tại Mỹ và Anh hiện quanh 3% và được kỳ vọng giảm dần về gần 2% vào cuối năm 2026 khi tác động tăng giá từ thuế quan và giá do Nhà nước quản lý suy yếu, đồng thời đã tăng của tiền lương và giá nhà đất chậm lại.

Ở chiều ngược lại, nguồn cung hàng hóa toàn cầu dồi dào đang góp phần kiềm chế áp lực giá năng lượng. Thị trường dầu mỏ hiện ở trạng thái cung vượt cầu nhẹ, khiến giá dầu khó duy trì xu hướng tăng mạnh nếu kinh tế thế giới chưa có sự bất phá rõ rệt. Dù vậy, các cú sốc địa chính trị như xung đột hay trừng phạt vẫn có thể đẩy giá năng lượng tăng trong ngắn hạn, song thường nhanh chóng hạ nhiệt khi các yếu

tổ cung – cầu cơ bản ổn định trở lại. Nhờ lạm phát dần được kiểm soát, trọng tâm của bức tranh kinh tế năm 2026 nhiều khả năng sẽ chuyển từ “**nỗi lo lạm phát**” sang “**nỗi lo tăng trưởng**”; áp lực giá cả tiếp tục giảm, trong khi định hướng chính sách vĩ mô sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào diễn biến thị trường lao động và mức độ cải thiện của niềm tin kinh doanh.

Trong bối cảnh đó, chính sách tiền tệ toàn cầu có xu hướng nới lỏng thận trọng. Fed được kỳ vọng giảm lãi suất khoảng 0,5 điểm %, đưa lãi suất điều hành về vùng 3,0-3,25%, khi thị trường lao động Mỹ bớt căng thẳng. Anh và một số quốc gia khác cũng có dự định cắt giảm lãi suất, trong khi Eurozone nhiều khả năng giữ lập trường trung lập. Tuy nhiên, lạm phát vẫn mang tính “dai dẳng”, buộc các ngân hàng trung ương phải mềm mỏng hơn nhưng tránh quay lại nới lỏng mạnh tay như các chu kỳ trước.

Kinh tế Mỹ được dự báo tăng trưởng khoảng 2,6% trong năm 2026, cao hơn mức trung bình dài hạn, nhờ sự kết hợp



Lạm phát có thể duy trì quanh mức

~3%

trong nửa đầu năm 2026, trước khi ổn định dần về cuối năm

của cắt giảm thuế, điều kiện tài chính thuận lợi hơn và làn sóng đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo. Lạm phát có thể duy trì quanh ~3% trong nửa đầu năm, trước khi ổn định dần về cuối năm khi các áp lực từ nhà ở, tiền lương và năng lượng hạ nhiệt. Trong bối cảnh đó, Fed nhiều khả năng chấp nhận mức lạm phát cao hơn mục tiêu để ưu tiên duy trì đà tăng trưởng kinh tế.

Châu Âu nổi lên điểm sáng từ chính sách tài khóa. Đức - nền kinh tế lớn nhất khu vực lần đầu tiên sau nhiều năm chuyển sang mở rộng chi tiêu công mạnh mẽ cho quốc phòng và hạ tầng, giúp tăng trưởng GDP năm 2026 dự kiến đạt khoảng 1,2%, kéo tăng trưởng toàn khu vực EU lên khoảng 1,3%. Dù vậy, triển vọng xuất khẩu của châu Âu vẫn chịu sức ép từ nhu cầu toàn cầu suy yếu và căng thẳng thương mại kéo dài.

Đối với Trung Quốc, tăng trưởng năm 2026 được dự báo ở mức 4,5-5%, song cấu trúc tăng trưởng vẫn kém cân bằng. Nhu cầu nội địa yếu, bất động sản suy giảm và tâm lý tiêu dùng thận trọng tiếp

tục là lực cản lớn, khiến tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu và đầu tư công. Việc Trung Quốc đẩy mạnh xuất khẩu sang ASEAN và các thị trường mới nổi giúp duy trì sản xuất trong nước, nhưng đồng thời tạo áp lực cạnh tranh ngày càng lớn lên khu vực, trong đó có Việt Nam.

Tổng thể, bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2026 mang tính phân hóa rõ nét: Mỹ và một số nền kinh tế phát triển hưởng lợi từ công nghệ và dịch vụ, trong khi thương mại toàn cầu chỉ tăng khoảng 2,3%, chuỗi cung ứng tiếp tục dịch chuyển theo hướng đa dạng hóa và giảm phụ thuộc vào Trung Quốc. Rủi ro lớn nhất của năm không còn là lạm phát bùng phát trở lại, mà là nguy cơ tăng trưởng hụt hơi nếu các động lực mới không đủ mạnh để bù đắp lực cản chu kỳ.

Dưới đây là nhận định và góc nhìn của các định chế tài chính lớn trên thế giới như: IMF, World Bank, OECD, JP Morgan Asset Management và Goldman Sachs về tình hình tăng trưởng kinh tế và lạm phát toàn cầu trong năm 2025.



Nhận định của IMF

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

3,3%

Lạm phát toàn cầu

3,8%

vào năm 2026

Tăng trưởng kinh tế

IMF dự báo tăng trưởng toàn cầu 3,3% năm 2026 và 3,2% năm 2027, nhìn chung giữ nhịp ổn định so với mức ước tính năm 2025. Điểm nhấn của IMF là “tăng trưởng vẫn bền” dù môi trường chính sách và thương mại nhiều biến động, nhờ các lực đỡ đủ lớn để triệt tiêu một phần lực cản.

Trong cách lý giải của IMF, các lực đỡ nằm ở đầu tư công nghệ, mức độ thích nghi của khu vực tư nhân, cùng với điều kiện tài chính và một số yếu tố hỗ trợ từ chính sách. Tuy vậy, xung lực từ thương mại không còn “dễ thở” như giai đoạn trước, khi tăng trưởng khối lượng thương mại thế giới được dự báo giảm từ 4,1% năm 2025 xuống 2,6% năm 2026, phản ánh việc “mua trước, bán trước” và điều chỉnh luồng thương mại theo chính sách mới.

Lạm phát

IMF dự báo lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm, với lạm phát chung dự kiến về 3,8% năm 2026 và 3,4% năm 2027. IMF cũng lưu ý bức tranh lạm phát có sự phân hóa, một số nền kinh tế quay về mục tiêu nhanh hơn, trong khi một số nơi có thể “dính” độ trễ do kênh giá cả và tiền lương.



Nhận định của World Bank

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

2,6%

Lạm phát toàn cầu

2,6%

vào năm 2026

Tăng trưởng kinh tế

World Bank cho rằng kinh tế toàn cầu đang “chống chịu tốt hơn dự kiến” dù căng thẳng thương mại và bất định chính sách còn cao. Theo dự báo của World Bank, tăng trưởng toàn cầu giảm nhẹ về 2,6% năm 2026 rồi nhích lên 2,7% năm 2027, và đây là một điều chỉnh tăng so với dự báo trước đó.

Dù vậy, World Bank nhấn mạnh một lớp câu chuyện dài hơi hơn: nếu các dự báo này thành hiện thực, thập niên 2020 có thể là thập niên tăng trưởng toàn cầu yếu nhất kể từ những năm 1960. World Bank giải thích tăng trưởng năm 2025 được hỗ trợ bởi thương mại bùng lên do đón đầu thay đổi chính sách và chuỗi cung ứng điều chỉnh nhanh, nhưng các lực đỡ này dự kiến phai dần trong 2026 khi thương mại và cầu nội địa mềm hơn; bù lại, điều kiện tài chính toàn cầu nới hơn và mở rộng tài khóa ở một số nền kinh tế lớn có thể giúp giảm độ sốc của nhịp chậm lại.

Lạm phát

World Bank dự báo lạm phát toàn cầu “hạ nhẹ” về 2,6% năm 2026, với các lực kéo giảm chủ yếu đến từ thị trường lao động hạ nhiệt và giá năng lượng thấp hơn. World Bank cũng hàm ý rằng xu hướng giảm lạm phát là điều kiện cần để ổn định vĩ mô, nhưng mức độ bền vững còn tùy vào kịch bản thương mại và mức độ bất định chính sách.



Nhận định của OECD

Tăng trưởng GDP toàn cầu

2,9%

Lạm phát giá tiêu dùng bình quân của nhóm G20

2,8%

vào năm 2026

Tăng trưởng kinh tế

OECD dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu giảm từ 3,2% năm 2025 xuống 2,9% năm 2026, sau đó nhích lên 3,1% năm 2027. Nhìn tổng thể, OECD coi 2026 là một năm “chậm lại có kiểm soát”, thay vì một cú gây chu kỳ, trong bối cảnh nhiều nền kinh tế có thêm dư địa từ điều kiện tài chính và định hướng chính sách vĩ mô.

Đi sâu hơn, OECD cho rằng tăng trưởng chịu sức nặng từ việc hiệu ứng đón đầu thương mại suy yếu và việc thuế quan hiệu lực cao hơn dần đi vào chi phí doanh nghiệp và giá hàng hóa cuối cùng, làm chậm đầu tư và thương mại. Tuy vậy, OECD cũng kỳ vọng tăng trưởng sẽ “hồi dần” trong 2026 khi tác động của thuế quan suy giảm theo thời gian, điều kiện tài chính thuận lợi hơn, chính sách vĩ mô hỗ trợ, và lạm phát thấp hơn; đồng thời các nền kinh tế mới nổi châu Á tiếp tục đóng góp phần lớn vào tăng trưởng toàn cầu.

Lạm phát

OECD dự báo lạm phát giá tiêu dùng bình quân của nhóm G20 giảm về 2,8% năm 2026 và 2,5% năm 2027, từ mức 3,4% năm 2025, nhờ thị trường lao động dịu lại và áp lực chi phí giảm. OECD cũng lưu ý lạm phát hàng hóa có thể chịu tác động từ thuế quan và một số yếu tố thực phẩm, trong khi lạm phát dịch vụ ở nhiều nơi vẫn dai dẳng, nhưng xu hướng chung vẫn là quay về vùng mục tiêu ở đa số nền kinh tế lớn.



Nhận định của JP Morgan Asset Management

Tăng trưởng kinh tế

Trong báo cáo của J.P. Morgan Asset Management, kịch bản cơ sở nhấn mạnh 2026 vẫn là một năm kinh tế Mỹ có độ bền, đủ để nâng đỡ tài sản rủi ro, dù dưới bề mặt có nhiều phân hóa. Báo cáo mô tả 2026 theo nhịp “ấm lên rồi lại nguội”, khi tăng trưởng và lạm phát có thể tăng sớm trong năm do tác động chính sách, sau đó tăng trưởng chậm lại do các lực cản quay trở lại.

Cụ thể hơn, JPM cho rằng thuế quan cao hơn và nhập cư thấp hơn là hai lực cản làm giảm tốc tăng trưởng, nhưng có các lực đỡ như hiệu ứng thu nhập và tài sản của hộ gia đình, cùng một số xung lực tài khóa trong ngắn hạn. Trong kịch bản cơ sở, JPM mô tả tăng trưởng theo quý khá “gợn sóng”, có giai đoạn tăng mạnh hơn trong nửa đầu 2026 rồi giảm về mức thấp hơn về cuối năm khi các tác động kích thích mờ dần.

Lạm phát

JPM cho rằng lạm phát có thể tăng trong nửa đầu 2026 do truyền dẫn chi phí và chính sách, nhưng mức đỉnh vẫn được kiểm chế nhờ giá dầu thấp hơn và lạm phát nhà ở giảm, sau đó hạ dần về cuối năm. Báo cáo nêu kỳ vọng lạm phát có thể quay về vùng thấp hơn vào cuối 2026, đồng thời hàm ý đường đi của lãi suất sẽ “nới chậm”, phụ thuộc lớn vào diễn biến lao động và rủi ro hai chiều.



Nhận định của Goldman Sachs Research

Tăng trưởng kinh tế

Goldman Sachs Research dự báo GDP toàn cầu tăng 2,8% năm 2026, cao hơn mức đồng thuận mà họ nêu, và cho rằng nhiều nền kinh tế lớn có thể đạt mức tăng trưởng “vững” hơn kỳ vọng. Goldman nhấn mạnh họ lạc quan tương đối về Mỹ nhờ các yếu tố như cắt giảm thuế, điều kiện tài chính dễ chịu hơn và lực cản từ thuế quan giảm bớt; đồng thời đưa ra các điểm nhấn khu vực như Trung Quốc tăng trưởng dựa nhiều vào sản xuất và xuất khẩu, còn khu vực đồng euro hưởng lợi từ một số xung lực tài khóa.

Lạm phát

Goldman Sachs Research kỳ vọng lạm phát lõi giảm dần và điều kiện để lãi suất chính sách đi xuống trong 2026 tại nhiều thị trường phát triển trở nên rõ ràng hơn. Ở Mỹ, Goldman Sachs nêu dự báo lạm phát lõi PCE về khoảng 2,1% vào cuối năm, và lập luận rằng một phần áp lực giá trước đó mang tính tạm thời do truyền dẫn thuế quan, khi yếu tố này nhạt đi thì lạm phát sẽ “sạch” hơn và gần mục tiêu hơn.

Tăng trưởng GDP toàn cầu

2,8%

Lạm phát lõi PCE

2,1%

vào năm 2026

Nguồn: IMF, World Bank, OECD, JP Morgan AM và Goldman Sachs Research



RISK

Rủi ro từ công nghệ, AI và thị trường tài chính

- **Sự phụ thuộc quá mức vào động lực công nghệ làm nền tảng tăng trưởng trở nên mong manh.** Tăng trưởng toàn cầu gần đây được nâng đỡ đáng kể bởi đầu tư vào công nghệ, đặc biệt là AI. Tuy nhiên, khi thị trường tài chính và dòng vốn tập trung cao vào một số ít doanh nghiệp công nghệ lớn, cấu trúc tăng trưởng trở nên thiếu đa dạng. Điều này khiến hệ thống dễ tổn thương nếu kỳ vọng về công nghệ thay đổi.
- **Nguy cơ điều chỉnh mạnh trên thị trường tài sản có thể lan sang kinh tế thực.** Nếu kỳ vọng về năng suất nhờ AI bị đánh giá lại theo hướng kém tích cực, đầu tư công nghệ có thể suy giảm và thị

trường chứng khoán có thể xuất hiện một nhịp điều chỉnh sâu. Khi tài sản tài chính sụt giảm, hiệu ứng tài sản tiêu cực sẽ làm giảm tiêu dùng hộ gia đình, thắt chặt điều kiện tài chính và kéo giảm đầu tư tư nhân, từ đó tác động trực tiếp đến tăng trưởng toàn cầu.

- **Thiếu minh bạch trong cấu trúc đầu tư làm gia tăng rủi ro hệ thống.** IMF cảnh báo về các mô hình đầu tư chéo hoặc “đầu tư - mua sắm vòng tròn” trong lĩnh vực AI, nơi các doanh nghiệp lớn đầu tư lẫn nhau để đảm bảo đơn hàng tương lai. Cấu trúc này làm gia tăng rủi ro tập trung và khiến việc đánh giá rủi ro thực chất trở nên phức tạp hơn.

Rủi ro từ chính sách thương mại và chuỗi cung ứng

- **Căng thẳng thương mại có thể tái bùng phát bất cứ lúc nào.** Mặc dù một số thỏa thuận tạm thời đã giúp hạ nhiệt xung đột, mức độ bất định chính sách vẫn cao. Việc tái áp đặt thuế quan, đặc biệt đối với các ngành công nghiệp thượng nguồn, có thể gây gián đoạn sản xuất, làm tăng chi phí đầu vào và tác động tiêu cực đến sản lượng cũng như mặt bằng giá.
- **Các biện pháp phi thuế quan có thể gây đứt gãy chuỗi cung ứng sâu rộng.** Hạn chế xuất khẩu các nguyên liệu chiến lược như khoáng sản đất hiếm có thể tạo ra nút thắt nghiêm trọng trong

chuỗi cung ứng toàn cầu. Tác động không chỉ dừng ở thương mại mà còn lan sang lạm phát chi phí và năng lực sản xuất của nhiều quốc gia.

- **Bất định pháp lý và chính sách làm suy giảm đầu tư doanh nghiệp.** Những thay đổi đột ngột trong khuôn khổ thương mại hoặc phán quyết pháp lý liên quan đến quyền hạn điều hành có thể khiến doanh nghiệp trì hoãn kế hoạch đầu tư và mở rộng sản xuất, qua đó làm suy yếu triển vọng tăng trưởng trung hạn.

Rủi ro địa chính trị và bất ổn chính trị

- **Leo thang xung đột địa chính trị đang đẩy kinh tế toàn cầu vào nguy cơ cú sốc cung nghiêm trọng, với hệ quả trực tiếp là giá năng lượng tăng vọt và áp lực lạm phát lan rộng.** Diễn biến căng thẳng tại Trung Đông và Nga-Ukraine không chỉ làm gián đoạn các tuyến vận tải biển chiến lược mà còn bóp méo chuỗi cung ứng năng lượng, kéo chi phí sản xuất tăng cao trong khi sức mua toàn cầu suy yếu, từ đó làm gia tăng rủi ro bất ổn kinh tế vĩ mô trên diện rộng.
- **Bất ổn chính trị nội bộ làm suy yếu niềm tin kinh tế.** Gia tăng bất định quanh

các kỳ bầu cử hoặc thay đổi chính quyền có thể làm giảm niềm tin của người tiêu dùng và nhà đầu tư. Khi tâm lý phòng thủ gia tăng, khu vực tư nhân có xu hướng trì hoãn chi tiêu và đầu tư, khiến đà phục hồi bị chậm lại.

- **Can thiệp vào các thể chế kinh tế độc lập làm tăng rủi ro chính sách.** Sự can thiệp chính trị vào các ngân hàng trung ương hoặc cơ quan quản lý độc lập có thể dẫn đến sai lệch trong điều hành chính sách vĩ mô, làm suy giảm tính minh bạch và độ tin cậy của môi trường kinh tế.

Rủi ro tài khóa, nợ công và điều kiện tài chính

- **Mức nợ công cao làm thu hẹp dư địa chính sách.** Nợ công toàn cầu đang ở mức cao kỷ lục và có xu hướng vượt 100% GDP trong những năm tới. Điều này khiến nhiều chính phủ bị hạn chế khả năng ứng phó nếu xuất hiện cú sốc kinh tế mới.
- **Thâm hụt lớn có thể gây áp lực lên lãi suất dài hạn.** Thâm hụt tài khóa kéo dài tại các nền kinh tế chủ chốt có thể đẩy lợi suất trái phiếu chính phủ tăng cao.

Khi lãi suất dài hạn tăng, chi phí vốn của khu vực tư nhân cũng gia tăng, làm thắt chặt điều kiện tài chính toàn cầu.

- **Mối liên kết “chủ quyền - ngân hàng” có thể khuếch đại rủi ro.** Lợi suất nợ công tăng có thể làm suy yếu bảng cân đối của các ngân hàng nắm giữ nhiều trái phiếu chính phủ. Điều này tạo ra vòng phản hồi tiêu cực giữa hệ thống ngân hàng và tài khóa, làm gia tăng rủi ro hệ thống.

Điểm yếu trên thị trường tín dụng

- **Tiêu chuẩn cho vay lỏng lẻo làm gia tăng nguy cơ vỡ nợ.** Một số vụ vỡ nợ doanh nghiệp gần đây đã bộc lộ những cấu trúc tài chính phức tạp và thiếu minh bạch. Trong môi trường lãi suất cao, các doanh nghiệp có đòn bẩy lớn dễ rơi vào trạng thái mất khả năng thanh toán.

- **Sự phát triển nhanh của tín dụng tư nhân tiềm ẩn rủi ro thanh khoản.** Khu vực cho vay phi ngân hàng tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây, nhưng phụ thuộc nhiều vào khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư. Nếu điều kiện tài chính thắt chặt hoặc tâm lý thị trường đảo chiều, dòng vốn có thể rút ra nhanh chóng, gây áp lực lên toàn bộ hệ thống tài chính.

Dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam



Tăng trưởng GDP Việt Nam

+8,02%

Xuất khẩu tăng

↑17,0%

tiếp tục là trụ cột quan trọng của nền kinh tế, nhưng đồng thời cũng khiến nền kinh tế nhạy cảm hơn trước các biến động thương mại, chính sách thuế quan và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng quốc tế.

Năm 2025, kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP +8,02%, cho thấy đã phục hồi rõ nét sau giai đoạn nhiều biến động. Tuy nhiên, động lực tăng trưởng vẫn dựa đáng kể vào khu vực bên ngoài. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả năm đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước; trong đó xuất khẩu tăng 17,0%, tiếp tục là trụ cột quan trọng của nền kinh tế. Mức độ hội nhập sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu mang lại cơ hội mở rộng thị trường và thu hút dòng vốn FDI, nhưng đồng thời cũng khiến nền kinh tế nhạy cảm hơn trước các biến động thương mại, chính sách thuế quan và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng quốc tế.

Bước sang năm 2026, mục tiêu tăng trưởng hai con số sẽ đối mặt với nhiều thách thức khi môi trường toàn cầu kém thuận lợi hơn và nhu cầu bên ngoài tiềm ẩn rủi ro. Trong bối cảnh đó, trọng tâm không chỉ là duy trì tốc độ tăng trưởng cao, mà quan trọng hơn là củng cố nền tảng nội lực. Việt Nam cần đẩy mạnh nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước, tăng tỷ lệ nội địa hóa, cải thiện vị thế trong chuỗi giá

hơn theo hướng hỗ trợ mục tiêu mở rộng tín dụng, qua đó gián tiếp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức cao hơn. Sự điều hành sẽ thiên về cân bằng giữa ổn định và hỗ trợ tăng trưởng, thay vì neo cứng như giai đoạn trước.

Lãi suất huy động (Thị trường 1) được dự báo vẫn neo ở mặt bằng cao trong thời gian tới. Dù thanh khoản hệ thống xuất hiện trạng thái dư thừa cục bộ ở một số thời điểm, sự phân hóa giữa các ngân hàng khiến chi phí vốn không còn ở mức thấp như trước đây. Mặt bằng lãi suất tiền gửi cao tạo lợi thế cho người gửi tiết kiệm và các kênh đầu tư thu nhập cố định, nhưng đồng thời phản ánh áp lực cân đối nguồn vốn mà hệ thống ngân hàng cần xử lý để duy trì tăng trưởng tín dụng bền vững.

Tại thị trường liên ngân hàng (Thị trường 2), áp lực dự kiến giảm dần từ khoảng giữa Quý II/2026. Khả năng Fed thực hiện 2-3 đợt cắt giảm lãi suất USD trong năm sẽ mở ra dư địa nới lỏng nhất định cho mặt bằng lãi suất trong nước. Nhờ đó, lãi suất liên ngân hàng có thể hạ nhiệt nhẹ so với năm trước, góp phần cải thiện thanh khoản và giảm bớt căng thẳng trên thị trường tiền tệ.

Trong khi đó, **lợi suất trái phiếu Chính phủ** được dự báo chịu áp lực tăng đáng kể. Kế hoạch chi đầu tư phát triển năm 2026 tăng khoảng 23% so với 2025 đồng nghĩa với nhu cầu phát hành trái phiếu lớn hơn. Tuy nhiên, khả năng hấp thụ thêm của các nhà đầu tư chủ lực như ngân hàng và doanh nghiệp bảo hiểm trong ngắn hạn là hạn chế do yêu cầu cơ cấu lại danh mục. Sự mất cân đối cung - cầu này có thể đẩy lợi suất lên cao hơn, khiến thị trường trái phiếu trở nên nhạy cảm hơn với các đợt phát hành mới.

Đối với thị trường vốn, định hướng năm 2026 nên đặt trọng tâm vào sự thận trọng và khả năng thích ứng linh hoạt. Chứng khoán vẫn giữ vai trò là kênh đầu tư chủ lực, song kỳ vọng lợi nhuận cần được cân chỉnh phù hợp với bối cảnh mới. Khi mặt bằng lãi suất còn neo cao và rủi ro vĩ mô chưa hoàn toàn triệt tiêu, cấu trúc danh mục nên ưu tiên các nhóm ngành có tính phòng thủ và dòng tiền ổn định, nhằm bảo toàn vốn và duy trì hiệu quả đầu tư trong môi trường nhiều biến số.



trị và giảm phụ thuộc vào một số thị trường xuất khẩu chủ lực. Đây là quá trình chuyển đổi mang tính chiến lược dài hạn, hướng tới mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn, thay vì tiếp tục phụ thuộc chủ yếu vào lợi thế chi phí thấp như trước đây.

Tỷ giá năm 2026 được kỳ vọng duy trì ổn định trong những tháng đầu năm nhằm giữ vững nền tảng ổn định vĩ mô. Bước sang Quý II, tỷ giá có thể linh hoạt



Tuy vậy, một số thách thức đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam bao gồm:

- Thách thức từ độ mở kinh tế cao và phụ thuộc vào bên ngoài.** Việt Nam bước vào năm 2026 trong trạng thái phục hồi nhưng thận trọng. Sau mức tăng trưởng GDP +8,02% năm 2025, mục tiêu tăng trưởng hai con số sẽ khó khăn hơn khi môi trường toàn cầu kém thuận lợi. Với vị thế là một trong những nền kinh tế có độ mở cao hàng đầu thế giới, Việt Nam hưởng lợi lớn từ hội nhập sâu vào chuỗi cung ứng, nhưng đồng thời cũng nhạy cảm với biến động thương mại và chính sách quốc tế. Thực tế năm 2025 cho thấy doanh nghiệp nội địa chịu áp lực khi tiêu chuẩn xuất xứ bị siết chặt, nhường thị phần cho khối FDI có lợi thế tuân thủ cao hơn. Dù vậy, việc duy trì thịnh vượng thương mại liên tục vẫn là điểm tựa quan trọng cho ổn định vĩ mô.
- Yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng và thúc đẩy cải cách thể chế.** Năm 2026 được xem là giai đoạn tiếp tục củng cố nền tảng nội tại thông qua Chương trình "Cải cách 2.0", với trọng tâm phát triển khu vực tư nhân, tinh gọn bộ máy và giảm chướng ngại quản lý. Nếu triển khai hiệu quả, chương trình sẽ góp phần giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thủ tục và cải thiện môi trường kinh doanh, từ đó hỗ trợ động lực đầu tư dài hạn. Để

duy trì tăng trưởng bền vững quanh mức 6-7%/năm, vai trò của khu vực tư nhân cần được phát huy rõ nét hơn, bên cạnh các động lực truyền thống như tín dụng và đầu tư công. Trong ngắn hạn, việc thúc đẩy giải ngân đầu tư công là cần thiết để hỗ trợ tổng cầu, song vẫn cần chú trọng chất lượng và hiệu quả dự án nhằm đảm bảo sử dụng nguồn lực hợp lý và bền vững.

- Độ trễ chính sách và rủi ro niềm tin thị trường trong ngắn hạn.** Dù định hướng cải cách mạnh mẽ, quá trình chuyển đổi thể chế cần thời gian để phát huy hiệu quả. Trong nửa đầu năm 2026, hoạt động kinh doanh có thể vẫn thận trọng khi doanh nghiệp chờ đợi các bước triển khai cụ thể. Việc Chính phủ sớm đưa ra các cam kết định lượng rõ ràng về cắt giảm thủ tục, rút ngắn thời gian cấp phép hay tái cấu trúc cơ quan quản lý sẽ đóng vai trò then chốt trong việc củng cố niềm tin. Nửa cuối năm 2026 được kỳ vọng tích cực hơn khi một số nút thắt thể chế được tháo gỡ và các luật sửa đổi quan trọng đi vào thực thi, tạo nền tảng minh bạch và ổn định hơn cho môi trường đầu tư.



Một số dự báo về nền kinh tế Việt Nam trong năm 2026

Nguồn	Chi tiêu	2026
Chính Phủ	Tăng trưởng GDP	>10%
	CPI	~4,5%
World Bank	Tăng trưởng GDP	6,1%
	CPI	3,7%
IMF	Tăng trưởng GDP	5,6%
	CPI	3,2%
ADB	Tăng trưởng GDP	6,0%
	CPI	3,8%
DBS	Tăng trưởng GDP	6,5%
	CPI	3,3%
HSBC	Tăng trưởng GDP	6,7%
	CPI	3,5%

Nguồn: SHS tổng hợp

Đánh giá tác động đối với Thị trường chứng khoán Việt Nam

Năm 2026 mở ra cho thị trường chứng khoán Việt Nam một giai đoạn đan xen giữa cơ hội mang tính cấu trúc dài hạn và những rủi ro ngắn hạn cần được quản trị chặt chẽ.

Cơ hội

01



Môi trường vĩ mô toàn cầu có xu hướng ổn định hơn khi tăng trưởng duy trì tích cực và áp lực lạm phát dần hạ nhiệt. Bối cảnh này giúp cải thiện khẩu vị rủi ro và tạo điều kiện để dòng vốn vào các thị trường mới nổi trở nên bền vững hơn, qua đó hỗ trợ định giá và thanh khoản của thị trường chứng khoán Việt Nam.

02



Việc chính thức được FTSE Russell nâng hạng từ thị trường cận biên lên mới nổi sơ cấp là bước ngoặt mang tính cấu trúc. Nếu hoàn tất các điều kiện trong kỳ rà soát tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực từ tháng 9 năm 2026, thị trường Việt Nam có thể thu hút dòng vốn quy mô lớn từ các quỹ thụ động và chủ động toàn cầu, với ước tính vài tỷ đến trên mười tỷ USD trong giai đoạn tái cơ cấu danh mục. Đây là nền tảng để hình thành nguồn cầu dài hạn ổn định và nâng mặt bằng thanh khoản lên một cấp độ mới.

03



Hạ tầng và khung pháp lý tiếp tục được hoàn thiện. Hệ thống KRX đi vào vận hành cùng với Thông tư 08/2026/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 3/2/2026) đã tháo gỡ nhiều điểm nghẽn kỹ thuật, đặc biệt trong tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài và cơ chế giao dịch linh hoạt hơn. Việc cho phép tổ chức nước ngoài giao dịch thông qua các nhà môi giới toàn cầu giúp thị trường tiệm cận chuẩn mực quốc tế, tăng độ tin cậy và nâng cao khả năng hấp thụ dòng vốn mới.

04



Hoạt động IPO và cổ phần hóa được kỳ vọng sôi động hơn. Sau tín hiệu tích cực trong năm 2025, thị trường IPO năm 2026 được dự báo sẽ bước vào chu kỳ năng động hơn, đặc biệt trong bối cảnh Nghị quyết 79-NQ/TW nhấn mạnh vai trò và định hướng nâng tầm doanh nghiệp nhà nước. Cổ phần hóa không chỉ giúp cải thiện năng lực tài chính và chuẩn hóa quản trị doanh nghiệp, mà còn bổ sung thêm nguồn cung cổ phiếu chất lượng cho thị trường. Việc gia tăng hàng hóa có quy mô và nền tảng tốt sẽ nâng sức hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam, nhất là đối với dòng vốn tổ chức và nhà đầu tư nước ngoài.

05



Đầu tư công tiếp tục là động lực tăng trưởng then chốt. Kế hoạch phân bổ hơn 995 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư công năm 2026, tăng 10,3% so với kế hoạch năm trước và cao hơn 32% so với mức thực hiện năm 2025, cho thấy quyết tâm duy trì vai trò dẫn dắt của khu vực công trong thúc đẩy tăng trưởng. Quy mô giải ngân lớn này không chỉ hỗ trợ tổng cầu và cải thiện hạ tầng, mà còn tạo hiệu ứng lan tỏa tới nhiều nhóm ngành tiềm năng như xây dựng, vật liệu, hạ tầng, logistics và ngân hàng. Qua đó, thị trường chứng khoán có thêm nền tảng cơ bản để cải thiện kết quả kinh doanh doanh nghiệp và củng cố kỳ vọng lợi nhuận trong năm 2026.

Đánh giá tác động đối với Thị trường chứng khoán Việt Nam

Năm 2026 định hình một bức tranh thị trường với sự song hành của động lực tăng trưởng và các yếu tố thách thức, tạo nên trạng thái vận động đa chiều của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Thách thức

01



Biến động từ môi trường quốc tế có thể tạo áp lực lan tỏa mạnh lên thị trường Việt Nam. Sự điều chỉnh kỳ vọng đối với tăng trưởng công nghệ và AI, cùng với nguy cơ leo thang căng thẳng địa chính trị và bất định thương mại, có thể khiến khẩu vị rủi ro toàn cầu suy giảm nhanh. Trong bối cảnh dòng vốn quốc tế có xu hướng rút về các tài sản an toàn khi xuất hiện cú sốc, một nền kinh tế có độ mở cao và mức độ liên thông lớn như Việt Nam sẽ nhạy cảm hơn với các đợt đảo chiều của điều kiện tài chính quốc tế.

02



Rủi ro tỷ giá và mặt bằng lãi suất cao có thể làm gia tăng chi phí vốn trong nền kinh tế. Dù xu hướng chung tại các nền kinh tế lớn là nới lỏng, áp lực nội tại từ cán cân thương mại phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI, tâm lý nắm giữ ngoại tệ và mục tiêu tăng trưởng cao có thể khiến điều hành tỷ giá phức tạp hơn. Trong trường hợp mặt bằng lãi suất duy trì ở mức cao để đảm bảo ổn định vĩ mô và cung ứng đủ tín dụng, chi phí vốn của doanh nghiệp sẽ gia tăng, qua đó ảnh hưởng đến lợi nhuận và hạn chế khả năng mở rộng định giá cổ phiếu.

03



Những tồn tại tại thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp vẫn tiềm ẩn nguy cơ lan truyền sang hệ thống ngân hàng. Nếu quá trình xử lý các điểm nghẽn kéo dài, năng lực mở rộng tín dụng của ngân hàng có thể bị hạn chế, tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế. Điều này đặc biệt đáng lưu ý khi nhóm cổ phiếu tài chính giữ vai trò trụ cột trong cơ cấu vốn hóa và thanh khoản của thị trường chứng khoán.

04



Quá trình nâng hạng thị trường đi kèm rủi ro thực thi và rủi ro kỳ vọng. Dù đã được công bố nâng hạng, việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trong kỳ rà soát tiếp theo, đặc biệt liên quan đến cơ chế tiếp cận qua các tổ chức môi giới toàn cầu, vẫn là điều kiện then chốt. Nếu tiến độ cải cách không đạt yêu cầu hoặc bị chậm lại, kỳ vọng về dòng vốn ngoại có thể bị kéo giãn, tạo áp lực điều chỉnh tâm lý trong ngắn hạn.

05



Nguy cơ lạm phát quay trở lại có thể thu hẹp dư địa điều hành chính sách tiền tệ. Xung đột địa chính trị kéo dài, gián đoạn chuỗi cung ứng và biến động giá hàng hóa toàn cầu có thể gây áp lực tăng giá trở lại. Khi đó, cơ quan điều hành sẽ phải ưu tiên ổn định vĩ mô thay vì nới lỏng mạnh, khiến thị trường đối mặt với môi trường chi phí vốn cao hơn và biến động lớn hơn trong năm 2026.



Phân tích SWOT

Điểm mạnh

- **Thương hiệu và vị thế thị trường vững chắc:** SHS là công ty chứng khoán có uy tín lâu năm, được khách hàng và đối tác tin tưởng, tạo lợi thế lớn trong thu hút dòng tiền và phát triển dịch vụ giá trị gia tăng.
- **Nền tảng quản trị đổi mới, sẵn sàng bứt phá:** Đội ngũ lãnh đạo được trẻ hóa, tư duy hiện đại, kết hợp với hệ thống công nghệ và sản phẩm giao dịch liên tục được nâng cấp, giúp SHS nâng cao năng lực cạnh tranh trong môi trường tài chính số.
- **Hậu thuẫn vững chắc từ hệ sinh thái lớn:** SHS nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Ngân hàng SHB, Tập đoàn T&T và các định chế tài chính liên kết, đảm bảo nguồn lực tài chính dồi dào, hệ thống khách hàng rộng lớn và định hướng chiến lược rõ ràng.
- **Mạng lưới khách hàng và đối tác chiến lược đa dạng:** Tập khách hàng đa dạng, ổn định cùng các quan hệ hợp tác chiến lược là nền tảng quan trọng để SHS mở rộng thị phần môi giới, dịch vụ tài chính và ngân hàng đầu tư.
- **Đội ngũ nhân sự chất lượng cao:** Đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Công ty, đảm bảo năng lực tư vấn và triển khai dịch vụ hiệu quả.
- **Danh mục sản phẩm tài chính đa dạng, linh hoạt:** Danh mục sản phẩm và dịch vụ tài chính của SHS phong phú, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư và tối ưu hóa lợi ích khách hàng.
- **Tiềm lực tài chính vững mạnh:** Thuộc nhóm công ty chứng khoán có vốn chủ sở hữu lớn trên thị trường, SHS có nền tảng an toàn vốn để mở rộng quy mô, gia tăng năng lực cho vay margin và triển khai chiến lược dài hạn.

Điểm yếu

- Kết quả hoạt động kinh doanh, tăng trưởng lợi nhuận của Công ty **chịu tác động và ảnh hưởng lớn từ các biến động của thị trường chứng khoán.**
- **Nguồn vốn kinh doanh dồi dào nhưng lãi suất cho vay chưa thực sự cạnh tranh**, so với một số đối thủ có nguồn vốn giá rẻ hơn, ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách hàng margin.

Năm 2026 được xác định là năm bàn đạp trong chu kỳ phát triển mới của thị trường tài chính Việt Nam, khi các động lực tăng trưởng vĩ mô, tiến trình nâng hạng thị trường và xu hướng số hóa tài chính bước vào giai đoạn tăng tốc. Trên cơ sở đánh giá toàn diện bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế, SHS tập trung nhận diện rõ các lợi thế cạnh tranh, điểm cần cải thiện cũng như cơ hội và thách thức, làm nền tảng xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo định hướng tăng trưởng bền vững, hiệu quả và an toàn vốn.

Cơ hội

- **Động lực tăng trưởng kinh tế vĩ mô:** Với chủ trương đẩy mạnh tăng trưởng cao giai đoạn 2026-2030 của Chính phủ, các hoạt động đầu tư công, tín dụng sẽ tiếp tục được thúc đẩy, tạo ra cơ hội cho hoạt động Môi giới, Tự doanh và Dịch vụ tài chính của Công ty. SHS sẽ tận dụng các yếu tố này để mở rộng quy mô hoạt động, gia tăng thị phần, thu hút thêm nhà đầu tư và củng cố niềm tin vững chắc từ cộng đồng đầu tư.
-
- **Thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng từ "cận biên" sang "mới nổi":** Việc chính thức được FTSE Russell nâng hạng lên "thị trường mới nổi sơ cấp" vào tháng 9/2026 được kỳ vọng sẽ mở ra làn sóng vốn ngoại quy mô lớn. Song song đó, Việt Nam đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của MSCI và FTSE Russell, hướng tới mục tiêu đến năm 2030 để được xếp hạng thành "mới nổi bậc cao". Quá trình nâng hạng này sẽ tạo cú hích quan trọng, giúp thị trường thu hút mạnh mẽ dòng vốn từ các quỹ đầu tư quốc tế.
 - **Xu hướng số hóa và ứng dụng công nghệ trong tài chính:** Việc ứng dụng công nghệ tài chính (Fintech), giao dịch điện tử và trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực chứng khoán giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu quy trình vận hành và mở rộng tệp khách hàng, đặc biệt là nhà đầu tư trẻ - là nhóm có xu hướng giao dịch chủ động và dựa trên công nghệ.
 - **Phát triển sản phẩm mới:** Việc thành lập các Trung tâm tài chính quốc tế và dự kiến sớm triển khai thị trường tín chỉ carbon và thị trường cho tài sản mã hóa được kỳ vọng mang lại cho nhà đầu tư thêm các sản phẩm mới, ngoài các sản phẩm tài chính truyền thống. Điều này sẽ giúp đa dạng hóa các kênh đầu tư, thúc đẩy sự phát triển của ngành quản lý tài sản, đồng thời hỗ trợ cho thị trường chứng khoán phát triển.
 - **Chính sách hỗ trợ thị trường chứng khoán từ Chính phủ:** Các chính sách mới nhằm thúc đẩy tính minh bạch, bảo vệ nhà đầu tư và cải thiện hệ thống giao dịch sẽ góp phần củng cố niềm tin, tạo môi trường thuận lợi cho các công ty chứng khoán phát triển bền vững và thu hút dòng tiền vào thị trường.

Thách thức

- **Kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào thị trường chứng khoán, lãi suất tăng:** Các quy định về cho vay công ty chứng khoán và nhà đầu tư chứng khoán của Ngân hàng thương mại vẫn duy trì xu hướng thắt chặt. Ngoài ra mặt bằng lãi suất chung được dự báo sẽ cao hơn so với 2025. Những yếu tố này sẽ ảnh hưởng tới dòng tiền trên thị trường chứng khoán, trong đó có SHS.
- **Áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt:** Thị trường chứng khoán chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt, không chỉ giữa các công ty trong nước mà còn từ các công ty chứng khoán có vốn nước ngoài, đặc biệt với chính sách "zero fee", lãi suất margin ưu đãi và phí dịch vụ môi giới thấp. Điều này tạo áp lực lớn lên các công ty trong nước, buộc SHS phải không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa chi phí để duy trì lợi thế cạnh tranh.
- **Cuộc đua nâng cao chất lượng dịch vụ:** Không chỉ mở rộng quy mô, các công ty chứng khoán còn tập trung đầu tư chiều sâu vào công nghệ và nhân sự, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính. SHS cần tiếp tục đầu tư mạnh mẽ để giữ vững vị thế, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, điều này cũng kéo theo áp lực chi phí vận hành gia tăng trong ngắn hạn.
- **Biến động địa chính trị và kinh tế toàn cầu:** Bối cảnh thế giới tiếp tục diễn biến khó lường với những căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, Ukraine và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc, cùng với đó là sự bất định về chính sách trong thời kỳ Trump 2.0. Ngoài ra, nguy cơ khủng hoảng nợ công tại một số quốc gia có thể tác động đến dòng vốn đầu tư toàn cầu và tâm lý nhà đầu tư.
- **Rủi ro từ biến đổi khí hậu và bất ổn kinh tế vĩ mô:** Những biến động bất ngờ từ thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều ngành kinh tế, các doanh nghiệp tham gia thị trường, từ đó tác động đến thị trường chứng khoán Việt Nam và kết quả kinh doanh của SHS.



Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026

Do cho tới thời điểm lập Báo cáo này, SHS chưa tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, nên số liệu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026 dưới đây chỉ là dự kiến. Các số liệu này sẽ được cập nhật sau khi Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của SHS được chính thức thông qua.

Tổng doanh thu

3.739 tỷ đồng

Thực hiện
năm 2025

3.673,7

tỷ đồng

% kế hoạch năm 2026 so với
thực hiện năm 2025

102%

Lợi nhuận kế toán trước thuế

1.718 tỷ đồng

Thực hiện
năm 2025

1.649,4

tỷ đồng

% kế hoạch năm 2026 so với
thực hiện năm 2025

104%

Định hướng, mục tiêu hoạt động của SHS trong dài hạn

Trong giai đoạn 2026–2030, Hội đồng Quản trị SHS định hướng phát triển SHS trở thành hạt nhân trung tâm, giữ vai trò dẫn dắt trong việc kiến tạo một tập đoàn tài chính đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Trên nền tảng năng lực cốt lõi về dịch vụ tài chính và đầu tư, SHS sẽ từng bước mở rộng hệ sinh thái, nâng cao năng lực quản trị, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông. Đồng thời, Công ty hướng tới xây dựng vị thế tiên phong trên thị trường, đóng vai trò kết nối dòng vốn, thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính trong nước và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế. Tập đoàn tài chính sẽ bao gồm SHS và những công ty thành viên hoàn toàn mới của thị trường tài chính. Với sự hỗ trợ của những công ty thành viên chuyên biệt khác, SHS sẽ có nhiều động lực cất cánh trong lĩnh vực chứng khoán.

Trong thời gian tới, SHS sẽ hoàn thiện lộ trình chiến lược, mô hình tổ chức và kế hoạch vốn để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời tập trung vào các mục tiêu ngắn hạn: **(1) Củng cố hệ thống quản trị theo định hướng khách hàng làm trung tâm;** **(2) Chuẩn hóa và nâng cao năng lực chuyên môn theo thông lệ quốc tế;** **(3) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong giám sát và cảnh báo rủi ro;** **(4) Hoàn thiện khung quản trị rủi ro phù hợp với chuẩn mực hiện đại và yêu cầu pháp lý;** **(5) Đồng thời tích hợp các tiêu chuẩn ESG vào hoạt động kiểm toán, giám sát nhằm hướng tới tăng trưởng bền vững và dài hạn.**



Trong giai đoạn 2026-2030, Hội đồng Quản trị SHS định hướng sẽ lấy SHS làm lá cờ đầu, sớm xây dựng một **Tập đoàn tài chính đầu tư hàng đầu Việt Nam**, mà trong đó SHS là trung tâm cốt lõi.

Phát triển bền vững

- 172 Tổng quan Phát triển bền vững
- 174 Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025
- 188 Kế hoạch Phát triển bền vững năm 2026

CHƯƠNG

| Tổng quan về Phát triển bền vững

Năm 2025, SHS tiếp tục kiên định theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, lấy khách hàng làm trung tâm là ưu tiên hàng đầu trong mọi hoạt động kinh doanh và quản trị. Trên nền tảng định vị thương hiệu “**Kiến tạo tài chính thịnh vượng**”, SHS hướng tới xây dựng mối quan hệ lâu dài, minh bạch và đồng hành cùng khách hàng, cổ đông và các bên liên quan, qua đó tạo dựng giá trị bền vững trong bối cảnh thị trường tài chính – chứng khoán nhiều biến động.

Song song với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, SHS tập trung nâng cao năng lực quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đẩy mạnh đào tạo, phát triển năng lực quản lý cho đội ngũ lãnh đạo các cấp nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại, chuyên nghiệp và linh hoạt.

Trong năm 2025, SHS tiếp tục đầu tư vào công nghệ thông tin như một trụ cột quan trọng để nâng cao trải nghiệm khách hàng,

hỗ trợ phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp với xu thế thị trường. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng nâng cao chất lượng quản trị hệ thống và tuân thủ, hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch, hiệu quả, phù hợp với các quy định pháp luật và thông lệ quản trị tốt, góp phần bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông, khách hàng và các bên liên quan.

Trên cơ sở đó, SHS triển khai chiến lược phát triển bền vững theo cách tiếp cận toàn diện, hài hòa giữa ba trụ cột: **Kinh tế – Xã hội – Môi trường**, hướng tới mục tiêu tăng trưởng ổn định, có trách nhiệm, gắn kết hiệu quả kinh tế với công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, đảm bảo sự thịnh vượng lâu dài cho doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội.

Những cam kết và nỗ lực của SHS được cụ thể hóa thông qua các mục tiêu trọng tâm sau:



Để triển khai hiệu quả các mục tiêu trên, SHS thiết lập và duy trì mô hình quản trị phát triển bền vững từ cấp cao nhất đến toàn bộ cán bộ, nhân viên:

Hội đồng Quản trị

- Định hướng chiến lược phát triển bền vững.
- Phê duyệt mục tiêu và kế hoạch hành động.

Ban Tổng Giám đốc

- Xây dựng và tổ chức triển khai các mục tiêu, kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của HĐQT.
- Truyền thông và chỉ đạo thực hiện trong toàn Công ty.
- Theo dõi, đánh giá kết quả và báo cáo HĐQT.

Các phòng ban, cán bộ, nhân viên

- Thực hiện các kế hoạch hành động theo phân công.
- Đề xuất sáng kiến và lan tỏa các giá trị phát triển bền vững.



Tác động tích cực đến Kinh tế

- Mang lại lợi ích bền vững cho Cổ đông thông qua chính sách cổ tức ổn định, gắn với hiệu quả hoạt động dài hạn.
- Nâng cao thu nhập, phúc lợi và môi trường làm việc cho Người lao động.
- Tăng cường quản trị rủi ro, hạn chế các tổn thất tài chính đối với Công ty và các bên liên quan.
- Duy trì tăng trưởng kinh doanh ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.
- Nâng cao tính minh bạch trong quản trị doanh nghiệp và công bố thông tin theo các thông lệ quản trị tốt.
- Góp phần phát triển thị trường chứng khoán và thị trường tài chính thông qua việc tham gia xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách.



Tác động tích cực đến Xã hội

- Lấy khách hàng làm trọng tâm, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo và nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ lãnh đạo các cấp.
- Xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và chuyên nghiệp.
- Tuân thủ nghiêm túc pháp luật và chủ động thực hiện trách nhiệm xã hội, đóng góp tích cực cho cộng đồng.



Tác động tích cực đến Môi trường

- Xây dựng môi trường làm việc xanh, tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu phát thải trong hoạt động hằng ngày.
- Khuyến khích sử dụng các sản phẩm, giải pháp thân thiện với môi trường và lan tỏa nhận thức bảo vệ môi trường.

SHS áp dụng quy trình quản trị thông tin phát triển bền vững theo thông lệ quốc tế gồm sáu bước nhằm đảm bảo việc tiếp nhận, xử lý và phản hồi thông tin một cách kịp thời, hiệu quả.



Ngoài ra, SHS đã bổ nhiệm, bố trí các cá nhân dưới đây phụ trách công tác phát triển bền vững của Công ty.

Ông Lê Đăng Khoa

Thành viên HĐQT

Học vấn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc dân
	Cử nhân Kế toán – Học viện Ngân hàng
Kinh nghiệm:	Hơn 20 năm kinh nghiệm trong quản lý, điều hành, cố vấn tại các tổ chức kinh tế, tài chính tín dụng lớn
Các chức vụ hiện tại:	Thành viên HĐQT
Điện thoại:	024.38.181.888
Email:	investor@shs.com.vn

Ông Đào Trọng Hiệp

Trưởng phòng Marketing & Truyền thông

Học vấn:	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân
Kinh nghiệm:	Gần 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực marketing, truyền thông và quản trị thương hiệu tại các tổ chức tài chính, tập đoàn đa ngành, doanh nghiệp đa quốc gia và tổ chức phi chính phủ
Các chức vụ hiện tại:	Trưởng phòng Marketing & Truyền thông
Điện thoại:	024.38.181.888 (Máy lẻ 334)
Email:	hiep.dt@shs.com.vn

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025



Báo cáo phát triển bền vững năm 2025 của SHS được lập theo Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI) - Phiên bản mới nhất có hiệu lực từ 01/01/2023 kết hợp tham khảo mười bảy (17) mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc và dựa trên sự tổng hợp thông tin, số liệu từ các hoạt động thực tế trong năm tài chính 2025 của Công ty.

Trong báo cáo này, SHS giữ vững nguyên tắc xác định nội dung là trọng yếu và sự tham gia của các bên liên quan; nguyên tắc xác định chất lượng là tính đầy đủ, rõ ràng, nhất quán, tin cậy và có thể so sánh.

Đối tượng báo cáo hướng đến là toàn bộ các Bên liên quan quan tâm đến các hoạt động của SHS. SHS xác định các Bên liên quan dựa trên ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của SHS đến họ hoặc những ảnh hưởng của tổ chức/cá nhân có mối quan

tâm và sức ảnh hưởng đến SHS. SHS xác định xây dựng và phát triển mối quan hệ đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên. Theo đó, mối quan hệ này duy trì dựa trên sự tin tưởng, hài lòng, minh bạch, đôi bên cùng có lợi, đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp. SHS tiếp cận với các Bên liên quan thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau để lắng nghe ý kiến và tìm hiểu các mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của SHS. Trên cơ sở đó, SHS chủ động triển khai các giải pháp phù hợp nhằm đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan và nâng cao giá trị hợp tác dài hạn.

Báo cáo Phát triển bền vững năm nay tiếp tục tập trung đánh giá việc thực hiện một số tiêu chí điển hình, phù hợp với đặc điểm ngành nghề và hoạt động kinh doanh của SHS theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards trên cơ sở 3 trụ cột chính là: **Kinh tế - Xã hội - Môi trường**.

Chủ đề kinh tế

Chủ đề kinh tế

GRI 201 – Hiệu quả hoạt động kinh tế

GRI 202 – Sự hiện diện trên thị trường

GRI 201 – Hiệu quả hoạt động kinh tế

GRI 201 - 1: Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ



Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra

- **Quy mô tài sản tăng mạnh:** Tổng tài sản đạt 23.031,88 tỷ đồng, tăng 64,18% so với năm trước (năm trước là 14.027,68 tỷ đồng).
- **Vốn điều lệ:** 8.994,62 tỷ đồng, tăng 10,61% so với năm trước (năm trước là 8.131,57 tỷ đồng).
- **Tổng doanh thu và thu nhập khác:** 3.673,7 tỷ đồng tăng 83,9% so với năm trước (năm trước là 1.997,6 tỷ đồng).
- **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** 1.649,36 tỷ đồng, tăng 33% so với năm trước (năm trước là 1.239,29 tỷ đồng).



Giá trị kinh tế được phân bổ

- **Chia cổ tức với tổng tỷ lệ 15%** (gồm 10% tiền mặt, 5% cổ phiếu) và cổ phiếu thưởng 5% (phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu).
- **Chi phí lương và các khoản trích theo lương cho Người lao động:** 232,12 tỷ đồng, tăng 23,47% so với năm trước (năm trước là 187,99 tỷ đồng).
- **Tổng số thuế, phí đã và phải nộp vào NSNN:** 421,82 tỷ đồng, tăng 38,54% so với năm trước (năm trước là 304,47 tỷ đồng).
- **Lợi nhuận sau thuế:** 1.343,17 tỷ đồng, tăng 32,25% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm trước là 1.015,61 tỷ đồng).
- **Cung cấp cho khách hàng:**
 - **Dịch vụ quản lý tiền:** 719,24 tỷ đồng, giảm 67,01% so với cùng kỳ năm ngoái (cùng kỳ năm ngoái là 2.180,19 tỷ đồng).
 - **Dịch vụ quản lý chứng khoán:** 100.020,73 tỷ đồng, tăng 111,77% so với cùng kỳ năm ngoái (cùng kỳ năm ngoái là 47.231,27 tỷ đồng).
 - **Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ:** 8.825,42 tỷ đồng, tăng 116,35% so với cùng kỳ năm ngoái (cùng kỳ năm ngoái là 4.079,08 tỷ đồng).

GRI 201 - 3: Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi

Công ty và Người lao động tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về tỷ lệ đóng các khoản trích theo lương. Tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đã nộp và phải nộp trong năm 2025 là 187,99 tỷ đồng.

GRI 202 – Sự hiện diện trên thị trường

SHS tiếp tục củng cố sự hiện diện của mình trên TTCK Việt Nam thông qua một số giải thưởng quan trọng sau:

- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất VLCA 2025 (Ngành Tài chính).
- Best Company Award (Nơi làm việc tốt nhất Châu Á).
- Most Caring Company Award (Doanh nghiệp quan tâm đãi ngộ nhân viên tốt nhất).
- Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025 (Ngành Tài chính - Chứng khoán).
- Đơn vị có Dịch vụ Môi giới tài chính tiêu biểu tại Việt Nam 2024 (do Báo Đầu tư tổ chức).
- Lễ Tôn vinh doanh nhân - Doanh nghiệp Thăng Long: SHS nhận bằng khen của UBND TP.Hà Nội.

Thông qua các giải thưởng này, hình ảnh, thương hiệu và uy tín của SHS đã được nâng lên đáng kể.

GRI 401 – Việc làm

Tổng số cán bộ, nhân viên của SHS

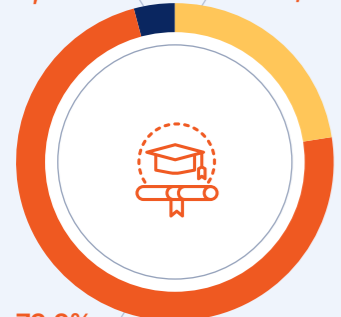
đến 31/12/2025

392 người

Trong đó

Tỷ lệ nhân sự theo trình độ học vấn

Dưới đại học 4,1% Trên Đại học 22,7%

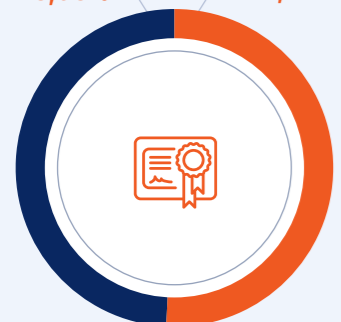


73,2%

Đại học

Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán

Không 48,98% Có 51,02%



Chủ đề xã hội	GRI 401 - Việc làm
	GRI 403 - An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
	GRI 404 - Giáo dục và đào tạo
	GRI 405 - Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng
	GRI 407 - Tự do lập hội và thương lượng tập thể
	GRI 413 - Cộng đồng địa phương
	GRI 418 - Quyền bảo mật thông tin khách hàng

Tổng số cán bộ, nhân viên của SHS đến 31/12/2025 là 392 người. Với định hướng **“Lấy con người là chủ thể”**, SHS triển khai các chính sách nhân sự nhằm phát huy tối đa nguồn lực con người, làm điểm tựa cho sự phát triển của Công ty.

Tiêu chí phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Theo quốc gia		
Việt Nam	392	100,00%
Nước ngoài	0	0,00%
Theo giới tính		
Nam	186	47,45%
Nữ	206	52,55%
Theo độ tuổi		
Dưới 25	14	3,6%
Từ 25-dưới 40	234	59,7%
Trên 40	144	36,7%
Theo trình độ học vấn		
Trên Đại học	89	22,7%
Đại học	287	73,2%
Dưới đại học	16	4,10%
Theo hành nghề chứng khoán		
Có chứng chỉ hành nghề	200	51,02%
Không có chứng chỉ hành nghề	192	48,98%
Theo khu vực địa lý		
Miền Bắc	321	81,89%
Miền Trung	23	5,87%
Miền Nam	48	12,24%
Theo trình độ		
Quản lý cấp cao	1	0,26%
Quản lý cấp trung	52	13,27%
Nhân viên	339	86,48%
Tổng cộng	392	

Nguồn nhân lực của SHS đã và đang không ngừng tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng để đáp ứng chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty. SHS cũng đang hướng tới việc xây dựng đội ngũ kế cận, đảm bảo nguồn nhân lực có tuổi đời bình quân trẻ, được đào tạo bài bản về lĩnh vực tài chính chứng khoán, có kiến thức

về kinh tế thị trường tương đối toàn diện, có khả năng thích nghi nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại và mang tính hội nhập cao. Trong năm 2025, SHS đã tuyển mới 136 người bổ sung vào đội ngũ nhân sự của Công ty trên cả 3 miền và giải quyết chế độ nghỉ việc cho 53 người.

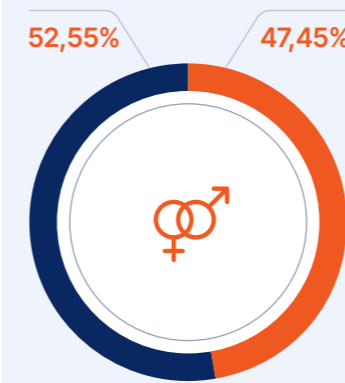
Công ty trích, nộp các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN, thuế TNCN cho

100%

Người lao động

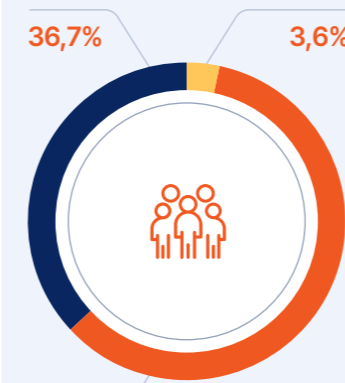
Tỷ lệ nhân sự theo giới tính

Nữ 52,55% Nam 47,45%



Tỷ lệ nhân sự theo độ tuổi

Trên 40 36,7% Dưới 25 3,6%

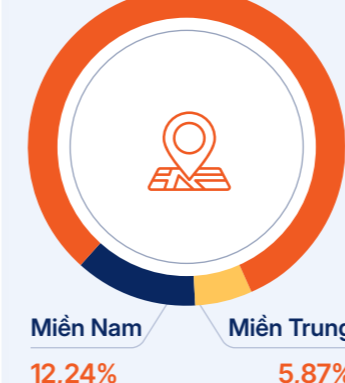


59,7%

Từ 25-dưới 40

Tỷ lệ nhân sự theo khu vực địa lý

Miền Bắc 81,89%



Miền Nam 12,24%

Miền Trung 5,87%

Công ty quản lý nhân sự chuyên nghiệp theo địa điểm kinh doanh và phòng làm việc trên cơ sở tự giác. Toàn bộ cán bộ, nhân viên của Công ty đều ký Thỏa ước lao động tập thể và được phổ biến đầy đủ Nội quy lao động và các quy trình, quy chế, quy định liên quan ngay từ khi bắt đầu vào làm việc tại Công ty nhằm giúp cán bộ, nhân viên hiểu và nắm rõ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện công việc. Gia nhập SHS, cán bộ, nhân viên sẽ được làm việc trong môi trường nhân văn, đề cao giá trị con người và tính trách nhiệm, tận tâm với công việc, từ đó giúp các cán bộ, nhân viên có thể yên tâm cống hiến và phát triển sự nghiệp một cách bền vững. SHS hiểu rằng trên tất cả, tinh thần nhân văn của tổ chức là động lực lớn nhất để người lao động cống hiến và gắn bó lâu dài, vượt lên trên những giá trị về vật chất. Trong năm 2025, Công ty đã triển khai đánh giá năng lực và mức độ phù hợp của từng cá nhân, nhằm phát huy tối đa tiềm năng của đội ngũ nhân sự, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp tới khách hàng.

Quy chế lương, thưởng của Công ty được ban hành dựa trên nguyên tắc thỏa thuận đảm bảo sự cạnh tranh, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong



công việc. Điểm nổi bật khiến chính sách lương thưởng của SHS trở nên khác biệt và thu hút là chính sách trả lương “net” thay vì lương “gross”. Công ty trích, nộp các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN, thuế TNCN cho 100% người lao động trước khi chi trả thu nhập cho họ. Chính sách này không chỉ giúp cải thiện thu nhập cho người lao động mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh trong việc tuyển dụng và thu hút nhân sự của Công ty.

Cơ cấu thu nhập của Người lao động bao gồm lương cơ bản trả hàng tháng, lương theo kết quả kinh doanh trả hàng tháng, thưởng theo kết quả kinh doanh, lương làm thêm giờ, tiền ăn ca và các khoản thu nhập khác...

Chi tiêu	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)	Thay đổi (%)
Chi phí lương, thưởng, ăn ca, làm thêm giờ...	136.515.248.390	181.613.027.004	33,03%
Các khoản trích theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	6.172.242.525	6.381.295.501	3,39%
Tổng chi phí lương	142.687.490.915	187.994.322.505	31,75%
Số lượng CBNV của Công ty tại thời điểm cuối năm (người)	256	392	53,13%
Chi phí lương, thưởng bình quân đầu người/tháng	28.000.000	27.785.946	(0,76%)

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc theo đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (như phụ cấp điện thoại, đồng phục, xăng xe, gửi xe, ăn ca, công tác phí, sinh nhật cá nhân, sinh nhật công ty 15/11, ngày 8/3, ngày 20/10...). Lao động nữ được nghỉ đủ 6 tháng khi sinh con và được giảm 1 giờ làm khi mang thai từ tháng thứ 7 trở đi và sau khi sinh con trong vòng 1 năm. Lao động nam được nghỉ từ 5-14 ngày khi vợ sinh con. Trong năm, Công ty đã giải quyết chế độ thai sản cho 6 lao động nữ. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ

khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng thai, dưỡng sức, nghỉ phép.... đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động và không có phát sinh khiếu nại nào về việc thực hiện chính sách cho người lao động trong năm 2025.

Công ty không chỉ quan tâm trực tiếp đến Người lao động mà còn quan tâm đến thân nhân, gia đình của Người lao động. Hàng năm, Công ty đều tổ chức khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt trong năm; tổ chức tặng quà các cháu nhân ngày Tết thiếu nhi, Rằm trung thu; hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, cưới hỏi, ma chay...

Tháng 11/2025, Công ty đã tổ chức cho toàn bộ cán bộ, nhân viên đi thăm quan kết hợp học hỏi kinh nghiệm tại Nhật Bản trong 5 ngày. Chuyến đi giúp gắn kết cán bộ, nhân viên Công ty trên cả ba (3) miền. Ngoài ra, các hoạt động sinh hoạt đoàn thể, tổ chức các chương trình thể thao như bóng đá, pickleball... cũng liên tục được tổ chức. Các chương trình là sân chơi sáng tạo, là nơi các cán bộ, nhân viên của SHS thể hiện tài năng, là nơi giao lưu, gắn kết, tạo không khí vui vẻ, đầm ấm tiếp thêm

động lực làm việc cho cán bộ, nhân viên của Công ty.

Với những nỗ lực trong công tác tuyển dụng và xây dựng chính sách nhân sự ưu việt, trong năm 2025, SHS đã được vinh danh là **"Nơi làm việc tốt nhất châu Á - HR Asia Best Companies To Work For In Asia 2025"** và **"Doanh nghiệp Quan Tâm Nhân Viên Tốt Nhất - Most Caring Company Awards"** (do HR Asia tổ chức).



GRI 403 – An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Tạp chí HR Asia vinh danh **Doanh nghiệp quan tâm nhân viên tốt nhất** năm 2025

Nhằm đảm bảo chính sách phúc lợi bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong năm 2025 Công ty tiếp tục duy trì chương trình bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho 100% cán bộ, nhân viên thông qua hợp đồng bảo hiểm ký kết với Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH).

Tổng số lượt tham gia Bảo hiểm sức khỏe trong năm là 402 lượt, bao gồm Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên. Tổng chi phí bảo hiểm thực tế trong năm là 2,65 tỷ đồng. Việc triển khai bảo hiểm sức khỏe được thực hiện đồng bộ, minh bạch và đúng quy định, góp phần củng cố chính sách đãi ngộ và gia tăng sự gắn kết của người lao động với Công ty.

Song song với chính sách bảo hiểm, Công ty tiếp tục tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn bộ cán bộ, nhân viên. Trong năm 2025, chương trình khám sức khỏe được thực hiện tại Phòng khám Đa

khoa Nhật Bản T – Matsuoka – cơ sở y tế đạt tiêu chuẩn Nhật Bản tại Việt Nam, với hệ thống trang thiết bị hiện đại và quy trình kiểm tra chuyên sâu. Việc lựa chọn cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao thể hiện định hướng quản trị rủi ro sức khỏe chủ động, hỗ trợ phát hiện sớm các nguy cơ bệnh lý và nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp.

Công ty xác định việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn, ổn định và quan tâm toàn diện đến sức khỏe người lao động là một trong những nền tảng quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Các hoạt động trong năm 2025 tiếp tục khẳng định cam kết của Công ty trong việc tuân thủ các yêu cầu về An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp theo chuẩn mực **GRI 403**, đồng thời góp phần xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, chất lượng cao và phát triển lâu dài.

GRI 403 – Giáo dục và đào tạo



Tổng chi phí đầu tư cho hoạt động đào tạo trong năm 2025 là gần

940 triệu đồng

Đào tạo là vấn đề được SHS đặc biệt coi trọng vì cán bộ, nhân viên được coi là tài sản quý giá nhất của Công ty. Năm 2025 ghi nhận sự đầu tư vượt bậc cho hoạt động đào tạo từ đầu tư vào hệ thống đào tạo trực tuyến, và triển khai các chương trình đào tạo với độ phủ tới tất cả các nhóm đối tượng:

- Đội ngũ quản lý/lãnh đạo với chương trình "Train the Trainer".
- Đội ngũ kinh doanh với các chương trình đào tạo đặc thù và các chương trình đào tạo theo nhu cầu nhằm đáp ứng các nhu cầu tức thời.
- Đội ngũ thực thi và toàn bộ CBNV trong công ty có cơ hội tiếp cận với các nội dung đào tạo theo nhu cầu qua kênh E-learning.

Công ty chỉ có thể phát triển bền vững nếu cán bộ, nhân viên yên tâm công tác và được chăm lo, bồi dưỡng thường xuyên. SHS tạo mọi điều kiện để mỗi cán bộ, nhân viên phát triển nghề nghiệp bằng việc chi trả chi phí đào tạo cho Người lao động. Kế hoạch đào tạo được xây dựng dựa trên 3 yếu tố là: **chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty, xu thế phát triển của thị trường tài chính chứng khoán và nhu cầu của cán bộ, nhân viên thông qua khảo sát.**

Tổng chi phí đầu tư cho hoạt động đào tạo trong năm 2025 là gần 940 triệu đồng, bao gồm: chi phí học và thi chứng chỉ hành nghề, tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, thuê ngoài.



Chương trình/Khoá học	Đơn vị tổ chức	Số lượng học viên	Chi phí theo kế hoạch (VND)
Chuẩn hoá năng lực giảng viên nội bộ - Train the Trainer	Nội bộ triển khai	23	210.628.800
Chương trình nâng cao năng lực dành cho Đội ngũ kinh doanh	Nội bộ triển khai	246	271.623.200
Dịch vụ khách hàng vượt trội	Nội bộ triển khai	56	271.623.200
Tiếp cận nhà đầu tư trên nền tảng số	Nội bộ triển khai	190	
Đào tạo hội nhập - Chào mừng thành viên mới	Nội bộ triển khai	124	
Đào tạo theo nhu cầu	Nội bộ triển khai	1.608	13.600.000
Chiến lược thuyết trình	Nội bộ triển khai	11	
An toàn thông tin	Nội bộ triển khai	408	
Hợp đồng và giao dịch giữa công ty và người có liên quan	Nội bộ triển khai	120	
Nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền	Trường đào tạo bồi dưỡng cán bộ - Học viện Ngân hàng	2	2.000.000
Nguồn nhân lực & Lãnh đạo trong kỷ nguyên công nghệ và Trí tuệ nhân tạo	Hiệp hội Nhân sự - HRA	2	5.600.000

Chương trình/Khoá học	Đơn vị tổ chức	Số lượng học viên	Chi phí theo kế hoạch (VND)
Phần mềm quản lý phê duyệt SHS - EOffice	Nội bộ triển khai	384	
Quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán	SRTC	3	6.000.000
Quy trình nghiệp vụ của NVGD và TVĐT	Nội bộ triển khai	54	
Sản phẩm Dịch vụ tài chính	Nội bộ triển khai	56	
SHS - Đào tạo Excel Nâng cao - Excel DashBoard	Nội bộ triển khai	28	
SHS - Đào tạo Hệ thống KRX	Nội bộ triển khai	65	
SHS - Đào tạo PowerPoint Nâng cao	Nội bộ triển khai	25	
SHS - Nghiệp vụ Dịch vụ Tài chính	Nội bộ triển khai	101	
SHS - Nghiệp vụ Giao dịch	Nội bộ triển khai	90	
SHS - Nghiệp vụ Lưu ký và thực hiện quyền	Nội bộ triển khai	104	
Thao tác nghiệp vụ lưu ký trên hệ thống BOS	Nội bộ triển khai	4	
An toàn thông tin - RMIT	Nội bộ triển khai	151	
E-Learning Hub – Kho 199 Khoá học E-learning	Gitih	960	35.224.000
Tin học văn phòng	Nội bộ triển khai	203	207.000.000
Microsoft Excel (Nâng cao)	Nội bộ triển khai	78	67.000.000
Microsoft Powerpoint (Nâng cao)	Nội bộ triển khai	71	67.000.000
Power BI (Cơ bản)	Nội bộ triển khai	54	73.000.000
Đào tạo chứng chỉ hành nghề	SRTC & UBCKNN	109	200.000.000
Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh	SRTC	7	24.500.000
Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề chứng khoán	UBCKNN	21	18.000.000
Lệ phí thi CCHN MGCK	UBCKNN	7	1.200.000
Lệ phí thi CCHN PTTC	UBCKNN	2	500.000
Lệ phí thi CCHN QLQ	UBCKNN	2	600.000
Lệ phí thi Chứng chỉ chuyên môn (thi do miễn học phần)	SRTC	3	3.000.000
Môi giới và Tư vấn đầu tư chứng khoán	SRTC	11	22.000.000
Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán	SRTC	4	13.000.000
Phân tích và đầu tư chứng khoán	SRTC	12	38.400.000
Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	SRTC	21	52.800.000
Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán	SRTC	3	5.400.000
CCHN Môi giới Chứng khoán	UBCKNN	12	12.000.000
Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp	SRTC	3	5.400.000
Quản lý quỹ và tài sản	SRTC	1	3.200.000
Tổng cộng		3.273	938.076.000



GRI 405 – Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

Công ty luôn đảm bảo sự công bằng trong môi trường làm việc cũng như cơ hội phát triển cho lao động nữ của Công ty. Tỷ lệ nữ giới trong Công ty đạt xấp xỉ 50%. Chế độ lương, thưởng dành cho nữ giới của Công ty không có sự phân biệt nào so với lao động

nam. Nữ giới luôn được khuyến khích đưa ý kiến và tham gia vào các vị trí quản lý của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chính sách dành cho nữ giới như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi khi mang bầu, sinh con...



GRI 407 – Tự do lập hội và thương lượng tập thể

Cán bộ, nhân viên được tự do lập hội để nâng cao tinh thần, sức khỏe và trình độ chuyên môn. Một số câu lạc bộ trong Công ty đã được lập ra và đã hoạt động rất hiệu quả như bóng đá, pickleball, bóng bàn...

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định hiện hành của Pháp luật. Thỏa ước lao động tập thể được 100% CBNV của Công ty thông qua và

được đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội. Toàn thể người lao động trong Công ty được hưởng lợi ích từ Thỏa ước lao động tập thể. Đời sống của cán bộ, nhân viên được chăm lo thông qua tổ chức công đoàn của Công ty và quý khen thưởng, phúc lợi. Công ty chưa ghi nhận xung đột lợi ích nào giữa Công ty và cán bộ, nhân viên trong năm 2025 liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.



GRI 413 – Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Hỗ trợ, nâng bước thể hệ trẻ



SHS tài trợ
100 triệu đồng
cho cuộc thi
“Bàn lĩnh
Nhà đầu tư”

Trong nhiều năm qua, SHS là Nhà tài trợ cuộc thi “Bàn lĩnh Nhà đầu tư” do Học viện Ngân hàng tổ chức. Năm 2025, SHS tiếp tục tài trợ 100 triệu đồng, góp phần tổ chức thành công sân chơi học thuật uy tín dành cho sinh viên yêu thích lĩnh vực tài chính – chứng khoán.

Không chỉ dừng ở vai trò tài trợ, SHS còn đồng hành xuyên suốt cuộc thi, tham gia đào tạo, chia sẻ kiến thức thực tiễn và đảm nhiệm vai trò Ban Giám khảo tại các vòng

thi quan trọng. Thông qua đó, SHS góp phần hỗ trợ sinh viên tiếp cận tư duy đầu tư bài bản, hiểu rõ hơn về thị trường và rèn luyện kỹ năng phân tích, ra quyết định.

Việc đồng hành cùng cuộc thi thể hiện cam kết của SHS trong việc nâng cao năng lực tài chính cho thế hệ trẻ và góp phần đào tạo lớp nhà đầu tư tương lai, phù hợp với định hướng phát triển bền vững và lan tỏa tri thức đầu tư trong cộng đồng.

STT	Chương trình	Đơn vị tổ chức	Số tiền (VNĐ)	Thời gian thực hiện
1	Tài trợ cuộc thi “Bàn lĩnh nhà đầu tư 2025”	Học viện Ngân hàng	100.000.000	Tháng 10 năm 2025



Thành viên tiêu biểu, tích cực và có trách nhiệm của Cơ quan quản lý và các Hiệp hội



SHS là hội viên tích cực của

- Hiệp hội Kinh doanh Trái phiếu
- Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ Thành phố Hà Nội

Với vai trò là thành viên tích cực của các Cơ quan quản lý và Hiệp hội nghề nghiệp, SHS luôn chủ động tham gia các hội thảo, đóng góp ý kiến xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý, quy định về quản trị công ty, công bố thông tin và báo cáo phát triển bền vững.

Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời và minh bạch các nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan quản lý liên quan; đồng thời chủ động giải trình rõ ràng, hợp lý khi được yêu cầu. Hoạt động truyền thông với các cơ quan báo chí cũng được triển khai theo hướng chủ động, trách nhiệm và nhất quán.

Thông qua những nỗ lực tuân thủ và hợp tác tích cực trong năm 2025, SHS tiếp tục khẳng định cam kết đồng hành cùng cơ quan quản lý trong việc xây dựng thị trường chứng khoán minh bạch, an toàn và phát triển bền vững. Công ty đã được ghi nhận bằng nhiều bằng khen, giấy khen từ các cơ quan quản lý và hiệp hội, đồng thời là hội viên của Hiệp hội Kinh doanh Trái phiếu và Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ Thành phố Hà Nội.

Đồng hành cùng thể thao và văn hóa Việt Nam



SHS tài trợ các giải thể thao
10,9 tỷ đồng

Trong cộng đồng, SHS nhiều năm qua đã đồng hành cùng các đối tác tài trợ các giải thể thao trong nước, đặc biệt ở lĩnh vực bóng đá, chạy bộ và golf.

Trong năm 2025, SHS tiếp tục tài trợ một số giải thể thao, với tổng giá trị 10,9 tỷ đồng, qua đó góp phần thúc đẩy phong trào thể thao, tăng cường tinh thần gắn kết và lan tỏa hình ảnh doanh nghiệp trách nhiệm, đồng hành cùng sự phát triển chung của xã hội.

Hỗ trợ cộng đồng, cam kết ESG dài hạn



Tổng giá trị đóng góp cho các hoạt động thiện nguyện đạt
~2,5 tỷ đồng



Trong khuôn khổ định hướng phát triển bền vững và thực thi các nguyên tắc ESG, SHS duy trì liên tục các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, tập trung vào việc đồng hành cùng những hoàn cảnh khó khăn và các nhóm yếu thế trong xã hội.

Năm 2025, tổng giá trị đóng góp cho các hoạt động thiện nguyện đạt 2.522.000.000 đồng. Các khoản hỗ trợ được phân bổ có trọng tâm, kết hợp giữa hỗ trợ kịp thời các

nhu cầu cấp thiết và đóng góp cho các chương trình mang tính dài hạn, hướng tới tạo tác động tích cực và bền vững.

Việc duy trì hoạt động trách nhiệm xã hội qua nhiều năm thể hiện cam kết của SHS trong việc hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh doanh và trách nhiệm đối với cộng đồng, góp phần xây dựng giá trị lâu dài cho xã hội và thị trường.

STT	Chương trình	Đơn vị tổ chức	Số tiền (VNĐ)	Thời gian thực hiện
1	SHS và tập thể cán bộ, nhân viên (Mỗi người ủng hộ ít nhất 1 ngày lương) ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ lụt năm 2025. Ủng hộ qua Ủy ban MTTQ Việt Nam TP Hà Nội	Công ty và Công đoàn SHS phát động	322.000.000	Tháng 11 năm 2025
2	SHS hỗ trợ đồng bào bị ảnh hưởng nặng nề do bão lũ năm 2025 thông qua Ủy ban MTTQ Việt Nam	T&T, SHB, SHS	2.000.000.000	Năm 2025
3	SHS ủng hộ từ thiện qua Quỹ an sinh xã hội của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP Hà Nội tại Lễ Tôn vinh doanh nhân doanh nghiệp Thăng Long 2024	HanoiSME	100.000.000	Tháng 12 năm 2025
4	SHS đồng hành cùng HanoiSME tại Caravan thiện nguyện “Hành trình gắn kết – Khát vọng cống hiến”	HanoiSME	100.000.000	Tháng 4 năm 2025

Đóng góp tích cực vào Thị trường vốn xanh

Công ty tiếp tục kiên định theo đuổi chiến lược kinh doanh trên cơ sở tối ưu hóa hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, đồng thời chủ động huy động và phân bổ nguồn lực từ bên ngoài nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới phát triển bền vững. Trong đó, phát triển thị trường vốn xanh được xác định là một trong những trọng tâm ưu tiên. Trong những năm vừa qua, Công ty dành nguồn lực đáng kể để đầu tư và thúc đẩy thị trường vốn xanh thông qua các hoạt động môi giới, cung cấp dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn tài chính, bảo lãnh và đại lý phát hành. Trong bối cảnh thị trường vốn xanh tại Việt Nam đang từng bước hình thành và tăng tốc, Công ty phát huy vai trò trung gian tài

chính, tích cực kết nối dòng vốn với các dự án phát triển bền vững, đặc biệt trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, hạ tầng xanh và giảm phát thải. Đồng thời, việc triển khai các dịch vụ theo tiêu chuẩn ESG góp phần nâng cao tính minh bạch, tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp và thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư.

Thông qua việc phát triển các sản phẩm tài chính xanh và thúc đẩy áp dụng các chuẩn mực bền vững, Công ty không chỉ đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi mà còn góp phần tạo dựng nền tảng cho sự phát triển dài hạn, bền vững của thị trường tài chính Việt Nam.



GRI 418 – Quyền bảo mật thông tin khách hàng

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục đặc biệt chú trọng công tác bảo mật thông tin khách hàng và an toàn hệ thống thông tin. Trên cơ sở các quy định nội bộ đã được ban hành và áp dụng ổn định trong nhiều năm, Công ty đã tiến hành rà soát toàn diện và ban hành lại các quy trình liên quan đến bảo mật thông tin khách hàng, quản lý và bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, phù hợp với yêu cầu quản trị rủi ro và các quy định pháp luật hiện hành.

Các hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động giao dịch chứng khoán, kế toán và quản trị nội bộ của Công ty tiếp tục được sử dụng từ các nhà cung cấp uy tín trên thị trường. Việc phân quyền truy cập, sử dụng và khai thác dữ liệu được thực hiện chặt chẽ theo nguyên tắc phân tách chức năng, trên cơ sở đề xuất bằng văn bản của các Trưởng đơn vị, được Ban Lãnh đạo phê duyệt và do Phòng Công nghệ Thông tin triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì và nâng cấp các giải pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm an

toàn hệ thống công nghệ thông tin, bao gồm việc sử dụng các phần mềm bảo mật, quét và phòng chống mã độc, cũng như các biện pháp kiểm soát truy cập trái phép đối với hệ thống, website và các ứng dụng nội bộ.

Đối với hồ sơ, tài liệu và giấy tờ chứa thông tin khách hàng, Công ty thực hiện quản lý tập trung tại các phòng ban chức năng, được lưu trữ trong tủ, kho có khóa và áp dụng các biện pháp kiểm soát phù hợp. Việc tiêu hủy hồ sơ, tài liệu khi không còn nhu cầu sử dụng được thực hiện theo đúng quy trình và quy định nội bộ của Công ty, bảo đảm không làm lộ lọt thông tin khách hàng.

Thông qua việc hoàn thiện khung quy định, quy trình và tăng cường các biện pháp quản lý, kỹ thuật, Công ty tiếp tục khẳng định cam kết trong việc bảo vệ thông tin khách hàng, nâng cao mức độ an toàn, bảo mật và tính tin cậy của hệ thống thông tin trong toàn bộ hoạt động kinh doanh.

Chủ đề Môi trường	GRI 301 - 302 - 303 - 306 - Vật liệu, năng lượng, nước, chất thải và rác thải
	GRI 307 - Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường

GRI 301-302-303-306 - Vật liệu, năng lượng, điện, nước, chất thải và rác thải



Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính – chứng khoán, SHS không phát sinh các hoạt động sản xuất gây ô nhiễm môi trường ở quy mô lớn. Các tác động môi trường chủ yếu phát sinh gián tiếp từ việc sử dụng điện, nước, năng lượng cho hoạt động văn phòng; vận hành hệ thống công nghệ thông tin; chiếu sáng, điều hòa không khí tại các tòa nhà làm việc; cũng như từ hoạt động di chuyển của cán bộ, nhân viên và khách hàng đến các địa điểm kinh doanh của Công ty.

Nhận thức rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường gắn liền với phát triển bền vững, trong năm 2025, SHS tiếp tục lan tỏa mạnh mẽ ý thức sử dụng tiết kiệm tài nguyên trong toàn hệ thống. Công ty ưu tiên sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng, hạn chế rác thải nhựa dùng một lần, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giao dịch, quản lý và họp trực tuyến, qua đó góp phần giảm phát thải và tối ưu hiệu quả vận hành.

Việc quản lý vật liệu, năng lượng, điện

và nước được SHS thực hiện trên cơ sở theo dõi hóa đơn mua sắm, hóa đơn thanh toán định kỳ và các chỉ số đo lường thực tế từ công tơ. Trên cơ sở đó, Công ty thường xuyên đánh giá mức độ tiêu thụ, đặt mục tiêu sử dụng tiết kiệm và hiệu quả hơn qua từng năm, hướng tới giảm dần tác động tiêu cực đến môi trường.

Toàn bộ hệ thống chiếu sáng tại các trụ sở, chi nhánh của SHS được trang bị bằng các thiết bị tiết kiệm điện. Không gian làm việc được thiết kế tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên và thông gió, góp phần giảm nhu cầu sử dụng điện năng. Hệ thống điều hòa trung tâm được vận hành ở chế độ phù hợp, hạn chế chênh lệch nhiệt độ lớn so với môi trường bên ngoài nhằm tiết kiệm điện và bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

Công ty không khuyến khích làm việc ngoài giờ hành chính nhằm bảo đảm cân bằng lao động – nghỉ ngơi cho cán bộ, nhân viên, đồng thời góp phần tiết kiệm năng lượng. Trường hợp phát sinh nhu

cầu làm thêm giờ, cán bộ, nhân viên phải đăng ký trước và được phê duyệt theo quy định. Phòng Tổ chức Hành chính có trách nhiệm kiểm tra định kỳ và kịp thời tắt các thiết bị điện, điều hòa tại các khu vực chung và phòng làm việc khi không sử dụng. Bên cạnh đó, SHS ký hợp đồng bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống điều hòa, máy móc và thiết bị văn phòng nhằm duy trì hiệu suất vận hành, hạn chế tiêu hao và thất thoát năng lượng.

Hệ thống điều hòa không khí sử dụng công nghệ mới được Công ty thuê đơn vị chuyên môn kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên nhằm phòng ngừa rò rỉ và phát thải các loại khí có nguy cơ gây hại cho môi trường.

Đối với tài nguyên nước, Phòng Tổ chức Hành chính được giao nhiệm vụ kiểm tra định kỳ hệ thống cấp nước, kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố rò rỉ hoặc sử dụng không hiệu quả. Nước uống đóng bình được cấp phát theo hạn mức phù hợp tại từng tầng nhằm kiểm soát và tối ưu mức tiêu thụ.

Song song với các biện pháp tiết kiệm tài nguyên trong vận hành, trong năm 2025, SHS đã thực hiện triển khai hệ thống E-Office trên toàn hệ thống nhằm số hóa quy trình quản trị nội bộ. Các hoạt động trình ký, phê duyệt, ban hành văn bản, lưu trữ hồ sơ, quản lý công việc và trao đổi nội bộ được thực hiện trực tuyến, thay thế phần lớn quy trình giấy tờ truyền thống. Việc áp dụng chữ ký điện tử và hồ sơ số giúp giảm đáng kể nhu cầu in ấn, tiết kiệm giấy, mực in và vật tư văn phòng, đồng thời rút ngắn thời gian xử lý công việc, hạn chế vận chuyển tài liệu giữa các đơn vị. Hệ thống cũng cho phép tra cứu và lưu trữ tập trung, giảm phát sinh tài liệu trùng lặp và nâng cao tính minh bạch trong quản trị. Thông qua E-Office, SHS không chỉ tối ưu hiệu quả vận hành mà còn góp phần cắt giảm phát thải gián tiếp từ hoạt động hành chính, hướng tới mô hình văn phòng xanh và quản trị bền vững.

Việc sử dụng vật liệu phục vụ hoạt động của Công ty được thực hiện trên cơ sở kế hoạch và đề xuất hàng năm của các Phòng ban, Chi nhánh. Trong năm, các đơn vị sử dụng vật liệu theo định mức đã được phê duyệt; trường hợp phát sinh nhu cầu đột biến, Trưởng đơn vị phải có văn bản giải trình rõ mục đích và tính cần thiết. Các loại vật liệu được tận dụng tối đa, đồng thời được phân loại và xử lý phù hợp sau khi sử dụng thông qua các đơn vị thu gom chuyên trách, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.



Đối với hoạt động đi lại, SHS sử dụng các phương tiện vận chuyển đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. Xe của Công ty được bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ nhằm bảo đảm an toàn và tiết kiệm nhiên liệu. Song song đó, Công ty khuyến khích cán bộ, nhân viên ưu tiên sử dụng phương tiện công cộng, tăng cường họp trực tuyến để hạn chế phát thải khí CO₂ ra môi trường.

Rác thải văn phòng được phân loại ngay từ nguồn thành rác hữu cơ, rác có thể tái chế và rác thải nguy hại. Nhân viên vệ sinh được hướng dẫn thực hiện phân loại trước khi bàn giao cho đơn vị thu gom.

Rác thải hữu cơ được thu gom hàng ngày tại các thùng rác có nắp đậy đặt tại phòng làm việc, hành lang và khu vệ sinh nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường.

- Rác thải tái chế như giấy, bia carton, chai lọ nhựa, thủy tinh được gom riêng để tái sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị thu hồi; Công ty khuyến khích sử dụng giấy in hai mặt, hạn chế in ấn tài liệu, ưu tiên trao đổi công việc qua các nền tảng số và sử dụng các vật dụng thân thiện với môi trường.
- Rác thải nguy hại như mực in, pin, bóng đèn được thu gom riêng và bàn giao cho các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Phòng Tổ chức Hành chính định kỳ tổng hợp, theo dõi và so sánh chi phí sử dụng vật liệu, năng lượng, điện và nước giữa các Phòng ban, Chi nhánh, từ đó kịp thời phát hiện các bất thường và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.



GRI 307 - Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường luôn là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động của SHS. Công ty chú trọng từ việc giữ gìn vệ sinh môi trường làm việc, quản lý nước thải, khí thải, đến việc tiết kiệm năng lượng và

chi phí đi lại, nhằm bảo đảm môi trường làm việc an toàn, lành mạnh cho cán bộ, nhân viên – những người dành phần lớn thời gian làm việc tại Công ty.

Với ý thức chấp hành nghiêm túc và chủ

động trong công tác bảo vệ môi trường, trong năm 2025 cũng như trong suốt quá trình hoạt động, SHS không ghi nhận bất kỳ trường hợp vi phạm hay bị xử phạt nào liên quan đến các quy định về bảo vệ môi trường.

| Kế hoạch Phát triển bền vững năm 2026

I. Định hướng chung

Năm 2026 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong chiến lược phát triển của SHS khi **Phát triển bền vững được xác định là một trong năm trụ cột chiến lược**, song hành cùng: (i) **Tư duy khách hàng**; (ii) **Nâng cao năng lực**; (iii) **Đầu tư công nghệ**; (iv) **Quản trị hệ thống**; (v) **Phát triển bền vững**.

Theo đó, phát triển bền vững không còn là một nội dung hỗ trợ hay hoạt động song song, mà trở thành **nguyên tắc xuyên suốt**, được tích hợp vào chiến lược kinh doanh, quản trị rủi ro, phát triển sản phẩm – dịch vụ, quản trị nguồn nhân lực và trách nhiệm với xã hội, môi trường.

SHS hướng tới mục tiêu **tăng trưởng hiệu quả, dài hạn**, bảo đảm hài hòa lợi ích của Cổ đông, Khách hàng, Người lao động và cộng đồng, đồng thời tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực pháp lý, đạo đức và thông lệ quản trị tốt.

II. Mục tiêu Phát triển bền vững 2026

①

Gắn phát triển bền vững với hiệu quả kinh doanh dài hạn

- Lồng ghép các yếu tố ESG vào chiến lược kinh doanh và quản trị rủi ro.
- Bảo đảm tăng trưởng ổn định, minh bạch, kiểm soát tốt rủi ro hoạt động và rủi ro tuân thủ.
- Nâng cao chất lượng tăng trưởng, không đánh đổi hiệu quả dài hạn vì mục tiêu ngắn hạn.
- Đặt mục tiêu tiết kiệm tối thiểu 5-10% chi phí vận hành mỗi năm thông qua các sáng kiến ESG như tối ưu sử dụng năng lượng, số hóa quy trình, giảm tiêu hao vật tư và nâng cao hiệu suất quản trị; đồng thời tái phân bổ nguồn lực tiết kiệm được vào các hoạt động tạo giá trị gia tăng bền vững.



②

Thực hiện đầy đủ cam kết với các Bên liên quan

Đối với Người lao động

- Duy trì và cải thiện thu nhập, phúc lợi và điều kiện làm việc.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, công bằng.
- Đẩy mạnh đào tạo, phát triển năng lực gắn với chiến lược dài hạn và chuyển đổi số.

Đối với Cổ đông

- Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông.
- Nâng cao chất lượng công bố thông tin, minh bạch, kịp thời.
- Gia tăng niềm tin thông qua quản trị doanh nghiệp hiệu quả và bền vững.

Đối với Khách hàng và Đối tác

- Lấy khách hàng làm trung tâm trong phát triển sản phẩm, dịch vụ.
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo vệ quyền lợi và dữ liệu khách hàng.
- Xây dựng mối quan hệ hợp tác dài hạn, cùng chia sẻ giá trị và lợi ích.

Đối với Cơ quan quản lý, Hiệp hội và Thị trường

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật.
- Chủ động hợp tác, minh bạch trong báo cáo và công bố thông tin.
- Đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.

III. Trọng tâm Phát triển bền vững năm 2026



1 Phát triển bền vững gắn với quản trị và vận hành

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ liên quan đến ESG, quản trị rủi ro, tuân thủ.
- Từng bước tích hợp tiêu chí bền vững vào quy trình ra quyết định và đánh giá hiệu quả hoạt động.
- Tăng cường vai trò giám sát của Ban Lãnh đạo đối với các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị.



2 Phát triển sản phẩm, dịch vụ theo hướng bền vững

- Đẩy mạnh các sản phẩm, dịch vụ tài chính số, hạn chế sử dụng tài nguyên và giấy tờ.
- Khuyến khích các giải pháp đầu tư, giao dịch hiệu quả, minh bạch, hướng tới lợi ích dài hạn cho khách hàng.
- Nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua công nghệ và tối ưu quy trình.



3 Trách nhiệm với môi trường

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, nước và vật liệu.
- Giảm thiểu phát thải gián tiếp thông qua tối ưu vận hành văn phòng và phương thức làm việc.
- Nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong toàn thể cán bộ, nhân viên.



4 Trách nhiệm với xã hội

- Duy trì và mở rộng các hoạt động an sinh xã hội, thiện nguyện.
- Ưu tiên các chương trình hỗ trợ giáo dục, thể hệ trẻ và cộng đồng.
- Khuyến khích cán bộ, nhân viên tham gia các hoạt động vì cộng đồng.

IV. Giải pháp thực hiện

Trong năm 2026, SHS tập trung triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm sau:



1 Hoàn thiện khung chính sách và định hướng phát triển bền vững gắn với chiến lược tổng thể của Công ty.



2 Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm tác động môi trường.



3 Nâng cao nhận thức và năng lực của cán bộ, nhân viên về phát triển bền vững thông qua đào tạo và truyền thông nội bộ.



4 Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá và báo cáo về các hoạt động phát triển bền vững, bảo đảm tính minh bạch và nhất quán.

Báo cáo kiểm toán năm 2025

- 194 Báo cáo tài chính
- 246 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CHƯƠNG

VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 (đã được kiểm toán)



Nội dung

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tình hình tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 01 năm 2026 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 20 tháng 01 năm 2026.

Trụ sở của Công ty tại: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch	
Ông	Lê Đăng Khoa	Thành viên	
Bà	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên	
Ông	Nguyễn Chí Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2025
Ông	Đào Ngọc Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2025
Ông	Vũ Đức Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/04/2025
Ông	Lưu Danh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Duy Linh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/01/2026
Ông	Nguyễn Chí Thành	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14/01/2026

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà	Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	
Ông	Lê Đăng Khoa	Thành viên Ủy ban kiểm toán	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Duy Linh – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026



Số: 200326.005/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 20 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Lê Công Thắng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4422-2024-002-1

Báo cáo tình hình tài chính

Tại ngày 31/12/2025

MÃ SỐ	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		22.932.727.930.843	13.935.073.119.222
110	I. Tài sản tài chính		22.897.330.148.015	13.893.134.378.908
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	887.614.356.666	680.759.314.148
111.1	1.1. Tiền		887.614.356.666	680.759.314.148
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	11.291.555.024.833	8.144.359.839.930
114	3. Các khoản cho vay	5	9.097.723.485.457	4.186.915.656.373
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	1.536.298.333.350	612.635.941.500
117	5. Các khoản phải thu	6	181.805.318.599	275.448.793.675
117.1	5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		3.774.000.000	171.106.530.000
117.2	5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		178.031.318.599	104.342.263.675
117.3	5.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		178.031.318.599	104.342.263.675
118	6. Trả trước cho người bán		4.119.646.702	1.242.070.000
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	453.272.868.504	498.761.210.182
122	8. Các khoản phải thu khác	6	9.299.969.729	-
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(564.358.855.825)	(506.988.446.900)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		35.397.782.828	41.938.740.314
131	1. Tạm ứng		21.674.000.000	38.408.998.880
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	8	141.780.294	57.959.681
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	13.482.177.513	3.369.453.232
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	-	2.750.000
135	5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		419.500	173.000
137	6. Tài sản ngắn hạn khác	12	99.405.521	99.405.521
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		99.158.250.938	92.616.645.331
220	I. Tài sản cố định		35.226.669.920	29.871.928.911
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	13.283.377.494	8.957.254.968
222	- Nguyên giá		57.471.581.138	47.006.353.456
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(44.188.203.644)	(38.049.098.488)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	21.943.292.426	20.914.673.943
228	- Nguyên giá		57.267.175.987	50.421.975.987
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35.323.883.561)	(29.507.302.044)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	6.479.616.000	2.679.303.760
250	III. Tài sản dài hạn khác		57.451.965.018	60.065.412.660
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	7.759.117.060	22.767.745.060
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	19.692.847.958	7.297.667.600
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác		10.000.000.000	10.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.031.886.181.781	14.027.689.764.553

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.429.629.443.405	2.816.524.554.168
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		10.232.500.204.276	2.725.781.171.831
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	8.220.000.000.000	2.141.000.000.000
312	1.1. Vay ngắn hạn		8.220.000.000.000	2.141.000.000.000
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	18	1.130.000.000.000	-
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	14.293.772.000	125.170.000
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	20	452.938.064.699	298.493.134.227
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.694.818.181	1.960.727.273
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	142.220.560.569	100.967.212.960
323	7. Phải trả người lao động		79.002.802.049	54.545.236.491
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		3.164.218.147	2.594.168.617
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	81.535.524.472	32.755.011.157
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		5.016.164.000	16.164.000
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	13.214.572.613	7.834.844.859
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		88.419.707.546	85.489.502.247
340	II. Nợ phải trả dài hạn		197.129.239.129	90.743.382.337
352	1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		25.000.000	25.000.000
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	40.2	197.104.239.129	90.718.382.337
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.602.256.738.376	11.211.165.210.385
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	12.602.256.738.376	11.211.165.210.385
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		9.386.984.568.289	8.853.320.430.800
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		8.994.622.200.000	8.131.567.480.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.994.622.200.000	8.131.567.480.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		392.362.368.289	721.752.950.800
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		754.381.924.130	(96.688.867.720)
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	77.136.777.489
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		2.460.890.245.957	2.377.396.869.816
417.1	4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.497.064.889.439	2.014.523.340.470
417.2	4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		963.825.356.518	362.873.529.346
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		23.031.886.181.781	14.027.689.764.553

Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Tại ngày 31/12/2025

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
002	1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		1.500.000.000	1.500.000.000
003	2. Tài sản nhận thế chấp		6.903.330.000	6.903.330.000
004	3. Nợ khó đòi đã xử lý		62.305.803.043	62.305.803.043
006	4. Cổ phiếu đang lưu hành		899.462.220	813.156.748
008	5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	25	3.576.023.540.000	3.749.196.220.000
009	6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	26	202.492.110.000	169.007.640.000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	27	226.912.000.000	171.039.000.000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	28	349.682.810.000	250.435.452.500
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	29	64.624.098.660.000	99.128.457.320.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		49.839.568.130.000	85.034.537.710.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		2.798.734.370.000	1.903.369.480.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		8.032.270.540.000	4.584.161.920.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		3.750.000.000.000	7.485.753.430.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		203.525.620.000	120.634.780.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	30	303.736.250.000	782.324.390.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		90.896.090.000	110.652.170.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		211.800.000.000	671.672.220.000
022.3	c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		1.040.160.000	-
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	31	202.400.120.000	110.062.030.000
026	4. Tiền gửi của khách hàng	32	1.486.042.954.183	719.318.035.298
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		810.146.338.381	493.252.007.646
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		656.565.641.390	225.988.523.360
029	4.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		19.253.470.120	-
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		19.253.470.120	-

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
030	4.5 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		77.504.292	77.504.292
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	33	1.485.965.449.891	719.240.531.006
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.484.423.982.963	717.722.354.058
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.541.466.928	1.518.176.948
035	21. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		77.504.292	77.504.292

Lê Thị Kim Anh
Người lập

Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Bùi Thị Hồng Hạnh
Giám đốc Khối tài chính



Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động

Năm 2025

MÃ SỐ	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	2.410.567.548.130	1.155.256.444.943
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	1.049.338.582.505	742.239.535.083
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	1.130.108.322.937	186.603.308.568
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	231.120.642.688	226.413.601.292
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	455.479.452	12.693.150.684
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	778.571.092.749	497.714.568.536
04	1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	29.739.567.000	26.792.403.000
06	1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	360.426.331.432	237.961.036.887
07	1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.645.363.084	8.751.977.272
08	1.7	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	25.157.252.692	10.532.353.599
09	1.8	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	16.254.906.049	13.557.825.684
10	1.9	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	36.410.453.027	25.507.803.031
11	1.10	Thu nhập hoạt động khác	8.307.270.425	2.537.985.552
20		Cộng doanh thu hoạt động	3.668.535.264.040	1.991.305.549.188
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	940.815.705.873	233.548.223.795
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	514.065.280.229	131.736.626.884
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	422.770.638.973	98.844.320.065
21.3	c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	3.979.786.671	2.967.276.846
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	175.408.400.000	1.204.956.438
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	31.777.879.975	36.946.759.089
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	319.977.515.013	203.616.474.965
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	5.524.515.544	7.660.591.230
29	2.6	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	13.921.040.115	13.154.340.854
30	2.7	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	12.819.275.378	11.265.611.171

MÃ SỐ	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
31	2.8	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	7.436.446.134	6.202.610.261
32	2.9	Chi phí các dịch vụ khác	71.291.449.039	52.443.201.050
40		Cộng chi phí hoạt động	1.578.972.227.070	566.042.768.853
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 37				
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	5.104.002.378	3.600.855.932
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính	5.104.002.378	3.600.855.932
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH 38				
52	4.1	Chi phí lãi vay	280.317.407.994	63.188.301.632
55	4.2	Chi phí tài chính khác	1.583.293.152	-
60		Cộng chi phí tài chính	281.900.701.146	63.188.301.632
62 V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN 39				
70		VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	1.649.349.550.152	1.236.548.289.748
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	7.1	Thu nhập khác	18.462.320	2.742.474.306
72	7.2	Chi phí khác	92	12.099
80		Cộng kết quả hoạt động khác	18.462.228	2.742.462.207
90 VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ 1.649.368.012.380 1.239.290.751.955				
91	8.1	Lợi nhuận đã thực hiện	942.030.328.416	1.151.531.763.452
92	8.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	707.337.683.964	87.758.988.503
100 IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN 40 306.190.528.239 223.676.322.888				
100.1	9.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	199.804.671.447	206.124.525.187
100.2	9.2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	106.385.856.792	17.551.797.701
200		X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	1.343.177.484.141	1.015.614.429.067

Báo cáo kết quả hoạt động

Năm 2025

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
300	XI. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	11.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		851.070.791.850	(47.959.963.300)
400	Tổng thu nhập toàn diện		851.070.791.850	(47.959.963.300)
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	12.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	42	1.500	1.135

Lê Thị Kim Anh
Người lập

Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Bùi Thị Hồng Hạnh
Giám đốc Khối tài chính



Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Năm 2025 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		1.649.368.012.380	1.239.290.751.955
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		519.991.171.214	107.159.225.510
03	- Khấu hao tài sản cố định		11.998.956.673	8.282.919.613
04	- Các khoản dự phòng		232.778.808.925	39.288.860.197
06	- Chi phí lãi vay		280.317.407.994	63.188.301.632
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.104.002.378)	(3.600.855.932)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		422.770.638.973	98.844.320.065
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		422.770.638.973	98.844.320.065
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(1.130.108.322.937)	(186.603.308.568)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(1.130.108.322.937)	(186.603.308.568)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.684.954.766.308)	(2.662.329.744.674)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(2.439.857.500.939)	(3.024.427.816.339)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(4.910.807.829.084)	(351.776.752.893)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		(248.000.000.000)	-
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		167.332.530.000	(171.106.530.000)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(73.689.054.924)	(1.217.019.680)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		46.222.432.586	862.370.005.922
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(9.299.969.729)	-
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		31.662.309.767	(55.801.635.547)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		6.075.200.260	3.733.397.242
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(22.507.904.639)	12.341.750.932
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(169.848.109.078)	(140.218.422.948)
44	- Lãi vay đã trả		(237.612.094.939)	(58.619.271.501)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		151.567.353.770	295.786.622.758
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		570.049.530	651.196.340
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		11.296.785.240	(9.187.497.480)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		24.457.565.558	25.876.205.943
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		24.553.265.014	(11.281.665.387)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(37.069.794.701)	(39.452.312.036)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.222.933.266.678)	(1.403.638.755.712)

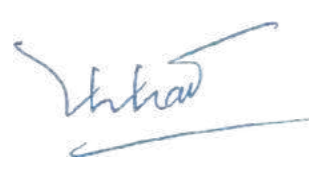
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Năm 2025 (Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(21.154.009.922)	(20.086.452.209)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		5.104.002.378	3.600.855.932
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.050.007.544)	(16.485.596.277)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	-
73	2. Tiền vay gốc		28.629.000.000.000	6.809.958.550.000
73.2	2.1. Tiền vay khác		28.629.000.000.000	6.809.958.550.000
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(21.420.000.000.000)	(5.560.958.550.000)
74.3	3.1. Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(21.420.000.000.000)	(5.560.958.550.000)
76	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(813.161.683.260)	(5.697.418)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.445.838.316.740	1.248.994.302.582
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		206.855.042.518	(171.130.049.407)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		680.759.314.148	851.889.363.555
101.1	- Tiền		680.759.314.148	851.889.363.555
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	887.614.356.666	680.759.314.148
103.1	- Tiền		887.614.356.666	680.759.314.148



Lê Thị Kim Anh
Người lập



Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Bùi Thị Hồng Hạnh
Giám đốc Khối tài chính



Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

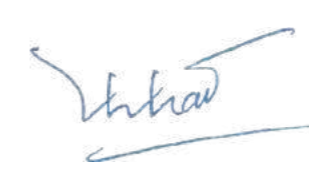
Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Năm 2025

MÃ SỐ	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		242.392.190.480.319	156.585.831.318.954
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(225.499.514.344.305)	(170.710.394.168.998)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(16.115.505.741.273)	14.125.454.084.957
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(10.445.475.856)	(11.653.413.736)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		9.700.325.548.384	16.139.332.573.292
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(9.700.325.548.384)	(17.589.438.340.953)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		766.724.918.885	(1.460.867.946.484)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		719.318.035.298	2.180.185.981.782
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		719.318.035.298	2.180.185.981.782
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		493.252.007.646	430.005.857.813
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		225.988.523.360	299.996.852.016
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		77.504.292	1.450.183.271.953
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		1.486.042.954.183	719.318.035.298
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.486.042.954.183	719.318.035.298
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		810.146.338.381	493.252.007.646
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		656.565.641.390	225.988.523.360
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		19.253.470.120	-
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		77.504.292	77.504.292



Lê Thị Kim Anh
Người lập



Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Bùi Thị Hồng Hạnh
Giám đốc Khối tài chính



Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Năm 2025

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2024	01/01/2025	Năm 2024		Năm 2025		31/12/2024	31/12/2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				VND	VND	VND	VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		8.853.320.430.800	8.853.320.430.800	-	-	863.054.720.000	329.390.582.511	8.853.320.430.800	9.386.984.568.289
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.131.567.480.000	8.131.567.480.000	-	-	863.054.720.000	-	8.131.567.480.000	8.994.622.200.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		721.752.950.800	721.752.950.800	-	-	-	329.390.582.511	721.752.950.800	392.362.368.289
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		77.136.777.489	77.136.777.489	-	-	-	77.136.777.489	77.136.777.489	-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(48.728.904.420)	(96.688.867.720)	12.083.161.200	60.043.124.500	1.155.479.247.750	304.408.455.900	(96.688.867.720)	754.381.924.130
4. Lợi nhuận chưa phân phối		1.381.782.440.749	2.377.396.869.816	1.015.614.429.067	20.000.000.000	1.343.177.484.141	1.259.684.108.000	2.377.396.869.816	2.460.890.245.957
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.089.116.102.205	2.014.523.340.470	945.407.238.265	20.000.000.000	742.225.656.969	1.259.684.108.000	2.014.523.340.470	1.497.064.889.439
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		292.666.338.544	362.873.529.346	70.207.190.802	-	600.951.827.172	-	362.873.529.346	963.825.356.518
TỔNG CỘNG		10.263.510.744.618	11.211.165.210.385	1.027.697.590.267	80.043.124.500	3.361.711.451.891	1.970.619.923.900	11.211.165.210.385	12.602.256.738.376
II. Thu nhập toàn diện khác									
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(48.728.904.420)	(96.688.867.720)	12.083.161.200	60.043.124.500	1.155.479.247.750	304.408.455.900	(96.688.867.720)	754.381.924.130
TỔNG CỘNG		(48.728.904.420)	(96.688.867.720)	12.083.161.200	60.043.124.500	1.155.479.247.750	304.408.455.900	(96.688.867.720)	754.381.924.130

Báo cáo Kiểm toán năm 2025

Lê Thị Kim Anh
Người lập

Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Bùi Thị Hồng Hạnh
Giám đốc Khối tài chính



Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

| Thuyết minh báo cáo tài chính

Năm 2025

1. Thông tin chung

1.1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 01 năm 2026 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 20 tháng 01 năm 2026.

Trụ sở của Công ty tại: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 8.994.622.200.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 8.994.622.200.000 đồng; tương đương 899.462.220 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 392 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 306 người).

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội
Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(i): Chi nhánh được chấp thuận thành lập theo Quyết định số 960/QĐ-UBCK ngày 04/12/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

1.3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến thuận lợi, cùng với đó, Công ty đã thực hiện một số chính sách đẩy mạnh hoạt động môi giới, cho vay và tự doanh, quản lý hiệu quả chi phí nên hầu hết các hoạt động kinh doanh của Công ty đều có sự tăng trưởng tốt. Do đó, lợi nhuận sau thuế năm nay tăng trưởng mạnh so với năm trước.

2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Trụ sở Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chi định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại là FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này hoặc căn cứ theo giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính sau khi được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư. Trường hợp, chứng khoán có dấu hiệu giảm giá, Công ty sẽ đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo O2 chỉ tiêu: chỉ tiêu “Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)” - Chi tiết “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu “Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)” - Chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” (nếu đánh giá tăng).

Số chênh lệch đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị xác thực nhất (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK ở thời điểm cuối kỳ kế toán được theo dõi riêng trên Tài khoản cấp 2 “Chênh lệch đánh giá lại” của Tài khoản 121 - “Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” mà không ghi tăng, giảm giá mua của các tài sản tài chính trên Tài khoản “Giá mua” và được xác định cụ thể cho từng lần đánh giá lại như sau:

- Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK.
- Ở kỳ đánh giá lại lần thứ hai trở đi, giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá mua của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và giá đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này. Chênh lệch giữa các kỳ đánh giá được hạch toán vào Tài khoản 51112 “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL” hoặc Tài khoản 63213 “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Lỗ” và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” FVTPL.
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Thu nhập”, chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý”.

2.7. Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm
Phần mềm giao dịch	03 - 05 năm

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 tháng đến 36 tháng.
- Lợi thế thương mại phát sinh khi nhận sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, Công ty phân bổ trong vòng 07 năm.
- Chi phí thuê nhà được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 tháng đến 36 tháng.

2.13. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí phải trả các sản giao dịch... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và Chi phí/ thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm (nếu có).

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định hiện hành.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.18. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.19. Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định. Chi phí hoạt động tài chính gồm Chi phí lãi vay và Chi phí tài chính khác.

2.20. Các khoản thuế

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2.21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Lãi trên cổ phiếu

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
	VND	VND
Của Công ty Chứng khoán	904.981.859	115.681.745.571.082
- Cổ phiếu	332.621.112	13.695.379.125.690
- Trái phiếu	572.360.747	101.986.366.445.392
Của nhà đầu tư	10.176.034.917	490.625.877.492.826
- Cổ phiếu	9.726.739.365	232.202.383.799.156
- Trái phiếu	423.658.840	237.508.281.385.280
- Chứng khoán khác	25.636.712	20.915.212.308.390
	11.081.016.776	606.307.623.063.908

4. Tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	869.503.878.471	680.501.235.812
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	18.110.478.195	258.078.336
	887.614.356.666	680.759.314.148

5. Các loại tài sản tài chính

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	3.176.653.113.013	4.750.439.216.700	2.984.536.332.592	3.330.897.345.417
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	312.074.466.319	265.418.995.300	533.481.776.439	463.258.095.500
Danh mục chứng khoán ủy thác đầu tư	39.773.000.000	38.125.500.000	-	-
Chứng chỉ quỹ đại chúng	40.000.000.000	42.692.379.269	10.000.000.000	9.982.719.333
Cổ phiếu chưa niêm yết và hủy niêm yết	1.139.019.577.136	596.727.557.664	474.253.421.753	411.489.191.680
Trái phiếu niêm yết	1.866.066.167.029	1.787.151.448.000	2.077.529.997.674	2.063.805.266.000
Trái phiếu chưa niêm yết	3.152.287.061.550	3.152.287.061.550	650.000.000.000	650.000.000.000
Công cụ thị trường tiền tệ	658.712.866.350	658.712.866.350	1.214.927.222.000	1.214.927.222.000
	10.384.586.251.397	11.291.555.024.833	7.944.728.750.458	8.144.359.839.930

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	723.238.748.169	1.536.298.333.350	475.238.748.169	612.635.941.500
	723.238.748.169	1.536.298.333.350	475.238.748.169	612.635.941.500

c) Các khoản cho vay

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hoạt động margin	8.825.426.324.165	4.079.088.507.732
Hoạt động ứng trước tiền bán	272.297.161.292	107.827.148.641
	9.097.723.485.457	4.186.915.656.373

d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	10.384.586.251.397	7.944.728.750.458	11.291.555.024.833	8.144.359.839.930	1.710.574.046.215	580.465.723.278	(803.605.272.779)	(380.834.633.806)	11.291.555.024.833	8.144.359.839.930
Cổ phiếu niêm yết	3.176.653.113.013	2.994.536.332.592	4.750.439.216.700	3.340.880.064.750	1.667.932.751.493	536.468.649.501	(94.146.647.806)	(190.124.917.343)	4.750.439.216.700	3.340.880.064.750
<i>FRT</i>	22.543.890.064	177.675.820.265	35.382.912.500	385.008.640.000	12.839.022.436	207.332.819.735	-	-	35.382.912.500	385.008.640.000
<i>VPB</i>	69.057.535.000	349.986.900.000	61.445.655.000	298.416.000.000	-	-	(7.611.880.000)	(51.570.900.000)	61.445.655.000	298.416.000.000
<i>CTG</i>	153.130.128.394	36.305.382.174	161.200.217.750	37.800.000.000	8.070.089.356	1.494.617.826	-	-	161.200.217.750	37.800.000.000
<i>HPG</i>	190.690.896.824	-	187.704.000.000	-	-	-	(2.986.896.824)	-	187.704.000.000	-
<i>Các cổ phiếu khác</i>	2.741.230.662.731	2.430.568.230.153	4.304.706.431.450	2.619.655.424.750	1.647.023.639.701	327.641.211.940	(83.547.870.982)	(138.554.017.343)	4.304.706.431.450	2.619.655.424.750
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	312.074.466.319	533.481.776.439	265.418.995.300	463.258.095.500	13.641.987.385	21.191.040.605	(60.297.458.404)	(91.414.721.544)	265.418.995.300	463.258.095.500
<i>VGI</i>	68.150.818.363	99.146.841.780	63.273.960.000	112.882.700.000	-	13.735.858.220	(4.876.858.363)	-	63.273.960.000	112.882.700.000
<i>GDA</i>	-	200.000.000.000	-	137.000.000.000	-	-	-	(63.000.000.000)	-	137.000.000.000
<i>Các cổ phiếu khác</i>	243.923.647.956	234.334.934.659	202.145.035.300	213.375.395.500	13.641.987.385	7.455.182.385	(55.420.600.041)	(28.414.721.544)	202.145.035.300	213.375.395.500
Cổ phiếu hủy niêm yết	4.115.838.498	4.109.683.115	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-	(1.515.838.498)	(1.509.683.115)	2.600.000.000	2.600.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.134.903.738.638	460.143.738.638	594.127.557.664	398.906.472.347	-	-	(540.776.180.974)	(61.237.266.291)	594.127.557.664	398.906.472.347
• Công ty Cổ phần ADEC	138.650.000.000	138.650.000.000	77.592.900.000	138.650.000.000	-	-	(61.057.100.000)	-	77.592.900.000	138.650.000.000
• Công ty CP Đóng tàu và Dịch vụ Cảng Mỹ Xuân	170.000.000.000	170.000.000.000	102.001.838.400	169.802.315.746	-	-	(67.998.161.600)	(197.684.254)	102.001.838.400	169.802.315.746
• CTCP Hạ tầng Gelex	599.760.000.000	-	299.880.000.000	-	-	-	(299.880.000.000)	-	299.880.000.000	-
• Các cổ phiếu khác	226.493.738.638	151.493.738.638	114.652.819.264	90.454.156.601	-	-	(111.840.919.374)	(61.039.582.037)	114.652.819.264	90.454.156.601
Danh mục chứng khoán ủy thác đầu tư	39.773.000.000	-	38.125.500.000	-	-	-	(1.647.500.000)	-	38.125.500.000	-
• HPG	13.535.000.000	-	13.200.000.000	-	-	-	(335.000.000)	-	13.200.000.000	-
• VPB	26.238.000.000	-	24.925.500.000	-	-	-	(1.312.500.000)	-	24.925.500.000	-
Chứng chỉ quỹ	40.000.000.000	10.000.000.000	42.692.379.269	9.982.719.333	3.185.405.676	-	(493.026.407)	(17.280.667)	42.692.379.269	9.982.719.333
Trái phiếu niêm yết	1.866.066.167.029	2.077.529.997.674	1.787.151.448.000	2.063.805.266.000	25.813.901.661	22.806.033.172	(104.728.620.690)	(36.530.764.846)	1.787.151.448.000	2.063.805.266.000
• Trái phiếu Công ty Cổ phần Bamboo Capital mã BCG122006	102.248.415.846	507.356.639.428	17.345.533.000	515.517.066.000	-	8.160.426.572	(84.902.882.846)	-	17.345.533.000	515.517.066.000
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành ngày 30/10/2023	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-	-	-	-	-	200.000.000.000
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội mã SHB12301	-	913.632.764.846	-	878.800.000.000	-	-	-	(34.832.764.846)	-	878.800.000.000
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 27/03/2024	248.441.313.400	-	254.560.800.000	-	6.119.486.600	-	-	-	254.560.800.000	-
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM phát hành ngày 24/03/2025	301.230.000.000	-	317.877.000.000	-	16.647.000.000	-	-	-	317.877.000.000	-
• Trái phiếu SHB phát hành ra công chúng năm 2024 (SHBC7Y202401)	262.377.852.844	-	252.646.195.000	-	-	-	(9.731.657.844)	-	252.646.195.000	-
• Trái phiếu niêm yết khác	951.768.584.939	456.540.593.400	944.721.920.000	469.488.200.000	3.047.415.061	14.645.606.600	(10.094.080.000)	(1.698.000.000)	944.721.920.000	469.488.200.000

d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu chưa niêm yết	3.152.287.061.550	650.000.000.000	3.152.287.061.550	650.000.000.000	-	-	-	-	3.152.287.061.550	650.000.000.000
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam phát hành ngày 18/12/2024	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 28/08/2024	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 13/11/2024	-	240.000.000.000	-	240.000.000.000	-	-	-	-	-	240.000.000.000
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 30/10/2024	-	110.000.000.000	-	110.000.000.000	-	-	-	-	-	110.000.000.000
• Trái phiếu CTCP Hàng không Vietjet phát hành ngày 31.12.2025 (1)	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-	-	-	-	-	500.000.000.000	-
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành N31.12.2025 (2)	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-	-	-	-	-	500.000.000.000	-
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 26/05/2025 (3)	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-	-	-	-	-	500.000.000.000	-
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM phát hành ngày 15/12/2025 (4)	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-	-	-	-	-	500.000.000.000	-
• Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín phát hành ngày 30.12.2025 (5)	400.000.000.000	-	400.000.000.000	-	-	-	-	-	400.000.000.000	-
• Trái phiếu chưa niêm yết khác	502.287.061.550	-	502.287.061.550	-	-	-	-	-	502.287.061.550	-
Công cụ thị trường tiền tệ	658.712.866.350	1.214.927.222.000	658.712.866.350	1.214.927.222.000	-	-	-	-	658.712.866.350	1.214.927.222.000
• Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM phát hành ngày 15/11/2024	-	700.000.000.000	-	700.000.000.000	-	-	-	-	-	700.000.000.000
• Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phát hành ngày 29/03/2024	-	514.927.222.000	-	514.927.222.000	-	-	-	-	-	514.927.222.000
• CCTG do NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành N 20.01.2025	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-	-	-	-	-	250.000.000.000	-
• Chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực phát hành N14.04.2025	408.712.866.350	-	408.712.866.350	-	-	-	-	-	408.712.866.350	-
AFS	723.238.748.169	475.238.748.169	1.536.298.333.350	612.635.941.500	988.467.985.181	274.005.513.331	(175.408.400.000)	(136.608.320.000)	1.536.298.333.350	612.635.941.500
Cổ phiếu niêm yết	723.238.748.169	475.238.748.169	1.536.298.333.350	612.635.941.500	988.467.985.181	274.005.513.331	(175.408.400.000)	(136.608.320.000)	1.536.298.333.350	612.635.941.500
SHB	275.238.748.169	275.238.748.169	1.098.906.733.350	549.244.261.500	823.667.985.181	274.005.513.331	-	-	1.098.906.733.350	549.244.261.500
TCD	200.000.000.000	200.000.000.000	24.591.600.000	63.391.680.000	-	-	(175.408.400.000)	(136.608.320.000)	24.591.600.000	63.391.680.000
Cổ phiếu niêm yết khác	248.000.000.000	-	412.800.000.000	-	164.800.000.000	-	-	-	412.800.000.000	-
	11.107.824.999.566	8.419.967.498.627	12.827.853.358.183	8.756.995.781.430	2.699.042.031.396	854.471.236.609	(979.013.672.779)	(517.442.953.806)	12.827.853.358.183	8.756.995.781.430

Ghi chú:

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và cổ phiếu giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom): Giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025 trên các sàn giao dịch này.
- Trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch: Giá trị hợp lý được xác định theo giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty sẽ đánh giá giá trị hợp lý dựa trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính sau khi được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu niêm yết:

(1) Ngày 17 tháng 01 năm 2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2025/NQ-HĐQT-BCG về việc thông qua điều chỉnh phương án mua lại toàn bộ Trái phiếu BCG122006 trước hạn. Trong năm, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital đã chuyển tiền mua lại trước hạn một phần Trái phiếu BCG122006 cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa niêm yết:

(1) Trái phiếu Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet có thời hạn 7 năm kể từ ngày phát hành ngày 31/12/2025, số lượng 5.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000 VND với lãi suất thả nổi (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 3%/năm).

(2) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 7 năm kể từ ngày phát hành ngày 31/12/2025, số lượng 500 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND với lãi suất thả nổi (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm).

(3) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thời hạn 7 năm từ ngày phát hành 26/05/2025, số lượng 500 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND với lãi suất thả nổi (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 1%/năm).

(4) Trái phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh thời hạn 7 năm từ ngày phát hành 15/12/2025, số lượng 500 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND với lãi suất thả nổi (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm).

(5) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín phát hành lần 01 năm 2025 – Đợt 1 thời hạn 7 năm từ ngày phát hành 30/12/2025, số lượng 4000 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000 VND với lãi suất trái phiếu đối với kỳ tính lãi đầu tiên: Lãi suất cố định là 7,4%/năm; Lãi suất trái phiếu đối với các kỳ tính lãi tiếp theo: Lãi suất thả nổi = Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm.

6. Các khoản phải thu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu bán chứng khoán tự doanh	3.774.000.000	171.106.530.000
Phải thu lãi hoạt động Margin	122.516.856.183	86.739.752.799
Phải thu lãi các hoạt động khác	55.514.462.416	17.602.510.876
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	453.272.868.504	498.761.210.182
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	382.321.268.275	417.767.520.088
- Phải thu lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	47.920.198.707	56.910.806.235
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	2.837.922.315	5.634.838.982
- Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	10.193.479.207	8.448.044.877
Phải thu khác	9.299.969.729	-
- Tiền đặt cọc đấu giá tự doanh	8.380.000.000	-
- Phải thu khác	919.969.729	-
	644.378.156.832	774.210.003.857

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Bên khác		
Công ty Cổ phần Giải pháp Công Nghệ Fanxipan Việt Nam	500.000.000	-
Công ty TNHH MTV AON VINA	414.953.280	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Minastik	-	390.000.000
Các khoản trả trước khác	3.204.693.422	852.070.000
	4.119.646.702	1.242.070.000

8. Hàng tồn kho

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Vật tư văn phòng	34.132.294	14.097.681
Công cụ, dụng cụ	107.648.000	43.862.000
	141.780.294	57.959.681

9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay			
		Số đầu năm	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin)	195.695.014.744	97.885.903.376	58.126.764.302	(233.012)	156.012.434.666
Phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	430.241.466.981	396.436.547.903	404.637.795	(1.304.686.854)	395.536.498.844
Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000			10.000.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	2.809.922.315	2.665.995.621	343.926.694	(200.000.000)	2.809.922.315
	638.746.404.040	506.988.446.900	58.875.328.791	(1.504.919.866)	564.358.855.825

10. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	11.382.105.828	2.041.326.539
Chi phí tài liệu, sách báo chờ phân bổ	485.916.255	533.392.964
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.614.155.430	794.733.729
	13.482.177.513	3.369.453.232

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi sáp nhập	-	2.598.908.480
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.944.899.812	1.967.716.523
Chi phí tư vấn chờ phân bổ	362.733.219	362.733.219
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	686.023.370	484.020.516
Chi phí sửa chữa, bảo trì chờ phân bổ	11.636.328.439	1.884.288.862
Chi phí trả trước dài hạn khác	62.863.118	-
	19.692.847.958	7.297.667.600

11. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

a) Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đặt cọc bình nước	-	2.750.000
	-	2.750.000

b) Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	7.635.967.060	22.686.345.060
Đặt cọc khác	123.150.000	81.400.000
	7.759.117.060	22.767.745.060

12. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khác	99.405.521	99.405.521
	99.405.521	99.405.521

13. Các loại tài sản tài chính

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2025	40.024.788.746	6.580.850.000	400.714.710	47.006.353.456
Mua trong năm	10.160.710.682	-	347.787.000	10.508.497.682
Thanh lý, nhượng bán	(43.270.000)	-	-	(43.270.000)
Tại ngày 31/12/2025	50.142.229.428	6.580.850.000	748.501.710	57.471.581.138
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2025	31.751.788.391	5.896.595.387	400.714.710	38.049.098.488
Khấu hao trong năm	5.781.684.394	393.471.531	7.219.231	6.182.375.156
Thanh lý, nhượng bán	(43.270.000)	-	-	(43.270.000)
Tại ngày 31/12/2025	37.490.202.785	6.290.066.918	407.933.941	44.188.203.644
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2025	8.273.000.355	684.254.613	-	8.957.254.968
Tại ngày 31/12/2025	12.652.026.643	290.783.082	340.567.769	13.283.377.494

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 39.268.934.506 VND.

14. Tài sản cố định vô hình

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch, kế toán với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là: 57.267.175.987 VND và 35.323.883.566 VND. Khấu hao trong năm là 5.816.581.517 VND.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phí bản quyền, triển khai phần mềm kinh doanh chứng khoán và nâng cấp phần mềm	6.479.616.000	2.679.303.760
	6.479.616.000	2.679.303.760

16. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	18.066.986.207	18.066.986.207
Tiền lãi phân bổ	1.813.013.793	1.813.013.793
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

17. Vay và nợ

	01/01/2025	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.141.000.000.000	27.499.000.000.000	(21.420.000.000.000)	8.220.000.000.000
Vay ngân hàng	2.141.000.000.000	27.499.000.000.000	(21.420.000.000.000)	8.220.000.000.000
	2.141.000.000.000	27.499.000.000.000	(21.420.000.000.000)	8.220.000.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	835.000.000.000	500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.000.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	980.000.000.000	245.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đông Đô	900.000.000.000	400.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina - Hội sở chính	295.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình	1.990.000.000.000	250.000.000.000
Các ngân hàng khác	2.220.000.000.000	446.000.000.000
	8.220.000.000.000	2.141.000.000.000

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty có các khoản vay ngắn hạn theo kế ước có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ,... với lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Hình thức bảo đảm là tín chấp hoặc bảo đảm bằng các tài sản theo các biện pháp bảo đảm theo Hợp đồng bảo đảm, các phụ lục, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm này và các chứng từ khác có liên quan.

18. Trái phiếu phát hành ngắn hạn

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã phát hành 03 mã trái phiếu: SHS12501, SHS12502, SHS12503 với các thông tin chi tiết sau:

- Tổng số lượng trái phiếu phát hành là 11.130 trái phiếu có mức giá 100.000.000 VND/trái phiếu tương ứng với tổng giá trị phát hành là 1.130.000.000.000 VND với kỳ hạn là 1 năm với lãi suất từ 8%-8,2%/năm.
- Mục đích của việc phát hành trái phiếu là để thanh toán các khoản nợ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.
- Đối tượng mua trái phiếu là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức và là cá nhân tùy theo quy định của từng lần phát hành.

19. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	14.293.772.000	125.170.000
	14.293.772.000	125.170.000

20. Phải trả người bán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả hoạt động mua chứng khoán tự doanh	444.246.385.000	295.112.700.000
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Cao Lotte- HPT Việt Nam	1.254.000.000	1.822.770.000
Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm tài chính	5.550.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển TMG	-	438.260.034
Phải trả các đối tượng khác	1.887.679.699	1.119.404.193
	452.938.064.699	298.493.134.227

21. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	870.939.963	240.105.650
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	118.695.280.993	88.738.718.624
Thuế Thu nhập cá nhân	22.405.706.031	11.952.564.257
Các loại thuế khác	248.633.582	35.824.429
	142.220.560.569	100.967.212.960

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	41.570.454.886	23.555.991.146
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	24.690.849.315	-
Chi phí phải trả các sàn giao dịch	8.543.412.389	5.603.840.023
Chi phí phải trả khác	6.730.807.882	3.595.179.988
	81.535.524.472	32.755.011.157

23. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	686.685.456	691.620.716
Phải trả phí phát triển thị trường và tìm kiếm khách hàng	10.443.991.022	4.195.530.466
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.083.896.135	2.947.693.677
	13.214.572.613	7.834.844.859

24. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5,57%	500.563.060.000	5,60%	455.057.340.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	94,43%	8.494.059.140.000	94,40%	7.676.510.140.000
	100%	8.994.622.200.000	100%	8.131.567.480.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	1.497.064.889.439	2.014.523.340.470
Lợi nhuận chưa thực hiện	963.825.356.518	362.873.529.346
	2.460.890.245.957	2.377.396.869.816

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	2.014.523.340.470	1.089.116.102.205
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	742.225.656.969	945.407.238.265
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	2.756.748.997.439	2.034.523.340.470
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(40.000.000.000)	(20.000.000.000)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(40.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số chia cổ tức bằng bằng tiền tỷ lệ 10%/cổ phiếu	(813.156.748.000)	-
Số chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 5%/cổ phiếu	(406.527.360.000)	-
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	1.497.064.889.439	2.014.523.340.470

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 04 năm 2025, Công ty công bố việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng số tiền 10.000.000.000 VND, quỹ phúc lợi số tiền 30.000.000.000 VND.
- Chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10%/cổ phiếu, tương ứng số tiền: 813.156.748.000 VND.

Bên cạnh đó, trong năm:

- Công ty đã hoàn thành xong việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2023 với tỷ lệ 5% với các thông tin sau:

- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 40.652.736 cổ phiếu, tương ứng tổng mệnh giá là 406.527.360.000 VND;
- Nguồn vốn phát hành: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023, căn cứ trên Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023 và năm 2024 và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 25/04/2025.

- Công ty đã hoàn thành xong việc tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Thặng dư cổ phần với tỷ lệ 5% với các thông tin sau:

- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 40.652.736 cổ phiếu, tương ứng tổng mệnh giá là 406.527.360.000 VND;
- Nguồn vốn phát hành: Từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Thặng dư cổ phần lũy kế đến 31/12/2023, căn cứ trên Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023 và năm 2024 và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 25/04/2025.

- Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội với các thông tin sau:

- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 5.000.000 cổ phiếu tương ứng với mệnh giá là 50.000.000.000 VND;
- Giá phát hành: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 02/10/2025;
- Số tiền thu được từ đợt phát hành là 50.000.000.000 VND đã được công ty bổ sung vào vốn lưu động của Công ty.

25. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của công ty chứng khoán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.038.673.540.000	2.428.596.220.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.536.750.000.000	1.221.700.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	600.000.000	98.900.000.000
	3.576.023.540.000	3.749.196.220.000

26. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	202.492.110.000	169.007.640.000
	202.492.110.000	169.007.640.000

27. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	226.912.000.000	171.039.000.000
	226.912.000.000	171.039.000.000

28. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	349.682.810.000	250.435.452.500
	349.682.810.000	250.435.452.500

29. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của nhà đầu tư

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	49.839.568.130.000	85.034.537.710.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	2.798.734.370.000	1.903.369.480.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	8.032.270.540.000	4.584.161.920.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	3.750.000.000.000	7.485.753.430.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	203.525.620.000	120.634.780.000
	64.624.098.660.000	99.128.457.320.000

30. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	90.896.090.000	110.652.170.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	211.800.000.000	671.672.220.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	1.040.160.000	-
	303.736.250.000	782.324.390.000

31. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	202.400.120.000	110.062.030.000
	202.400.120.000	110.062.030.000

32. Tiền gửi của nhà đầu tư

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	810.146.338.381	493.252.007.646
1. Nhà đầu tư trong nước	808.604.871.453	491.733.830.698
2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.541.466.928	1.518.176.948
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	656.565.641.390	225.988.523.360
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	19.253.470.120	-
1. Nhà đầu tư trong nước	19.253.470.120	-
Tiền gửi của tổ chức phát hành	77.504.292	77.504.292
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	77.504.292	77.504.292
	1.486.042.954.183	719.318.035.298

33. Phải trả nhà đầu tư

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	810.146.338.381	493.252.007.646
1.1. Nhà đầu tư trong nước	808.604.871.453	491.733.830.698
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.541.466.928	1.518.176.948
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	675.819.111.510	225.988.523.360
2.1. Nhà đầu tư trong nước	675.819.111.510	225.988.523.360
	1.485.965.449.891	719.240.531.006

34. Phải trả vay công ty chứng khoán của nhà đầu tư

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	8.947.943.180.348	4.165.828.260.531
1.1. Phải trả gốc margin	8.825.426.324.165	4.079.088.507.732
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>8.825.426.324.165</i>	<i>4.079.088.507.732</i>
1.2. Phải trả lãi margin	122.516.856.183	86.739.752.799
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>122.516.856.183</i>	<i>86.739.752.799</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	272.297.161.292	107.827.148.641
2.1. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	272.297.161.292	107.827.148.641
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>272.297.161.292</i>	<i>107.827.148.641</i>
	9.220.240.341.640	4.273.655.409.172

35. Thu nhập

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
			Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
			VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	6.724.247.165.690	6.150.893.054.579	858.516.616.923	285.162.505.812	611.468.009.613	100.772.555.945
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	445.272.490.000	579.978.114.737	1.010.562.576	135.716.187.313	31.296.000.000	12.210.400.000
Trái phiếu niêm yết	31.943.396.749.193	31.905.134.827.610	56.665.852.362	18.403.930.779	84.982.237.786	17.900.930.939
Trái phiếu chưa niêm yết	24.601.734.663.660	24.606.968.119.251	66.427.779.216	71.661.234.807	154.379.850	-
Công cụ thị trường tiền tệ	54.998.155.337.412	54.941.337.387.502	59.939.371.428	3.121.421.518	14.338.907.834	852.740.000
Tài sản tài chính khác	494.778.400.000	488.000.000.000	6.778.400.000	-	-	-
	119.207.584.805.955	118.672.311.503.679	1.049.338.582.505	514.065.280.229	742.239.535.083	131.736.626.884

b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2025		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2025		Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán	
			Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	10.384.586.251.397	11.291.555.024.833	1.710.574.046.215	(803.605.272.779)	580.465.723.278	(380.834.633.806)	1.130.108.322.937	422.770.638.973
Cổ phiếu niêm yết	3.176.653.113.013	4.750.439.216.700	1.667.932.751.493	(94.146.647.806)	536.468.649.501	(190.124.917.343)	1.131.464.101.992	(95.978.269.537)
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	312.074.466.319	265.418.995.300	13.641.987.385	(60.297.458.404)	21.191.040.605	(91.414.721.544)	(7.549.053.220)	(31.117.263.140)
Cổ phiếu hủy niêm yết	4.115.838.498	2.600.000.000	-	(1.515.838.498)	-	(1.509.683.115)	-	6.155.383
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.134.903.738.638	594.127.557.664	-	(540.776.180.974)	-	(61.237.266.291)	-	479.538.914.683
Danh mục chứng khoán ủy thác đầu tư	39.773.000.000	38.125.500.000	-	(1.647.500.000)	-	-	-	1.647.500.000
Chứng chỉ quỹ	40.000.000.000	42.692.379.269	3.185.405.676	(493.026.407)	-	(17.280.667)	3.185.405.676	475.745.740
Trái phiếu niêm yết	1.866.066.167.029	1.787.151.448.000	25.813.901.661	(104.728.620.690)	22.806.033.172	(36.530.764.846)	3.007.868.489	68.197.855.844
Trái phiếu chưa niêm yết	3.152.287.061.550	3.152.287.061.550	-	-	-	-	-	-
Công cụ thị trường tiền tệ	658.712.866.350	658.712.866.350	-	-	-	-	-	-
Loại AFS	723.238.748.169	1.536.298.333.350	988.467.985.181	(175.408.400.000)	274.005.513.331	(136.608.320.000)	714.462.471.850	38.800.080.000
Cổ phiếu niêm yết	723.238.748.169	1.536.298.333.350	988.467.985.181	(175.408.400.000)	274.005.513.331	(136.608.320.000)	714.462.471.850	38.800.080.000
	11.107.824.999.566	12.827.853.358.183	2.699.042.031.396	(979.013.672.779)	854.471.236.609	(517.442.953.806)	1.844.570.794.787	461.570.718.973

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	231.120.642.688	226.413.601.292
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	455.479.452	12.693.150.684
Từ các khoản cho vay	778.571.092.749	497.714.568.536
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	29.739.567.000	26.792.403.000
	1.039.886.781.889	763.613.723.512

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	8.307.270.425	2.537.985.552
Trong đó:		
- Doanh thu từ dịch vụ đại lý đầu giá	38.125.000	20.115.614
- Doanh thu khác	8.269.145.425	2.517.869.938
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	8.307.270.425	2.537.985.552

36. Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	71.291.449.039	52.443.201.050
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	13.921.040.114	13.154.340.853
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	57.370.408.925	39.288.860.197
	71.291.449.039	52.443.201.050

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.104.002.378	3.600.855.932
	5.104.002.378	3.600.855.932

38. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	280.317.407.994	63.188.301.632
Chi phí tài chính khác	1.583.293.152	-
	281.900.701.146	63.188.301.632

39. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	101.749.294.461	78.343.101.099
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.939.007.558	2.531.156.373
Chi phí vật tư văn phòng	559.562.808	486.109.158
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.228.149.341	817.570.319
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	2.933.787.839	4.836.516.309
Chi phí thuế, phí và lệ phí	179.297.630	88.973.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.836.751.736	12.834.101.699
Chi phí khác	33.990.936.677	29.189.516.106
	163.416.788.050	129.127.044.887

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

40.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.649.368.012.380	1.239.290.751.955
Các khoản điều chỉnh tăng	4.601.077.756	480.377
- Chi phí không hợp lệ	4.601.077.756	480.377
Các khoản điều chỉnh giảm	(654.945.732.900)	(208.681.206.398)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(123.016.448.936)	(120.922.217.895)
- Chênh lệch về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(531.929.283.964)	(87.758.988.503)
Thu nhập chịu thuế TNDN	999.023.357.236	1.030.610.025.934
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	199.804.671.447	206.122.005.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	-	2.520.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	199.804.671.447	206.124.525.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	88.738.718.624	22.832.616.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(169.848.109.078)	(140.218.422.948)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	118.695.280.993	88.738.718.624

40.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	90.718.382.337	73.166.584.636
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	106.385.856.792	17.551.797.701
	197.104.239.129	90.718.382.337

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	106.385.856.792	17.551.797.701
	106.385.856.792	17.551.797.701

42. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.343.177.484.141	1.015.614.429.067
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.343.177.484.141	1.015.614.429.067
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	895.616.066	894.462.220
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.500	1.135

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

43. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11.291.555.024.833	-	-	11.291.555.024.833
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.536.298.333.350	-	-	1.536.298.333.350
	12.827.853.358.183	-	-	12.827.853.358.183
Tại ngày 01/01/2025				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	8.144.359.839.930	-	-	8.144.359.839.930
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	612.635.941.500	-	-	612.635.941.500
	8.756.995.781.430	-	-	8.756.995.781.430

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	887.614.356.666	-	-	887.614.356.666
Các khoản cho vay	8.941.711.050.791	-	-	8.941.711.050.791
Các khoản phải thu	236.031.735.673	-	-	236.031.735.673
	10.065.357.143.130	-	-	10.065.357.143.130
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	680.759.314.148	-	-	680.759.314.148
Các khoản cho vay	4.089.029.752.997	-	-	4.089.029.752.997
Các khoản phải thu	365.107.460.333	-	-	365.107.460.333
	5.134.896.527.478	-	-	5.134.896.527.478

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	9.350.000.000.000	-	-	9.350.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	480.446.409.312	-	-	480.446.409.312
Chi phí phải trả	81.535.524.472	-	-	81.535.524.472
	9.911.981.933.784	-	-	9.911.981.933.784
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	2.141.000.000.000	-	-	2.141.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	306.453.149.086	-	-	306.453.149.086
Chi phí phải trả	32.755.011.157	-	-	32.755.011.157
	2.480.208.160.243	-	-	2.480.208.160.243

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

44. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 13/02/2026, Ủy ban Chứng khoán nhà nước ban hành Quyết định số 139/QĐ-XPHC về việc Xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội. Nội dung của quyết định xử phạt đã được Công ty công bố thông tin đầy đủ.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

45. Báo cáo bộ phận

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	2.645.363.084	376.681.237.481	2.440.307.115.130	848.901.548.345	3.668.535.264.040
Chi phí hoạt động	5.524.515.544	332.796.790.391	1.148.001.985.848	92.648.935.287	1.578.972.227.070
Doanh thu không phân bổ					5.104.002.378
Chi phí không phân bổ					445.317.489.196
Kết quả hoạt động	(2.879.152.460)	43.884.447.090	1.292.305.129.282	756.252.613.058	1.649.349.550.152
Chi phí mua tài sản cố định					17.353.697.682
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	30.000.000.000	12.827.853.358.183	9.279.528.804.056	22.137.382.162.239
Tài sản không phân bổ					894.504.019.542
Tổng tài sản	-	30.000.000.000	12.827.853.358.183	9.279.528.804.056	23.031.886.181.781
Nợ phải trả không phân bổ					10.429.629.443.405
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	10.429.629.443.405

Theo khu vực địa lý

	Hội sở	Chi nhánh Đà Nẵng	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	3.411.862.957.583	72.252.086.187	184.420.220.270	3.668.535.264.040
Tài sản bộ phận	21.154.703.056.836	543.726.656.649	1.333.456.468.296	23.031.886.181.781
Nợ phải trả bộ phận	10.409.528.474.385	5.375.987.193	14.724.981.827	10.429.629.443.405

46. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch và số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Ông Đỗ Quang Vinh - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và là con trai ông Đỗ Quang Hiến Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic	Ông Nguyễn Chí Thành là Tổng Giám đốc và thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đồng thời là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM	Ông Đỗ Quang Vinh - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Ông Vũ Đức Tiến là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (miễn nhiệm ngày 10/04/2025), đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Vinh Quang	Ông Đỗ Quang Vinh - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội là anh trai ruột ông Đỗ Vinh Quang
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 10/04/2025) Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/03/2024)
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT Thành viên Ủy ban kiểm toán (bổ nhiệm ngày 06/06/2024)
Ông Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 10/04/2025)
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT Chủ tịch Ủy ban kiểm toán (bổ nhiệm ngày 06/06/2024)
Ông Nguyễn Chí Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 25/03/2024) Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 10/04/2025)
Ông Đào Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 10/04/2025)
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/12/2024)
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2024)
Bà Phạm Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng
Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát (bãi nhiệm 15/05/2024)
Bà Lương Thị Lựu	Thành viên Ban Kiểm soát (bãi nhiệm 15/05/2024)
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên Ban Kiểm soát (bãi nhiệm 15/05/2024)

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giao dịch bán trái phiếu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.976.411.496.234	-
Giao dịch bán chứng chỉ tiền gửi ("CCTG")		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	4.288.190.471.742	-
Giao dịch mua chứng chỉ tiền gửi từ chính tổ chức phát hành		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	17.000.000.000.000	11.900.000.000.000
Giao dịch mua CCTG của tổ chức phát hành khác từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	832.986.894.000	-
Giao dịch mua trái phiếu từ chính tổ chức phát hành		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.178.249.000.000	-
Giao dịch mua trái phiếu của tổ chức phát hành khác từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	602.436.000.000	3.186.277.948.195
Giao dịch gửi tiền có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	100.000.000.000	-
Tất toán hợp đồng tiền gửi		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	100.373.698.630	-
Nhận tiền vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.323.000.000.000	1.218.958.550.000
Trả nợ vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.844.597.780.713	818.958.550.000
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.469.808.218	1.406.993.186
Lãi trái phiếu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	23.718.841.022	39.699.957.329
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	540.000.000	8.522.727.272
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	841.292.900	272.412.500
Doanh thu tư vấn tài chính		
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn - Hà Nội	-	275.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	17.754.545.453	8.788.181.818
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM	935.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	73.040.000	-
Doanh thu môi giới		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	10.966.555.775	8.546.122.708
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	29.739.567.000	26.792.403.000

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Ủy thác đầu tư		
Công Ty Cổ Phần Quản lý Quỹ BVIM	40.000.000.000	-
Phí quản lý danh mục ủy thác đầu tư		
Công Ty Cổ Phần Quản lý Quỹ BVIM	45.369.863	-
Phí giao dịch và phí quản lý hồ sơ		
Công Ty Cổ Phần Quản lý Quỹ BVIM	76.360.972	-
Lãi tiền gửi		
Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ BVIM	8.025.432	-
Thuê văn phòng		
Ông Đỗ Vinh Quang	24.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	245.153.398	114.626.688
Nhận góp vốn từ cổ phiếu ESOP		
Ông Đỗ Quang Vinh	2.000.000.000	-
Ông Lê Đăng Khoa	950.000.000	-
Bà Nguyễn Diệu Trinh	800.000.000	-
Ông Nguyễn Chí Thành	6.247.200.000	-
Ông Đào Ngọc Dũng	200.000.000	-
Bà Phạm Thị Thanh Hào	514.800.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	567.780.120.977	479.673.224.490
Đầu tư cổ phiếu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	275.238.748.169	275.238.748.169
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	2.170.000.000	2.170.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội phát hành		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	262.377.852.844	913.632.764.846
Vay vốn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	900.000.000.000	400.000.000.000
Phải thu của khách hàng		
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	38.000.000	38.000.000
Giá trị danh mục ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ BVIM	39.773.000.000	-
Số dư tiền trên tài khoản ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ BVIM	243.294.597	-

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Ông Đỗ Quang Vinh	4.777.777.774	3.667.777.774
Ông Nguyễn Chí Thành	12.387.009.847	8.757.334.360
Ông Vũ Đức Tiến	129.040.404	865.277.779
Ông Lưu Danh Đức	-	570.959.597
Ông Lê Đăng Khoa	836.111.113	886.666.667
Bà Nguyễn Diệu Trinh	2.269.444.451	1.624.444.448
Ông Đào Ngọc Dũng	573.619.362	-
Ông Trần Sỹ Tiến	-	3.368.399.860
Bà Trần Thị Thu Thanh	-	611.791.830
Bà Phạm Thị Thanh Hào	2.739.465.486	2.171.277.385
Bà Phạm Thị Bích Hồng	-	418.397.906
Bà Lương Thị Lựu	-	150.000.001
Ông Vũ Đức Trung	-	150.000.001

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

47. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thị Kim Anh
Người lập



Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Bùi Thị Hồng Hạnh
Giám đốc Khối tài chính



Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 (đã được kiểm toán)



Nội dung

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 01 năm 2026 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 20 tháng 01 năm 2026.

Trụ sở của Công ty tại: Số 43 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch	
Ông	Lê Đăng Khoa	Thành viên	
Bà	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên	
Ông	Nguyễn Chí Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2025
Ông	Đào Ngọc Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2025
Ông	Vũ Đức Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/04/2025
Ông	Lưu Danh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Duy Linh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/01/2026
Ông	Nguyễn Chí Thành	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14/01/2026

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà	Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	
Ông	Lê Đăng Khoa	Thành viên Ủy ban kiểm toán	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này là Ông Nguyễn Duy Linh – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng hệ thống thông tin và hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng và duy trì để đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính được phản ánh trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào theo những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026



Số: 200326.006/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 20 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 17, đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 - "Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính được lập theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt" và các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính.

Chính sách kế toán

Chúng tôi lưu ý người đọc rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã lập một bộ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội vào ngày 20 tháng 03 năm 2026.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Pha...ef

Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2023-002-1

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4422-2024-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính và được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 của Bộ Tài chính.

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Bà Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Vân
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Bà Bùi Thị Hồng Hạnh
Giám đốc Khối tài chính



Ông Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Vốn chủ sở hữu	(1)	(2)	(3)
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	8.994.622.200.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	392.362.368.289		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	754.381.924.130		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã thực hiện	1.497.064.889.439		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	564.358.855.825		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	1.763.449.219.124
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			13.966.239.456.807
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thể chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		30.221.849.314	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		564.358.855.825	
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		21.666.295.889	
	- Tạm ứng còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		141.780.294	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		13.482.177.513	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			-
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		419.500	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			-
7	Tài sản ngắn hạn khác		4.219.052.223	

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng			634.090.430.558
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư dài hạn khác		-	
II	Tài sản cố định	35.226.669.920		
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.479.616.000		
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	7.759.117.060		
2	Chi phí trả trước dài hạn	19.692.847.958		
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000		
5	Tài sản dài hạn khác	10.000.000.000		
VI	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng			99.158.250.938
D	Các khoản ký quỹ, đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của công ty chứng khoán và tổ chức, cá nhân khác (chi tiết từng đối tượng)		-	
	- Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn của công ty chứng khoán tại Ngân hàng TMCP Nam Á	122.951.671.233		
	- Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn của công ty chứng khoán tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		-	
	- Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn của công ty chứng khoán tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		-	
1D	Tổng			122.951.671.233
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				13.110.039.104.078

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) x (4)	(6) = (5) x (2)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ					
1	Tiền mặt (VND) và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	0%	887.614.356.666			-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	-			-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	658.712.866.350			-
II	Trái phiếu chính phủ					
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-			-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương.	3%	809.530.200.000			24.285.906.000
III	Trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết của tổ chức tín dụng					
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0%	-			-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%				
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5%				
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%				
	Mã trái phiếu/ Tổ chức phát hành	Tổ chức xếp hạng tín nhiệm	Thời điểm công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm	Mức độ xếp hạng tín nhiệm		
	HDB124006	Công ty cổ phần FiiRatings	29/09/2025	A	15%	254.560.800.000
	HDB124023				15%	118.885.800.000
	HDB12511				15%	501.717.465.753
	HDB12516				15%	500.108.219.178
	HDB125012				15%	317.877.000.000
	VIB12410	Công ty cổ phần FiiRatings	12/04/2025	A	15%	52.287.061.550
	SHB125010	Fitch Ratings, Inc.	22/04/2025	BB-	20%	252.646.195.000
	BID12436	Moody's Investor Service (MIS)	19/03/2025	Ba2	15%	254.988.219.178
	BID12509	Moody's Investor Service (MIS)	19/03/2025	Ba2	15%	517.117.808.219
	NAB12504	Moody's Investor Service (MIS)	20/02/2025	B2	20%	153.689.589.041
	VBB12501	Fitch Ratings, Inc.	15/10/2025	B+	20%	400.162.191.781

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) x (4)	(6)
IV Trái phiếu doanh nghiệp						204.431.041.127
7 Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết						
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			0%	-		-
Mã trái phiếu/ Tổ chức phát hành	Tổ chức xếp hạng tín nhiệm	Thời điểm công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm	Mức độ xếp hạng tín nhiệm			
VIC123029	Công ty cổ phần FiiRatings	25/09/2025	A-	5%	8.192.000.000	409.600.000
BAF123020	Không có	Không có	Không có	10%	8.113.920.000	811.392.000
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			5%	-		-
Mã trái phiếu/ Tổ chức phát hành	Tổ chức xếp hạng tín nhiệm	Thời điểm công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm	Mức độ xếp hạng tín nhiệm			
BCG122006	Không có	Không có	Không có	15%	17.345.533.000	2.601.829.950
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			10%	-		-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi			15%	-		-
8 Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết						
Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			5%	-		-
Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			10%	-		-
Mã trái phiếu/ Tổ chức phát hành	Tổ chức xếp hạng tín nhiệm	Thời điểm công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm	Mức độ xếp hạng tín nhiệm			
VIC12511	Công ty cổ phần FiiRatings	25/09/2025	A-	15%	202.301.369.863	30.345.205.479
Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			20%	-		-
Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi			25%	-		-
Mã trái phiếu/ Tổ chức phát hành	Tổ chức xếp hạng tín nhiệm	Thời điểm công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm	Mức độ xếp hạng tín nhiệm			
VJC12509	Công ty cổ phần Sài Gòn Phát Thịnh Ratings	10/09/2025	vnBBB	30%	500.136.986.301	150.041.095.890
Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			15%	-		-
Mã trái phiếu/ Tổ chức phát hành	Tổ chức xếp hạng tín nhiệm	Thời điểm công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm	Mức độ xếp hạng tín nhiệm			
F8812508	Công ty cổ phần FiiRatings	10/10/2025	BBB	20%	101.109.589.041	20.221.917.808
Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			20%	-		-
Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi			30%	-		-

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) x (4)	(6)
Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi			35%	-		-
Liệt kê kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu/tổ chức phát hành (chi tiết từng trái phiếu/tổ chức phát hành): - Nêu rõ tổ chức xếp hạng tín nhiệm, thời điểm công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và mức xếp hạng đối với trái phiếu/tổ chức phát hành.						
V Cổ phiếu						682.393.031.365
9 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán			10%	6.300.271.450.050		630.027.145.005
10 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom			20%	261.829.431.800		52.365.886.360
11 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)			30%	-		-
VI Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán						4.269.237.927
12 Quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng			10%	42.692.379.269		4.269.237.927
13 Quỹ thành viên			50%	-		-
14 Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ			30%	-		-
VII Chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng, đình chỉ, hủy niêm yết, hủy giao dịch						176.050.125.422
15 Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo			35%	-		-
16 Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát			40%	-		-
17 Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch			60%	51.700.000.000		31.020.000.000
18 Chứng khoán bị đình chỉ giao dịch			70%	202.478.000.000		141.734.600.000
19 Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch			80%	4.119.406.777		3.295.525.422
VIII Chứng khoán phái sinh						-
20 Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu			8%	-		-
Cách tính: Giá trị rủi ro = Max {((Giá trị thanh toán cuối ngày - giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán)), 0}. Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.						
21 Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ			3%	-		-
Cách tính: Giá trị rủi ro = Max{((Giá trị thanh toán cuối ngày - giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán)), 0}. Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.						
IX Chứng khoán khác						907.922.990.910
22 Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn/các chỉ số được liệt kê tại Phụ lục VIII			25%	-		-
23 Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn/các chỉ số được liệt kê tại Phụ lục VIII			100%	-		-
24 Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh			8%	-		-
25 Giao dịch chênh lệch giá			2%	-		-
26 Cổ phần, phần vốn góp, các loại chứng khoán khác và các tài sản đầu tư khác			80%	1.134.903.738.638		907.922.990.910
27 Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành						
Cách tính: Giá trị rủi ro thị trường = Max {((P0 X Q0 /k- P1 X Q1) x r -MD), 0}						

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro	
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)	
28 Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)				
29 Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm				
X Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			56.671.359.311	
Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1 HDB124006	10%	15%	254.560.800.000	3.818.412.000
2 HDB124023	10%	15%	118.885.800.000	1.783.287.000
3 HDB12511	10%	15%	501.717.465.753	7.525.761.986
4 HDB12516	10%	15%	500.108.219.178	7.501.623.288
5 HDB125012	10%	15%	317.877.000.000	4.768.155.000
6 SHB125010	10%	20%	252.646.195.000	5.052.923.900
7 GEE	10%	10%	1.422.918.000.000	14.229.180.000
8 HDB	10%	10%	100.294.880.400	1.002.948.804
9 SHB	10%	10%	1.098.906.733.350	10.989.067.334
A TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX+X)				2.594.954.643.309

B. RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro
	VND
Rủi ro trước thời hạn thanh toán	42.958.872.316
Rủi ro quá thời hạn thanh toán	12.480.000
Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác	-
Rủi ro tăng thêm	-
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	42.971.352.316

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1 Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	7.284.428	-	-	41.268.003.300	1.683.584.588	42.958.872.316
2 Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3 Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4 Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5 Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							42.958.872.316

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính Phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6,0%
6	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8,0%

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

TT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	78.000.000	12.480.000
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	-	-
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				12.480.000

3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác

TT	Chi tiết tới từng đối tượng	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10; các hợp đồng cam kết mua lại, bán lại chứng khoán hoặc các hợp đồng có tính chất tương tự trừ các hợp đồng quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 10; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC): Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng).			
	- Hợp đồng, thỏa thuận đặt cọc mua bất động sản, các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất (chi tiết từng đối tượng)	150%	-	-
	- Các khoản cho vay, phải thu khách hàng khác không thuộc điểm đ, g khoản 1 Điều 10 (chi tiết từng đối tượng)	150%	-	-
	- Các hợp đồng, giao dịch khác (chi tiết từng đối tượng)	100%	-	-
	- Khoản tạm ứng (chi tiết từng đối tượng):			
	+ Chiếm từ 0% đến 2% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8%	-	-
	+ Chiếm trên 2% đến dưới 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	50%	-	-
	+ Chiếm từ 5% trở lên vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán.	100%	-	-
TỔNG RỦI RO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH KHÁC				-

4. Rủi ro tăng thêm (nếu có)

TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				-
------------------------------	--	--	--	----------

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	Giá trị rủi ro	
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới 31/12/2025	2.024.289.716.266
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	949.449.105.717
	1. Chi phí khấu hao	11.998.956.673
	2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	-
	3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
	4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	57.370.408.925
	5. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác	175.408.400.000
	6. Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	422.770.638.973
	7. Chi phí lãi vay	280.317.407.994
	8. Chi phí chênh lệch do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	-
	9. Chi phí hoặc thu nhập khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-
	10. Chi phí tài chính và các chi phí không bằng tiền khác trong hoạt động kinh doanh của công ty	1.583.293.152
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	1.074.840.610.549
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	268.710.152.637
V	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán	180.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	268.710.152.637

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	2.594.954.643.309	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	42.971.352.316	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	268.710.152.637	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	2.906.636.148.262	
5	Vốn khả dụng	13.110.039.104.078	
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	451,04%	






Bà Phạm Thị Thanh Hào
 Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Vân
 Trưởng bộ phận
 Kiểm soát nội bộ

Bà Bùi Thị Hồng Hạnh
 Giám đốc Khối tài chính


Ông Nguyễn Duy Linh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026



NGUYỄN DUY LINH
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Địa chỉ:
Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam
Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 84-24-38 181 888
Fax: 84-24-38 181 688
Website: www.shs.com.vn